

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ HUYỀN TRANG

**CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG
CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC



HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ HUYỀN TRANG

**CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG
CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

Mã số: 9310201

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS, TS. LẠI QUỐC KHÁNH



2. TS. LÊ QUANG HÒA



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Ngô Thị Huyền Trang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	7
1.1. Các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc	7
1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh	16
1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh	28
1.4. Đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án	35
CHƯƠNG 2 MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VÀ CƠ SỞ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH	38
2.1. Một số khái niệm cơ bản	38
2.2. Cơ sở hình thành chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh	62
CHƯƠNG 3 NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH	92
3.1. Nội dung của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	92
3.2. Nội dung của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	108
3.3. Nội dung của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về nhà nước	117
3.4. Nội dung của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc	131
3.5. Nội dung của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế	140
CHƯƠNG 4 GIÁ TRỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	152
4.1. Giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh	152
4.2. Định hướng vận dụng chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay	168
KẾT LUẬN	192
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	194
CHÚ THÍCH	195
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	198

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, nhà chính trị lỗi lạc của Đảng và dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Người có vai trò và đóng góp lớn lao đối với sự phát triển của lịch sử Việt Nam và thế giới. Lòng yêu nước, thương dân, tinh thần dân tộc, ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc và đồng bào mình, dựa trên nền tảng của sự tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh hoa văn hóa nhân loại, cùng với quá trình hoạt động thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã hình thành nên hệ thống tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh vô cùng phong phú và đa dạng. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh bao trùm nhiều nội dung, điểm đặc biệt là ở mỗi một nội dung đều chứa đựng những tính chất, phương diện vì dân, vì nước, vì quốc gia - dân tộc, những tính chất, phương diện dân tộc, biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc chân chính, cách mạng.

Hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế và trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đề cao chủ nghĩa dân tộc chân chính, coi đó là “động lực lớn”, “động lực vĩ đại”, “động lực duy nhất” [164, tr.511] cần nuôi dưỡng, khơi dậy, phát huy. Tuy nhiên, quan điểm đó của Người không phải thời nào cũng được hiểu đúng. Trái lại, có lúc Người từng bị hiểu nhầm đã rơi vào chủ nghĩa quốc gia - dân tộc hẹp hòi, chỉ quan tâm đến lợi ích của dân tộc mình mà quên mất lợi ích của giai cấp, của nhân loại. Hoặc có lúc lại bị quy chụp là nhà chính trị cộng sản chỉ biết quyền lợi giai cấp mà coi nhẹ Tổ quốc, dân tộc. Thậm chí, đã từng có những người đồng chí của Hồ Chí Minh cũng chưa hiểu đúng, phê bình Người: “Công lao mà ông đã đóng góp cho Đảng chúng ta thật là lớn. Song các đồng chí chúng ta trong lúc này không được quên những tàn dư dân tộc chủ nghĩa của Nguyễn Ái Quốc, các chỉ thị sai lầm của ông về những vấn đề cơ bản của phong trào cách mạng” [31, tr.73]⁽¹⁾. Ngay cả lãnh tụ của Quốc tế Cộng sản - Stalin cũng không mấy thiện cảm với Nguyễn Ái Quốc, coi Người “không phải một người cộng sản chân chính mà là một người mang nặng tinh thần dân tộc chủ nghĩa ít có” [225, tr.346]⁽²⁾. Thực tế cho thấy, chủ nghĩa dân tộc là một vấn đề có tính hai mặt. Lịch sử nhân loại đã chứng kiến chủ nghĩa dân tộc trở thành một trong những nguyên nhân dẫn đến những cuộc chiến tranh đẫm máu và những xung đột ở nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới, vì

vậy, trong quan niệm của một số nhà nghiên cứu, chủ nghĩa dân tộc là một “hệ tư tưởng nguy hiểm” [108]. Tuy nhiên, không thể phủ nhận, chủ nghĩa dân tộc đóng vai trò to lớn trong quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia - dân tộc và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX. Và chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc chân chính, trái ngược hoàn toàn với chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, hẹp hòi, cực đoan. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ tồn tại ở tình cảm và lý trí mà còn biểu hiện bằng hành động, bằng cuộc đời hoạt động không biết mệt mỏi phấn đấu cho vận mệnh, tiền đồ của dân tộc Việt Nam và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được thể hiện trong hệ thống tư tưởng chính trị của Người từ mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đến vai trò, tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và cả trong quan hệ quốc tế. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã đạt tới tầm thống nhất biện chứng giữa dân tộc, giai cấp và nhân loại trên nền tảng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, được thể hiện trong hệ thống tư tưởng chính trị của Người, chẳng những là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc ta, mà còn có những đóng góp quý báu vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới.

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã soi đường cho những thành tựu lớn lao của dân tộc Việt Nam: dân tộc được giải phóng, đất nước được thống nhất, chủ quyền lãnh thổ được giữ vững, chính quyền mới, xã hội mới được xây dựng ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn. Quyền và lợi ích dân tộc ngày càng được đảm bảo, vị thế và uy tín của quốc gia - dân tộc trên trường quốc tế ngày càng cao, cơ đồ, tiềm lực của đất nước ngày càng lớn mạnh.

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc vẫn được xem là một trong những mục tiêu, nguyên tắc hàng đầu trong việc hoạch định đường lối đối ngoại của Đảng. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định quan điểm: “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [44, tr.13]. Lợi ích quốc gia - dân tộc hiện nay chính là hướng tới phát triển toàn diện và bền vững; bảo đảm giữ vững độc lập dân tộc, chủ

quyền và an ninh quốc gia gắn với xây dựng chủ nghĩa xã hội; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Thực tiễn Việt Nam hiện nay chịu tác động mạnh mẽ của tình hình thế giới và khu vực, khi nước ta đang tham gia vào quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Quá trình đó đưa đến cho chúng ta những cơ hội mới để thúc đẩy sự phát triển đi lên của đất nước, để có thể “sánh vai với các cường quốc năm châu”, xây dựng thương hiệu quốc gia mạnh, nhưng cũng phải đối mặt với rất nhiều thách thức về việc vừa phải hòa nhập vào dòng chảy phát triển chung của thế giới, đồng thời phải bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia và vấn đề giữ gìn bản sắc dân tộc trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa. Trong khi đó, quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam luôn có các thế lực thù địch chống phá bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, trong đó có việc kích động chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xuyên tạc các chính sách dân tộc, phủ nhận giá trị của độc lập dân tộc, của chủ nghĩa dân tộc chân chính. Các thế lực thù địch không ngừng công kích vào nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là vào các giá trị tư tưởng của Người về chủ nghĩa yêu nước; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; về xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh; về đại đoàn kết dân tộc;... thậm chí các thế lực này còn cố tình xuyên tạc, bóp méo để quy chủ nghĩa dân tộc chân chính, chủ nghĩa dân tộc vô sản của Hồ Chí Minh thành chủ nghĩa dân tộc sô vanh, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, mang bản chất của giai cấp tư sản.

Trước tình hình đó, việc nghiên cứu, làm rõ lý luận về chủ nghĩa dân tộc đáp ứng yêu cầu bảo vệ, phát triển dân tộc và phù hợp với bối cảnh, tình hình mới, đặc biệt là vấn đề khai thác, vận dụng và phát triển sáng tạo nội dung của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là thực sự có ý nghĩa và mang tính cấp bách đối với việc phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính trong giai đoạn hiện nay cũng như góp phần đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch. Trong khi đó, cho đến nay, việc nghiên cứu chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh vẫn còn nhiều khoảng trống cần phải tiếp tục đi sâu khảo cứu. Với sự cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu như vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn chủ đề: ***Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*** làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu

Làm rõ khái niệm, cơ sở hình thành, nội dung cơ bản và giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

2.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện được mục tiêu trên, luận án sẽ giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; chỉ rõ những kết quả chính đã được thực hiện, xác định những nội dung luận án tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, làm rõ các khái niệm liên quan và cơ sở hình thành chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Ba là, hệ thống hóa và phân tích những nội dung cơ bản của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Bốn là, phân tích làm sáng tỏ các giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Trong giới hạn của luận án này, tác giả tập trung nghiên cứu làm rõ chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh từ góc độ tiếp cận chính trị học, dựa trên cấu trúc cơ bản của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, cụ thể là tiếp cận nội dung của chủ nghĩa dân tộc thể hiện trong: (1) tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, (2) tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, (3) tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về Nhà nước, (4) tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, (5) tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế.

- *Về thời gian*: Toàn bộ quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh gắn với cuộc đời hoạt động chính trị của Người.

- *Về không gian:* gắn với đời sống chính trị Việt Nam, thực tiễn chính trị thế giới thời đại Hồ Chí Minh sống, hoạt động; giá trị lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu trong bối cảnh hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa dân tộc. Bên cạnh đó, Luận án có tiếp thu chọn lọc và vận dụng các thành tựu nghiên cứu chính trị học trong và ngoài nước về chủ nghĩa dân tộc.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận án sử dụng các phương pháp chuyên ngành và liên ngành để thực hiện đề tài, cụ thể như sau:

Chương 1, các phương pháp thu thập, tổng hợp, xử lý dữ liệu và phân tích các tài liệu, công trình được công bố của các học giả trong và ngoài nước; phương pháp lịch sử - logic được sử dụng để đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Chương 2, luận án sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh để làm rõ một số khái niệm liên quan đến đề tài; đồng thời sử dụng phương pháp lịch sử, logic, phân tích tài liệu để làm rõ cơ sở hình thành chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Chương 3, luận án coi trọng sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, lịch sử, logic, hệ thống hóa, khái quát hóa để làm rõ nội dung cơ bản của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Chương 4, luận án dùng các phương pháp phân tích, tổng hợp, lịch sử, so sánh, khái quát hóa để luận giải, phân tích giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

- Nguồn tài liệu phục vụ nghiên cứu

Nguồn tài liệu sơ cấp là bộ sách Hồ Chí Minh Toàn tập, đây là bộ sách gồm 15 tập (do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2011), tập hợp các bài nói, bài viết trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh; bộ sách Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử gồm 15 tập (xuất bản năm 2016) và một số văn kiện của Đảng Cộng

sản Việt Nam được in trong bộ Văn kiện Đảng - Toàn tập được xuất bản từ năm 1998. Từ nguồn tài liệu này, nghiên cứu sinh sẽ chọn lọc những nội dung quan trọng có liên quan đến đề tài nghiên cứu để phân tích, tổng hợp, đưa ra kết luận cho luận án.

Nguồn tài liệu thứ cấp được sử dụng, tổng hợp, phân tích trong luận án chủ yếu là các tài liệu đã được công bố trên sách, báo, tạp chí, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Luận án làm rõ hơn những vấn đề lý luận về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, cũng như có sự phân tích, đánh giá sâu về giá trị lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần gia tăng nhận thức khoa học về nội dung và giá trị chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, từ đó góp phần khẳng định vai trò nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh nói riêng đối với cách mạng Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Với những kết quả đạt được, luận án góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc nhận diện và phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính của Việt Nam phù hợp với bối cảnh, tình hình mới hiện nay. Ngoài ra, luận án cũng có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập liên quan đến chủ đề về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CHỦ NGHĨA DÂN TỘC

Chủ nghĩa dân tộc là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm với những góc nhìn, những chiều cạnh khác nhau về nguồn gốc, nội dung, vai trò, tác động của nó đối với sự phát triển của mỗi dân tộc và nhân loại nói chung. Thập niên 80 của thế kỷ XX, có thể được coi là thập niên nở rộ của các nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc. Trong đó, ba cuốn sách cùng xuất hiện năm 1983 của Benedict Anderson, Ernest Gellner, Eric Hobsbawm là những đầu sách có ảnh hưởng rất lớn đến các nghiên cứu về sau, nhiều nhà khoa học Việt Nam cũng thường xuyên trích dẫn những ấn phẩm này.

Benedict Anderson với cuốn sách “*Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*” (đã được dịch sang tiếng Việt và xuất bản với nhan đề *Những cộng đồng tưởng tượng: Suy nghĩ về nguồn gốc và sự lan truyền của chủ nghĩa dân tộc*) [15] mặc dù còn nhiều tranh cãi nhưng có thể được xếp vào hàng tác phẩm kinh điển trong nghiên cứu chủ nghĩa dân tộc. Tác giả cung cấp một cách nhìn độc đáo về chủ nghĩa dân tộc khi coi dân tộc là một “cộng đồng chính trị được tưởng tượng” có giới hạn và có chủ quyền, trong đó các thành viên cảm thấy tương đồng với những người khác, họ cùng nhau chia sẻ niềm tin, thái độ, nhận thức về một cộng đồng quốc gia dân tộc và quốc tịch chung, mặc dù họ có thể không biết nhau. Về nguồn gốc của chủ nghĩa dân tộc, tác giả cho rằng liên quan đến việc coi tiếng Latinh là một ngôn ngữ hành chính thay cho tiếng bản địa; sự ra đời của chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự thống nhất thị trường dân tộc. Chủ nghĩa tư bản và ngành công nghiệp in đã làm cho trí tưởng tượng của một cộng đồng về quốc gia - dân tộc trở nên hữu hình. Sức mạnh của tình cảm yêu nước và sự hy sinh to lớn của những con người để xây dựng, bảo vệ tổ quốc đã làm nên sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc.

Eric Hobsbawm và Terence Ranger (1983) với đầu sách “*The Invention of Tradition*” (Sự kiến tạo của truyền thống) [54] chỉ ra rằng các dân tộc được tạo thành từ những phức hợp nghi lễ, biểu tượng và các truyền thuyết lịch sử do con người phát minh ra. Một quốc gia không thể tuyên bố chủ quyền và bản sắc của mình mà không có quốc kỳ, quốc ca và biểu tượng.

Ernest Gellner (1983), tác giả của *Nation and Nationalism* (Dân tộc và Chủ nghĩa dân tộc) [57] gắn chủ nghĩa dân tộc với công nghiệp hóa. Lập luận trung tâm của Gellner

là “chủ nghĩa dân tộc xuất hiện bất cứ khi nào và bất cứ nơi nào tồn tại những rào cản đối với sự lan rộng của xã hội công nghiệp và sự đồng nhất hóa mà nó mang lại” [57, tr.73]. Tác phẩm còn sử dụng ba biến số để lý giải cho chủ nghĩa dân tộc: (1) sự phân bổ quyền lực chính trị trong xã hội; (2) hệ thống giáo dục công cộng; (3) tính đồng nhất về sắc tộc. Sự kết hợp giữa các biến số này xảy ra với bất kỳ xã hội cụ thể nào, sự khác nhau giữa chủ nghĩa dân tộc ở các quốc gia sẽ phụ thuộc vào biến số nào chiếm ưu thế. Đồng thời, ông cũng tập trung vào tầm quan trọng của chủ nghĩa dân tộc như là một yếu tố cơ bản nhất của tính chính danh chính trị và tính hiện đại.

Xét về vai trò và tác động của chủ nghĩa dân tộc, Anthony D. Smith (1983) với cuốn sách “*Theories of Nationalism*” (Các lý thuyết về chủ nghĩa dân tộc) [6] đã có đóng góp quan trọng khi nhận định “nhà nước - dân tộc là nền tảng gần như không thể tranh cãi của thế giới, là yếu tố chính xác định bản sắc con người” [6, tr.2]. Bên cạnh đó, cuốn sách tập trung nghiên cứu về mối quan hệ của chủ nghĩa dân tộc với sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Ông cho rằng “nhà nước khoa học” hiện đại, làm xói mòn các xã hội truyền thống, và do đó, nền tảng tôn giáo, văn hóa chính là yếu tố gắn kết và duy trì tính truyền thống.

Về chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa, Anatol Lieven trong bài viết “*The new nationalism*” (Chủ nghĩa dân tộc mới) [4] cho rằng các quốc gia mạnh nhất ở châu Á hiện nay là những nước có chủ nghĩa dân tộc mạnh, trong khi đó, ở Trung Đông có hàng loạt các quốc gia đã bị xé nát bởi chủ nghĩa bè phái, của sắc tộc, và của hệ tư tưởng tôn giáo siêu quốc gia bởi không có chủ nghĩa dân tộc quốc gia nhất thể mạnh mẽ. Tác giả cho rằng việc có một chủ nghĩa dân tộc quá yếu còn tai hại hơn việc có một chủ nghĩa dân tộc quá mạnh. Về vai trò của chủ nghĩa dân tộc, trong khi nhiều nhà tư tưởng cho rằng chủ nghĩa dân tộc là trái ngược với quá trình hiện đại hóa ngày nay thì Anatol Lieven lại cho rằng chủ nghĩa dân tộc là một đồng minh cốt yếu của cải cách hiện đại hóa. Chính chủ nghĩa dân tộc góp phần tạo nên sự đoàn kết giữa các tầng lớp, sắc tộc và tôn giáo, nhấn mạnh đến lòng trung thành với quốc gia như một nguyên tắc cơ bản để chống lại sự chia rẽ về chính trị, văn hóa, sắc tộc và tôn giáo.

Cùng quan điểm đề cao vai trò của chủ nghĩa dân tộc, nhưng dưới góc nhìn bản sắc, Francis Fukuyama xuất bản cuốn sách “*Identity: The Demand for Dignity and the Politics of Resentment*” (được xuất bản tại Việt Nam với tên gọi “*Bản sắc - Nhu cầu phẩm giá và chính trị phẫn nộ*”) [60]. Từ bản sắc của cá nhân, tác giả nêu lên vấn đề bản sắc dân tộc và coi đó là vấn đề quan trọng trong việc quyết định vận mệnh của các

quốc gia hiện đại. Ông chỉ ra những yếu tố hình thành nên bản sắc dân tộc bắt đầu từ niềm tin chung về tính chính danh của hệ thống chính trị, thể hiện trong các luật và thể chế chính thống quy định những vấn đề như hệ thống giáo dục quốc gia dạy trẻ em về lịch sử dân tộc, ngôn ngữ chính thức chung. Fukuyama chỉ ra vai trò của bản sắc dân tộc đối với sự hưng thịnh của quốc gia vì một số lý do: thứ nhất, bản sắc dân tộc tốt đảm bảo cho an toàn về vật chất; thứ hai, bản sắc dân tộc rất quan trọng đối với chất lượng của chính phủ; thứ ba, bản sắc dân tộc tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, khi mọi người tự hào về đất nước của họ, họ sẽ tập trung cao độ vào sự phát triển kinh tế của đất nước hơn là làm giàu cho bản thân; thứ tư là thúc đẩy phạm vi rộng lớn của niềm tin giữa các thành viên trong xã hội; thứ năm, tầm quan trọng của bản sắc dân tộc là nhiệm vụ duy trì hệ thống an sinh xã hội mạnh mẽ, giúp giảm thiểu bất công kinh tế, bởi mỗi thành viên trong xã hội cảm thấy mình là một thành viên của một gia đình mở rộng và dành niềm tin cao độ cho nhau, họ có xu hướng ủng hộ cao hơn cho chương trình xã hội có mục đích trợ giúp đồng bào yếu kém hơn; thứ sáu, bản sắc dân tộc là để hiện thực hóa chính nền dân chủ tự do. Bản sắc dân tộc có thể xây dựng dựa trên các giá trị tự do, dân chủ, cũng như một cộng đồng dân tộc đa dạng phát triển vì sự hưng thịnh của quốc gia. Đặc biệt, Fukuyama đưa ra một tập hợp các khuyến nghị ngắn gọn về cách vượt qua sự nguy hiểm của chính trị bản sắc là tạo ra những bản sắc rộng rãi, bao trùm để gắn kết mọi người lại với nhau chẳng hạn như bồi dưỡng lòng yêu nước.

Về phân loại chủ nghĩa dân tộc, có nhiều quan điểm về các loại chủ nghĩa dân tộc khác nhau:

Xét về mặt động cơ và ý nghĩa, trong bài viết *Types of nationalism* (Các loại chủ nghĩa dân tộc) [149], Louis Wirth đã trình bày bốn loại chủ nghĩa dân tộc, bao gồm: chủ nghĩa dân tộc bá quyền, chủ nghĩa dân tộc đặc thù, chủ nghĩa dân tộc cận biên và chủ nghĩa dân tộc thiểu số [149, tr.723-737]. Tuy nhiên, sự phân chia của tác giả này chủ yếu dựa trên thực tế châu Âu, bằng chứng là các dẫn chứng minh họa trong bài viết đều chỉ đề cập đến các dân tộc ở châu Âu, vì thế cách phân chia này thiếu tính bao quát và thiếu đi phần còn lại của thế giới.

Đứng trên góc độ địa lý và văn hóa, Hans Kohn trong *The Idea of Nationalism. A Study in Its Origins and Background* (Ý tưởng về chủ nghĩa dân tộc. Một nghiên cứu về nguồn gốc và bối cảnh) [71] chia chủ nghĩa dân tộc thành hai loại: chủ nghĩa dân tộc phương Tây và chủ nghĩa dân tộc ngoài phương Tây. Đối với Kohn, thế giới phương Tây có nghĩa là Vương quốc Anh và các nền thống trị của Anh, Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ

và Mỹ [71, tr.329], phần còn lại ngoài phương Tây là Trung và Đông Âu, Châu Á. Ông cho rằng, chủ nghĩa dân tộc phương Tây mang ý nghĩa tích cực, có tính tích hợp vì nó xuất hiện sau khi các quốc gia dân tộc xuất hiện và nhằm mục đích hợp nhất các quốc gia - dân tộc đó. Chủ nghĩa dân tộc phương Tây song hành với dân chủ, chủ nghĩa tự do và xã hội dân sự. Ở thế giới phi phương Tây, chủ nghĩa dân tộc có tính chất lật đổ và chia rẽ vì nó chống lại các thực thể chính trị hiện có nhằm mục đích vẽ lại ranh giới các quốc gia dọc theo các dòng văn hóa. Tuy nhiên, với cách phân loại này, Hans Kohn có một góc nhìn không mấy thiện chí về chủ nghĩa dân tộc ngoài phương Tây, trong khi đó, lịch sử đã cho thấy những đóng góp to lớn của chủ nghĩa dân tộc ở các nước châu Á và châu Phi đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại.

Trong khi đó, Anthony D. Smith trong cuốn *The Ethnic Origins of Nations* (Nguồn gốc tộc người của các dân tộc) [7] đã cho rằng có hai loại chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa dân tộc quốc gia và chủ nghĩa dân tộc tộc người. Trong đó, chủ nghĩa dân tộc quốc gia được tác giả phân tách thành hai diễn trình là chủ nghĩa dân tộc chống thực dân (tiền độc lập) và chủ nghĩa dân tộc hợp nhất (hậu độc lập); chủ nghĩa dân tộc tộc người cũng theo hai diễn trình là phong trào tiền độc lập với quan niệm về ý chí tộc người dẫn đến ly khai với tổ chức chính trị lớn hơn và thiết lập một dân tộc - tộc người chính trị (còn gọi là chủ nghĩa dân tộc ly khai); diễn trình thứ hai là phong trào hậu độc lập với quan niệm dân tộc dựa trên ý chí tộc người hướng đến mở rộng ra ngoài biên giới dân tộc - tộc người hiện tại.

Còn David Brown trong bài viết *Contending Nationalisms in Southeast Asia* (Nội dung của chủ nghĩa dân tộc ở Nam Á) [32] phân chia thành chủ nghĩa dân tộc văn hóa và chủ nghĩa dân tộc công dân. Hai loại chủ nghĩa dân tộc có thể tồn tại trong cùng một cộng đồng quốc gia - dân tộc, trong đó, chủ nghĩa dân tộc văn hóa hướng đến ý thức cộng đồng, chú trọng đến niềm tin về một tổ tiên chung, về nguồn gốc đất đai, di cư và lòng tự hào với các chứng tích vật chất, ngôn ngữ, tôn giáo hiện nay của tổ tiên để lại. Chủ nghĩa dân tộc công dân chú trọng vào vấn đề lãnh thổ - quê hương, cùng với nhà nước và thể chế xã hội công dân của quê hương đó; và với mọi công dân, đều thống nhất trong vận mệnh chung dù họ có nguồn gốc, tổ tiên khác nhau.

Đứng trên tiêu chí về sắc tộc, Thomas H Eriksen trong cuốn sách *Ethnicity and Nationalism: Anthropological Perspectives* (Tộc người và chủ nghĩa dân tộc - Quan điểm nhân học) [233] phân loại chủ nghĩa dân tộc thành hai loại chủ nghĩa dân tộc tộc

người và chủ nghĩa dân tộc phi tộc người thường xuất hiện ở quốc gia đa dân tộc, hay ở một xã hội đa văn hóa.

Gắn với quá trình hình thành các quốc gia - nhà nước, Michael Hechter trong cuốn *Containing Nationalism* (Kiềm chế chủ nghĩa dân tộc) [162] chia chủ nghĩa dân tộc thành 4 loại hình: Một là, chủ nghĩa dân tộc xây dựng nhà nước do nhà nước đồng hóa hoặc hội nhập sự khác biệt văn hóa của cư dân trong một lãnh thổ; hai là, chủ nghĩa dân tộc ngoại biên đòi xây dựng chính thể riêng của các cư dân có sự khác biệt về văn hóa trong lãnh thổ quốc gia; ba là, chủ nghĩa dân tộc tái chiếm lãnh thổ đòi lãnh thổ quốc gia từ phần lãnh thổ của nước láng giềng đã chiếm giữ; bốn là, chủ nghĩa dân tộc thống nhất bao gồm sự hợp nhất về chính trị và đồng nhất về lãnh thổ văn hóa của quốc gia.

Nhìn nhận chủ nghĩa dân tộc là một hệ tư tưởng có thể kết hợp với các hệ tư tưởng khác, hoặc thúc đẩy phong trào dân tộc chủ nghĩa, có tác động rất lớn đến nền chính trị của nhân loại, bài viết *Different types of Nationalism* [278] chia chủ nghĩa dân tộc thành 4 loại: Chủ nghĩa dân tộc tự do; chủ nghĩa dân tộc bành trướng; chủ nghĩa dân tộc bảo thủ; chủ nghĩa dân tộc chống thực dân.

Ở Việt Nam, chủ nghĩa dân tộc cũng là vấn đề được quan tâm trong thời gian gần đây với một số công trình tiêu biểu:

Tác giả Phạm Huy Châu trong bài viết “*Về khái niệm dân tộc và chủ nghĩa dân tộc*” [26] đã chỉ rõ sự hình thành dân tộc không chỉ bắt nguồn từ việc xuất hiện thị trường dân tộc mà còn bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân kinh tế, chính trị khác, như nhu cầu trị thủy lớn đối với các vùng trồng lúa nước, nhu cầu chống ngoại xâm và chống đồng hóa của ngoại tộc. Tác giả lấy Việt Nam là minh chứng cho sự hình thành của một dân tộc tiền tư bản, bởi dân tộc Việt Nam đã được hình thành rất sớm từ thời cổ đại, trong khi đến đầu thế kỷ XX, Việt Nam vẫn chưa phải là một nước tư bản chủ nghĩa. Bài viết đồng nhất các khái niệm: ý thức dân tộc, tinh thần dân tộc và chủ nghĩa dân tộc. Tác giả cho rằng có dân tộc trước rồi mới có ý thức dân tộc hay là chủ nghĩa dân tộc. Tác giả phân tích tính giai cấp của chủ nghĩa dân tộc trong xã hội có phân chia giai cấp, theo tác giả: “Trong cùng một dân tộc, ý thức dân tộc của mỗi giai cấp lại được chiết quang qua ý thức về lợi ích giai cấp; vì vậy, nó không thể không mang thêm những sắc thái riêng bắt nguồn từ tính giai cấp” [26, tr.51].

Trịnh Minh Thái trong bài viết “*Chủ nghĩa dân tộc và vấn đề quan hệ giữa các dân tộc trong thế giới hiện đại*” [222] nhìn nhận chủ nghĩa dân tộc với tư cách là một

hiện tượng văn hóa - xã hội, mà trong nhiều trường hợp, nó trở thành vỏ bọc đặc biệt để che đậy những lợi ích và động cơ. Tác giả thừa nhận có chủ nghĩa dân tộc tiến bộ và chủ nghĩa dân tộc lỗi thời, phản động, nhưng bài viết nghiêng về khía cạnh tiêu cực của chủ nghĩa dân tộc khi kết luận: “Chủ nghĩa dân tộc là học thuyết và thực tiễn chính trị dựa trên việc đối lập giữa các tộc người,... Chủ nghĩa dân tộc là một biến thể của thói ích kỷ nhóm, không thừa nhận quyền bình đẳng của các tộc người” [222]. Tác giả lưu ý cần phải nhận thức được những mối đe dọa từ chủ nghĩa dân tộc “đặc biệt là khi nó bị các thế lực phản động lạm dụng để chia rẽ tình đoàn kết giữa các tộc người anh em sinh sống trên mảnh đất của nhà nước Việt Nam” để đưa ra những giải pháp nhằm ngăn ngừa tác hại của chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Phạm Thu Trang với bài viết “*Chủ nghĩa dân tộc: Quan điểm và một số yếu tố tác động trong điều kiện hiện nay*” [245] đã phân tích sự đa dạng trong các quan điểm về chủ nghĩa dân tộc. Tác giả tổng kết rằng các nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc nhìn nhận theo nhiều góc độ khác nhau, theo đó, chủ nghĩa dân tộc có thể hiểu là một trào lưu tư tưởng, là nguyên tắc chính trị, hệ tư tưởng chính trị, phong trào chính trị, hoặc là một hiện tượng văn hóa - xã hội. Bên cạnh đó, tác giả cũng làm rõ sự tác động của toàn cầu hóa đến chủ nghĩa dân tộc theo ba hướng: 1) toàn cầu hóa làm xói mòn chủ nghĩa dân tộc; 2) toàn cầu hóa và chủ nghĩa dân tộc tương thích, hài hòa với nhau; 3) toàn cầu hóa khiến chủ nghĩa dân tộc trở nên mạnh mẽ hơn.

Cùng quan điểm về sự đa chiều của chủ nghĩa dân tộc, tác giả Vương Xuân Tình trong các bài viết “*Về sự trỗi dậy, tính hai mặt của chủ nghĩa dân tộc và những vấn đề đặt ra với Việt Nam*” [240] và “*Về dân tộc, ý thức dân tộc và chủ nghĩa dân tộc*” đăng trong “Kỷ yếu Hội thảo Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay” [260] đã khẳng định chủ nghĩa dân tộc ra đời từ rất sớm, cùng với sự ra đời của dân tộc; và luôn có tính hai mặt: hoặc có thể là ngọn cờ trong quá trình xây dựng quốc gia dân tộc, hoặc là công cụ để áp bức dân tộc khác, đồng thời gây nên xung đột nội bộ. Chủ nghĩa dân tộc có vai trò tích cực khi gắn với lòng yêu nước và ý thức công dân trong xây dựng và bảo vệ cộng đồng quốc gia. Ngược lại, chủ nghĩa dân tộc nếu trở nên hẹp hòi và cực đoan, chỉ quan tâm đến lợi ích quốc gia hay nhóm tộc người, nhóm tôn giáo của mình mà sẵn sàng chà đạp lên lợi ích của các quốc gia, các tộc người, các tôn giáo khác thì sẽ là chiều hướng tác động tiêu cực. Bàn về mối quan hệ giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa dân tộc thì tác giả bài viết đồng tình với

quan điểm của một số nghiên cứu quốc tế khi cho rằng chủ nghĩa yêu nước thực chất chỉ là một dạng thức của chủ nghĩa dân tộc hoặc luôn đoàn kết với chủ nghĩa dân tộc, bởi nói đến chủ nghĩa dân tộc, không thể không đề cập từ chủ nghĩa yêu nước. Điều đó có nghĩa là chủ nghĩa yêu nước chính là mặt tích cực của chủ nghĩa dân tộc.

Để chứng minh cho sự đa dạng trong nhận thức và tác động của chủ nghĩa dân tộc, hai tác giả Phan Văn Rân và Ngô Chí Nguyên trong bài viết “*Chủ nghĩa dân tộc và những sắc thái của nó trong thế giới ngày nay*” [212] tiếp cận chủ nghĩa dân tộc gắn liền với dân tộc - quốc gia, vì thế chủ nghĩa dân tộc cũng được gọi là chủ nghĩa quốc gia. Bài viết cung cấp hai cách hiểu về chủ nghĩa dân tộc: thứ nhất, chủ nghĩa dân tộc mang hàm ý tích cực, phản ánh sự gắn kết của cộng đồng dân cư trong một quốc gia dân tộc dựa trên lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa và lợi ích dân tộc chung, đồng thời cũng phản ánh ý thức chính trị, tâm lý của một dân tộc đối với các quyền dân tộc cơ bản, chính đáng của quốc gia dân tộc mình, chủ nghĩa dân tộc đã trở thành động lực cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX ở châu Á và châu Phi; thứ hai, chủ nghĩa dân tộc mang nghĩa tiêu cực, cực đoan với những đặc điểm và hệ lụy như đề cao, khuếch đại, thậm chí tuyệt đối hóa tính ưu việt, giá trị, tầm quan trọng và lợi ích của quốc gia dân tộc mình mà không tôn trọng đúng mức, thậm chí xem thường, bỏ qua và sẵn sàng chà đạp lên các giá trị và lợi ích của các dân tộc khác. Bài nghiên cứu cũng nêu lên những đặc điểm để phân biệt chủ nghĩa dân tộc chân chính được nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa dân túy và những sắc thái mới và biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc trong thế giới đương đại. Nhìn chung, các tác giả nhìn nhận chủ nghĩa dân tộc ngày nay theo hướng tiêu cực với các xu hướng cực đoan như chủ nghĩa sô vanh nước lớn, bành trướng bá quyền, chủ nghĩa dân tộc cường quyền; phân biệt bài ngoại; chủ nghĩa dân tộc kinh tế; chủ nghĩa thực dân kinh tế v.v..

Dưới góc nhìn chuyên ngành chính trị học, nhóm tác giả Lưu Minh Văn, Phạm Quốc Thành, Mai Phương Thảo với bài viết “*Chủ nghĩa dân tộc từ một góc nhìn của chính trị học*” in trong “*Kỷ yếu Hội thảo khoa học: chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy: nhận dạng lý luận và những tác động chính trị*” [253] đã cung cấp một góc nhìn từ cách tiếp cận chính trị học về chủ nghĩa dân tộc dựa trên các phạm trù nhà nước, quyền lực hay sức mạnh quốc gia - dân tộc. Xem xét chủ nghĩa dân tộc trên nhiều tư cách khác nhau, các tác giả cho rằng chủ nghĩa dân tộc dù nhìn từ góc độ nào luôn là “sự khuếch đại về sự tối thượng của những giá trị, bản bản sắc cục bộ, địa phương, đặc thù” [253] nhằm duy trì sự cố kết, động lực, cảm xúc cộng đồng của các thành viên của nó

trong bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc. Bài viết thống kê các dạng thức tồn tại của chủ nghĩa dân tộc bao gồm: Chủ nghĩa yêu nước; Chủ nghĩa dân tộc văn hóa (bản sắc); Chủ nghĩa dân tộc tài nguyên; Chủ nghĩa bành trướng; Chủ nghĩa dân tộc chủng tộc; Chủ nghĩa quốc gia; Chủ nghĩa dân tộc tôn giáo; Chủ nghĩa dân tộc cánh tả (cực tả), cánh hữu (cực hữu); Chủ nghĩa dân tộc cực đoan nhưng chưa giải thích cụ thể về các loại hình này. Ngoài ra, vai trò quan trọng của chủ nghĩa dân tộc cũng được khẳng định khi nó có tính ổn định, “làm thành” đường dẫn tư tưởng của sự phát triển dân tộc. Các tác giả đưa ra một phát hiện rằng: chủ nghĩa dân tộc thường xuất hiện ở thời điểm của những khúc quanh, những lúc nhiều biến động và bất an nhất của tập hợp dân tộc. Trạng thái xã hội hòa bình, ổn định không làm bùng phát xu hướng chủ nghĩa dân tộc.

Cuốn sách *“Biểu hiện mới của chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh hiện nay và những gợi ý của Việt Nam”* [97] do Nguyễn Thị Thu Huyền chủ biên đã cung cấp một cách khá toàn diện những vấn đề cơ bản trong lý luận về chủ nghĩa dân tộc. Về khái niệm chủ nghĩa dân tộc, các tác giả tiếp cận về chủ nghĩa dân tộc trên nhiều chiều cạnh: một tình cảm, một loại hình tư tưởng, một phong trào chính trị, một hiện tượng văn hóa liên quan đến sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc được các tác giả khảo cứu thông qua việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp và mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề quốc tế trong thực tiễn thế giới từ năm 1945 đến nay. Từ những biểu hiện, xu hướng và quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa dân tộc, tác giả đưa ra một số định hướng để phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính và đẩy lùi chủ nghĩa dân tộc cực đoan ở Việt Nam trên cả phương diện nhận thức và giải pháp thực tế, coi đó là một nhân tố thực sự quan trọng để gây dựng cơ đồ, vị thế của đất nước.

Như vậy, ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã ít nhiều quan tâm bàn thảo, nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc, song thiếu tính liên tục và chưa có những nghiên cứu mang tính hệ thống. Kết quả nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam về cơ bản là thống nhất về các loại hình của chủ nghĩa dân tộc, tuy nhiên vẫn còn tranh luận về thời gian ra đời của dân tộc, cũng như vai trò thực sự của chủ nghĩa dân tộc.

Trong các nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc nói chung thì có những công trình nghiên cứu khá chuyên biệt về chủ nghĩa dân tộc Việt Nam, tiêu biểu như:

Eugene John Johnston trong *“Evolution of Vietnamese nationalism”* (Sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam) [58] đã có sự giải thích về nguồn gốc của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Tác giả cho rằng, trước khi bị đô hộ, Việt Nam sở hữu vô số

thuộc tính chung. Người dân đồng nhất về mặt sắc tộc và ngôn ngữ, nhưng họ không có tinh thần dân tộc bởi tương tác giữa người dân được giới hạn trong phạm vi cấp làng, từ đó đi đến khẳng định chủ nghĩa dân tộc không phải là một thế lực trong thời kỳ tiền thuộc địa Việt Nam vì xã hội đó chưa tiếp cận được với các điều kiện kinh tế và chính trị đủ để tạo thành chủ nghĩa dân tộc. Cuộc chinh phục của Pháp đã làm thay đổi đáng kể tình hình này. Người nước ngoài tiếp quản quyền lực chính trị, thành lập các chính sách kinh tế dựa trên công nghệ và phương pháp quản lý của phương Tây. Chính quyền thuộc địa không cung cấp các quyền kinh tế hoặc chính trị thiết yếu cho người dân. Khi điều kiện sống của người Việt Nam trở nên phức tạp, một loạt các nhà lãnh đạo có ảnh hưởng của Việt Nam đã dẫn đầu cuộc chiến đấu cho độc lập của Việt Nam. Trong cuộc đấu tranh kéo dài chống lại người Pháp, chủ nghĩa dân tộc xuất hiện, những người Việt Nam lãnh đạo các phong trào đối lập chỉ muốn đánh bại những người nước ngoài và để thiết lập lại các thể chế truyền thống của dân tộc mình.

Trái lại, tác giả Lê Thị Lan trong bài viết “*Nho giáo và chủ nghĩa dân tộc Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa*” [129], cho rằng tinh thần dân tộc Việt Nam đã hình thành từ sớm, sau đó được Nho giáo bổ sung, nâng lên tầm lý luận. Xu hướng dân tộc chủ nghĩa này trở thành một đường lối ổn định và liên tục qua các thế hệ thủ lĩnh người Việt chống Bắc thuộc và các bậc quân vương trị vì nước Việt độc lập sau này. Tác giả chỉ ra những đặc trưng của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam: (1) chủ nghĩa dân tộc Việt Nam coi độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ là tiêu chí tối cao; (2) chủ nghĩa dân tộc gắn với ý thức tự hào về các giá trị văn hóa dân tộc; (3) ý thức đoàn kết dân tộc được hình thành sớm trên nền tảng tâm thức về một cội nguồn tổ tiên chung, trở thành sức mạnh dân tộc chống lại kẻ thù xâm lược; (4) lòng yêu nước sâu sắc trở thành một khuôn khổ đạo đức bền vững của xã hội. Những đặc trưng đó đã tạo thành sức mạnh để dân tộc Việt Nam tồn tại và phát triển. Tác giả cho rằng, toàn cầu hóa đang diễn ra trên phạm vi toàn thế giới đã làm thay đổi diện mạo của thế giới, vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc lại nổi lên như một vấn đề thời sự. Vì vậy, bên cạnh nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền dân tộc về lãnh thổ, văn hoá theo phương thức truyền thống, chủ nghĩa dân tộc Việt Nam đứng trước thách thức phải bổ sung sức mạnh lý luận về phát triển dân tộc trong thời đại toàn cầu hoá. Theo tác giả bài viết, để có thể bổ sung cho lý luận về chủ nghĩa dân tộc cần phải học tập kinh nghiệm của các nước trên thế giới, tuy nhiên tác giả cũng chưa đưa ra những gợi mở về việc chúng ta sẽ học tập, tiếp thu những điều gì và tiếp thu như thế nào.

Bài viết của nhóm tác giả Đinh Xuân Lý, Nguyễn Quỳnh Nga, Đỗ Thị Phương Diệp với nhan đề “*Bàn về chủ nghĩa dân tộc Việt Nam*” in trong “Kỷ yếu Hội thảo khoa học: chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy: nhận dạng lý luận và những tác động chính trị” [253] đã luận giải về chủ nghĩa dân tộc Việt Nam theo tiến trình lịch sử xã hội, tính dân tộc tính giai cấp của chủ nghĩa dân tộc. Phân tích, làm rõ một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam như: ý thức cố kết cộng đồng, đoàn kết cộng đồng; ý thức về lãnh thổ, chủ quyền quốc gia và quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ và tôn vinh danh dự của một quốc gia văn hiến; chủ nghĩa yêu nước; tư tưởng đổi mới, sáng kiến canh tân đất nước.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

Vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm bàn thảo, có thể đề cập trực tiếp đến chủ nghĩa dân tộc, hoặc một khía cạnh của chủ nghĩa dân tộc chân chính thể hiện trong tư tưởng của Người.

Tác giả Trịnh Nhu với công trình “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc*” [199] đã phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc trên khía cạnh lòng yêu nước, tinh thần tự tôn, tự lập, tự cường và tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Các tác giả cho rằng chủ nghĩa dân tộc gắn với sức mạnh dân tộc, và sức mạnh dân tộc chỉ có thể được tăng cường trên cơ sở nâng cao trình độ dân trí, tinh thần lao động sáng tạo. Ngoài ra chủ nghĩa nhân văn, tinh thần vị tha, chủ nghĩa cộng đồng trong bản sắc văn hóa truyền thống của Việt Nam cũng chính là nguồn năng lượng dồi dào đưa đến thắng lợi cho cách mạng Việt Nam. Đồng thời cũng phân biệt giữa chủ nghĩa dân tộc chân chính mà Hồ Chí Minh đề cập đến khác hẳn với tư tưởng tư thù, tư oán, đối lập hoàn toàn với chủ nghĩa thực dân phi đạo lý.

Nguyễn Tấn Hưng với bài viết “*Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh*” [100] nhìn nhận chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng một người cộng sản, với những nội dung chính: vai trò của chủ nghĩa dân tộc trong cách mạng giải phóng dân tộc; sự biến đổi của chủ nghĩa dân tộc dưới tác động của chiến tranh; sự cần thiết và cách thức phát động chủ nghĩa dân tộc; về khả năng, những điều kiện và kết quả của sự chuyển hóa chủ nghĩa dân tộc thành chủ nghĩa quốc tế; về mối quan hệ khăng khít giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Và cũng như nhiều nhà nghiên cứu khác, bài viết khẳng định: chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc chân chính,

theo lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn dân tộc với quốc tế, dân tộc với giai cấp, là chủ nghĩa yêu nước kết hợp với tinh thần dân tộc chân chính của người dân bản xứ. Từ đó bài viết khẳng định rằng, những quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc vẫn luôn sáng ngời và có tầm chỉ đạo chiến lược sống còn đối với tiền trình hiện tại của cách mạng Việt Nam.

Trần Đình Huynh, tác giả bài viết “*Nhân Quốc khánh 2 -9 nghĩ về chủ nghĩa dân tộc chân chính của Việt Nam*” [99] đã đi từ một nhận xét của William Duker trong cuốn “*Hồ Chí Minh - a life*” rằng Hồ Chí Minh kết hợp một nửa của V.I. Lênin và một nửa của M. Găngđi để đặt vấn đề về sự kết hợp giữa chủ nghĩa quốc tế vô sản với chủ nghĩa dân tộc chân chính trong tư tưởng của vị lãnh tụ. Tác giả đã phác thảo những nét cơ bản nhất của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm: chủ nghĩa yêu nước chân chính của nhân dân ta trong thời đại mới; chủ nghĩa dân tộc theo Hồ Chí Minh là “giết giặc đói, giết giặc ngoại xâm”, biến nó thành tiêu điểm mà mọi người dân Việt Nam hướng tới; chủ nghĩa dân tộc là “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Tuy nhiên, trong khuôn khổ một bài tạp chí, tác giả chỉ mới nêu mà chưa phân tích những nội dung đó được thể hiện như thế nào. Bài viết đề xuất hai hướng giải pháp để tiếp tục phát huy vai trò to lớn của chủ nghĩa dân tộc chân chính bằng chính phương pháp luận của Hồ Chí Minh: thứ nhất, có chính sách đúng đắn về từng lĩnh vực, giác ngộ dân chúng biết “đem sức ta mà giải phóng cho ta”, tạo dựng niềm tin trong xã hội vào khả năng phát triển của đất nước, vào truyền thống kiên cường của dân tộc Việt Nam. Thứ hai, giáo dục chủ nghĩa dân tộc chân chính, phát động một phong trào dân tộc dựa trên tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc để mọi người Việt Nam ai ai cũng biết tự trọng, tự tôn, không những biết tự hào mà còn biết xấu hổ để vươn lên, để bất cứ ai, ở bất cứ đâu hễ mang trong mình dòng máu Việt Nam đều có thể ngẩng cao đầu tự hào: “tôi là người Việt Nam!” [99, tr.6].

Mạch Quang Thắng trong cuốn sách “*Hồ Chí Minh đồng hành cùng dân tộc*” [230] đã giành một chương: “Có một chủ nghĩa dân tộc chân chính trong tư tưởng Hồ Chí Minh” để khẳng định có chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa dân tộc đó là chủ nghĩa dân tộc chân chính, mang bản chất giai cấp vô sản, hoàn toàn khác với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi chỉ nghĩ đến lợi ích của dân tộc mình mà không quan tâm đến lợi ích chính đáng của các dân tộc khác, không tính đến lợi ích toàn cục; chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng hoàn toàn xa lạ với chủ

nghĩa dân tộc nước lớn, âm mưu bành trướng, bắt nạt các nước nhỏ. Chủ nghĩa dân tộc chân chính đó là cơ sở để quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế vì hòa bình, công lý, tiến bộ trên thế giới.

Dương Quốc Dũng với bài viết “*Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là chủ nghĩa dân tộc vô sản*” [37] đã đi từ luận điểm “vấn đề dân tộc luôn gắn liền với vấn đề giai cấp. Chủ nghĩa dân tộc bao giờ cũng bảo vệ lợi ích, dựa trên lập trường của một giai cấp nhất định, không có chủ nghĩa dân tộc phi giai cấp, chủ nghĩa dân tộc chung chung, cải lương” [37], trên cơ sở đó, mỗi giai cấp sẽ có cách giải quyết vấn đề dân tộc khác nhau. Tác giả cho rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú ý bản chất giai cấp trong khi đề cập đến chủ nghĩa dân tộc: “Người luôn nhắc nhở khi giải quyết vấn đề dân tộc phải đứng vững trên lập trường vô sản, tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa sô-vanh cũng như chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa xét lại” [37], điều đó còn thể hiện ở mối quan hệ giữa độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng của Người. Bài viết đi đến kết luận “thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc” là một cách hiểu và diễn đạt không chính xác, không đầy đủ và xuyên tạc tư tưởng của Người; đi ngược lại lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và khẳng định chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là chủ nghĩa dân tộc vô sản.

Đồng quan điểm với các công trình trên, nhưng nhìn nhận dưới góc độ chính trị học, nhóm tác giả Nguyễn Anh Cường, Kiều Văn Nam và Trần Thị Ngân Hà với bài viết “*Hiểu về chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh*” đăng trong “Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy: nhận dạng lý luận và những tác động chính trị” [253] bên cạnh chỉ ra tính dân tộc trở thành động cơ cho những chặng đường hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh, các tác giả đã khẳng định Hồ Chí Minh đã có những kiến giải sáng tạo, hợp lý, hợp tình về chủ nghĩa dân tộc. Nhờ những cống hiến cả về mặt lý luận và thực tiễn đó, Hồ Chí Minh đã đưa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp ở Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn. Bài viết khẳng định chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh có tính giai cấp nhưng không thủ tiêu giai cấp, đồng thời nhấn mạnh lòng yêu nước và chí khí tự lực, tự cường để tạo nên một động lực to lớn cho quốc gia, dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc đó không chỉ có vai trò to lớn đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn tiếp tục tỏa sáng trong thời kỳ hội nhập quốc tế của Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Trong bài viết “*Hồ Chí Minh: người theo chủ nghĩa dân tộc hay chiến sĩ cộng sản?*” [70] của hai tác giả Nguyễn Hồng Hải và Hà Sơn Thái trích dẫn một số quan niệm về chủ nghĩa dân tộc, nguồn gốc và bản chất của chủ nghĩa dân tộc là từ quan hệ tư hữu và bóc lột; bài viết cũng đã phân biệt giữa chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, hiếu chiến, chủ nghĩa sô vanh nước lớn của một dân tộc đi áp bức và khinh miệt các dân tộc khác, cũng như chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, phân biệt với chủ nghĩa dân tộc vô sản, chủ nghĩa xã hội. Từ đó, các tác giả đã khẳng định dứt khoát rằng Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc - nhưng đó là chủ nghĩa dân tộc vô sản - khác hoàn toàn với các thế lực phản động, thù địch, các phần tử cơ hội, bất mãn ở trong, ngoài nước vẫn xuyên tạc và cáo buộc. Bài viết đã đưa ra các dẫn chứng chứng minh bằng các luận điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của chủ nghĩa dân tộc đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Lê Thị Chiên với bài viết “*Phản bác luận điệu “thực chất Hồ Chí Minh là người dân tộc chủ nghĩa”*” [27] đề cập đến ba nội dung chính: 1) Nhận diện “chủ nghĩa dân tộc” và luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; 2) Chủ nghĩa dân tộc chân chính trong tư tưởng Hồ Chí Minh; 3) Bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc. Tác giả tiếp cận vấn đề từ luận điểm của các thế lực thù địch cho rằng “chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi”, từ đó đưa ra các luận cứ để phản bác. Bài viết khẳng định, có chăng, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc vô sản. Người đã vận dụng, sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, đặc biệt là vấn đề dân tộc thuộc địa, suốt đời đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, vì sự nghiệp cách mạng chung của các dân tộc bị áp bức, lệ thuộc trên thế giới. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã khơi dậy lòng yêu nước, trách nhiệm trước vận mệnh dân tộc và trở thành động lực để các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh chống lại những áp bức, bất công.

Cuốn sách “*Hồ Chí Minh tâm và tài của một nhà yêu nước*” [244] của tác giả Nguyễn Đài Trang bàn về thành công của Hồ Chí Minh trong việc bảo vệ quyền lợi của các dân tộc nhỏ qua con đường giải phóng dân tộc và tiến tới phát triển đất nước. Tác giả cho rằng sự thành công của Hồ Chí Minh là xuất phát từ “tâm” và sau đó là “tài”. Niềm tin vào sự tự do và bình đẳng giữa con người với con người, giữa các dân tộc với nhau chính là động cơ mạnh mẽ trong cuộc đời chính trị của Hồ Chí Minh. Thành công của Hồ Chí Minh có thể giải thích bởi lòng quyết tâm hiếm có của người

Việt Nam mà Người chính là hiện thân. Nhắc đến chủ nghĩa dân tộc, tác giả cho rằng chủ nghĩa dân tộc nằm ở chỗ người Việt Nam có sẵn tinh thần tự tôn dân tộc, Hồ Chí Minh xuất hiện và biến tất cả những tâm tư này vào việc xây dựng một tinh thần tự hào dân tộc, chỉ ra con đường cách mạng để biến thực tiễn nô lệ thành niềm tin vào độc lập, tự do. Để khơi dậy tinh thần dân tộc và lòng quyết tâm của nhân dân Việt Nam, tác giả ca ngợi Hồ Chí Minh là bậc thầy trong vấn đề truyền thông, người sử dụng rất nhiều phương pháp truyền thông như thơ ca, khẩu hiệu, các điều ghi nhớ, các lời dạy, thư từ trong việc tổ chức nên Đảng Cộng sản, xây dựng lực lượng cách mạng và thành lập một nhà nước độc lập. Các phương pháp này đều dựa trên cơ sở văn hóa Việt Nam cũng như tình hình kinh tế chính trị cụ thể và đều đạt hiệu quả rất cao.

Một số khía cạnh biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu.

Chủ nghĩa dân tộc thể hiện trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được quan tâm trong một số công trình tiêu biểu:

Cuốn sách *“Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận giải phóng dân tộc”* [227] của hai tác giả Hùng Thắng, Nguyễn Thành. Mặc dù cuốn sách không trực tiếp đề cập đến chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, nhưng hai tác giả đã làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong cuộc chiến đấu giữa một bên là chủ nghĩa dân tộc chân chính của các dân tộc thuộc địa với bên còn lại là chủ nghĩa dân tộc bành trướng, chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Các tác giả khẳng định, Hồ Chí Minh là người tiêu biểu cho ý nguyện của một dân tộc bị thực dân Pháp áp bức, tha thiết với nền độc lập dân tộc hơn ai hết. Điều đặc biệt ở Nguyễn Ái Quốc, khác với những người cộng sản cùng thời là Người không xuất thân từ một người thuộc giai cấp vô sản, giác ngộ về quyền lợi giai cấp, cũng không phải là người trí thức mácxít uyên thâm mà từ một người yêu nước, mang khát vọng giải phóng dân tộc, sớm gắn mình trong hàng ngũ giai cấp công nhân đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, rồi trở thành chiến sĩ cộng sản. Hồ Chí Minh đã có đóng góp to lớn vào nghiên cứu về chủ nghĩa đế quốc và tố cáo tội ác của chúng. Người phát triển sáng tạo những luận điểm của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc, chủ nghĩa dân tộc và giải phóng dân tộc thuộc địa. Đồng thời, cụ thể hóa và hiện thực hóa những quan điểm đúng đắn của V.I.Lênin về phong trào cách mạng giải phóng dân tộc qua thắng lợi của cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân tộc - dân chủ - nhân dân độc lập - tự chủ đầu tiên trong thế giới các nước thuộc địa và phụ thuộc tại khu vực

Đông Nam Á và thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Cuốn sách kết luận rằng sự nghiệp và tư tưởng của Người để lại những bài học quý báu cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới đang chiến đấu để đòi lại quyền lợi dân tộc mình.

Tác giả Lại Quốc Khánh đã có nhiều công trình đề cập đến những khía cạnh khác nhau của yếu tố dân tộc, tính dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Cuốn sách *“Biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”* [119] đã bàn đến vấn đề chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh: “trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước với tư cách là một giá trị truyền thống của dân tộc, một động lực vĩ đại trong đấu tranh cách mạng đôi khi được nhắc tới dưới những khái niệm “tinh thần yêu nước”, “lòng yêu nước”, “lòng ái quốc” v.v., và đặc biệt là “chủ nghĩa dân tộc” [119, tr.43]. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kế thừa và phát triển chủ nghĩa dân tộc truyền thống của Việt Nam; đường lối cứu nước của các nhà yêu nước tiền bối dưới ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc của Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, lại nắm bắt được những chỉ dẫn quan trọng trong tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc, vì vậy quan điểm về chủ nghĩa dân tộc của Hồ Chí Minh đã ở mức độ sâu sắc hơn với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Người. Dưới cái nhìn biện chứng, tác giả nhận định chủ nghĩa yêu nước luôn biến đổi cùng với sự biến đổi của đời sống xã hội, mang những dạng thức khác nhau trong mỗi thời kỳ lịch sử và với những chủ thể khác nhau trong xã hội. Trong thời đại mới, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước được hướng theo con đường cách mạng vô sản, là chủ nghĩa dân tộc mang trong mình khả năng biến thành chủ nghĩa quốc tế tạo thành nguồn sức mạnh vô địch đưa dân tộc Việt Nam đến công cuộc giải phóng.

Ngoài ra, các bài viết *“Hồ Chí Minh với Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin”* [117], *“Giá trị biện chứng duy vật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tính tất yếu diệt vong của chế độ thực dân ở Việt Nam”* [118], *“Quan điểm triết học chính trị của lãnh tụ Ma-hát-ma Găng-đi và Chủ tịch Hồ Chí Minh”* [119], *“Nghiên cứu triết lý chính trị Hồ Chí Minh: cấu trúc, đặc điểm và giá trị”* [121] tác giả làm rõ quá trình Hồ Chí Minh nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển những gợi ý của Lênin về vấn đề dân tộc thuộc địa vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; khẳng định giá trị đầu tiên của chính trị mà Hồ Chí Minh nêu cao là độc lập, tự do cho dân tộc, cũng là điểm tương đồng giữa hai vĩ nhân, hai bậc hiền

nhân Ma-hát-ma Găng-đi của dân tộc Ấn Độ và Hồ Chí Minh của dân tộc Việt Nam. Gần đây nhất là bài viết “*Phẩm giá con người và tự do dân tộc nhìn từ tư tưởng Hồ Chí Minh*” [126], xuất phát từ cách tiếp cận từ mối quan hệ chặt chẽ giữa chính trị và văn hóa, đồng thời xuất phát từ khung tham chiếu vấn đề phẩm giá con người và tự do dân tộc được trình bày qua công trình Bản sắc: Nhu cầu phẩm giá và chính trị phần nộ, cùng với bối cảnh lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay để phân tích những luận điểm của Hồ Chí Minh về phẩm giá con người và tự do dân tộc. Trong đó, đáng chú ý, tác giả nhấn mạnh đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh đối với triết học chính trị thế giới là từ việc thừa nhận quyền tự nhiên của con người được nêu trong Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ, Người đã nâng lên thành quyền tự nhiên của các dân tộc. Tác giả có những phát hiện quan trọng trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, đó là quyền tự do của dân tộc và quyền con người gắn bó chặt chẽ với nhau, dân tộc mất độc lập thì phẩm giá con người bị chà đạp và sự phản nộ vì phẩm giá con người bị chà đạp sẽ trở thành một động lực mạnh mẽ, to lớn chống lại áp bức dân tộc. Và những giá trị độc lập, tự do trở thành giá trị phổ quát, một quốc gia đã đấu tranh cho quyền độc lập, tự do của dân tộc mình thì cũng phải tôn trọng, sẵn sàng đấu tranh cho quyền tự do của các dân tộc khác. Chính nhờ có quan điểm đúng đắn, Hồ Chí Minh đã tạo hợp, quy tụ được sức mạnh của cả dân tộc và lôi cuốn nhân dân tiến bộ thế giới trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do cho dân tộc và phẩm giá con người và có giá trị to lớn đối với giai đoạn hiện nay.

Luận án tiến sĩ Triết học của tác giả Hoàng Trần Như Ngọc “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ quyền quốc gia và quyền con người*” [184] đã trình bày một cách hệ thống những vấn đề lý luận về chủ quyền quốc gia và quyền con người, cơ sở hình thành, nội dung và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ quyền quốc gia và quyền con người. Tác giả khẳng định đây là hai vấn đề có mối quan hệ biện chứng, mật thiết với nhau, gắn chặt với nhau, trong đó, chủ quyền quốc gia là điều kiện tiên quyết để thực hiện quyền con người. Chỉ khi xây dựng một quốc gia - dân tộc phát triển vững mạnh theo con đường chủ nghĩa xã hội thì mới có thể bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, cũng như thực hiện quyền con người một cách triệt để.

Lê Văn Thuật với đề tài luận án “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền độc lập, tự do của dân tộc*” [236] là một công trình nghiên cứu công phu, chứa đựng nhiều giá trị tham khảo cho đề tài. Tác giả đi sâu vào phân tích nội dung quyền độc lập, tự do của dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm: 1) Quyền độc lập, tự do của dân tộc

phải thật sự, toàn diện và triệt để; 2) Quyền độc lập, tự do của dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội; 3) Quyền độc lập, tự do của dân tộc phải gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; 4) Quyền độc lập, tự do của dân tộc phải được thể chế hóa bằng hiến pháp, pháp luật buộc thế giới phải thừa nhận và tôn trọng; 5) Đấu tranh vì quyền độc lập, tự do của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng quyền độc lập, tự do của dân tộc khác. Bên cạnh đó, luận án cũng chỉ ra những điều kiện mà Hồ Chí Minh đã nêu ra và thực hiện trong thực tiễn chỉ đạo cách mạng Việt Nam để giành, giữ và thực thi quyền độc lập, tự do của dân tộc: 1) Củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; 2) Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin; 3) Xây dựng Nhà nước dân chủ mới; 4) Củng cố vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức; 5) Xây dựng từng bước nền kinh tế mới; 6) Xây dựng nền văn hóa, giáo dục toàn dân là mục tiêu và động lực của sự nghiệp bảo vệ quyền độc lập, tự do của dân tộc. Đồng thời, để giữ vững quyền độc lập dân tộc cần kết hợp với sức mạnh thời đại.

Ngô Thị Phương Thảo với luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học “*Giải pháp chính trị của Hồ Chí Minh đối với vấn đề độc lập dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946*” [226] cho rằng nguyên tắc bất biến trong cuộc đời của Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc, đây chính là khởi đầu và cũng là mục tiêu xuyên suốt trong cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tác giả đã phân tích quá trình Hồ Chí Minh đề ra và hiện thực hóa các giải pháp chính trị nhằm giành, giữ và bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam trong giai đoạn 1945 - 1946 với những nội dung chủ yếu: (1) “Nhất quán đường lối độc lập dân tộc và đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong mọi tình thế cách mạng”; (2) “Xây dựng và tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”; (3) “Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua Mặt trận dân tộc thống nhất”; (4) “Giải pháp chính trị về đối ngoại”.

Nguyễn Văn Nguyên tác giả của luận án tiến sĩ Chính trị học với đề tài “*Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*” [188] đem đến một góc nhìn khá sâu sắc về vấn đề dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Vấn đề dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh không chỉ đơn thuần dừng lại ở giải phóng dân tộc, mà sự nghiệp giải phóng dân tộc là cơ sở, tiền đề quan trọng để đem lại dân chủ và hạnh phúc cho nhân dân. Tác giả nhắc đến chủ nghĩa dân tộc trên khía cạnh chủ nghĩa yêu nước và cho rằng chủ nghĩa yêu nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh hướng tới mục tiêu giành, bảo vệ và phát triển các

giá trị độc lập dân tộc, dân chủ và hạnh phúc của nhân dân. Giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người, mang lại tự do, hạnh phúc cho con người. Đồng thời, chủ nghĩa dân tộc trong quan niệm của Hồ Chí Minh được thể hiện trong mối quan hệ giữa cách mạng vô sản chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, chủ nghĩa dân tộc gắn bó với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Cuốn sách “*Ho Chi Minh's Heritage in Vietnam and Abroad*” (Di sản Hồ Chí Minh ở Việt Nam và nước ngoài) [104] do Viện Nghiên cứu Châu Á và Châu Phi, Đại học Tổng hợp Quốc gia Lomonosov Moscow và Khoa Khoa học Chính trị, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã làm rõ vấn đề dân tộc, tính dân tộc là một dòng chảy xuyên suốt, thể hiện một cách sâu sắc và nhất quán trong di sản của Hồ Chí Minh. Cuốn sách gồm 5 phần, trong đó, đã trình bày rõ khát vọng, mục tiêu của Hồ Chí Minh là: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, đây không chỉ là khẩu hiệu mà còn là kim chỉ nam cho mọi quyết sách chính trị của Người, dẫn tới những thắng lợi lịch sử cho cách mạng Việt Nam. Cuốn sách đã phân tích rõ nét vai trò quyết định của Người trong việc hiện thực hóa khát vọng dân tộc này, cũng như quá trình Người xây dựng hệ thống chính trị mang tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc. Sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn được thể hiện rõ qua chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Đáng chú ý, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh không hề hẹp hòi hay bài ngoại, Người đặt sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam trong bối cảnh cuộc đấu tranh chung của các dân tộc bị áp bức và phong trào cách mạng thế giới. Chính sự kết hợp độc đáo này đã giúp Việt Nam giành được sự đồng tình và giúp đỡ quý báu từ cộng đồng quốc tế. Cuốn sách đã cho thấy tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là một hệ thống nhất quán, toàn diện, lấy mục tiêu độc lập và phát triển dân tộc làm trọng tâm, được xây dựng trên nền tảng đại đoàn kết, kết hợp hài hòa với chủ nghĩa quốc tế vô sản, và thể hiện sâu sắc trong việc định hình bản sắc văn hóa, đạo đức của con người Việt Nam.

Về chủ nghĩa dân tộc thể hiện trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hệ thống chính trị Việt Nam từ hoạt động của Đảng, Nhà nước đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và quan hệ quốc tế cũng được bàn luận trong nhiều công trình, trong đó có thể kể đến:

Tác giả Nguyễn Thế Nghĩa với cuốn “*Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*” [182] đã phân tích làm rõ nội dung của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh từ mục tiêu và đường lối chính trị của cách mạng; về quyền lực chính trị; về hệ thống chính trị. Trong đó, đáng chú ý, cuốn sách đã đề cập đến tính dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

đan xen trong một số nội dung như mục tiêu giải phóng dân tộc, nội dung độc lập dân tộc trong tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh, các tác giả khẳng định tính đúng đắn của quan niệm đề cao lợi ích dân tộc trong điều kiện một nước thuộc địa; vấn đề dân chủ và chủ quyền nhân dân; vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; tính dân tộc trong các tổ chức Đảng, Nhà nước. Đồng thời, các tác giả cũng khẳng định rằng, trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, tính dân tộc bao giờ cũng gắn liền với tính giai cấp, tính nhân loại và tính thời đại.

Nguyễn Thị Thanh Dung với luận án tiến sĩ chính trị học “*Tư duy chính trị Hồ Chí Minh*” [35] đã đề cập đến tính dân tộc trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc, lợi ích dân tộc là ưu tiên chính trị hàng đầu, là nguyên tắc, phương hướng trong suy nghĩ và trong hành động chính trị của Hồ Chí Minh. Tác giả đưa ra những dữ liệu quan trọng về việc Hồ Chí Minh đề cao vấn đề dân tộc như tần suất Hồ Chí Minh đề cập đến vấn đề độc lập, độc lập dân tộc trong các bài nói, bài viết của mình là rất cao, đây là gợi ý quan trọng về mặt phương pháp nghiên cứu cho Luận án. Những hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh để bảo vệ cho quyền và lợi ích dân tộc cũng được luận án phân tích khá chi tiết.

Lương Thùy Liên với đề tài Luận án “*Nguyên tắc thống nhất dân tộc, giai cấp, nhân loại trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*” [145] đã đưa ra hệ thống khái niệm về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, trong đó có vấn đề dân tộc, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Đồng thời, tác giả làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành nguyên tắc thống nhất dân tộc, giai cấp, nhân loại trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, luận án đã phân tích những biểu hiện chủ yếu của nguyên tắc thống nhất dân tộc, giai cấp, nhân loại trong tư tưởng chính trị của Người. Ngoài ra, những giá trị của nguyên tắc thống nhất dân tộc, giai cấp, nhân loại trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh cũng được tác giả làm rõ. Đây là công trình có giá trị tham khảo rất lớn đối với luận án này, trên những khía cạnh sau: thứ nhất, tác giả đưa ra những luận cứ và khẳng định “Hồ Chí Minh là một nhà dân tộc theo nghĩa là một nhà yêu nước chân chính, chứ chưa bao giờ là một người dân tộc hẹp hòi như có thời Người đã bị những người theo quan điểm giai cấp tả khuynh quy kết” [145, tr.23]; thứ hai, trong khi bàn về nguyên tắc thống nhất dân tộc, giai cấp, nhân loại trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, tác giả đã phần nào đề cập đến tính dân tộc trong tư tưởng chính trị của Người trên các phương diện mục tiêu, phương pháp đấu tranh của cách

mạng Việt Nam, về Đảng Cộng sản, về Nhà nước, về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

Luận án tiến sĩ với chủ đề “*Hồ Chí Minh với việc xây dựng thể chế chính trị Việt Nam Dân chủ cộng hòa*” [209] của Nguyễn Thị Lan Phương, đã khẳng định thể chế chính trị Việt Nam Dân chủ cộng hòa hình thành gắn liền với quá trình Người đi tìm đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam, thể chế đó chỉ có thể xây dựng được khi đất nước độc lập. Như vậy, nền tảng cơ bản để xây dựng thể chế chính trị Việt Nam Dân chủ cộng hòa là nền độc lập dân tộc. Luận án cũng đã luận giải làm sáng tỏ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về thể chế chính trị Việt Nam Dân chủ cộng hòa, trong đó, tác giả đưa ra và phân tích quá trình Hồ Chí Minh lựa chọn hình thức nhà nước cho Việt Nam sau ngày độc lập, từ nghiên cứu và không lựa chọn mô hình nhà nước tư sản, đến việc thay đổi từ nhà nước công - nông - binh của đa số sang hình thức nhà nước của tất cả mọi người, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, thể hiện sự phát triển trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh.

Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học của tác giả Lê Thị Hằng “*Tư tưởng lập hiến Hồ Chí Minh: Nội dung và giá trị*” [74] đã trình bày một cách có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về lập hiến, trong đó, tác giả nhấn mạnh vai trò của lập hiến trong việc khẳng định chủ quyền của quốc gia - dân tộc, và chủ quyền nhân dân. Đồng thời, độc lập dân tộc và chế độ dân chủ cũng là những yếu tố quan trọng đảm bảo lập hiến. Tác giả cũng đã khẳng định: tính dân tộc là nét đặc thù trong tư tưởng Hồ Chí Minh về lập hiến.

Tác giả Nguyễn Đức Ngọc trong cuốn sách “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay*” [187] đã khẳng định chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là truyền thống cao nhất của dân tộc, là cội nguồn sức mạnh Việt Nam, cội nguồn của đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, trong thời đại mới, chỉ có yêu nước thì chưa đủ để giải phóng dân tộc mà cần có một lý luận cách mạng mới, một giai cấp tiên tiến lãnh đạo cách mạng, một đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với điều kiện dân tộc. Hồ Chí Minh đã giải quyết tất cả những vấn đề đó, kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc với chủ nghĩa Mác - Lênin, thực hiện con đường cách mạng vô sản, dưới sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến là giai cấp công nhân. Con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh lựa chọn cho dân tộc Việt Nam hoàn toàn phù hợp với bối cảnh thời đại và điều kiện, mong muốn của nhân dân và dân tộc Việt Nam. Đó là sự kết hợp giữa tính dân tộc với tính thời đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Như vậy, cuốn sách đã phần nào cho thấy tính

dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, và điểm đặc sắc là Hồ Chí Minh đã kết hợp giữa tính dân tộc với tính quốc tế một cách nhuần nhuyễn trong tư tưởng và hoạt động cách mạng của mình.

Cũng đã có nhiều tác giả nước ngoài viết về Hồ Chí Minh và rất quan tâm đến vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh trong đó đặc biệt chú trọng đến chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị của Người. Một trong những tác phẩm tiêu biểu là của Singô Sibata nhà nghiên cứu người Nhật Bản với bài viết “*Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng*” [218]. Ông đã đánh giá rất cao những cống hiến của Hồ Chí Minh trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, trong đó, ông nhấn mạnh: “Cống hiến nổi tiếng của Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát triển quyền lợi con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình và tất cả mọi dân tộc có thể và phải thực hiện nền độc lập, tự chủ” [218, tr.82]. Những cống hiến của Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam nói riêng và các dân tộc thuộc địa nói chung trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, mà còn có ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước, hội nhập quốc tế đồng thời phải giữ vững chủ quyền quốc gia, bản sắc dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Furuta Motoo trong cuốn sách “*Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới*” [61], đã phát hiện mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc và đổi mới, xây dựng đất nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đây không phải là hai giai đoạn nối tiếp nhau, không phải hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc mới đi lên xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, mà đây là nhiệm vụ đan xen nhau, hỗ trợ cho nhau trong suốt tiến trình cách mạng. Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ khăng khít với nhau, giải phóng dân tộc để đi lên xây dựng chế độ xã hội mới, văn minh, tiến bộ, đồng thời xây dựng chế độ xã hội mới tốt đẹp là nhằm bảo vệ cho độc lập dân tộc.

“*Ho Chi Minh - a life*” (Hồ Chí Minh - một cuộc đời) [268] của William J. Duiker. Ngay từ lời mở đầu cuốn sách, tác giả đã đặt câu hỏi liệu Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc hay là theo chủ nghĩa cộng sản? Tuy cuốn sách có đề cập đến một số thông tin không chính thức và chưa được xác minh, nhưng đối với vấn đề Hồ Chí Minh theo chủ nghĩa dân tộc hay chủ nghĩa cộng sản thì tác giả có cách giải thích khá khách quan và đi đến kết luận rằng trong Hồ Chí Minh có cả hai: nhà dân tộc chủ nghĩa và một chiến sĩ cộng sản. Sự tồn vong của dân tộc Việt Nam luôn là mối quan tâm hàng đầu của Hồ Chí Minh, nhưng Hồ Chí Minh cũng có trái tim của một nhà cách mạng thế giới, sự kết hợp đó linh hoạt theo từng thời điểm và bối cảnh của

thời đại. Tác giả nhận định Hồ Chí Minh là một trong những nhà chính trị tiêu biểu nhất của thế kỷ XX, thế kỷ của chủ nghĩa dân tộc, cách mạng, chủ nghĩa bình đẳng và cuộc đấu tranh cho tự do. Hồ Chí Minh là hiện thân của hai xu hướng của xã hội hiện đại: sự khao khát độc lập dân tộc và cuộc tìm kiếm công lý xã hội và bình đẳng kinh tế.

Như vậy, các công trình nghiên cứu được đề cập đến ở trên đã lý giải được một số vấn đề về nội dung và đặc điểm của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Đây là những tài liệu tham khảo có giá trị, giúp sáng tỏ thêm các vấn đề luận án cần nghiên cứu.

1.3. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIÁ TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

Trong các bài phát biểu, các cuốn sách, bài viết về vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của dân tộc, về chủ nghĩa yêu nước, các tác giả phần nào đề cập đến giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc trong việc tìm ra con đường giải phóng dân tộc, trong khơi dậy và phát huy chủ nghĩa dân tộc.

Cuốn sách *“Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường Đảng ta và nhân dân ta tiến vào thế kỷ XXI”* [202] in lại bài diễn văn quan trọng của Cố Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và những đóng góp to lớn của Người đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới tại lễ Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua phân tích những chặng đường hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, tác giả đã kết luận rằng trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn tôn vinh và đề cao sức mạnh dân tộc, chủ trương đoàn kết mọi lực lượng dân tộc. Tác giả cũng khẳng định chủ nghĩa dân tộc kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, hướng tới chủ nghĩa cộng sản là sự đóng góp lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với hệ tư tưởng Mác - Lênin và phong trào cách mạng thế giới.

Tác giả Nguyễn Văn Thanh trong bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc và vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay”* [223] đã đưa ra đánh giá xác đáng về những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với kho tàng lý luận cách mạng thế giới về vấn đề chủ nghĩa dân tộc. Trong đó, tác giả chỉ ra những đặc điểm quan trọng của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc vô sản; chủ nghĩa dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã làm cho Người có những luận điểm vượt lên trên các nhà yêu nước đương thời như: xác định mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam, xác định đúng đắn nhiệm vụ, mục tiêu, động lực của cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh đó, tác giả khẳng định “chủ nghĩa dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị thời đại trong cách mạng nước ta hiện nay” [223] và đưa ra một số giải pháp để phát huy chủ nghĩa dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay như: xã hội hóa một cách sâu rộng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng; mở rộng phạm vi đoàn kết toàn dân tộc dưới định hướng của chủ nghĩa dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

Bài viết *“Phát huy chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh trong bối cảnh Việt Nam hiện nay”* của nhóm tác giả Nguyễn Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Kim Hoa, Cao Văn Đan in trong “Kỷ yếu Hội thảo Chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy: Nhận dạng lý luận và những tác động chính trị” [253] khẳng định về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc có sự hòa quyện giữa hai “chất”: cộng sản và dân tộc. Bài viết khẳng định vai trò của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời nhấn mạnh động lực làm nên chí khí và sự nghiệp Hồ Chí Minh chính là chủ nghĩa dân tộc, “chủ nghĩa dân tộc đã được làm giàu thêm bằng những tinh hoa trong tư tưởng chính trị của loài người: chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa xã hội” [253, tr.76], hướng tới triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Bài viết cho rằng phát huy tinh chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh hiện nay trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục sẽ là động lực giúp Việt Nam có thể “sánh vai với các cường quốc năm châu” trên thế giới như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bùi Đình Phong với cuốn sách *“Giải phóng dân tộc và đổi mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”* [205] đã dành phần lớn dung lượng để đề cập đến những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, cùng với ý nghĩa của tư tưởng đó đối với thời kỳ đổi mới đất nước. Trong cuốn sách này, tác giả khẳng định, việc lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là điểm mấu chốt khơi nguồn cho sức mạnh của dân tộc Việt Nam; mở đường cho sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; tạo ra những điều kiện cần thiết về tổ chức, lực lượng, phương pháp dẫn đến thắng lợi huy hoàng trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiếp tục soi sáng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Bài viết *“Toàn cầu hóa, chủ nghĩa dân tộc và tiến trình phát triển văn hóa ở Việt Nam”* [38] của tác giả Thành Duy đã dành một phần rất quan trọng để bàn về chủ nghĩa dân tộc, tác giả đánh giá cao vai trò của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa dân tộc.

Người không chỉ tìm thấy động lực cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam mà còn cải biến chủ nghĩa dân tộc vốn từ tay giai cấp tư sản thành chủ nghĩa dân tộc mang nội hàm mới, chủ nghĩa dân tộc xã hội chủ nghĩa. Ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc đã được Hồ Chí Minh đón nhận và tái tạo lại, biến nó thành động lực cách mạng ở Việt Nam, cũng như các dân tộc thuộc địa khác. Chủ nghĩa dân tộc là một thực thể hiển nhiên gắn liền với chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc. Nhưng, cũng như khái niệm dân tộc, chủ nghĩa dân tộc là một phạm trù lịch sử, có quá trình hình thành và phát triển. Có chủ nghĩa dân tộc hình thành trong thời đại phong kiến, chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản. Tuy nhiên không phải mọi chủ nghĩa dân tộc đều mang lại sức mạnh. Điều đó đã được chứng minh bởi nhiều cuộc cách mạng chịu thất bại do gương cao chủ nghĩa dân tộc không còn phù hợp với thời đại. Chủ nghĩa dân tộc do Hồ Chí Minh phát cao là chủ nghĩa dân tộc mang nội hàm mới, có sự thống nhất hữu cơ với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Ngày nay, chủ nghĩa dân tộc ấy không đối lập với toàn cầu hóa, trái lại, nó tiếp nhận toàn cầu hóa như tiếp nhận một cơ hội để phát triển, cơ hội để thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa mang tính toàn cầu.

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh với chủ đề “*Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*” [78]. Kỷ yếu Hội thảo gồm 75 bài viết của vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước cùng với các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó, có một số bài viết tập trung vào nội dung về tính dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh như bài viết “Cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” của Tô Huy Rứa khẳng định: “sự nghiệp mà Hồ Chí Minh theo đuổi và hiến dâng không chỉ là giải phóng dân tộc mà còn phát triển dân tộc Việt Nam” [78, tr.32]. Bài viết “*Giải phóng dân tộc, giải phóng con người, hạt nhân tư tưởng Hồ Chí Minh*” của tác giả Phạm Hồng Chương đã cho thấy mục tiêu giải phóng dân tộc cùng với mục tiêu giải phóng con người trở thành điểm xuất phát của quá trình nhận thức, mục tiêu phấn đấu của cuộc đời hoạt động cách mạng, hạt nhân chi phối các hoạt động thực tiễn, lý luận, đồng thời cũng là giá trị đạo đức, nhân văn, văn hóa Hồ Chí Minh. Bài viết “*Triết lý phát triển xã hội Hồ Chí Minh - Một đóng góp quan trọng cho triết lý phát triển xã hội hiện đại*” của tác giả Nguyễn Văn Huyền, đã làm rõ triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh trên nhiều vấn đề của đời sống xã hội như độc lập, tự do của dân tộc; xác định con đường đi đúng đắn của cách mạng sau khi giành được độc lập, tự

do; xây dựng một nhà nước thể hiện toàn bộ sức mạnh của nhân dân, tạo ra sức mạnh của toàn xã hội; xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; và đặc biệt, tác giả khẳng định: “chủ nghĩa xã hội chỉ có thể có được khi chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được phát huy cao độ và được nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước mới, - một chủ nghĩa yêu nước cộng sản đầy trí tuệ, tài năng, toàn bộ tinh hoa và khí phách của dân tộc được biến thành hành động” [78, tr.44]. Ngoài ra, một số bài viết của các tác giả nước ngoài cũng đã thừa nhận, khâm phục những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam nói riêng và cách mạng thế giới nói chung, chỉ ra sự cần thiết phải tiếp tục phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới như: bài viết “*Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường phát triển của các dân tộc*” của Suvăđi Sisavát, bài viết “*Sự nghiệp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội*” của Raun Vandét Vivô; hay bài viết “*Lãnh tụ của nhân dân Việt Nam - người tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến thiêng liêng vì độc lập dân tộc và bảo vệ chủ quyền*” của Kim Chol Nam.

Tác giả Lê Mậu Hãn trong cuốn sách “*Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*” [72] chỉ rõ độc lập cho dân tộc chính là động lực, là mục tiêu lý tưởng, là lẽ sống của người yêu nước, người cộng sản Hồ Chí Minh. Những tư tưởng được Hồ Chí Minh phát huy đều mang đậm bản sắc dân tộc, tính dân tộc. Tinh thần dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam chính là động lực cho toàn bộ hoạt động sáng tạo của Hồ Chí Minh. Vì vậy suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh gắn bó với những ý tưởng độc lập chính trị và xây dựng Việt Nam thành một quốc gia tự do và tự chủ trong cộng đồng thế giới. Tác giả cũng khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và những luận điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc nói riêng, tư tưởng Hồ Chí Minh không thuộc riêng của Việt Nam mà vượt ra khỏi biên giới đến với nhân loại cần lao, tiến bộ trên thế giới, Người chính là đại diện cho mong muốn của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Nguyễn Tùng Lâm với cuốn sách “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay*” [131] đã đánh giá: giải quyết đúng đắn và hài hòa mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp là một đặc điểm quan trọng trong tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh. Tác giả đã luận giải cặn kẽ về nội dung này trong tư tưởng Hồ Chí Minh trên các khía cạnh như: nội dung, tính tất yếu và nguyên tắc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, tác giả có sự so sánh về lập trường cách thức mà Hồ Chí Minh giải quyết mối quan hệ giữa

vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp với các nhà cách mạng tiền bối, để thấy được sự sáng tạo của Người. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra quan điểm và những giải pháp để giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tác giả Song Thành trong cuốn sách *“Hồ Chí Minh - nhà yêu nước vĩ đại”* [225] đã chỉ ra những công lao to lớn của Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam và cách mạng thế giới, khẳng định Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại, kế thừa và nâng tầm chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Từ việc chỉ ra những sáng tạo của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bằng những luận cứ thuyết phục, tác giả phân bác những quan điểm, những góc nhìn chưa chính xác về Hồ Chí Minh khi coi Hồ Chí Minh là một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, coi Hồ Chí Minh là một người theo chủ nghĩa cộng hòa, hay theo đường lối dân chủ xã hội. Giáo sư Song Thành giải thích cụ thể hơn lí do tại sao Hồ Chí Minh lại quan tâm và đặt lên hàng đầu vấn đề dân tộc: “một người dân mất nước, đang đi tìm đường cứu nước làm sao lại không nói nhiều về vấn đề thuộc địa, khi từng ngày, từng giờ chủ nghĩa thực dân đang gieo tai họa, đau khổ lên cuộc sống của đồng bào mình” [225, tr.67], giày xéo trên từng mảnh đất quê hương của mình, “tại sao lại không đề cao chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, vốn là động lực vĩ đại và duy nhất của họ” [225, tr.68]. Đề cập đến vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả cho rằng chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, ở Hồ Chí Minh có sự kết hợp hài hòa giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế. Đánh giá cao vai trò của chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, tác giả cho rằng cần kế thừa vận dụng những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới của đất nước, đặc biệt phải khơi dậy lòng yêu nước của mỗi con người Việt Nam bằng cách học tập chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh cả trong tư duy và hành động, lý luận và thực tế, nói và làm.

Thái Văn Long trong bài viết *“Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ đối ngoại - Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam hiện nay”* [147] đã xem xét vấn đề chủ nghĩa dân tộc trên khía cạnh lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ đối ngoại của nhà nước. Tác giả nhấn mạnh, trong quan hệ đối ngoại, Hồ Chí Minh luôn đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, trước hết. Những quan điểm đó được Đảng, Nhà nước ta tiếp tục vận dụng, sáng tạo trong suốt quá trình đổi mới. Vì vậy, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của

dân tộc ta đã đạt được nhiều thành tựu lớn. Để bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay, tác giả đề ra những vấn đề cần phải giải quyết bao gồm: 1) giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam với lợi ích các nước lớn; 2) giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam với lợi ích của các nước khác; 3) kiên quyết đấu tranh làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn làm phương hại đến lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam; 4) tiếp tục đổi mới tư duy đối ngoại, cụ thể hóa tư duy mới của Đảng về đối tác, đối tượng cho phù hợp với tình hình mới.

Trần Thị Minh Tuyết với cuốn sách *“Giá trị và sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh”* [254] bàn về giá trị của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và sự vận dụng, phát triển những tư tưởng của Người trong giai đoạn hiện nay, trong đó có vấn đề dân tộc. Nhóm tác giả đưa ra những lập luận để khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc là làm giàu cho chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc; phát triển lý luận về vấn đề tự do, bình đẳng trong văn hóa nhân loại, tự do, bình đẳng không chỉ dành cho mỗi cá nhân mà mỗi dân tộc cũng cần phải có những quyền ấy; là cơ sở lý luận để Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng đường lối về vấn đề dân tộc. Cuốn sách cũng đưa ra phương hướng để tiếp tục vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, trong đó có vấn đề độc lập dân tộc.

Giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong các chủ đề được các tác giả nước ngoài quan tâm trong các cuốn sách của mình:

Cuốn sách *“Ho”* [33] của tác giả David Halberstam đã đánh giá những nguyên nhân thực sự dẫn đến thành công của người Việt Nam trong cuộc chiến giành độc lập, trong đó tác giả đề cao vai trò của Hồ Chí Minh trong việc khơi dậy tinh thần dân tộc của Việt Nam. Tác giả cho rằng hiệu quả lãnh đạo của Hồ Chí Minh đến từ khả năng khai thác các động lực dân tộc to lớn cho một mục đích chung, tập trung vào việc chống lại một quốc gia quân sự hùng mạnh bậc nhất hành tinh. Hồ Chí Minh được nhân dân Việt Nam gọi là Bác Hồ, có thể gây được tiếng vang với đồng bào cả nước bởi vì mục tiêu của Người luôn là mục tiêu của nhân dân, khát vọng làm chủ đất nước mình mà không có sự can thiệp của nước ngoài. Một câu hỏi đặt ra đối với các thế hệ người phương Tây rằng một dân tộc lạc hậu như vậy có thể đánh bại một trong những quốc gia tiên tiến nhất trên thế giới, xóa bỏ ách đô hộ đã tồn tại gần một trăm năm trong thời gian chưa đầy một thập kỷ. Điều mà chính phủ Pháp đã không nhận ra vào

thời điểm đó, và thế hệ kế cận của người Mỹ cũng không nắm bắt được trong những năm 1950 và 1960, đó là sức mạnh thực sự của người Việt Nam không đến từ những người lính mặc quân phục hay những vũ khí tối tân trên chiến trường. Thay vào đó, sức mạnh của Việt Nam thể hiện từ những thôi thúc tinh thần dân tộc trong trái tim và khao khát xóa bỏ ách áp bức ngoại bang trên chính mảnh đất quê hương mình, “Đảng Cộng sản thiểu số của ông đã giành được quyền sở hữu rõ ràng đối với chủ nghĩa dân tộc của đất nước” [33, tr.34]. Việt Nam đã thành công vì có sự lãnh đạo tài tình của Hồ Chí Minh, vì Hồ Chí Minh đã cống hiến cả cuộc đời mình để trở thành hiện thân sống động cho chính nhân dân của mình, chính dân tộc của mình, cho cuộc cách mạng của dân tộc Việt Nam.

Huỳnh Kim Khánh trong “*Vietnamese Communism 1925- 1945*” (Chủ nghĩa cộng sản Việt Nam 1925-1945) [116] đã giải thích sự thành công của Việt Nam trong việc đánh đuổi chủ nghĩa thực dân Pháp: thành công của Cách mạng tháng Tám trước hết thuộc về tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam, phản kháng trước ách thống trị của đế quốc ngoại bang và kiên cường đấu tranh giành độc lập dân tộc, để có được thành công đó, vai trò của Hồ Chí Minh trong việc gắn chủ nghĩa dân tộc với chủ nghĩa cộng sản là vô cùng to lớn.

E. Cô - bê - lép với cuốn “*Đồng chí Hồ Chí Minh*” [51] trình bày con đường cách mạng của Hồ Chí Minh từ những ngày tháng hoạt động sôi nổi trên hành trình tìm đường cứu nước, trải qua những thử thách trong cuộc đời hoạt động cách mạng, đến lúc trở thành người lãnh đạo dân tộc đấu tranh đánh đuổi kẻ thù xâm lược. Đó là một quá trình trưởng thành của tư duy, nhân cách và tư tưởng của Người, từ một người yêu nước gặp được chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo, phát triển và áp dụng những tư tưởng đó vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Cuộc đời của Người là chứng minh cho chân lý đúng đắn của thời đại: “người nào yêu Tổ quốc, yêu nhân dân mình tha thiết thì cũng không khi nào phản bội lại các lý tưởng của tình đoàn kết quốc tế và ngược lại, chỉ những người theo chủ nghĩa quốc tế một cách kiên định thì mới là người yêu nước chân chính, mới đem lại lợi ích to lớn cho Tổ quốc mình, nhân dân mình” [51, tr.518]. Tác giả kết luận rằng: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!” - giờ đây đang cổ vũ hàng triệu người Việt Nam tiến lên những chiến công vẻ vang của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” [51, tr.384]. Tên tuổi và sự nghiệp của Người giờ đây vẫn soi sáng cho sự nghiệp của dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, những công trình đề cập đến chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh hầu hết đều ở dưới dạng thức các bài viết tạp chí, hoặc là một mục, một chương trong các cuốn sách tham khảo, chuyên khảo. Hầu hết các công trình nghiên cứu này đều khẳng định chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc chân chính, đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ xã hội mới ở Việt Nam.

1.4. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.4.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, tác giả luận án nhận thấy các công trình nghiên cứu trên đây đã làm rõ được những nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, từ nhiều cách tiếp cận và góc nhìn khác nhau, các công trình nghiên cứu đã hình thành hệ thống lý luận về chủ nghĩa dân tộc bao gồm: khái niệm, nguồn gốc, yếu tố cấu thành, phân loại cũng như những tác động của chủ nghĩa dân tộc đối với đời sống chính trị thế giới. Mặc dù còn nhiều tranh luận xoay quanh những yếu tố như thời điểm ra đời, bản chất, vai trò của dân tộc, chủ nghĩa dân tộc; giữa những người ủng hộ hay không ủng hộ chủ nghĩa dân tộc, nhưng những công trình đã tổng quan là căn cứ quan trọng để nghiên cứu sinh xác định được những nội dung lý luận về chủ nghĩa dân tộc theo mục đích và phạm vi nghiên cứu của luận án.

Thứ hai, liên quan trực tiếp đến chủ đề của luận án - “chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh”- về cơ bản, các nhà khoa học đều thống nhất có chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc chân chính. Các công trình đã làm sáng tỏ một số khía cạnh nội dung của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã được đề cập và phân tích như: Hồ Chí Minh nhấn mạnh và đề cao vai trò của chủ nghĩa dân tộc chân chính, coi đó là động lực quan trọng của các dân tộc; biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được các tác giả phân tích trên một số khía cạnh trong tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước, về đại đoàn kết dân tộc, về quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn các công trình nghiên cứu đã có là các bài tạp chí, bài tham luận hay nội dung của một chương sách nên dung lượng còn hạn chế, chủ yếu mới chỉ nêu một cách khái lược, chưa có sự phân tích và đưa ra dẫn chứng cụ thể, cũng chưa trình bày

và phân tích một cách có hệ thống nội dung biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Thứ ba, về giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, các nhà nghiên cứu đã thống nhất và khẳng định Hồ Chí Minh là người đã đặt nền móng cho việc khơi dậy và phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính trên lập trường giai cấp vô sản ở Việt Nam. Trong các khuynh hướng chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Việt Nam đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là đúng đắn nhất, phù hợp với Việt Nam. Ở từng góc độ khác nhau, các tác giả phân tích giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc, giai cấp và nhân loại; đối với việc xây dựng hệ thống chính trị mang tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc. Các công trình nghiên cứu cũng đã bước đầu gợi mở những giá trị của tư tưởng đó đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, tuy nhiên, phần lớn công trình mới chỉ nêu lên mà chưa phân tích, luận giải cặn kẽ.

1.4.2. Những vấn đề đặt ra được luận án tiếp tục nghiên cứu

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là một chủ đề mang tính tích hợp từ góc độ tiếp cận đến nội dung nghiên cứu. Câu hỏi nghiên cứu chính đặt ra là: Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh cần được nhận diện một cách đầy đủ và chính xác như thế nào? Đây là những nội dung căn bản của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh? Và giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là gì?

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến chủ đề nghiên cứu này, tác giả luận án nhận thấy còn có nhiều nội dung liên quan đến đề tài cần được tiếp tục nghiên cứu và làm rõ:

Thứ nhất, làm rõ hơn nữa nội hàm khái niệm chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, định hình đây là các khái công cụ để nghiên cứu một cách đúng hướng và toàn diện về các nội dung cơ bản của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, cần làm rõ hơn cơ sở cơ sở hình thành chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Thứ hai, luận án tiếp tục nghiên cứu nội dung chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với tư cách là một hệ thống thống nhất và đi sâu phân tích, cung cấp thêm tư liệu để làm rõ các biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị

Hồ Chí Minh: về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Nhà nước; về đại đoàn kết toàn dân tộc; về quan hệ quốc tế.

Thứ ba, luận án đi vào phân tích giá trị cốt lõi của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Đặc biệt, luận án tập trung chỉ rõ những điểm mà Hồ Chí Minh đã tiếp thu, kết tinh, phát triển sáng tạo các tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc của dân tộc và thế giới, cũng như vai trò nền tảng, định hướng của tư tưởng này đối với cách mạng Việt Nam và những đóng góp đối với thực tiễn cách mạng thế giới. Từ đó, gợi mở một số vấn đề để tiếp tục phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính trong giai đoạn hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Trong quá trình tìm đường cứu nước, giành lại độc lập, tự do, hạnh phúc, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra động lực to lớn của dân tộc là chủ nghĩa dân tộc chân chính. Người đã để lại nhiều di sản quý báu trong việc áp dụng chủ nghĩa dân tộc chân chính ấy vào những vấn đề cơ bản của chính trị Việt Nam từ việc xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng Việt Nam, đến việc phát động chủ nghĩa dân tộc chân chính trên lập trường giai cấp vô sản và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, và xây dựng một hệ thống chính trị của dân tộc Việt Nam nhằm bảo vệ cho quyền và lợi ích chính đáng của dân tộc và người dân Việt Nam. Hệ thống tư tưởng đó thể hiện tầm nhìn, triết lý chính trị của lãnh tụ đối với việc xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, hùng cường. Nhận thức tầm quan trọng của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, tác giả lựa chọn vấn đề này để nghiên cứu.

Qua quá trình khảo cứu các công trình nghiên cứu liên quan đến chủ đề của luận án, tác giả nhận thấy tuy đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc; tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc; giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc; cũng như việc phát huy, vận dụng tư tưởng đó đối với việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, nhưng chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống, đầy đủ, toàn diện về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, từ đó nêu lên những vấn đề đặt ra và kiến nghị với việc tiếp tục phát huy chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay. Những công trình nghiên cứu đã nêu trên là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu sinh tiếp thu, kế thừa, phục vụ cho việc nghiên cứu, hoàn thành luận án của mình.

Chương 2

MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VÀ CƠ SỞ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Diễn tiến lịch sử và khái niệm dân tộc, chủ nghĩa dân tộc

2.1.1.1. *Diễn tiến của quan niệm về dân tộc và chủ nghĩa dân tộc trong lịch sử*

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng sự hình thành và phát triển dân tộc là một hiện tượng lịch sử xã hội phức tạp, có căn nguyên sâu xa từ sự vận động và phát triển của sản xuất, của kinh tế đồng thời chịu sự tác động của yếu tố chính trị, tức là của giai cấp và nhà nước trong việc tổ chức nên đời sống xã hội của các cộng đồng người. Mặt khác dân tộc ra đời và phát triển còn gắn liền với truyền thống lịch sử và văn hóa (kể cả tín ngưỡng và tôn giáo) của từng dân tộc. Các ông cho rằng dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người. Các hình thức cộng đồng khác nhau trong lịch sử từ thấp đến cao, từ thị tộc và bộ lạc đến các bộ tộc và đến khi xuất hiện giai cấp, nhà nước thì xuất hiện dân tộc. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăng ghen đã nói rõ: “Những địa phương độc lập, liên hệ với nhau hầu như chỉ bởi những quan hệ liên minh và có những lợi ích, luật lệ, chính phủ, thuế quan khác nhau, thì đã tập hợp lại thành một dân tộc thống nhất, có một chính phủ thống nhất, một luật pháp thống nhất, một lợi ích dân tộc thống nhất mang tính giai cấp và một hàng rào thuế quan thống nhất” [151, tr.603]. Dân tộc gắn liền với nhà nước, tức là dân tộc đã định hình thành quốc gia dân tộc, nhà nước dân tộc từ rất xa xưa trong lịch sử chứ không phải chỉ đến khi chủ nghĩa tư bản, nhà nước tư sản ra đời mới có dân tộc. Trong khi đó, chủ nghĩa dân tộc trỗi dậy cùng với sự trỗi dậy của chủ nghĩa tư bản và sự suy tàn của chế độ phong kiến. Chủ nghĩa dân tộc được coi là một hệ tư tưởng cho phép giai cấp tư sản đồng nhất lợi ích của mình với lợi ích của toàn xã hội.

Các nhà nghiên cứu khác ở phương Tây cũng thảo luận về sự hình thành dân tộc và chủ nghĩa dân tộc với sự tranh luận quanh chủ đề chính: liệu chủ nghĩa dân tộc xuất hiện trước hay là sản phẩm của thời kỳ hiện đại. Điều này dẫn đến ba cách tiếp cận là chủ nghĩa truyền thống (thuyết khởi nguyên), chủ nghĩa hiện đại và chủ nghĩa biểu tượng trong nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc.

Thuyết khởi nguyên về chủ nghĩa dân tộc tin rằng các dân tộc là những thực thể sẵn có từ rất lâu trước khi các quốc gia hiện đại hình thành. Những học giả tiêu biểu

của quan điểm này như Hans Kohn [71], Walker Connor [265], Anthony D. Smith cho rằng dân tộc có nguồn gốc từ tộc người, các đặc trưng mới được xây dựng từ huyền thoại, ký ức và biểu tượng từ xa xưa [7, tr.216]. Những huyền thoại, biểu tượng về sự hình thành dân tộc đó không nhất thiết phải chính xác về mặt học thuật như người Nhật tin rằng mình là con cháu của thần Amaterasu, người Việt Nam luôn tự hào với nguồn gốc con Rồng cháu Tiên và được sinh ra từ bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ; hay người Hàn Quốc cho rằng vua nhà trời Dangun Wanggeom là ông tổ của dân tộc họ [281]. Những người theo thuyết khởi nguyên cũng nhấn mạnh đến yếu tố địa lý, họ thường sử dụng những thuật ngữ như: “quê hương”, “Tổ quốc” để giải thích cho chủ nghĩa dân tộc. Họ lập luận rằng “quê hương” là nơi chúng ta sinh ra và vị trí của chúng ta trên thế giới được quyết định bởi: “chúng ta đến từ đâu”. “Quê hương” là sự gắn kết giữa các khái niệm vùng miền, tổ tiên và gia đình. “Tổ quốc” được sử dụng để bảo vệ biên giới quốc gia hiện có, là điểm tựa quan trọng để huy động sức mạnh của người dân trong trường hợp xảy ra xung đột quốc gia hay sắc tộc, hoặc để chống lại sự tấn công của một dân tộc khác.

Khác với quan điểm của thuyết khởi nguyên, phần đông những nhà nghiên cứu về chủ nghĩa dân tộc cho rằng sự ra đời của dân tộc và chủ nghĩa dân tộc không phải là tự nhiên, lâu đời, mà chỉ xuất hiện ở một giai đoạn nhất định của đời sống xã hội với những điều kiện lịch sử - xã hội nhất định mà cụ thể là do những yêu cầu đặc biệt của nền kinh tế công nghiệp. Người ta cho rằng logic của ngành công nghiệp hiện đại đòi hỏi một nền văn hóa và ngôn ngữ chung. Không giống như xã hội nông nghiệp - nơi các đơn vị kinh tế là những ngôi làng nhỏ, biệt lập, tự cung tự cấp - nền kinh tế công nghiệp đòi hỏi một cơ sở hạ tầng giao thông và thông tin liên lạc có thể kết nối các cộng đồng cách biệt nhau về mặt địa lý. Đổi lại, hoạt động hiệu quả của cơ sở hạ tầng đó cũng yêu cầu một ngôn ngữ và văn hóa chung để các cộng đồng thuộc các phương ngữ và văn hóa địa phương khác nhau có thể giao tiếp và trao đổi hàng hóa, thông tin. Để đáp ứng nhu cầu đó, nhà nước sẽ phải truyền đạt ngôn ngữ và văn hoá chung thông qua một hệ thống giáo dục công lập. Theo đó, mọi người dân trong một quốc gia - dân tộc đều nói một tiếng nói chung, có cơ hội tiếp cận với nền văn hóa chung, có quyền lợi giống nhau, từ đó có thể dễ dàng trao đổi, đồng cảm với nhau, điều này không thể có ở các nhà nước nông nghiệp cổ đại, nơi mà linh mục là nhóm ưu tú trong bộ máy nhà nước, trong khi ở xã hội hiện đại mọi người đều trở thành linh mục [56, tr.3]. Đồng thời, các ngành công nghiệp mới đã thu hút ngày càng nhiều người di cư từ nông thôn

đến thành phố. Khi mọi người rời làng mạc đến thành phố, họ cũng bỏ lại nhiều ràng buộc trước đây và trở nên dễ tiếp thu những bản sắc mới. Tác động biến đổi của công nghiệp hóa được tăng cường nhờ sự gia tăng của xã hội dân sự, được các nhà triết học thời Khai sáng thúc đẩy. Khi những ý tưởng về chính thể đại diện lan rộng, những cá nhân trước đây không có liên kết bắt đầu kết nối với nhau với mục tiêu chung là “thần dân nên trở thành công dân”. Ngày càng nhiều, các mối liên kết theo chiều ngang mới thay thế các mối quan hệ theo chiều dọc phong kiến giữa quân chủ và thần dân, cuối cùng lên đến đỉnh điểm là ý thức và bản sắc tập thể đã kết tụ thành chủ nghĩa dân tộc.

Bên cạnh thuyết khởi nguyên và thuyết hiện đại, những người theo chủ nghĩa biểu tượng cho rằng dân tộc là một hiện tượng hiện đại, nhưng có nguồn gốc từ khu vực tiền hiện đại, họ đề cao vai trò của các biểu tượng, thần thoại, ký ức và truyền thống trong quá trình hình thành nên các quốc gia dân tộc. Các cộng đồng dân tộc tiền hiện đại cung cấp các thành phần thiết yếu như thần thoại, ký ức, truyền thống, biểu tượng và văn hóa, trên cơ sở đó, các đặc điểm biểu tượng của quốc gia dân tộc đó được xây dựng sau này. Đối với những người theo chủ nghĩa dân tộc, “biểu tượng quốc gia, phong tục và nghi lễ là những khía cạnh mạnh mẽ và lâu bền nhất của chủ nghĩa dân tộc” [8, tr.77]. Chúng làm cho cái trừu tượng của hệ tư tưởng dân tộc trở nên hữu hình, làm phát triển tình cảm và nguyện vọng, giúp đảm bảo tính liên tục của một cộng đồng trừu tượng về lịch sử và vận mệnh [8, tr.77-78].

Ngày nay, các nhà nghiên cứu xác định mốc ra đời của chủ nghĩa dân tộc cùng với sự ra đời của nhà nước dân tộc độc lập có chủ quyền sau Hiệp ước Westphalia năm 1648 [93, tr.29] - hiệp ước khẳng định chủ quyền quốc gia là tối thượng, xác nhận sự độc lập và quyền lực quốc gia phải được tôn trọng bởi các quốc gia khác trong quan hệ quốc tế. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là yếu tố thúc đẩy hơn nữa sự hình thành các quốc gia - dân tộc thống nhất, cùng với đó là các triết lý về chủ nghĩa dân tộc, tư tưởng đề cao và tôn sùng các quốc gia dân tộc được khơi dậy.

Chủ nghĩa dân tộc từng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hình thành các quốc gia - dân tộc thống nhất. Tuy nhiên, khi chủ nghĩa tư bản thắng thế và phát triển mạnh mẽ ở châu Âu, chủ nghĩa dân tộc tư sản đã phát triển theo hướng tiêu cực. Biểu hiện rõ nét là sự bùng phát của chủ nghĩa dân tộc bành trướng từ cuối thế kỷ XIX, với làn sóng xâm lược thuộc địa của các nước đế quốc. Đồng thời, chúng gây ra những cuộc chiến tranh giành vị thế tối cao về thương mại, công nghiệp, quân sự với đế quốc khác nhằm chứng tỏ sức mạnh quân sự và lòng tự hào dân tộc. Chính hình thức chủ

nghĩa dân tộc hung hãn và hiếu chiến này là một trong những nguyên nhân của các cuộc chiến tranh thế giới, gây ra những hậu quả thảm khốc nhất đối với lịch sử nhân loại. Ngoài ra, chủ nghĩa dân tộc bành trướng còn mang đậm dấu ấn sắc tộc. Các chiến dịch xâm lược và đô hộ của các nước phương Tây đối với các dân tộc châu Á và châu Phi được biện minh bằng những luận điệu về tính ưu việt văn hóa. Người ta cho rằng các dân tộc “da trắng” ở Châu Âu đã vượt xa các dân tộc “da đen”, “da nâu” và “da vàng” ở Châu Phi và Châu Á. Vì vậy, việc đi xâm lược thuộc địa là một nỗ lực đạo đức mang tính nhân văn cao để truyền bá nền văn minh châu Âu, khai hóa cho các dân tộc kém văn minh, kém phát triển hơn ở các khu vực khác. Hay chính quan niệm về ưu thế chủng tộc của người Đức và chủng tộc Aryan được sử dụng để biện minh cho sự áp bức người Do Thái và cổ vũ cho chủ nghĩa bài Do Thái đã dẫn đến cuộc tàn sát người Do Thái trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Để phản ứng lại làn sóng chủ nghĩa dân tộc bành trướng, tìm cách chống lại sự cai trị của các đế quốc, giành độc lập dân tộc, chủ nghĩa dân tộc chống thực dân đã trở dậy mạnh mẽ ở các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Các hình thức đấu tranh phổ biến nhất để chống lại chủ nghĩa thực dân là: (1) Chính quyền thuộc địa tồn tại trước đó đã phát động nhân dân sử dụng bạo lực để giải phóng dân tộc, giành lại quyền tự trị, bảo vệ quyền lực của họ trước sự bành trướng của phương Tây; (2) Các cuộc đấu tranh được lãnh đạo bởi những người có uy tín, có năng lực và lòng yêu nước nhằm chống lại sự can thiệp hoặc áp đặt của thể chế và văn hóa phương Tây thông qua hình thức bạo động hoặc tôn giáo; (3) Những cuộc đấu tranh nhỏ lẻ của người nông dân, công nhân hay nô lệ chống lại ông chủ trực tiếp của họ; (4) Những cuộc đấu tranh bằng phương pháp hòa bình như biểu tình, đình công, đưa ra những yêu sách đòi quyền bình đẳng cho nhân dân thuộc địa. Tuy các phong trào đấu tranh hòa bình này mang đến những thách thức cho chế độ thuộc địa nhưng không cố gắng tiêu diệt chúng, đặc biệt sự thành công của các phong trào này còn phụ thuộc vào tính chất hung hăng, hiếu chiến hay ôn hòa của thực dân cai trị họ; (5) Những người cách mạng ở các nước thuộc địa đã phát động chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, tập hợp dân chúng vào các tổ chức và khối đoàn kết dân tộc, tạo thành những phong trào sử dụng bạo lực cách mạng lật đổ chính quyền của chủ nghĩa thực dân, giành lại quyền tự quyết và quyền bình đẳng dân tộc.

Chủ nghĩa dân tộc biểu hiện rõ nét trong mối quan hệ với các quốc gia – dân tộc khác, đặc biệt là trong kỷ nguyên toàn cầu hóa khi mà các dân tộc không còn tồn tại

biệt lập như trước. Trong bối cảnh mới, chủ nghĩa dân tộc vẫn tác động đến thế giới theo hai khuynh hướng: tích cực và tiêu cực. Chủ nghĩa dân tộc chân chính thể hiện lòng trung thành đối với đất nước nhưng không xem dân tộc mình ưu việt hơn các dân tộc khác. Khi đó, chủ nghĩa dân tộc biểu hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, là nền tảng, động lực cho việc thực hiện các quyền dân tộc mà trên hết là quyền độc lập, quyền tự quyết. Yêu dân tộc mình, đồng thời cũng là tôn trọng phẩm giá của các dân tộc khác, chiến đấu cho dân tộc mình cũng đồng thời phải quan tâm đến vận mệnh của các dân tộc khác; là cơ sở để xây dựng mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc. Thêm vào đó, có thể thấy rõ, chủ nghĩa dân tộc khuyến khích sự đa dạng văn hóa. Chủ nghĩa dân tộc với ý thức về bản sắc riêng, về sự khác biệt của dân tộc mình với các dân tộc khác, đồng thời tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa, các giá trị của dân tộc khác nhằm duy trì chính điểm khác biệt của dân tộc mình. Về mặt tiêu cực, việc đề cao quá mức lợi ích và những giá trị của dân tộc mình thường dẫn đến suy nghĩ dân tộc mình vượt trội hơn các dân tộc khác, thậm chí khinh thường hoặc ghét bỏ các dân tộc khác, cảm giác thù hận giữa các dân tộc đặc biệt mạnh mẽ nếu có lịch sử xung đột hoặc áp bức. Chủ nghĩa dân tộc tiêu cực dẫn đến tư tưởng bài ngoại, “bế quan tỏa cảng”, ở một số quốc gia, mặt tiêu cực của chủ nghĩa dân tộc thường biểu hiện bởi những nỗ lực nhằm hạn chế hoặc ngừng nhập cư, trục xuất và/hoặc áp bức những người không phải bản địa. Ngoài ra, những người theo chủ nghĩa dân tộc không tiếp nhận bất cứ giá trị nào từ bên ngoài dội tới vì cho rằng các giá trị ngoại lai là thuốc độc đối với giá trị truyền thống của dân tộc mình. Thực tế này đã khiến Voltaire than thở rằng: “thật đáng buồn khi trở thành một người yêu nước tốt thường đồng nghĩa với việc trở thành kẻ thù của phần còn lại của nhân loại” [112, tr.120]. Biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc bài ngoại còn thể hiện ở tình trạng phân biệt chủng tộc đặc biệt nhắm vào các quốc gia - dân tộc láng giềng, từ đó có thể gây nên những cuộc xung đột.

Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu cũng có những bàn thảo về vấn đề hình thành dân tộc và chủ nghĩa dân tộc. Trong đó, ý kiến nhận được nhiều sự đồng thuận của các nhà khoa học là dân tộc Việt Nam hình thành từ trước thời kỳ hiện đại, là loại hình dân tộc tiền tư bản chủ nghĩa, và kể từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thì bước vào thời kỳ hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa. Tiêu biểu cho luồng ý kiến này là phát biểu của Tổng bí thư Lê Duẩn: “ở Việt Nam, dân tộc Việt Nam hình thành từ khi lập nước, chứ không phải từ khi chủ nghĩa tư bản nước ngoài thâm nhập vào Việt Nam”, “Dân tộc Việt Nam ta có lịch sử mấy nghìn năm, có ngôn ngữ riêng, văn tự riêng,

phong tục, tập quán riêng, cốt cách làm ăn riêng, phong thái sinh hoạt riêng và có nền văn hoá lâu đời của mình” [35, tr.151]. Sự hình thành sớm của dân tộc và chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam là do nhu cầu cố kết cộng đồng trong quá trình chống chọi với thiên tai đặc biệt là vấn đề trị thủy, và hơn hết là nhu cầu đoàn kết chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc. Bên cạnh đó, sự hình thành rất sớm nhà nước quân chủ tập quyền cũng là yếu tố làm gia tăng sự thống nhất của dân tộc, hình thành nên ý thức dân tộc, chủ nghĩa dân tộc.

2.1.1.2. Khái niệm Dân tộc và Chủ nghĩa dân tộc

Từ dân tộc (nation) bắt nguồn từ tiếng Latin *nātiō* (sự sinh ra, nguồn gốc, dòng dõi), danh từ *nātiō* bắt nguồn từ động từ *nāscor* (được sinh ra). Từ thế kỷ XIII, khái niệm này được sử dụng để chỉ một nhóm chủng tộc, không mang tính chính trị. Tuy nhiên, đến cuối thế kỷ XVIII, thuật ngữ này mang nội hàm chính trị. Từ đó đến nay, câu hỏi “dân tộc là gì?” đã được trả lời bằng nhiều cách tiếp cận khác nhau, có quan điểm nhấn mạnh các yếu tố khách quan, có quan điểm đề cao vai trò của yếu tố chủ quan, cũng có quan điểm quan tâm đến cả yếu tố khách quan và chủ quan.

Các yếu tố khách quan như ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục, lãnh thổ và thể chế được nhấn mạnh trong quan điểm của Joseph Stalin: “Một dân tộc là một cộng đồng người ổn định, thành lập trong lịch sử, dựa trên cơ sở cộng đồng về tiếng nói, về lãnh thổ, về sinh hoạt kinh tế, và cấu tạo tâm lý biểu hiện trong cộng đồng văn hóa” [220, tr.16]. Hay Max Weber cũng đã chỉ ra, các tiêu chí thuần túy khách quan của dân tộc là ngôn ngữ, tôn giáo, lãnh thổ, v.v. [180]

Ngược lại, một số nhà nghiên cứu nhấn mạnh yếu tố chủ quan như tình cảm, ý chí, trí tưởng tượng, tiêu biểu là Benedict Anderson, ông viết: “đó là một cộng đồng chính trị được tưởng tượng - và được tưởng tượng như vốn dĩ vừa hữu hạn vừa có chủ quyền. Dân tộc được tưởng tượng ra vì thành viên của ngay cả những dân tộc nhỏ nhất cũng không hề biết tới phần lớn các thành viên – đồng bào của mình, những người họ chưa từng gặp gỡ hay thậm chí nghe tới, ấy vậy mà trong tâm trí của mỗi người đều tồn tại một sự hiệp thông giữa họ” [15, tr.15].

Khái niệm “dân tộc” được hiểu một cách toàn diện khi kết hợp cả yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan. Trong đó, yếu tố chủ quan phản ánh sự tồn tại của dân tộc phụ thuộc vào nhận thức và tình cảm; nhưng nhận thức và tình cảm đó lại bắt nguồn từ việc có những điểm chung khách quan bao gồm chủng tộc, lãnh thổ, chủ quyền, ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục, đời sống kinh tế, lịch sử chung và sự bình đẳng giữa các

thành viên trong cộng đồng đó. Tiêu biểu trong cách tiếp cận này là John Stuart Mill, ông chỉ ra những điểm chung dẫn đến sự hình thành quốc gia dân tộc như nguồn gốc, ngôn ngữ, văn hóa. Ông đặc biệt nhấn mạnh yếu tố chính trị: “mạnh mẽ nhất trong tất cả mọi nguyên nhân, ấy là tính đồng nhất của lai lịch chính trị; sở hữu chung một lịch sử quốc gia, do vậy mà cộng đồng chung những hờn ức; niềm tự hào và nỗi ô nhục tập thể, niềm vui sướng và sự hối tiếc, liên quan chung đến cùng những biến cố trong quá khứ” [111, tr.482].

Ở Việt Nam, bàn về khái niệm “dân tộc”, giáo sư Phan Huy Lê kiến giải về nguồn gốc của thuật ngữ rằng: từ “dân tộc” theo hiểu biết của tôi cho đến nay thì người Việt Nam đầu tiên sử dụng là nhà yêu nước Phan Bội Châu trong bài “Lưu Cầu huyết lệ tân thư” khoảng trước năm 1905. Từ “dân tộc” do các trí thức cấp tiến Nhật Bản sáng tạo trên cơ sở chữ Hán để dịch từ “Nation” trong tiếng Anh [133]. Trong quá trình sử dụng, thuật ngữ “dân tộc” được hiểu theo hai nghĩa phổ biến: dân tộc với ý nghĩa là tộc người (ethnic) và dân tộc - quốc gia (nation - state). Trong khuôn khổ luận án này thì dân tộc mà tác giả đề cập đến là dân tộc theo nghĩa dân tộc - quốc gia. Theo nghĩa này, *dân tộc là một cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình, gắn bó với nhau bởi lợi ích kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt một quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.*

Chủ nghĩa dân tộc (nationalism) lần đầu tiên được đề cập trong quyền từ điển “Phục hưng” đầu tiên ở Anh - do Thomas Elyot xuất bản năm 1538. Thuật ngữ “Chủ nghĩa dân tộc” sau đó được xuất hiện nhiều hơn ở các nước phương Tây từ thế kỷ XVIII, nhà triết học người Đức Johann Gottfried Von Herder và giáo sĩ người Pháp, Abbé Augustin de Barruel được biết là những người sớm sử dụng thuật ngữ này.

Học giả người Phổ Johann Gottfried Herder (1744 - 1803) đề cập đến thuật ngữ này vào năm 1772 trong “*Treatise on the Origin of Language*” (Chuyên luận về nguồn gốc ngôn ngữ). Ông phân tích tính khác biệt của các nhóm ngôn ngữ và văn hóa, coi đó là nền tảng để phân biệt các cộng đồng dân tộc. Khái niệm này được mở rộng bởi Johann Gottlieb Fichte vào đầu thế kỷ XIX, ông lập luận rằng mỗi nhóm ngôn ngữ riêng biệt cấu thành một quốc gia riêng biệt; do đó, nên có và kiểm soát nhà nước của chính mình. Bằng cách tạo ra mối liên hệ rõ ràng giữa ngôn ngữ và chính thể, Fichte đã chuyển các yêu cầu của quốc gia từ lĩnh vực văn hóa sang lĩnh vực chính trị. Từ đây, một học thuyết rộng lớn về chủ nghĩa dân tộc đã được phát triển. Cho đến nay, chủ

nghĩa dân tộc đã từng bước được công nhận rộng rãi và được coi là một trong những thuật ngữ ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến đời sống chính trị thế giới. Nghiên cứu về xu hướng hình thành và tầm quan trọng của chủ nghĩa dân tộc, Mark Suzman cụ thể hóa trong năm mệnh đề cơ bản: 1) Thế giới được chia thành các dân tộc một cách tự nhiên, mỗi dân tộc có nền văn hóa độc đáo của riêng mình, thường dựa trên ngôn ngữ nhưng đôi khi dựa trên tôn giáo hoặc các yếu tố khác; 2) Mọi người phải thuộc về một dân tộc; 3) Tất cả các dân tộc phải tìm kiếm quyền tự trị chính trị đầy đủ, hoặc trở thành nhà nước; 4) Chỉ trong một dân tộc độc lập, một cá nhân mới có thể tìm thấy sự thỏa mãn thực sự về tinh thần và chính trị; 5) Chỉ có một thế giới gồm các quốc gia - dân tộc tự do và có chủ quyền mới có thể mang lại trật tự và ổn định quốc tế [160, tr.10].

Chủ nghĩa dân tộc có nhiều cách hiểu và cách tiếp cận khác nhau, được xem xét trên các phương diện khác nhau. Trong cuốn sách *Nationalism, Theory, Ideology, History* (Chủ nghĩa dân tộc, lý thuyết, hệ tư tưởng, lịch sử), Anthony Smith nhận định rằng: trong quá trình tồn tại, thuật ngữ chủ nghĩa dân tộc đã được sử dụng theo năm cách khác nhau: 1) toàn bộ quá trình hình thành và duy trì các dân tộc; 2) ý thức thuộc về dân tộc; 3) một ngôn ngữ và biểu tượng của dân tộc; 4) một hệ tư tưởng của các quốc gia; 5) một phong trào xã hội và chính trị để đạt được mục tiêu của các quốc gia và thực hiện ý chí quốc gia [9, tr.1]. Nhưng hầu hết đều hướng tới một chủ đề chính, là mối quan tâm lớn nhất đối với quốc gia - dân tộc.

Trong khuôn khổ luận án, tác giả nghiên cứu chủ nghĩa dân tộc với tư cách là một hệ tư tưởng, tất nhiên, hệ tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc không thể tách rời tình cảm, ý thức thuộc về dân tộc, ngôn ngữ, biểu tượng cũng như các phong trào dân tộc chủ nghĩa. Bởi lẽ, tình cảm, ý thức thuộc về dân tộc, ngôn ngữ hoặc biểu tượng của chủ nghĩa dân tộc gắn chặt với các hệ tư tưởng của chủ nghĩa dân tộc tạo thành các thành phần cốt lõi của hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa, thúc đẩy các mục tiêu mà hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa đặt ra. Các mục tiêu của phong trào chính trị xã hội được xác định bởi những lý tưởng và nguyên lý cơ bản của hệ tư tưởng.

Với tư cách là một hệ tư tưởng, chủ nghĩa dân tộc tạo ra một thế giới quan nhất quán dựa trên hai nguyên tắc cơ bản là các thành viên đều thuộc về một cộng đồng các công dân bình đẳng, trải qua một quá khứ chung và hướng về cùng một tương lai. Để duy trì sự tồn tại và phát triển của dân tộc, về mặt tình cảm, tư tưởng, chủ nghĩa dân tộc khai thác những tình cảm thiêng liêng, sâu sắc đối với quốc gia - dân tộc mình. Như

vậy, chủ nghĩa dân tộc được coi là tình cảm phát triển tự nhiên khi mọi người trở thành thành viên của một quốc gia - dân tộc, có sự trung thành, lòng nhiệt huyết với lợi ích của dân tộc mình.

Không chỉ ở góc độ tâm lý, tình cảm, chủ nghĩa dân tộc đặt còn thúc đẩy hành động của cộng đồng. Theo Anthony Smith, “chủ nghĩa dân tộc là một hệ tư tưởng đặt quốc gia vào trung tâm của các mối quan tâm và tìm cách thúc đẩy sự thịnh vượng của quốc gia đó” [9, tr.14]. Theo ông, sự tồn tại và thịnh vượng của quốc gia - dân tộc được thể hiện qua ba mục tiêu lớn: quyền tự quyết dân tộc, sự thống nhất quốc gia và bản sắc dân tộc, và đối với những người theo chủ nghĩa dân tộc, một quốc gia không thể tồn tại nếu không có đủ cả ba mục tiêu trên. Do đó chủ nghĩa dân tộc là: “Một trào lưu tư tưởng để đạt được và duy trì quyền tự trị, sự thống nhất và bản sắc cho một cộng đồng dân cư mà một số thành viên của nó cho là tạo thành một dân tộc” [5, tr.112]. Qua đó, có thể thấy, chủ nghĩa dân tộc không chỉ khiến dân tộc trở thành tâm điểm của lòng trung thành chính trị mà còn khẳng định rằng quốc gia - dân tộc là cơ sở thích hợp duy nhất để tổ chức bất kỳ hoạt động chính trị nào. Vì vậy, quốc gia - dân tộc được tạo thành từ tất cả những người thuộc về nó, có thể yêu cầu tài sản, tính mạng và bất kỳ sự hy sinh nào khác từ các thành viên của mình để đảm bảo sự tồn tại của tập thể.

Cũng tiếp cận theo hướng coi chủ nghĩa dân tộc là hệ tư tưởng, nhưng nhìn từ một chiều cạnh tác động tiêu cực của nó, *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học* đưa ra định nghĩa về chủ nghĩa dân tộc: “Chủ nghĩa dân tộc là tâm lý, hệ tư tưởng, thế giới quan và chính sách thích những dân tộc này hơn những dân tộc khác, tán dương dân tộc mình, gây căm thù dân tộc và thù hằn chủng tộc” [1, tr.106]. Đây là một góc nhìn chưa đầy đủ về vai trò cũng như nội hàm của chủ nghĩa dân tộc.

Trong khi đó, đặt vấn đề dân tộc trong mối quan hệ với vấn đề giai cấp, Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển Bách khoa Việt Nam cho rằng chủ nghĩa dân tộc là: “hệ tư tưởng chính trị và biểu hiện tâm lý đòi quyền lợi độc lập, tự chủ và phát triển của cộng đồng quốc gia dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc hình thành và phát triển gắn liền với quá trình đấu tranh để xây dựng và bảo vệ cộng đồng quốc gia dân tộc. Tùy tình hình, đặc điểm dân tộc, giai cấp và lịch sử của từng dân tộc, chủ nghĩa dân tộc mang dấu ấn dân tộc và giai cấp khác nhau” [94, tr.498]. Như vậy, trong xã hội có giai cấp, chủ nghĩa dân tộc cũng có tính giai cấp. Có chủ nghĩa dân tộc tiến bộ, cách mạng, cũng có chủ nghĩa dân tộc lỗi thời, phản động. Chủ nghĩa dân tộc của các giai cấp lớp trên thay đổi tính chính trị của nó tùy theo từng thời kỳ lịch sử, khi giai cấp đó còn vai

trò tiến bộ hay đã lỗi thời. Chỉ có chủ nghĩa dân tộc của nhân dân lao động là trước sau như một, đó là chủ nghĩa dân tộc chân chính.

Như vậy, chủ nghĩa dân tộc có thể được tiếp cận từ nhiều góc độ, hệ quy chiếu, chuyên ngành khác nhau: từ chuyên ngành dân tộc học sẽ nhấn mạnh, đề cao giác độ tộc người gắn với ngôn ngữ, lịch sử, truyền thống, địa vực; từ chuyên ngành tâm lý học sẽ đề cao yếu tố tình cảm, niềm tin; từ chuyên ngành văn hóa học thì đề cao yếu tố giá trị, chuẩn mực, căn tính, bản sắc; từ chuyên ngành chính trị học lại tập trung nhấn mạnh vào yếu tố độc lập, chủ quyền, quyền tự quyết dân tộc và được biểu hiện sinh động trong việc giành, giữ và tổ chức thực thi quyền lực chính trị.

Tóm lại, mặc dù đa nghĩa, nhiều cách tiếp cận, thay đổi theo thời gian và không gian, khái niệm chủ nghĩa dân tộc từ góc độ tiếp cận chính trị học thường được sử dụng để nói đến như một hệ tư tưởng chính trị lấy sự tôn nghiêm, lợi ích và giá trị của quốc gia dân tộc làm trung tâm. Theo đó, luận án đưa ra khái niệm cụ thể như sau:

Chủ nghĩa dân tộc là một hệ tư tưởng lấy quốc gia - dân tộc làm trung tâm, coi độc lập, chủ quyền, lợi ích chung, giá trị và thống nhất của cộng đồng dân tộc là giá trị tối thượng. Chủ nghĩa dân tộc thể hiện ý thức tự khẳng định và bảo vệ dân tộc, gắn liền với tinh thần đoàn kết, lòng trung thành, niềm tự hào và sự gắn bó thiêng liêng của mỗi cá nhân đối với vận mệnh chung của dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc được biểu hiện trong mục tiêu chính trị, trong hoạt động của các thiết chế quyền lực và trong những hành động tập thể hướng tới bảo vệ độc lập, giữ vững chủ quyền, phát huy bản sắc, đồng thời khẳng định và lan tỏa những giá trị cốt lõi của dân tộc trong quan hệ đối nội cũng như đối ngoại.

2.1.2. Cách tiếp cận và khái niệm Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

2.1.2.1. Cách tiếp cận chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa dân tộc được xem như một hiện tượng có tính hai mặt, John T. Rourke trong cuốn sách *International Politics on the World Stage (Chính trị quốc tế trên vũ đài thế giới)* đã khẳng định điều này: “Chủ nghĩa dân tộc là một động lực tích cực, nhưng nó cũng mang lại sự tuyệt vọng và hủy diệt đối với thế giới” [112, tr.116]. Ông cũng trích lời của Giáo hoàng John Paul II trong bài phát biểu trước Đại hội đồng Liên hợp quốc về tính tích cực và tiêu cực của chủ nghĩa dân tộc: “Một là chủ nghĩa dân tộc tích cực, mà Giáo hoàng đã định nghĩa là “tình yêu đối với đất nước, và sự tôn trọng mọi nền văn hóa và mọi dân tộc khác” [112, tr.116]; chủ nghĩa dân tộc còn lại là

chủ nghĩa dân tộc tiêu cực, “một hình thức chủ nghĩa dân tộc không lành mạnh dạy cho sự khinh thường các dân tộc khác... tìm cách nâng cao sự thịnh vượng của quốc gia bằng cách dẫm đạp lên lợi ích của dân tộc khác” [112, tr.116]. Vào những thời điểm khác nhau, chủ nghĩa dân tộc bao gồm những ý tưởng tích cực và tiêu cực, đổi mới và phản động, dân chủ và độc tài, tự do và đàn áp khác nhau.

Trong lịch sử hình thành và phát triển của chủ nghĩa dân tộc, những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan đã xuất hiện, từ việc đề cao quá mức lợi ích và những giá trị của dân tộc mình, dẫn đến suy nghĩ dân tộc mình vượt trội hơn các dân tộc khác, thậm chí khinh thường hoặc ghét bỏ các dân tộc khác, cảm giác thù hận giữa các dân tộc đặc biệt mạnh mẽ nếu có lịch sử xung đột hoặc áp bức. Tâm lý tiêu cực như vậy của những người theo chủ nghĩa dân tộc xuất phát từ sự chia tách “chúng ta” và “họ” trong mọi mối quan hệ với các dân tộc khác: “Chủ nghĩa dân tộc là một biến thể của thói ích kỷ nhóm, không thừa nhận quyền bình đẳng của các tộc người... nó thổi phồng vai trò của những khác biệt sắc tộc và những ưu thế của tộc người mình. Lạm dụng tự ý thức sắc tộc, tình cảm yêu tổ quốc, sự giống nhau về ngôn ngữ, văn hóa sắc tộc, v.v., chủ nghĩa dân tộc chuyển hóa chúng thành lập trường thù địch, hiếu chiến đối với các tộc người khác” [222], điều này đã dẫn đến những hệ quả nghiêm trọng như thực hiện chính sách bài ngoại, hình thành xu hướng biệt lập, chống lại xu hướng hợp tác. Nghiêm trọng hơn, nó có thể thúc đẩy xu hướng bạo lực, những hành động chà đạp lên lợi ích cơ bản của quốc gia - dân tộc khác, gây nên những chiến tranh chống lại kẻ thù của quốc gia - dân tộc (có khi chỉ là kẻ thù trong tưởng tượng), chủ nghĩa ly khai dân tộc. Trong đó, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phát xít có thể coi là phiên bản hung hăng, hiếu chiến nhất của chủ nghĩa dân tộc.

Nếu như chủ nghĩa dân tộc nói chung vẫn còn gây nhiều tranh cãi về tác động của nó đối với lịch sử loài người, thì Hồ Chí Minh đã lựa chọn những điểm tích cực nhất để áp dụng trong hoạt động chính trị của mình cũng như đóng góp to lớn vào việc định hình lịch sử dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Lần đầu tiên cụm từ “chủ nghĩa dân tộc” xuất hiện trong tác phẩm *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ*⁽³⁾. Chủ nghĩa dân tộc được đề cập trong bản *Báo cáo* này là “chủ nghĩa dân tộc bản xứ, tức là muốn nói đến chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc của các dân tộc thuộc địa” [225, tr.48]. Khái niệm chủ nghĩa dân tộc được sử dụng và đề cao ở đây “không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản đã hiểu” [151, tr.624], mà chính là chủ nghĩa dân tộc chân chính của các dân tộc thuộc địa vì nó khơi dậy lòng yêu nước, trách nhiệm trước vận

mệnh dân tộc và trở thành động lực để mọi thành viên trong dân tộc đứng lên đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc. Cách quan niệm này xuyên suốt trong các tác phẩm về sau, khi Người đề cập đến vấn đề chủ nghĩa dân tộc.

Cũng cần nói thêm rằng, trong các bài viết của mình, Hồ Chí Minh đề cập đến hai trạng thái của chủ nghĩa dân tộc: trước hết là chủ nghĩa dân tộc tích cực, đóng vai trò là động lực vĩ đại và duy nhất của các dân tộc bị áp bức là chủ nghĩa dân tộc chân chính mà Hồ Chí Minh hướng đến và theo đuổi bao gồm chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, gắn bó mật thiết với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Bên cạnh đó, Người cũng đề cập đến trạng thái tiêu cực của chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi, sô vanh nước lớn mà Người kiên quyết đấu tranh loại bỏ.

Là một nhà chính trị thực hành, Hồ Chí Minh không để lại những tác phẩm chuyên bàn về chủ nghĩa dân tộc, nhưng không vì thế mà cho rằng, trong toàn bộ hệ thống tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh không in đậm nét dấu ấn của tinh thần dân tộc, tính dân tộc hay rộng hơn nữa là chủ nghĩa dân tộc tích cực, chân chính mà trong nhiều trường hợp được coi là chủ nghĩa yêu nước và nhiều cách diễn ngôn khác. Hơn thế nữa, có nhiều khi quan điểm của Người, tư tưởng của Người lại thể hiện qua chính hành động chứ không chỉ từ sách, báo hay lời nói của Người. Trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh, số lần Hồ Chí Minh đề cập trực tiếp đến khái niệm chủ nghĩa dân tộc chỉ có 17 lần, tuy nhiên chủ nghĩa dân tộc tích cực với tư cách một động lực vĩ đại trong đấu tranh cách mạng nhiều khi được nhắc đến dưới những khái niệm khác như: tinh thần dân tộc (15 lần), “tinh thần yêu nước” (69 lần), “lòng yêu nước” (91 lần), “chủ nghĩa yêu nước” (11 lần), “lòng ái quốc” (8 lần), “tinh thần ái quốc” (2 lần), “ý thức dân tộc” (1 lần). Trong khi, ở phương diện khác, chủ nghĩa dân tộc với tư cách là một hệ tư tưởng hẹp hòi, cái lương đôi lúc lại được Người đề cập đến dưới những khái niệm như “chủ nghĩa quốc gia” (4 lần), “chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi” (1 lần).

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được hiểu là việc Hồ Chí Minh luôn đặt dân tộc, lợi ích dân tộc lên vị trí hàng đầu. Điều đó thể hiện trong toàn bộ tình cảm chính trị, tư tưởng chính trị và hành động chính trị của Người, trở thành nguyên tắc nhất quán. Trong hoàn cảnh cụ thể của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, “đặt vấn đề giải phóng “dân tộc trước hết”, “Tổ quốc trên hết”” [67, tr.388] là hoàn toàn cần thiết và phù hợp.

Người nhấn mạnh tầm quan trọng của chủ nghĩa dân tộc, coi “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” [164, tr.511], và với tư cách là chủ nghĩa dân tộc chân

chính, chính nó đã tạo ra “cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngằm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917” [164, tr.511]. Chủ nghĩa dân tộc đặc biệt quan trọng đối với các dân tộc thuộc địa phương Đông: “người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ” [164, tr.513]. Và Người đã nhìn thấy sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc ngay sau sự phục tùng tiêu cực: “người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến” [164, tr.40]. Chính sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc đã làm trỗi dậy chủ nghĩa dân tộc, thức tỉnh các quốc gia đang ngủ quên, khơi dậy ý thức, khát vọng vươn lên cho các dân tộc bị áp bức. Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa dân tộc chính là động lực để gắn kết toàn dân vì những mục tiêu chung. Vì thế, Người đã đề nghị “phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ...” [164, tr.513].

Ở Hồ Chí Minh, dân tộc không phải một khái niệm chung chung, trừu tượng, dân tộc phải gắn liền với nhân dân của dân tộc đó, do vậy, yêu dân tộc, yêu đất nước phải gắn liền với yêu dân, yêu đồng bào. Không thể nói yêu nước mà lại không thương dân, không lấy nguyện vọng mong muốn, nhu cầu của dân làm nguyện vọng, ham muốn của mình. Là một người yêu nước chân chính, Hồ Chí Minh đã đứng ở đỉnh cao của tầm nhìn thời đại mà hiểu được lòng dân, lấy nguyện vọng, mong muốn của dân tộc, của nhân dân, của đồng bào làm ham muốn tốt bậc của chính bản thân Người. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều lúc, thay vì nói “dân tộc Việt Nam”, Hồ Chí Minh đã nói “dân Việt Nam”, điển hình là trong *Tuyên ngôn độc lập*. Cả cuộc đời Hồ Chí Minh chỉ có một mục đích phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và nhân dân mình khỏi ách xâm lược, sự cai trị, áp bức của chủ nghĩa thực dân. Mục đích đó thành lẽ sống, niềm tin và sức mạnh của Hồ Chí Minh. Như Người đã tâm sự: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân” [167, tr.272]. Mục đích, lý tưởng, hoài bão lớn nhất của Hồ Chí Minh là độc lập cho dân tộc, nhưng độc lập đó phải là độc lập hoàn toàn, gắn với tự do, hạnh phúc của nhân dân. Vì vậy, độc lập dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh phải gắn với giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đúng như Người tự khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, là làm

sao cho dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” [167, tr.187]. Đó chính là sự thống nhất biện chứng giữa tính dân tộc, tính nhân văn được thể hiện trọn vẹn và đầy đủ nhất trong một lý tưởng cao đẹp của thời đại.

Điều đặc biệt ở Hồ Chí Minh là năng lực cảm nhận và tư duy thực chứng sâu sát đã giúp người hiểu tường tận về thực tế các giai cấp ở Việt Nam. Người nhìn thấy điểm chung ở các giai cấp trong lòng dân tộc Việt Nam là ý thức tự hào dân tộc để hội tụ họ đến với cách mạng vô sản để tiến tới xây dựng một quốc gia độc lập, tiến bộ. Trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh, mối quan hệ giai cấp - dân tộc là mối quan hệ biện chứng, là một cấu trúc hữu cơ, thống nhất, không thể cắt rời. Nói dân tộc là nói cái tổng thể, là tổng hòa các mối quan hệ, liên kết giữa các bộ phận cấu thành dân tộc. Không có bộ phận nào nằm ngoài cái tổng thể, không có giai cấp nào nằm ngoài dân tộc. Nhấn mạnh, đề cao, chỉ quan tâm đến một mặt dân tộc hay giai cấp đều là siêu hình; nói cái này là chiến lược, cái kia là sách lược là không đúng. Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn, thỏa đáng mối quan hệ giữa đoàn kết giai cấp và đoàn kết dân tộc, đã tìm thấy sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc trong điều kiện lịch sử mới.

Do vậy, khi đề cập đến vấn đề giai cấp là Hồ Chí Minh đang nói đến lực lượng lãnh đạo cách mạng, lập trường giải quyết vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân, đứng vững trên nền tảng ý thức hệ của giai cấp công nhân, vượt qua ý thức hệ phong kiến đã lỗi thời và cũng vượt qua những hạn chế của ý thức hệ tư sản. Khi bàn đến dân tộc là nói đến mục tiêu giải phóng dân tộc, trong đó có giải phóng giai cấp, giải phóng các tầng lớp nhân dân ra khỏi ách áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến. Vì vậy, mục tiêu giai cấp và mục tiêu dân tộc về cơ bản là thống nhất với nhau, đều nhằm giành độc lập dân tộc và tiếp theo là đi lên chủ nghĩa xã hội, mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Hồ Chí Minh đã đưa vấn đề giai cấp vào trong vấn đề dân tộc, số phận dân tộc và giai cấp gắn liền với nhau. Trong hoàn cảnh của Việt Nam, vấn đề giai cấp chỉ có thể giải quyết được khi vấn đề dân tộc đã được giải quyết. Nếu không giành được độc lập chủ quyền cho dân tộc thì chẳng những dân tộc vẫn mãi ở trong vòng nô lệ mà giai cấp cũng không thể thoát khỏi kiếp ngựa trâu. Đề cao nhiệm vụ dân tộc, gắn nhiệm vụ giai cấp với nhiệm vụ dân tộc không chỉ là chiến lược tập trung lực lượng, đoàn kết dân tộc để đánh đuổi thực dân đế quốc mà còn trở thành động lực thúc đẩy toàn bộ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhanh đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nếu như ở thời đại của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen đề cao vấn đề giai cấp, V.I. Lênin coi trọng vấn đề dân tộc nhưng vẫn đặt nó trong mối quan hệ phụ thuộc vào vấn đề giai cấp. Đến Hồ Chí Minh, do đặc điểm dân tộc và điều kiện lịch sử khác nhau, nên theo Người việc vận dụng chủ nghĩa Mác ở mỗi quốc gia - dân tộc cũng không thể giống nhau. Từ đường hướng đó, Hồ Chí Minh đã chỉ ra nguyên tắc tiếp cận và cách giải quyết quan hệ giữa dân tộc, giai cấp và quốc tế: “những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt ở từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi đảng cộng sản và mỗi đảng công nhân [173, tr.401]. Đối với Người, chủ nghĩa dân tộc chân chính luôn thống nhất với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, giải quyết vấn đề dân tộc là cơ sở để giải quyết vấn đề giai cấp trong điều kiện một nước thuộc địa, đồng thời cũng là tiền đề để thực hiện lý tưởng của giai cấp công nhân Việt Nam cũng như giai cấp công nhân thế giới: “Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ Xô viết hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế” [164, tr.513]. Người xem đó như là một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời mà những người cộng sản cần nắm lấy và phát huy. Điều này, hoàn toàn phù hợp với ý như Ăngghen đã nói: “Những tư tưởng dân tộc chân chính trong phong trào công nhân bao giờ cũng là những tư tưởng quốc tế chân chính” [225, tr.325]. Như vậy, có thể khẳng định rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà dân tộc theo nghĩa là một nhà yêu nước chân chính, chủ nghĩa dân tộc chân chính trở thành bộ phận không tách rời của chủ nghĩa quốc tế chứ chưa bao giờ rơi vào chủ nghĩa dân tộc ích kỷ, hẹp hòi, biệt phái, “khác hẳn tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. Hồ Chí Minh đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam vừa làm nhiệm vụ dân tộc, đồng thời, cũng thực hiện nhiệm vụ quốc tế: “Giờ đây nhiệm vụ chủ yếu của chúng tôi là đảm bảo sự thống nhất vững chắc..., tăng cường giáo dục Đảng và toàn thể nhân dân theo tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản và tình yêu đất nước, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và trước hết là chủ nghĩa đế quốc Mỹ, nhằm thực hiện hòa bình thống nhất đất nước chúng tôi. Chúng tôi cũng có nhiệm vụ phải bảo vệ hòa bình ở châu Á và trên toàn thế giới” [174, tr.191], “Cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hiện nay chẳng những nhằm bảo vệ quyền lợi dân tộc thiêng liêng của mình, mà còn góp phần bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở châu Á và thế giới” [177, tr.607].

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh luôn chống tư tưởng

bài ngoại cực đoan, chống chủ nghĩa dân tộc bành trướng, chống tư tưởng kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc. Chính vì vậy, Người đã tán thành bản *Tuyên bố chung của Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa* (11/1957) và nhấn mạnh: “Bản Tuyên bố nhắc nhở chúng ta cần phải tăng cường giáo dục theo tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin và đấu tranh chống những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa như chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa xét lại” [174, tr.189-190]. Trong tâm niệm của Hồ Chí Minh, những người biết yêu nước mình, bảo vệ dân tộc mình càng không muốn gây hấn, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ nước khác hay bành trướng thế lực của mình bằng cách này hay cách khác. Vì vậy, Người kiên trì giáo dục, thực hiện nhất quán và đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc sô vanh, chủ nghĩa quốc gia vị kỷ, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc.

Trong tư duy chính trị Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, nhưng không phải là bộ phận “hòa tan”, mà trong tiến trình cách mạng, Hồ Chí Minh luôn chú ý đến những đặc trưng riêng của dân tộc. Nghiên cứu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, Người luôn dựa trên cơ sở: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại” [164, tr.509-510]; “Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được” [164, tr.509], “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông” [164, tr.510].

Như vậy, trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh nói chung, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị của Người nói riêng, tính dân tộc không tách rời tính tính giai cấp, tính nhân loại. Người khẳng định: “không thể nào hạn chế những hoạt động hiện nay và tương lai của chúng tôi trong khuôn khổ dân tộc thuần túy, rằng những hoạt động đó có muôn ngàn sợi dây liên hệ với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ” [173, tr.401]. Có thể nói, sự tiến bộ của nhân loại và thời đại có ảnh hưởng lớn đến tư duy, trí tuệ Hồ Chí Minh cũng như tư tưởng chính trị của Người. Đồng thời, Người cũng đóng góp không nhỏ vào tiến trình lịch sử văn minh thế giới và tạo nên những dấu ấn đặc sắc trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn. Chủ nghĩa dân tộc trong quan niệm của Hồ Chí Minh hoàn toàn không phải là thứ chủ nghĩa dân tộc phong kiến, tư sản, mà là chủ nghĩa dân tộc chân chính được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử, là

động lực tinh thần vô giá mà giai cấp vô sản phải nắm lấy, không để cho ngọn cờ dân tộc rơi vào tay giai cấp nào khác. Đó là chủ nghĩa dân tộc theo lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn dân tộc với quốc tế, dân tộc với giai cấp, hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Có thể nói rằng, một trong những đóng góp nổi bật nhất là Hồ Chí Minh đã thấu triệt và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa “dân tộc” và “giai cấp”, giữa “dân tộc” và “nhân loại”, giữa “giai cấp - dân tộc - nhân loại” trong thời đại mới.

Việc đề cao vấn đề dân tộc, quan tâm đến độc lập dân tộc, lợi ích dân tộc ở Hồ Chí Minh không phải chỉ trên phương diện lý luận, mà được cụ thể hóa bằng hành động cách mạng. Độc lập cho dân tộc, tự do cho Tổ quốc, đồng bào là khát vọng chi phối mọi suy nghĩ, hành động của Hồ Chí Minh. Quan điểm phát huy chủ nghĩa dân tộc, coi đó là một động lực lớn của sự phát triển dân tộc và đi theo chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa quốc tế không phải là quan điểm nhất thời của Hồ Chí Minh mà là một quan điểm nhất quán trong tư tưởng chính trị của Người. Nó chi phối trong toàn bộ thực tiễn hoạt động chính trị của Người từ khi ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc đến quá trình xây dựng một xã hội mới ở Việt Nam.

Để cứu dân tộc, cứu giống nòi ra khỏi khổ ải nô lệ, Người trực tiếp ra nước ngoài khảo sát xem xét họ làm ăn như thế nào để trở về giúp đồng bào. Nói về việc tham gia Đảng Xã hội Pháp, lý do của Người vừa ngắn gọn, vừa thiết thực: “vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bên vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do, bình đẳng, bác ái” [239, tr.48-49]. Năm 1922, trả lời Bộ trưởng bộ Thuộc địa Pháp Anbe Xarô, Người đã nêu rõ: “Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập” [130, tr.26].

Đối với Người, không có nỗi niềm cay đắng nào lớn hơn nỗi đau mất nước, Tổ quốc bị chia cắt: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc” [167, tr.470]. Trong *Thư gửi thanh niên Nam Bộ* - nêu rõ, “tôi thề cùng các bạn giữ vững nền độc lập tự do của nước Việt Nam” [167, tr.90].

Trong các quyết định chính trị của Người, mục tiêu quyền lợi của Tổ quốc, lợi ích cho dân tộc mình luôn chiếm vị trí quan trọng hàng đầu. Với Người, trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại xâm, đấu tranh giành quyền độc lập dân tộc là mục tiêu

và nghĩa vụ quan trọng nhất, thiêng liêng nhất của các thế hệ người Việt Nam yêu nước, trong đó có giai cấp công nhân, có những người cộng sản, dẫu phải hi sinh tài sản và tính mạng hoặc phải tạm gác lại các quyền lợi riêng của một bộ phận giai cấp, tầng lớp. Đó là điểm đồng nhất về tư tưởng và hành động của những chiến sĩ chiến đấu vì dân tộc và chiến sĩ chiến đấu vì lý tưởng cộng sản ở Việt Nam: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [167, tr.534].

Hồ Chí Minh đã hiến dâng cả cuộc đời của mình cho dân tộc Việt Nam, Người đau nỗi đau của một người dân nước Việt sống trong hoàn cảnh nước mất, non sông bị chia cắt. Người nói: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi” [178, tr.674]. Đó chính là triết lý sống, cũng là triết lý hành động của Hồ Chí Minh: “Dĩ chúng tâm vi kỷ tâm”, Hồ Chí Minh đã lấy mong muốn của mọi người dân nước Việt yêu nước làm mong muốn của chính bản thân mình, người gánh trên đôi vai gầy nặng trĩu nỗi đau của hàng triệu người dân Việt Nam mất nước. Chính vì vậy, cả cuộc đời Hồ Chí Minh, ngoài lợi ích của dân tộc, của nhân dân không còn lợi ích nào khác. Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ đau là một ngày Người còn ăn không ngon, ngủ chưa yên. Cho đến lúc Người vĩnh biệt chúng ta về với “các cụ Các Mác, cụ Lênin”, nỗi đau ấy vẫn còn đó, mong ước Bắc - Nam sum họp một nhà, non sông thu về một mối của Người vẫn còn dang dở, Người gửi lại mong muốn, niềm tin trong tác phẩm sau cùng để lại cho dân tộc Việt Nam - Di chúc: “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất... Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” [178, tr.622-623].

Xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn lịch sử, độc lập dân tộc, lợi ích dân tộc luôn được Hồ Chí Minh đặt lên vị trí hàng đầu trong tư tưởng của Người, chi phối mọi hành động cách mạng, trở thành quyết tâm chính trị hàng đầu trong cuộc đời của Người. Đây là chính là yếu tố thể hiện bản lĩnh chính trị, trách nhiệm cá nhân, vai trò lãnh tụ, làm nên chủ nghĩa dân tộc chân chính trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh - nhà mác-xít sáng tạo.

2.1.2.2. Khái niệm Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Để có thể nhận diện một cách đầy đủ, toàn diện và thấu triệt về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh cần làm rõ logic cốt lõi theo vấn đề đi từ;

Chính trị; tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh; và chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Một là: Chính trị

Từ “chính trị” (politics) xuất phát từ tiếng Hy Lạp - “polis” có nghĩa là “thành bang”. Do đó, nguồn gốc của từ này gợi ý rằng chính trị là một thuật ngữ bao hàm toàn bộ các hoạt động của con người diễn ra trong phạm vi thành bang. Trong lịch sử tư tưởng chính trị của nhân loại, có nhiều cách hiểu, định nghĩa khác nhau về chính trị. Mỗi một học thuyết chính trị, một nhà tư tưởng chính trị lại có những cách tiếp cận, cách cảm nhận, cách hiểu khác nhau về chính trị trên cơ sở những lợi ích, mục đích và trình độ tư duy của họ.

Nhà xã hội học nổi tiếng người Đức Max Weber cho rằng chính trị là quá trình để giành lấy quyền lực và ảnh hưởng đến việc phân phối quyền lực giữa các thành phần trong một quốc gia hoặc giữa các quốc gia. Cũng theo hướng này, nhà nghiên cứu David Easton cho rằng “chính trị được định nghĩa là sự phân bổ có thẩm quyền của các giá trị” [213, tr.142]. Khái niệm này đã tạo ra khuynh hướng nghiên cứu chính trị tập trung vào nhà nước, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm và hoạt động của chính phủ, các chính đảng, các cơ quan nhà nước như bộ máy hành chính, quân đội, cảnh sát và các cá nhân hoạt động trong bộ máy chính trị đó [179, tr.25].

Cũng tập trung vào vấn đề quyền lực, nhà khoa học chính trị người Mỹ Harold Lasswell cho rằng “Chính trị là ai được cái gì, khi nào và bằng cách nào” (“Politics is who gets what, when, and how?”) [73]. Ai có quyền lực; tại sao và sử dụng quyền lực như thế nào; việc sử dụng quyền lực ảnh hưởng đến ai? Hầu hết tất cả các cá nhân và các nhóm, không chỉ là các cơ quan nhà nước, khi tham gia hoạt động chính trị là đang đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi này.

Trong khi đó, học giả người Anh - Bernard Crick đã kế thừa và phát triển quan điểm của Aristotle về chính trị từ thời Hy Lạp cổ đại, khi cho rằng chính trị là sự dung hòa các đòi hỏi chính đáng về phân phối hàng hóa và dịch vụ. Theo ông, chính trị là một hoạt động thông qua đó các tập thể cùng chung một số quyền lợi được hòa giải bằng cách chia cho họ một phần quyền lực tương xứng với tầm quan trọng của họ đối với sự tồn vong và lợi ích của cả cộng đồng. Và do đó, chính trị cũng mang ý nghĩa tốt đẹp, bởi vì không có chính trị thì xã hội sẽ phát triển theo hướng độc tài, chuyên chế, “chính trị là đạo đức được thực hiện công khai” [16].

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đưa ra những định hướng cho việc xác định các phạm trù chính trị: (1) chính trị về thực chất bắt nguồn từ quan hệ về lợi ích giữa các giai cấp, các nhóm xã hội, các quốc gia dân tộc. Trong đó, trước hết và cơ bản nhất là lợi ích kinh tế; (2) cái quan trọng nhất của chính trị là việc tổ chức chính quyền nhà nước, quyền lực nhà nước, là sự tham gia vào công việc nhà nước, định hướng cho nhà nước, xác định hình thức, nội dung và nhiệm vụ của nhà nước; (3) chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, là việc xây dựng nhà nước về kinh tế; (4) chính trị là lĩnh vực phức tạp nhất, nhạy cảm nhất liên quan đến vận mệnh hàng triệu người. Giải quyết những vấn đề chính trị vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật [146, tr.6-7].

Đại từ điển Tiếng Việt cho rằng “Chính trị là những vấn đề về điều hành bộ máy nhà nước hoặc những hoạt động của giai cấp, chính đảng nhằm giành hoặc duy trì quyền điều hành nhà nước; những hiểu biết về mục đích, đường lối và nhiệm vụ đấu tranh của các chính đảng cũng như đông đảo quần chúng” [273, tr.369].

Giáo trình Chính trị học do Viện Chính trị học biên soạn đưa ra định nghĩa: chính trị “là toàn bộ những hoạt động của các chủ thể quyền lực (các giai cấp, các nhóm, các cá nhân...) nhằm giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước; là sự tham gia của người dân vào công việc của nhà nước” [89, tr.16].

Như vậy, Chính trị là một lĩnh vực hoạt động căn bản của đời sống xã hội con người. Lĩnh vực hoạt động này ra đời và gắn chặt với hoạt động của giai cấp và nhà nước - hoạt động cầm quyền, cai trị, lãnh đạo, quản lý, hoạt động phân bổ lợi ích, phân bổ giá trị cũng như xử lý xung đột xã hội... nên nó có đặc trưng, đặc thù, quy luật vận động riêng có của nó.

Hai là: Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng chính trị là bộ phận chủ yếu, nổi bật nhất, chiếm vị trí trung tâm trong hệ thống lý luận của Người; tác động, chi phối các tư tưởng khác và quán xuyến toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người. *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là hệ thống những quan điểm phản ánh những vấn đề cơ bản của hiện thực chính trị Việt Nam, các mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc, quốc gia - dân tộc xoay quanh vấn đề giành, giữ, tổ chức và thực thi quyền lực chính trị, vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.*

Để xem xét, nhận diện đầy đủ về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, có thể lát cắt ra thành hai mặt chính: mặt nội dung và hình thức biểu hiện. Xét về mặt hình thức biểu

hiện, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là một hệ thống phong phú, đa dạng, hợp thành một chỉnh thể được biểu hiện sinh động thông qua mục tiêu chính trị, lý luận chính trị; ở chế độ chính trị; chủ thể chính trị; và ở nhận thức chính trị, bằng hành động chính trị.

Về mặt nội dung, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều vấn đề, từ nhận thức về chính trị đến những vấn đề chính trị trong thực tiễn như đường lối của cách mạng Việt Nam: mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; quan niệm về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về giành và giữ chính quyền, xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hành dân chủ rộng rãi để đảm bảo chủ quyền nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực quan trọng của phát triển xã hội; về quan hệ quốc tế.

Hồ Chí Minh là một nhà chính trị hành động, Người là một mẫu mực về thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, lời nói với việc làm: “Hồ Chí Minh là con người của hành động. Có nhiều khi quan điểm của Người, tư tưởng của Người lại phát tiết từ chính hành động chứ không từ sách, báo của Người, không từ lời nói của Người” [229, tr.37]. Vì vậy, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh không chỉ thấy được qua các bài nói, bài viết của Người mà còn thể hiện trong hoạt động chính trị, trong thực tiễn quá trình Người lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp cách mạng.

Sự ra đời và phát triển tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh không phải là ngẫu nhiên, mà là một tất yếu lịch sử, xuất phát từ những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cách mạng Việt Nam và thực tiễn phát triển của thời đại. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp hài hòa giữa những giá trị tốt đẹp của tư tưởng chính trị trong truyền thống dân tộc với tinh hoa chính trị của văn hóa nhân loại, đặc biệt là tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin được hấp thụ và tỏa sáng trong trí tuệ uyên bác, mẫn tiệp của Người. Trên hành trình tìm chân lý, tham gia vào thực tiễn đời sống chính trị ở nhiều nơi trên thế giới, điều mà Hồ Chí Minh quan tâm trước hết là con đường nào để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, hướng tới xóa bỏ mọi áp bức bất công cho dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới. Xuất phát từ mục tiêu cao nhất là độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, Người đến với tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, và cũng chính Người đã góp phần phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trên một loạt vấn đề cấp bách của dân tộc và nhân loại bằng những luận điểm mới đó là tư tưởng về giải phóng độc lập và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước thuộc địa và phong kiến; đó là tư tưởng về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước kiểu mới mang tính nhân dân, tính dân tộc sâu

sắc; đó là tư tưởng về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tư tưởng về quan hệ quốc tế trong thời đại mà các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ xã hội mới. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo, soi sáng con đường cách mạng Việt Nam, đưa tới những thắng lợi to lớn của cách mạng nước ta trong gần một thế kỷ qua. Ngày nay, hệ thống tư tưởng chính trị của Người vẫn là nguồn sáng rực rỡ cho sự nghiệp đổi mới của Đảng và dân tộc ta.

Ba là: Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Trước đây, khi đánh giá về Hồ Chí Minh, giới khoa học Việt Nam còn có nhiều ngần ngại, thậm chí né tránh thuật ngữ “chủ nghĩa dân tộc”, bởi lẽ, trong tâm trí nhiều người, nhắc đến chủ nghĩa dân tộc là nhắc đến một hệ tư tưởng trái ngược hoàn toàn với chủ nghĩa quốc tế vô sản, thậm chí có người còn đánh đồng chủ nghĩa dân tộc với chủ nghĩa phát xít, tức là chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực của chủ nghĩa dân tộc. Thêm vào đó, chính Hồ Chí Minh cũng đã bị chỉ trích là “dân tộc chủ nghĩa” theo nghĩa cực đoan, bị chính các đồng chí, học trò của mình hiểu chưa đúng về quan điểm này dẫn đến 8 năm Người phải ở trong tình trạng không hoạt động, “như ở bên cạnh, bên ngoài của Đảng”⁽⁴⁾.

Trong những năm gần đây, một số nhà khoa học đã trở lại tìm hiểu, nghiên cứu nhiều hơn về vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, xoay quanh việc trả lời cho câu hỏi: Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc hay chủ nghĩa cộng sản? Có chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh hay không? Đa phần các nghiên cứu đều đồng ý rằng có chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh⁽⁵⁾.

Về vấn đề Hồ Chí Minh là một người theo chủ nghĩa dân tộc hay chủ nghĩa cộng sản một học giả nước ngoài đã từng viết: “Tôi đã được hỏi vô số lần, “Hồ Chí Minh thực chất là một người theo chủ nghĩa dân tộc hay chủ nghĩa cộng sản?” Câu trả lời của tôi luôn giống nhau: Hồ Chí Minh là cả hai. Đối với ông, chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa cộng sản lần lượt là mục tiêu và phương tiện, bổ sung cho nhau, hòa quyện vào nhau” [107, tr.20]. Đúng vậy, Hồ Chí Minh từ một người ra đi để tìm con đường giải quyết vấn đề của lịch sử dân tộc, từ một người yêu nước trở thành người cộng sản, nhưng không giáo điều mà là người cộng sản có tư duy độc lập, sáng tạo, một nhà chính trị có đầu óc thực tế. Là một người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc thừa nhận đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp là một động lực lớn cho sự phát triển, nhưng không coi đó là động lực duy nhất. Là người dân của một dân tộc mất quyền độc lập,

đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc thấy rõ hơn những người cộng sản khác về sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc chân chính, nó không chỉ là “động lực lớn của đất nước” [164, tr.511], mà còn được Người khẳng định là động lực vĩ đại và duy nhất của người bản xứ, “người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ” [164, tr.513]. Rõ ràng, ở đâu mà các dân tộc thuộc địa còn phải đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc, thì ở đó, đấu tranh dân tộc, chủ nghĩa dân tộc vẫn là một động lực lớn của lịch sử, nếu chỉ nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp, coi nhẹ hoặc bỏ qua vấn đề dân tộc là không đúng.

Chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc cách mạng và nhân văn, được hình thành trên nền tảng truyền thống yêu nước Việt Nam, kết hợp sáng tạo với chủ nghĩa Mác – Lênin và tinh hoa văn hóa nhân loại; khẳng định độc lập, tự do, chủ quyền và lợi ích dân tộc là giá trị thiêng liêng, đồng thời gắn bó hữu cơ với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và sức mạnh của nhân dân. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, giữa mục tiêu dân tộc và hạnh phúc nhân dân, giữa bản sắc dân tộc và sức mạnh thời đại. Chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh vừa là động lực vĩ đại của cách mạng Việt Nam, vừa là cơ sở để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, góp phần vào sự nghiệp giải phóng và phát triển dân tộc, cũng như tiến bộ xã hội trên phạm vi thế giới.

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều vấn đề, từ nhận thức về chính trị đến những vấn đề chính trị trong thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Mặc dù có nhiều cách diễn giải khác nhau, song tựu trung lại tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung cốt yếu: (1) Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, (2) Đảng Cộng sản Việt Nam, (3) Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, (4) Đại đoàn kết dân tộc, (5) Quan hệ quốc tế. Mỗi trục nội dung đó vừa là biểu hiện cụ thể của tinh thần đại diện cho quyền lợi dân tộc, vừa là phương thức hiện thực hóa lý tưởng dân tộc trong từng giai đoạn lịch sử.

Trong toàn bộ hệ thống tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, chủ nghĩa dân tộc không phải là một phạm trù lý thuyết độc lập, tách biệt, mà tồn tại và được nhận diện thông qua sự thâm thấu và chi phối lên các khía cạnh khác nhau của hiện thực chính trị Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Người. Chủ nghĩa dân tộc được hiện thực hóa và biểu lộ một cách cụ thể trong mục tiêu xuyên suốt về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trong vai trò lịch sử của Đảng Cộng sản như là lực lượng tiên phong đại diện cho lợi

ích quốc gia - dân tộc, trong việc xây dựng một Nhà nước mang bản chất dân tộc, dân chủ, trong sức mạnh cố kết của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, và trong đường lối đối ngoại tự chủ, kiến tạo vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Logic của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh cho ta thấy, dưới ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp và tay sai, muốn khôi phục lại quyền dân tộc, muốn sống thì phải làm cách mạng. Cách mạng muốn thắng lợi một cách triệt để, hoàn toàn thì phải đi theo con đường cách mạng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Cách mạng muốn thành công thì trước hết phải có Đảng cách mạng lãnh đạo, phải có khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh. Cách mạng xong rồi, để đảm bảo chủ quyền cho nhân dân, cần phải xây dựng một nhà nước kiểu mới thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Như vậy, tính dân tộc, vấn đề dân tộc, lợi ích dân tộc trở thành điểm xuất phát, vấn đề xuyên suốt trong toàn bộ tư tưởng cũng như hành động chính trị của Hồ Chí Minh, nó quyết định mục tiêu chính trị, con đường chính trị, quy định bản chất của hệ thống chính trị mà Người xây dựng, là cơ sở để Người tập hợp và quy tụ lực lượng chính trị đông đảo cho sự nghiệp cách mạng. Do vậy, có thể nói rằng chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là tư tưởng khoa học cách mạng trong hành động, chú trọng biến mục tiêu, lý tưởng chính trị thành hiện thực để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Từ những phân tích trên và sự kế thừa những thành tựu trong các công trình nghiên cứu đã công bố, luận án đưa ra khái niệm: *Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm mang tính cách mạng và nhân văn, đề cao tính dân tộc, yếu tố dân tộc, quyền và lợi ích dân tộc, được thống nhất từ trong tư duy đến hành động chính trị của Người; thể hiện sự thống nhất giữa khát vọng dân tộc và mục tiêu giải phóng giai cấp, giữa bản sắc dân tộc và xu thế tiến bộ của thời đại, đồng thời gắn bó biện chứng với chủ nghĩa quốc tế; được biểu hiện trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản, về Nhà nước, về đại đoàn kết dân tộc và về quan hệ quốc tế; góp phần bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa dân tộc, đồng thời định hướng giải quyết vấn đề dân tộc trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.*

Khái niệm chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh bao hàm những nội dung chính:

1. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là một chỉnh thể các quan điểm, tư tưởng đề cao tính dân tộc, yếu tố dân tộc, quyền và lợi ích dân tộc: có thể

nói rằng dân tộc là điểm xuất phát, là một trong những mục tiêu quan trọng nhất trong tư duy chính trị Hồ Chí Minh, nó quyết định lập trường, quan điểm, thái độ của Hồ Chí Minh trong luận giải những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

2. Chủ nghĩa dân tộc được thống nhất từ trong tư duy đến hành động chính trị của Người: Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh xuất phát từ tình cảm thiết tha đối với Tổ quốc, khát vọng giải phóng dân tộc, mong muốn tìm ra con đường đấu tranh đưa giống nòi ra khỏi kiếp khổ ải nô lệ, từ đó hình thành nên tư tưởng về độc lập dân tộc và con đường giải phóng dân tộc, xây dựng một nền chính trị mới trong đó quyền và lợi ích dân tộc được đặt lên vị trí hàng đầu, cũng chính Người đã từng bước hiện thực hóa mong muốn khát vọng đó trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

3. Về nội dung, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh thể hiện rõ ở: (i) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng về mục tiêu của cách mạng Việt Nam - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - điều kiện đảm bảo cho quyền, lợi ích và sự phát triển của dân tộc; (ii) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm, danh dự của dân tộc; (iii) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân, mang tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; (iv) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc - yếu tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam; (v) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế.

2.2. CƠ SỞ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở (1) kế thừa, phát huy các giá trị tư tưởng lý luận của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam và tinh hoa chính trị - văn hóa nhân loại, nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin; (2) hoàn cảnh lịch sử của dân tộc và bối cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; (3) vai trò của những phẩm chất cá nhân, trí tuệ và trải nghiệm thực tiễn chính trị của Người.

2.2.1. Cơ sở lý luận

2.2.1.1. Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam

Giáo sư Song Thành đã đưa ra nhận định rằng: “Cái gốc làm nên nhân cách chính trị của Hồ Chí Minh là văn hóa Việt Nam, mà hạt nhân của nó là chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân ái và chủ nghĩa cộng đồng Việt Nam - được hình thành lâu đời từ

trong quá trình dựng nước và giữ nước” [225, tr.78]. Đó cũng chính là những nhân tố căn bản của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam mà Hồ Chí Minh tiếp thu và kế thừa.

Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam xuất phát từ tình cảm chung với nhận thức về nguồn gốc, số phận chung và đặc điểm nổi bật về văn hóa. Người Việt Nam quan niệm rằng cả dân tộc có chung một nguồn gốc “con Rồng, cháu Tiên”. Huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ trong tâm thức dân gian nói lên mối quan hệ gần gũi, truyền thống đoàn kết giữa các tộc người trong dân tộc Việt Nam.

Xuất phát từ điều kiện kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lúa nước gắn liền với nhu cầu trị thủy, cũng như yêu cầu của công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, đã hình thành nên tinh thần cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của quốc gia dân tộc Việt Nam. Việt Nam là một quốc gia có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý, đồng thời cũng là một đất nước gặp đầy khó khăn trắc trở trong quá trình dựng xây. Cộng đồng dân cư phải chống chọi lại biết bao thiên tai để khai sơn phá thạch, xây dựng giang sơn, đương đầu với biết bao kẻ thù lớn mạnh từ bên ngoài tới để bảo vệ đất đai, bờ cõi. Trong cuộc chiến đấu đó, con người Việt Nam đã chung lưng đấu cật, đoàn kết cộng đồng, hình thành ý thức quốc gia, tinh thần yêu nước, và đậm hơn là chủ nghĩa yêu nước. Yêu nước biểu hiện ở khát vọng và hành động luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết; chăm lo xây dựng quê hương đất nước, ý thức về chủ quyền quốc gia dân tộc, sẵn sàng bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, trách nhiệm của công dân đối với đất nước. Các chế độ phong kiến nối tiếp nhau khẳng định: Việt Nam là đất nước độc lập, có lãnh thổ, có bờ cõi riêng, nước Việt Nam là của người Việt Nam. Trong “Nam quốc sơn hà”, Lý Thường Kiệt đã khẳng định chủ quyền lãnh thổ của nước Đại Việt: “Sông núi nước Nam vua Nam ở/ Rành rành định phận ở sách trời”. Nguyễn Trãi tuyên bố: “Như nước Đại Việt ta từ trước/ Vốn xưng nền văn hiến đã lâu/ ... Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau/ Song hào kiệt đời nào cũng có”. Chủ nghĩa yêu nước đã thấm sâu vào tâm hồn của mỗi thế hệ người Việt Nam. Nó là cội nguồn của hàng loạt các giá trị khác như chủ nghĩa anh hùng, ý chí kiên cường, bất khuất của lớp lớp nhân dân sẵn sàng hy sinh để giành và giữ chủ quyền dân tộc.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam luôn gắn với ý chí tự cường của dân tộc – một dân tộc có một lịch sử kiên cường, oanh liệt và sục sôi ý chí đấu tranh đòi giải phóng trước những tên đế quốc cường bạo. Để giữ nước và xây dựng đất nước, những tư tưởng, sáng kiến đổi mới, canh tân đất nước đã được đề ra nhằm nâng cao

nội lực quốc gia đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, phát triển đất nước. Ý thức tự tôn, tự hào dân tộc cũng được khẳng định với việc sử dụng chữ Nôm, dùng thuốc Nam để chữa bệnh, duy trì các phong tục, tập quán thuần Việt từ hàm răng, mái tóc, cách thức ăn mặc, giỗ tết, hội hè, cách làm ăn sinh sống.

Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam còn biểu hiện rõ nét ở tinh thần đoàn kết - một truyền thống được hình thành từ rất sớm của dân tộc Việt Nam, trải qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước không ngừng được bồi đắp trong quá trình xây dựng, bảo vệ đất nước. Trong lịch sử, nhờ có đoàn kết mà ông cha ta đã tập hợp được lực lượng, phát huy được mọi sức mạnh của nhân dân để xây dựng, mở mang bờ cõi, khắc phục được thiên tai, địch họa, tạo dựng được giang sơn, gấm vóc Việt Nam, đó là điểm tựa tinh thần của dân tộc trong suốt lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước.

Trong quan hệ với các quốc gia, dân tộc khác, người Việt Nam luôn nêu cao tinh thần yêu chuộng hòa bình và tình hữu nghị, cố gắng tránh xung đột, chiến tranh chỉ xảy ra khi độc lập dân tộc bị đe dọa. Khi đạt được mục tiêu, người Việt hòa hiếu, đôi khi là nhân nhượng, để mang lại hòa bình, ổn định cho đất nước. Trên thực tế, mỗi khi kết thúc chiến tranh, chúng ta thường “mở đường hiếu sinh cho giặc, nhằm khôi tổn máu xương mà bảo toàn được tôn miếu” [13, tr.10], cung cấp nhu yếu phẩm và các phương tiện để họ về nước.

Bên cạnh đó, yếu tố thân dân, vì dân cũng đã xuất hiện trong tư tưởng chính trị Việt Nam. Trong chế độ phong kiến trung ương tập quyền, quyền lực nhà vua không phải lúc nào cũng là vô hạn, mà có lúc, có nơi: “Phép vua thua lệ làng”, hay “Nước theo lệ nước, làng theo lệ làng”. Sự tồn tại của ruộng đất công làng xã là nền tảng kinh tế chủ yếu để duy trì các hoạt động cộng đồng và là hình thức biểu hiện dân chủ rõ nét trong chế độ phong kiến Việt Nam. Các triều đại phong kiến tiền bộ cũng tạo ra cơ chế bảo vệ quyền lợi của dân, hạn chế quan liêu trong bộ máy nhà nước. Nhà Lý, nhà Trần được xây dựng trên một thiết chế tập quyền thân dân “lấy dân làm gốc”, lo giữ lòng dân bằng nhiều hình thức dân chủ như quan tâm đến việc tổ chức thi tuyển để chọn người hiền tài ra làm quan, không phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo. Nhà Lý cho đặt chuông kêu oan, nhà Trần mở Hội nghị Diên Hồng để cùng bô lão cả nước bàn kế đánh giặc. Trần Quốc Tuấn chủ trương “khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc”. Đó là những yếu tố thân dân, trọng dân gắn liền với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng đất nước thái bình thịnh trị.

Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam có sự biến đổi mạnh mẽ trong giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX, gắn liền với cuộc đấu tranh chống xâm lược của thực dân Pháp. Đúng như

William J. Duiker đã khẳng định: chủ nghĩa dân tộc Việt Nam xuất phát từ ý thức bản sắc mạnh mẽ của người Việt Nam đã được củng cố bởi cuộc đấu tranh lâu đời để chống lại sự xâm chiếm từ phương Bắc. Do đó, chủ nghĩa thực dân phương Tây đã không “tạo ra” được cảm giác về bản sắc dân tộc riêng biệt trong cộng đồng dân cư Việt Nam. Chính vì vậy, dân tộc Việt Nam đã phản kháng trước sự đô hộ, nô dịch của chủ nghĩa đế quốc phương Tây để bảo vệ bản sắc dân tộc mình [266, tr.287]. Có thể nói rằng, chính sự xâm lược và các chính sách cai trị thuộc địa hà khắc của thực dân Pháp đã làm bùng cháy dữ dội tinh thần dân tộc, cũng từ đây, chủ nghĩa dân tộc Việt Nam có nhiều biến đổi trước bối cảnh mới của dân tộc. Nhà nghiên cứu Eugene John Johnston nhận định: “Trong cuộc đấu tranh kéo dài chống lại người Pháp, chủ nghĩa dân tộc Việt Nam xuất hiện, những người Việt Nam lãnh đạo các phong trào đòi lập chỉ muốn đánh bại những người nước ngoài và để thiết lập lại các thể chế truyền thống của họ” [58, tr.113].

Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam từ thời kỳ này được phát triển theo các xu hướng khác nhau trên cơ sở ý thức hệ, nếu như cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa dân tộc gắn với tinh thần “trung quân, ái quốc” dưới ngọn cờ của phong trào “Cần vương”, thì đầu thế kỷ XX, chứng kiến sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc trên lập trường tư sản, mục tiêu của khuynh hướng này là lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế hàng ngàn năm cũng như đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, xây dựng một chế độ mới ở Việt Nam trên tinh thần dân chủ, quyền lực thuộc về nhân dân, hai đại diện tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Chủ trương dân tộc chủ nghĩa của Phan Bội Châu được thể hiện thành hai mục đích lớn là giải phóng dân tộc và xây dựng một nước Việt Nam mới. Về giải phóng dân tộc, theo Phan Bội Châu, một quốc gia - dân tộc được hợp thành bởi ba yếu tố: chủ quyền, nhân dân và đất đai, thiếu một trong ba yếu tố đó thì không được gọi là nước nữa. Trong đó, Cụ đề cao yếu tố chủ quyền: “điều quan trọng của nước là ở chủ quyền; điều quan trọng của chủ quyền là ở độc lập” [22, tr.60]. Theo Cụ, “Chủ quyền hoàn toàn tức là nói chung cả đối nội và đối ngoại hoàn toàn về ta” [22, tr.60]. Hiểu rõ điều đó, nên khi chứng kiến dân tộc bị mất độc lập, Cụ đã than rằng: “Thương xót thay mất quốc quyền!! Đau đớn thay mất quốc quyền!!” [21, tr.268]. Lòng yêu nước choán hết tư tưởng, tình cảm của Phan Bội Châu: “Nay ta hát một thiên ái quốc/ Yêu gì hơn yêu nước nhà ta!” [22, tr.408]. Nỗi niềm đau lòng uất hận đó đã trở thành một ngọn lửa chiến đấu hừng hực, tinh thần quên mình, sẵn sàng hy sinh cho quyền lợi của dân tộc:

“Quân giặc hãm ta vào chỗ chết. Sống mà nhục không bằng chết mà vinh” [232, tr.39-40], đó cũng là chí hướng, là hoài bão lớn nhất của Phan Bội Châu: “tôi chỉ muốn đổ máu ra mà chụp lấy tự do, đánh đổi cái kiếp nô lệ lấy quyền tự chủ mà thôi”, “sao cho Tổ quốc chúng ta có ngày tái tạo, cho nòi giống chúng ta muôn thuở yên vui [21, tr.258]. Phan Bội Châu cũng đề cao vai trò của nhân dân trong một dân tộc, Cụ cho rằng “nhân dân là quan trọng nhất. Không có nhân dân thì đất đai không thể còn, chủ quyền không thể lập; nhân dân còn thì nước còn, nhân dân mất thì nước mất” [22, tr.68]. Theo Phan Bội Châu, chủ nhân của đất nước là những lực lượng xã hội cụ thể, họ chính là những người xây dựng nên đất nước.

Cụ chủ trương nước nhà phải tự cường, muốn tự cường phải kết đoàn, phải hợp quần, phải “ái chung”, tóm lại là phải đồng lòng hợp sức: “Việc làm cho nước nhà độc lập, vững mạnh không phải một tay một chân mà nên, mà phải do tâm huyết của nghìn vạn người anh hùng vô danh” [24, tr.359]. Tuy nhiên, hạn chế của Cụ Phan là chưa thấy được tính chất phản động của một vài hạng người trong xã hội có quyền lợi gắn liền với thực dân Pháp và Cụ đã đề cập nhưng chưa thực sự hiểu hết được vai trò nòng cốt của công - nông, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng. Ngoài ra, Cụ cho rằng cần phải nhờ sự giúp đỡ của nước ngoài, phải cầu ngoại viện. Trên cơ sở thuyết “đồng chủng, đồng văn”, cụ xác định đó là Nhật Bản. Cụ đã hoàn toàn chính xác khi thấy được sự cần thiết phải có sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là một hạn chế, sai lầm trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Cụ khi tin vào thuyết “đồng chủng, đồng văn” mà không nhìn thấy bản chất xâm lược của chủ nghĩa đế quốc khi chọn Nhật Bản.

Phan Bội Châu định hướng sau khi giành độc lập phải xây dựng một chính thể mới có vai trò là bảo vệ nền độc lập dân tộc, Cụ viết: “chính thể chỉ là phương pháp bảo tồn nòi giống của một nước” [22, tr.367]. Như vậy, trong quan niệm của Phan Bội Châu, lợi ích dân tộc, độc lập dân tộc, thể diện dân tộc luôn được Cụ đặt lên vị trí tối thượng, sự chuyển biến tư tưởng của Cụ cũng nhằm vào những mục đích ấy.

Cùng thời với Phan Bội Châu, nhà cách mạng Phan Châu Trinh sớm thấy rõ sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc, Cụ chỉ rõ: “chủ nghĩa dân tộc vốn có gốc ở tính Trời, không kể là dã man, là bán khai, là văn minh, nói chung đều có đặc tính ấy” [247, tr.51]. Cụ Phan Châu Trinh đã thấy được vai trò của nó đối với quá trình tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam: “Ngồi mà nghĩ dư đồ Hồng Lạc/ Ta cũng là một nước Á

Đông/ Xưa nay vẫn có anh hùng” [246, tr.343], đó không phải là số trời, không phải do một thế lực siêu nhiên nào giúp sức mà do “đặc tính trầm nghị kiên nhẫn, độc lập bất khuất của dân tộc đòi trước của Tổ quốc ta” [247, tr.53].

Theo Cụ Phan Châu Trinh, chủ nghĩa dân tộc truyền thống đó cần được phát huy trong thời đại mới “dân tộc ta, ngàn năm trước đây đã có cái đặc tính vĩ đại kia, như lấy học thuyết hoạt bát ngày nay của châu Âu phê bình khuyến khích làm cho lớn mạnh, mở mang tìm tòi làm cho rạng rỡ, thì tiền đồ dân tộc ta tốt lắm thay” [247, tr.53]. Cụ cho rằng mục đích cuối cùng của cách mạng Việt Nam là phải giành được độc lập dân tộc, khôi phục chủ quyền của đất nước, đem đến tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Nhưng để đi đến cái đích ấy, trước hết và cơ bản là cần đưa dân tộc thoát khỏi sự mê muội của chế độ phong kiến, phải thức tỉnh ý thức tự cường dân tộc. Cụ viết: “Chúng ta bây giờ cần phải đánh thức nhau dậy,... chúng ta lại lấp tận nguồn, cắt tận rễ, làm cho tiệt hẳn cả cái sức ma quỷ chuyên chế nó đã ám ảnh chúng ta mấy ngàn năm nay;... Ấy là cái chủ ý và mục đích của tôi đây!” [39, tr.592-593]. Như vậy, đối tượng phê phán và phủ định của cụ Phan Châu Trinh là chế độ quân chủ chuyên chế, Cụ thấy được rằng “vì cái độc quân chủ mà nó giết hẳn cái lòng ái quốc của dân Việt Nam ta” [39, tr.813], “vì thế, cho nên dân chỉ biết tôn quân mà không biết nghĩa ái quốc” [39, tr.772]. Vì vậy, muốn đất nước tồn tại và phát triển thì “nước ta từ nay về sau... chẳng những là quyền vua không nên tôn, mà ngôi vua cũng nên cất đi kia” [247, tr.142]. Để có thể đánh đổ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới, theo cụ Phan Châu Trinh, nhân dân ta phải biết đoàn kết một lòng, Cụ viết: “Trăm việc hai tay khó nổi trông/ Làm cho nên bộp phải tay đông,...Xưa nay góp gió làm nên bão/ Muôn vạn nên ghi một chữ đồng” [39, tr.234-235]. Phan Châu Trinh phân tích thấu đáo những hậu quả của mất đoàn kết, dẫn đến giống nòi hèn kém, làm giảm sức mạnh của dân tộc, dẫn đến mất nước. Cho nên, muốn giành độc lập, nhân dân ta phải đoàn kết một lòng, trong thư gửi Nguyễn Ái Quốc, Cụ viết: “hồ hào quốc dân đồng bào, đồng tâm hiệp lực đánh đổ cường quyền áp chế, ắt là thành công” [39, tr.697].

Phan Châu Trinh cũng chủ trương thực hiện một số biện pháp cải cách nhằm “Khai dân trí, Chấn dân khí, Hậu dân sinh” tức là mở mang nhận thức của nhân dân, đề khẳng định ý thức tự cường dân tộc, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân. Bên cạnh đó, cần tiếp thu, học tập những giá trị tốt đẹp của văn minh nhân loại, Cụ viết:

“Từ khi sách mới dịch của châu Âu du nhập, mới hiểu rõ tiền đề sống chết của dân tộc ở trong cái đại thể mạnh yếu của năm châu” [39, tr.524-525].

Như vậy, dù con đường cách mạng có khác nhau, nhưng cả cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Châu Trinh đều nhận thức được sức mạnh to lớn của đoàn kết nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng, đây là những tiền đề lý luận quan trọng cho sự phát triển tư duy chính trị của cách mạng Việt Nam sau này. Tuy nhiên, sai lầm của Cụ Phan Bội Châu là hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, điều này đã được Nguyễn Ái Quốc chỉ ra: điều đó rất nguy hiểm, “chẳng khác gì đuổi hổ cửa trước rước beo cửa sau” [239, tr.13]. Sai lầm của cụ Phan Châu Trinh là chủ trương đòi thực dân, phong kiến cải cách chính sách cai trị của chúng. Chủ trương “ý Pháp cầu tiến bộ” này của Cụ không thể nào đạt được mục đích, mà chính Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: “Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... đó là sai lầm chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương” [239, tr.13]. Điều này đã được Nguyễn Ái Quốc rút kinh nghiệm trong hành trình tìm đường cứu nước mới, con đường đó tiếp nối tinh thần yêu nước nhiệt thành của các vị tiền bối nhưng mang hơi thở của thời đại.

Chủ nghĩa dân tộc truyền thống và tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc của các nhà cách mạng tiền bối đã ảnh hưởng rất lớn đến Hồ Chí Minh, Người đánh cao vai trò của chủ nghĩa yêu nước khi khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và lũ cướp nước” [170, tr.38]. Lời nhận định của Hồ Chí Minh dựa trên cơ sở lịch sử, được lịch sử chứng minh qua nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại mà chúng ta có quyền tự hào như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, đó là những vị anh hùng “tiêu biểu của một dân tộc anh hùng” [170, tr.38]. Chính việc nhận thức rõ vai trò và sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần đoàn kết, ý chí tự cường dân tộc đã làm nên sự khác biệt trong nhận thức của Hồ Chí Minh, trong khi các nhà yêu nước khác, người thì tìm cách liên lạc với Nhật mong cầu xin ngoại viện để giải phóng dân tộc, người thì trông chờ ở sự giúp đỡ của chính kẻ thù để canh tân đất nước, Nguyễn Tất Thành đã vượt qua được những ảo tưởng đó, Người lăn lộn trong lao động và đấu tranh để tìm con đường cứu nước đúng đắn bằng chính tâm sức của nhân dân Việt Nam. Ngay từ năm 1922, khi còn hoạt động ở nước ngoài. Người đã nhắc nhở đồng bào ta: “Giờ sử

đất nước ra mà xem, mi sẽ thấy tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn” [164, tr.97]. Hồ Chí Minh nhận thấy những tấm gương dũng cảm, chí khí và tự tôn của dân tộc Việt Nam đời nào cũng có, đó chính là nhân tố quan trọng góp phần vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trong thời kỳ hiện đại.

2.2.1.2. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị thế giới

Tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc ra đời gắn liền với quá trình thúc đẩy việc hình thành nên các quốc gia - dân tộc ở phương Tây được đặt nền móng bởi các triết gia chính trị như John Locke, Montesquieu, Voltaire và Jean Jacques Rousseau. Các ông đề xuất loại hình chủ nghĩa dân tộc tự do, chủ trương mở rộng quyền tự quyết ra ngoài cá nhân và cho rằng các quốc gia nên có thể tự quyết định con đường của mình, dựa trên quan niệm về ý chí chung và chủ quyền phổ biến: “Mỗi người chúng ta đặt mình và quyền lực của mình dưới sự điều khiển tối cao của ý chí chung, và chúng ta tiếp nhận mọi thành viên như một bộ phận không thể tách rời của toàn thể” [106, tr.68]. Các nhà khai sáng đưa ra ý tưởng về một quốc gia - dân tộc thống nhất, có chủ quyền, có quyền tự quyết với mục đích là bảo vệ quyền tự do cá nhân. Chủ nghĩa dân tộc đã tạo nên một làn sóng cách mạng mạnh mẽ, có sức mạnh biến đổi chưa từng có đối với các xã hội phương Tây. Chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy cuộc đại cách mạng Pháp, với khẩu hiệu nổi tiếng “Tự do, bình đẳng, bác ái”, cùng với *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* có giá trị không chỉ đối với người dân Pháp mà còn đối với tất cả các dân tộc. Tự do cá nhân, bình đẳng, bác ái của tất cả các dân tộc - đây là những nền tảng chung của tất cả chủ nghĩa dân tộc tự do và dân chủ. Chủ nghĩa dân tộc cũng chính là động lực của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở 13 bang Bắc Mỹ dẫn đến sự ra đời của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, với bản *Tuyên ngôn độc lập* nêu cao chân lý: “các chính phủ được lập ra trong nhân dân và có được những quyền lực chính đáng trên cơ sở sự nhất trí của nhân dân” [256, tr.285]. Như vậy, việc xây dựng một chính quyền nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của con người, đảm bảo chủ quyền nhân dân là một tất yếu đã được khẳng định trong hai bản Tuyên ngôn lịch sử này.

Mặc dù yêu mến và ca ngợi những giá trị của văn minh phương Tây, nhưng Hồ Chí Minh đồng thời cũng thấy được nghịch lý đằng sau những lời hoa mỹ “tự do, bình đẳng, bác ái” là sự bất bình đẳng và sự nghèo đói của hàng triệu người lao động, là điều kiện sống khủng khiếp của người da đen, là nạn phân biệt chủng tộc một cách ghê gớm. Hơn thế nữa, Người hiểu được bản chất của chủ nghĩa tư bản là tư tưởng và hành

động hoàn toàn trái ngược. Những ngôn từ hoa mỹ chỉ là vỏ bọc che đậy cho bản chất phản động của chủ nghĩa đế quốc.

Đối với tư tưởng chính trị phương Đông, Người đặc biệt ấn tượng và tìm hiểu tư tưởng tam dân của nhà cách mạng Trung Quốc Tôn Trung Sơn (1866 - 1925) - lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Tân Hợi. Giải thích về Chủ nghĩa Tam dân, Tôn Trung Sơn phát biểu: “Nói bằng một cái định nghĩa đơn giản nhất, tức là chủ nghĩa cứu nước” [216, tr.3]. Chủ nghĩa tam dân gồm: chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân quyền và chủ nghĩa dân sinh. Trong đó, ông đề cao chủ nghĩa dân tộc, bởi lẽ “chủ nghĩa dân tộc như một bảo bối giúp một quốc gia phát triển và giúp cho nòi giống sinh tồn” [216, tr.45], và chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng của Tôn Trung Sơn được hiểu là “chủ nghĩa quốc tộc” [216, tr.4]. Theo ông, để cứu đất nước Trung Quốc, vấn đề mấu chốt là cần khôi phục chủ nghĩa dân tộc: “muốn cứu nguy, chúng ta phải đề xướng chủ nghĩa dân tộc, dùng tinh thần dân tộc để cứu nước” [216, tr.10]. Để khôi phục chủ nghĩa dân tộc, ông đưa ra hai giải pháp là năng trị (nhận thức đúng tình cảnh nguy hiểm của dân tộc Trung Quốc phải làm cho 400 triệu người dân Trung Quốc biết mình đang đứng ở đâu) và hợp quần (đoàn kết toàn thể dân tộc), có như vậy thì chủ nghĩa dân tộc mới có cơ khôi phục được. Ngoài ra, Tôn Trung Sơn chủ trương phải khôi phục lại đạo đức, trí tuệ và năng lực vốn có, biết đón đầu mà học tập cái hay, cái tốt của nước ngoài để đuổi kịp chứ không lẻo đẻo theo sau: “sau khi khôi phục được mọi tinh hoa của đất nước, chúng ta còn cần học tập những chỗ mạnh của Âu - Mỹ, sau đó mới có thể sánh bước với Âu - Mỹ. Nếu không học tập chỗ mạnh của thế giới, chúng ta vẫn sẽ tụt hậu” [216, tr.114]. Những quan điểm cách mạng của chủ nghĩa Tam dân được Hồ Chí Minh nhắc đến và vận dụng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa dân tộc cũng là đặc điểm nổi trội trong tư duy chính trị của Mahatma Găngđi (1869 - 1948) - thủ lĩnh của phong trào dân tộc chủ nghĩa chống lại sự thống trị của thực dân Anh ở Ấn Độ. Găngđi đã định nghĩa chủ nghĩa dân tộc một cách đơn giản rằng: “ý tưởng của tôi về chủ nghĩa dân tộc là đất nước của tôi có thể trở nên tự do” [214, tr.247] và nêu lên triết lý: “chúng ta sẵn sàng chết hơn là sống trong chế độ nô lệ” [68, tr.136]. Trong tư tưởng chính trị của Găngđi, độc lập, tự do của dân tộc phải gắn liền và thể hiện ở sự bình đẳng, cuộc sống hạnh phúc cho tất cả mọi người, nhất là những người nghèo khổ: “Tôi sẽ làm việc cho một nước Ấn Độ... trong đó tất cả mọi cộng đồng sẽ sống trong sự hài hòa êm đẹp [105, tr.330]. Nội dung chủ nghĩa dân tộc của Găngđi bao gồm ba thành phần chính: Swaraj (sự tự trị và tự kiểm chế), hòa hợp

cộng đồng và Ahimsa (bất bạo động). Swaraj không có nghĩa là thay đổi người cai trị nhưng nó sẽ tạo cơ hội cho việc thiết lập công lý, tự do và bình đẳng cho tất cả mọi người. Thành phần thứ hai của chủ nghĩa dân tộc Găngđi là sự hòa hợp cộng đồng thông qua đoàn kết các tôn giáo, giai cấp. Bất bạo động là thành phần thứ ba. Đối với Găngđi, “bất bạo động với tôi là một điều tuyệt đối” [155, tr.354]. Trên cơ sở tuyên truyền tư tưởng bất bạo động và xây dựng chương trình hành động vì sự thống nhất và toàn vẹn của quốc gia dân tộc, Găngđi đã thúc đẩy hệ tư tưởng chủ nghĩa dân tộc trở thành một phong trào quần chúng rộng khắp.

Găngđi đã nhìn thấy mối liên hệ rất chặt chẽ giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế, chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế thực sự bổ sung cho nhau. Ông tin rằng chủ nghĩa quốc tế chỉ có thể phát triển từ chủ nghĩa dân tộc chân chính: “Tôi muốn tự do cho đất nước của mình, nhưng chúng tôi sẽ không xứng đáng có được tự do đó nếu chúng tôi không trân trọng quyền bình đẳng của mọi chủng tộc khác, dù yếu hay mạnh...” [159, tr.107].

Hồ Chí Minh giành sự kính trọng lớn đối với những đóng góp của Găngđi, tuy rất khâm phục Găngđi, nhưng với tư duy phê phán tinh tường, Hồ Chí Minh nhận thấy “những điều kiện ở Việt Nam và ở Ấn Độ không giống nhau nên những phương tiện tranh đấu cũng không thể giống nhau” [168, tr.164]. Người cho rằng cách thức đấu tranh bất hợp tác, bất bạo động của Găngđi không phù hợp với cách mạng Việt Nam. Kẻ thù của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp với những cách thức cai trị tàn độc, dìm những cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong biển máu, kể cả những phong trào đấu tranh hòa bình cũng bị đàn áp dã man không chút khoan nhượng, “những người như ông Găngđi... có lẽ đã lên thiên đàng từ lâu rồi nếu các ông ấy sinh ra ở một trong những thuộc địa của Pháp” [164, tr.81].

Như vậy, đối với vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị phương Tây và phương Đông, Hồ Chí Minh đều nhìn thấy những ưu điểm kế thừa và những hạn chế.

2.2.1.3. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Mác - Lênin

Sau nhiều năm khảo nghiệm, tìm kiếm con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong đó, Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng của các nhà kinh điển. Nhiều quan điểm cho rằng, “chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa Mác - Lênin không tương thích với nhau, bởi lẽ chủ nghĩa dân tộc dựa trên giả định rằng những sự phân chia cơ

bản nhất của loài người là phân chia theo các nhóm dân tộc - quốc gia. Ngược lại, chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên niềm tin rằng những sự phân chia cơ bản nhất của con người là những sự phân biệt giai cấp theo chiều ngang cắt ngang các nhóm quốc gia” [109]. Do đó, họ cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin không bàn đến chủ nghĩa dân tộc, tuy nhiên, trên thực tế, chủ nghĩa Mác - Lênin đã xuất phát từ khuôn khổ của cách mạng vô sản để khảo sát về chủ nghĩa dân tộc, đặc biệt là Lênin. Các ông đề cập đến các khái niệm như “chủ nghĩa dân tộc của chế độ phong kiến”, “chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tư sản”, “chủ nghĩa dân tộc trong các dân tộc lệ thuộc”, “chủ nghĩa dân tộc của chính phủ”, “chủ nghĩa dân tộc phái tự do”, “chủ nghĩa dân tộc xã hội”, “chủ nghĩa dân tộc Bunt” (phiến loạn), “chủ nghĩa dân tộc địa phương”, “chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tiểu tư sản”, v.v. [215, tr.104] như là các loại hình của chủ nghĩa dân tộc. Có thể thấy rằng, chủ nghĩa dân tộc mà chủ nghĩa Mác - Lênin nhắc đến luôn gắn liền với một tập đoàn người nào đó và chủ nghĩa dân tộc hướng tới bảo vệ cho lợi ích của tập đoàn đó, có thể là một dân tộc, một giai cấp hoặc thành phần người cụ thể trong xã hội, theo đó, chủ nghĩa dân tộc được coi là cái có cho những mục đích chính trị phục vụ lợi ích cho một nhóm, một tập đoàn người cụ thể.

Khi bàn về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa Mác - Lênin đề cao các quyền dân tộc cơ bản. Mác và Ăngghen cho rằng mỗi dân tộc cần phải có sự bình đẳng và chủ quyền dân tộc đầy đủ: “Chỉ có thể có được sự hợp tác quốc tế thành thực giữa các dân tộc châu Âu, khi nào mỗi dân tộc đó là người chủ tuyệt đối trong nhà mình” [153, tr.415]. Bổ sung thêm cho những quan điểm của Mác, Ăngghen, trong *Cương lĩnh dân tộc*, V.I. Lênin khẳng định tất cả các dân tộc đều có quyền có quốc gia dân tộc, các dân tộc phải có quyền bình đẳng và quyền tự quyết. Quyền tự quyết là quyền của mỗi dân tộc được quyết định vận mệnh của mình không phụ thuộc vào các dân tộc khác. Các dân tộc được tự do lựa chọn con đường đi lên, lựa chọn chế độ chính trị trong quá trình xây dựng và phát triển. Quyền tự quyết của dân tộc bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng để có đủ sức mạnh chống nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, giữ vững độc lập chủ quyền và có những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia dân tộc. Cùng với quyền tự quyết là quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tất cả mọi dân tộc dù lớn hay nhỏ, dù phát triển ở trình độ cao hay thấp đều phải được tôn trọng và được đối xử như nhau trên mọi lĩnh vực. Không dân tộc nào có đặc quyền,

đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa: “Chúng ta đòi hỏi một sự bình đẳng tuyệt đối về mặt quyền lợi cho tất cả các dân tộc” [136, tr.266].

Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chỉ ra rằng, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa cần phân biệt hai loại dân tộc: dân tộc đi áp bức và dân tộc bị áp bức: “phân biệt thật rõ rệt những dân tộc bị áp bức, phụ thuộc, không được hưởng quyền bình đẳng, với những dân tộc đi áp bức, bóc lột, được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi” [139, tr.198-199]. Các ông chỉ ra nguyên nhân của tình trạng dân tộc này thống trị dân tộc khác, tình trạng bất bình đẳng giữa các dân tộc là do chế độ tư hữu, chế độ người bóc lột người, chế độ giai cấp này thống trị, áp bức giai cấp khác. Vì vậy, Mác, Ăngghen khẳng định: “Hãy xóa bỏ nạn người bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ” [167, tr.624].

Chủ nghĩa Mác - Lênin đứng trên lập trường của giai cấp công nhân để giải quyết vấn đề dân tộc, bởi các ông xác định giai cấp công nhân đại diện cho lợi ích dân tộc, có sứ mệnh phát triển dân tộc. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen chỉ ra: dưới chế độ thiểu số thực hiện áp bức, bóc lột đối với đa số “Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu” [151, tr.623-624]. Dân tộc mà giai cấp vô sản phải “vươn lên” để giành lấy, để xây dựng là dân tộc xã hội chủ nghĩa, ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” [151, tr.628].

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng ở các nước châu Âu, khi đề cập đến mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, các ông cho rằng vấn đề dân tộc phụ thuộc vào vấn đề giai cấp. Mác, Ăngghen chỉ rõ: “Trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản” [167, tr.614]. Và chỉ khi, vấn đề giai cấp được giải quyết một cách triệt để thì vấn đề dân tộc mới có thể giải quyết được: “Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo” [167, tr.624].

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng chỉ có cách mạng vô sản và chủ nghĩa xã hội mới có thể giải quyết triệt để vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, bởi vì, chỉ có giai cấp vô sản mới bảo vệ quyền tự do thực sự của các dân tộc và sự thống nhất của công nhân thuộc mọi dân tộc: “Giai cấp vô sản chiến thắng giai cấp tư sản đồng thời còn có nghĩa

là khắc phục tất cả những cuộc xung đột dân tộc và xung đột công nghiệp hiện nay đang sinh ra sự thù hằn giữa các dân tộc. Vì vậy mà thắng lợi của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản đồng thời còn là dấu hiệu giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức” [151, tr.526-527]. Về tương lai của các dân tộc, Lênin chỉ rõ: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi” [138, tr.602], đồng thời, Lênin cũng chỉ ra tính chất đặc thù: “tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội” [138, tr.160].

Chủ nghĩa Mác - Lênin kiên quyết chống chủ nghĩa dân tộc tư sản bành trướng, hẹp hòi của giai cấp tư sản. Các ông cho rằng, chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tư sản thường gây ra những cuộc chia rẽ, xích mích, thù hằn, thậm chí dẫn đến xung đột giữa các dân tộc: “chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tư sản và của chủ nghĩa dân chủ tư sản, ngoài miệng thừa nhận bình đẳng dân tộc nhưng trên thực tế thì bảo vệ (thường là vùng trộm, che giấu nhân dân) những đặc quyền nào đó của một dân tộc, hơn nữa luôn cố gắng làm cho dân tộc ‘mình’ (tức là làm cho giai cấp tư sản của dân tộc mình) giành được lợi ích lớn hơn” [215, tr.105]. Chúng che giấu mục đích thật sự của cuộc chiến tranh đế quốc, chúng nhồi nhét vào tâm lý của quần chúng nhân dân bằng những ngôn từ mỹ miều, lừa gạt quần chúng nhân dân mỗi nước rằng đó là cuộc chiến tranh có tính chất phòng ngự, được tiến hành vì sự nghiệp cứu quốc và kêu gọi nhân dân đi lính để “bảo vệ Tổ quốc”. Trên thực tế thì cả “tinh thần ái quốc” và “chủ nghĩa quốc tế” mà chúng nêu ra đều là giả hiệu: “chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tư sản và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp vô sản là hai khẩu hiệu đối địch không thể điều hòa, chúng thích ứng với hai dinh lũy giai cấp lớn của toàn bộ thế giới tư bản chủ nghĩa, đại biểu cho hai chính sách (cũng là hai loại thế giới quan) trong vấn đề dân tộc” [215, tr.105]. Đồng thời, các ông cũng phê phán lập trường sô vanh tồn tại ngay trong hàng ngũ giai cấp công nhân. Mác “phê phán các nhà lãnh đạo cách mạng Tây Ban Nha vì họ từ chối trao trả độc lập cho các dân tộc thuộc địa của Bồ Đào Nha ở Mỹ latin, và muốn chuyển qua tay mình quyền ô nhục đó” [227, tr.24]. Mác và Ăngghen cũng phê phán những quan điểm dường như muốn giành tự do cho mình mà hy sinh nền độc lập của dân tộc khác [227, tr.24]. Còn theo Lênin, cần phải khắc phục tinh thần ích kỷ và thành kiến dân tộc trong quần chúng nhân dân các dân tộc thuộc địa để hướng tới xây dựng khối đoàn kết quốc

tế giữa giai cấp vô sản chính quốc với nhân dân lao động các nước thuộc địa. Bên cạnh đó, ông cũng nhấn mạnh cần khai thác, cải tạo và phát huy chủ nghĩa dân tộc bản xứ để nó trở thành động lực cách mạng to lớn trong nhân dân các nước thuộc địa.

Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin khi đọc “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” được đăng toàn văn trên báo L’ Humanité (Nhân đạo), trong hai số liên tiếp ngày 16 và 17/7/1920. Trong *Luận cương*, V.I.Lênin phê phán các quan điểm sai lầm của tư tưởng sô vanh, hẹp hòi, nhấn mạnh sự đoàn kết quốc tế giữa những người cộng sản và nhân dân thuộc địa trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, phong kiến, vì quyền độc lập, quyền tự quyết dân tộc, trong đó có dân tộc thuộc địa. Bản *Luận cương* đã tác động mạnh mẽ đến Hồ Chí Minh, tạo nên một bước ngoặt trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Người. Từ đó, Người đã tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba, tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc.

Tiếp thu *Luận cương* của V.I.Lênin, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã giải đáp được câu hỏi về con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam khi Người lựa chọn, xác lập con đường cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội với sự lãnh đạo của một đảng cộng sản chân chính. Đồng thời, Người cũng đã tìm ra một học thuyết đóng vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam để nhận thức, lý giải cũng như định hướng giải quyết những vấn đề của thực tiễn xã hội Việt Nam. Việc chủ nghĩa Mác - Lênin đề cao quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc, bên vực cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa chính là cơ sở để Hồ Chí Minh đấu tranh cho đòi lại quyền dân tộc của một dân tộc thuộc địa cụ thể như Việt Nam. Cũng chính trên cơ sở những quan điểm có tính nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Hồ Chí Minh nhận thức được sự bóc lột của chủ nghĩa đế quốc với các nước thuộc địa không phải là sự bóc lột của dân tộc này với một dân tộc khác, chủng tộc này đối với một chủng tộc khác, nhận thức đúng kẻ thù của dân tộc, vượt qua được hạn chế của các bậc tiền bối trong vấn đề nhận thức kẻ thù, lực lượng của cách mạng.

Mặc dù coi chủ nghĩa Mác - Lênin “không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng” [175, tr.563], áp dụng các nguyên tắc nhận thức mác-xít vào phân tích tình hình các dân tộc thuộc địa nói chung, Việt Nam nói riêng, Hồ Chí Minh “nắm

bắt được hạt ngọc quý về vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Lênin và đẩy lên một mức độ sâu sắc hơn” [117, tr.81]. Hồ Chí Minh cho rằng, nhiều vấn đề lý luận các nhà kinh điển đưa ra, chỉ đúng với điều kiện các nước châu Âu, cho nên, cần phải nghiên cứu, bổ sung và phát triển lý luận, vận dụng vào thực tiễn một cách sáng tạo, phù hợp, không giáo điều, rập khuôn, máy móc. Người nói: “Chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh” [170, tr.120], “những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi” [174, tr.95].

Nắm bắt những chỉ dẫn của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa dân tộc, cùng với những hiểu biết sâu sắc thực tiễn vấn đề dân tộc và tư duy độc lập, giàu tính sáng tạo, Hồ Chí Minh đã đưa ra những luận điểm mới mẻ phù hợp với điều kiện cách mạng ở một dân tộc thuộc địa. Người đã phát hiện “chủ nghĩa dân tộc là động lực to lớn của đất nước” [164, tr.511], và “phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời” [164, tr.513]. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh đến tính giai cấp, cho rằng lợi ích dân tộc phục tùng lợi ích giai cấp vô sản, cho rằng thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản chính quốc. Đến Hồ Chí Minh, Người cho rằng lợi ích dân tộc là bao trùm, lợi ích giai cấp phải phục tùng lợi ích dân tộc. Đặc biệt, Hồ Chí Minh thấy được tính chủ động, sáng tạo và khả năng giành thắng lợi trước của cách mạng giải phóng dân tộc so với cách mạng vô sản chính quốc. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin chủ trương xác lập nhà nước chuyên chính vô sản, bảo đảm quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân, thì Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân.

Từ một người yêu nước, tiếp thu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã có những nhận định xác đáng về chủ nghĩa dân tộc truyền thống, đánh giá đúng đắn về mặt tích cực cũng như điểm hạn chế trong tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc của văn hóa phương Đông và phương Tây. Hồ Chí Minh phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong thời đại mới: chủ nghĩa dân tộc được đặt trên lập trường giai cấp vô sản và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.2.2. Cơ sở thực tiễn

Sự hình thành của một học thuyết, một tư tưởng không thể là ngẫu nhiên, mà xuất phát từ thực tiễn, từ tổng kết thực tiễn. C. Mác đã nói rằng: “Mỗi thời đại xã hội

đều cần có những con người vĩ đại của nó, và nếu nó không tìm ra những người như thế, thì như Hen-ve-ti-uyt đã nói, nó sẽ nặn ra họ” [152, tr.88]. Nhà cách mạng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị của Người cũng được hình thành dựa trên những điều kiện thực tiễn nhất định của Việt Nam và thế giới.

2.2.2.1. Thực tiễn chủ nghĩa dân tộc Việt Nam

Những điều kiện lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã ảnh hưởng đến việc hình thành chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Trước hết, thực dân Pháp xâm lược và thống trị Việt Nam

Từ năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu tiến công quân sự để chiếm Việt Nam. Triều đình nhà Nguyễn từng bước hạ cờ đầu hàng, đến năm 1884, bằng hiệp ước Pa-tơ-nôt (ký ngày 6/6/1884), Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập tự chủ trở thành nước thuộc địa và phong kiến. Thực dân Pháp áp đặt chính sách chuyên chế cai trị thực dân điển hình, tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền nhà Nguyễn. Chính quyền thực dân thi hành chính sách kinh tế thực dân bảo thủ và phản động: Duy trì và nâng cao cấp độ bóc lột phong kiến kết hợp với việc thiết lập một cách hạn chế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, biểu hiện rõ nét nhất ở chế độ thuế khóa vô cùng nặng nề và hết sức vô lý. Ngoài ra, chúng thi hành chính sách độc quyền kinh tế, khiến cho kinh tế Việt Nam mất độc lập, phải phụ thuộc vào “mẫu quốc” và không thể phát triển toàn diện. Nhân dân Việt Nam bị bần cùng hóa; nông dân, thợ thủ công phá sản, tư sản bản xứ bị chèn ép và phá sản.

Chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản được thi hành trong suốt quá trình khai thác thuộc địa. Chính quyền thực dân bưng bít, ngăn cản mọi ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng tiến bộ, dân chủ trên thế giới vào Việt Nam, triệt để thực hiện chính sách ngu dân cho dễ bề cai trị.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm cho mâu thuẫn xã hội và kết cấu giai cấp trong xã hội thay đổi. Ngoài mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến, đã xuất hiện mâu thuẫn mới giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản, và mâu thuẫn dân tộc vốn đã xuất hiện từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược ngày càng sâu sắc hơn.

Sinh ra, lớn lên và có những năm tháng đầu tiên hoạt động chính trị trong lòng dân tộc, chứng kiến những sự kiện lịch sử dân tộc cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh nhận thức được những mâu thuẫn chủ yếu trong lòng xã hội Việt Nam, đặc biệt, Người nhìn thấy được mâu thuẫn sâu sắc nhất, bao trùm nhất của xã hội Việt Nam

lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai. Đây chính là cơ sở để Người xác định đúng mục tiêu của cách mạng Việt Nam trước hết là đấu tranh để giải phóng dân tộc, cũng như thái độ chính trị của mỗi giai cấp đối với vận mệnh của dân tộc, để sắp xếp lực lượng cách mạng một cách phù hợp.

Thứ hai, sự phát triển của các phong trào dân tộc chủ nghĩa theo các khuynh hướng khác nhau.

Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX phát triển theo những khuynh hướng khác nhau. đều có mục tiêu đánh đuổi chủ nghĩa thực dân Pháp giành độc lập dân tộc, nhưng có rất nhiều xu hướng hành động như: (1) đấu tranh bằng vũ lực để đánh đuổi kẻ thù; (2) “thỏa hợp với đế quốc thực dân để được cải cách, là “ý Pháp cầu tiến bộ”, rồi dần dần đi đến quy chế tự trị mà không tách khỏi nước bảo hộ” [63, tr.8]; (3) tìm kiếm sự giúp đỡ của một nước lớn để đánh đuổi Pháp khỏi Việt Nam; hoặc những người dân tộc chủ nghĩa có thể thực hiện bất kỳ sự kết hợp nào của các xu hướng trên, miễn là đạt được mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp. Các phong trào đấu tranh yêu nước thời kỳ đầu chủ yếu đi theo khuynh hướng phong kiến, tiêu biểu là: khởi nghĩa của Trương Định, Nguyễn Trung Trực ở Nam Kỳ; khởi nghĩa của Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ An; phong trào Cần Vương do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động; cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo nhưng đều bị dập tắt. Bước sang đầu thế kỷ XX, xuất hiện các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với sự dẫn dắt của các sĩ phu yêu nước có tinh thần cải cách, sẵn sàng từ bỏ lập trường phong kiến để bảo vệ lợi ích dân tộc, tiêu biểu là phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng (1904-1908), phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh phát động (1906-1908), phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Nguyễn Quyền và Lương Văn Can đứng đầu (1907) cũng nhanh chóng thất bại. Hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng - đại diện cho giai cấp tư sản dân tộc, lãnh đạo đấu tranh cách mạng theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản - do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Phó Đức Chính thành lập (1927) với cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930) đã bị đàn áp một cách dã man.

Đến những năm 1930, các xu hướng cách mạng trên hầu như đã bị thực dân Pháp đàn áp rất dã man, thủ lĩnh các phong trào bị bắt, bị giết, bị giam lỏng. Nguyên nhân thất bại của các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX là do đường lối chính trị không rõ ràng. Các giai cấp lãnh đạo không đủ sức để đảm đương sứ mệnh lịch sử của dân tộc, giai cấp phong kiến và hệ tư

tưởng của nó đã suy tàn, trong khi đó giai cấp tư sản dân tộc còn non yếu. Đường lối và phương pháp đấu tranh không thích hợp. Những người lãnh đạo chưa xác định đúng mục tiêu chiến lược và lực lượng cách mạng thiếu sự liên kết, chưa thấy được khả năng đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới. Hồ Chí Minh đã viết về giai đoạn lịch sử hào hùng nhưng bi tráng này: “Trong suốt gần một thế kỷ thống trị của thực dân Pháp, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam không ngừng phát triển, kẻ trước ngã, người sau đứng dậy. Nhưng tất cả những cuộc khởi nghĩa yêu nước ấy đã bị chìm trong máu” [175, tr.30]. Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc, lịch sử đặt ra câu hỏi lớn cần giải quyết: Cứu nước bằng con đường nào để có thể đi đến thắng lợi? Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, phù hợp là yêu cầu cấp thiết nhất của dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Tình hình trên đã tác động không nhỏ đến tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc, mặc dù rất khâm phục, nhưng trước sự thất bại của các phong trào đấu tranh, Người nhận thức được những hạn chế trong con đường cứu nước của các bậc tiền bối và quyết tâm tìm một con đường cứu nước mới. Sự thất bại của các xu hướng đó đã để lại những bài học kinh nghiệm lớn, chứng minh rằng con đường của Phan Châu Trinh “không thể đạt được sự đại diện chính trị thông qua sự hợp tác của Pháp. Kinh nghiệm của Phan Bội Châu đã dạy cho các nhà lãnh đạo Việt Nam của những năm 1930 rằng họ không thể mong đợi một thế lực lớn thứ ba đánh bại người Pháp thay họ” [63, tr.8], “ảo mộng đề huề sớm vỡ. Ảo mộng “ý Pháp cầu tiến bộ” trở thành như giọt dầu xăng ngoài gió” [63, tr.8]. Hồ Chí Minh sớm nhận thức được những sai lầm trên để đưa ra kết luận quan trọng là phải “đem sức ta để giải phóng cho ta”. Tuy vậy, không phải ai cũng nhìn thấy được những hạn chế đó, Bảo Đại đã thoái vị nhưng rồi sau đó lại thực hiện chiến lược “tìm kiếm nền độc lập trong khuôn khổ liên hiệp Pháp” [52, tr.77]; trong khi Ngô Đình Diệm - người tự coi mình là một người dân tộc chủ nghĩa, “quyết tâm đưa Quốc gia Việt Nam đến chỗ độc lập với Pháp” [52, tr.151], nhưng thay vì đoàn kết với đồng bào mình, Diệm sẵn sàng “thông đồng với người Nhật chống lại người Pháp” [52, tr.48], sau đó lại dưới sự bảo trợ của Mỹ để chống Pháp, chống Bảo Đại và chống cả đảng cộng sản với những hình thức cực đoan. Ngược lại với “đường lối mặt trận dân tộc của Đảng Cộng sản ảnh hưởng rất lớn, lực lượng quần chúng công nông mà đảng huy động đã có sức hút mạnh mẽ và gây được lòng tin, cho nên các cá nhân và tổ chức dân tộc cách mạng chân chính đều đứng vào mặt trận, đều hợp tác với Đảng Cộng sản, trong lúc đó thì một số các tổ chức tự gọi là quốc gia, chống cộng, thì

hoặc đi theo quân phiệt Trung Quốc, quân phiệt Nhật, hoặc thỏa hợp với đế quốc Pháp, đế quốc Mỹ, chống lại cách mạng giải phóng của dân tộc Việt Nam” [63, tr.25]. Các chính quyền thân Nhật, thân Pháp, thân Mỹ đã từng bước sụp đổ không chỉ vì sự thất bại trên mặt trận quân sự, mà hơn hết là sự thất bại của việc “không xây dựng được cơ sở ủng hộ thỏa đáng của nhân dân” [52, tr.243], mặc dù về mặt lý thuyết, họ rêu rao mục tiêu “một cuộc cách mạng xã hội để khôi phục độc lập cho nông dân và thợ thuyền Việt Nam. Để tất cả mọi người Việt Nam có đủ phương tiện sống xứng đáng với phẩm giá con người” [52, tr.243], nhưng trên thực tế, họ thực hiện những “biện pháp an ninh tàn bạo”, thực hiện lao động cưỡng bức, thủ tiêu những quyền tự do, dân chủ, chế độ Việt Nam Cộng hòa còn “chất người vào các xà lim và nhà ngục chật đến vỡ nóc” [52, tr.318], các chính sách phát triển kinh tế, xây dựng chế độ không hướng đến đại đa số quần chúng nhân dân mà đông đảo nhất là công nhân và nông dân. Chính vì “không thể xây dựng được những cấp độ ủng hộ dù là nhỏ nhoi nhất của người dân dành cho chính phủ” [52, tr.303], thậm chí còn gây nên sự bức xúc, nổi căm phẫn nên việc sụp đổ của các lực lượng phản cách mạng là điều không tránh khỏi. Trong khi đó, có thể nói rằng, điều làm nên thành công ở Hồ Chí Minh là Người đã xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc rộng lớn và một thể trận lòng dân vững chắc, đến mức mà những chiến dịch tuyên truyền của kẻ thù cũng không thể phá vỡ niềm tin của nhân dân vào Đảng Cộng sản, một cán bộ của Việt Nam Cộng hòa sau này kể lại: “khi chúng tôi cố gắng giải thích cộng sản là người xấu, dân làng không chịu nghe theo chúng tôi” [52, tr.303]. Trong bối cảnh chia rẽ, với rất nhiều xu hướng, nhiều kẻ thù, Hồ Chí Minh hiểu một nguyên lý quan trọng “đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”, Người tập hợp mọi con dân nước Việt vào một trận tuyến chung, bất kể họ ở tầng lớp nào, giai cấp nào, lập trường chính trị nào, miễn là họ yêu nước, họ muốn đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Và hơn hết, Người luôn nhất quán nguyên tắc thành quả cách mạng phải thuộc về nhân dân, những người đã hi sinh xương máu để làm nên thành quả đó, chính vì vậy, Người đã thiết kế và xây dựng một chế độ xã hội mới dân chủ thực sự, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Người, Đảng Cộng sản và mặt trận Việt Minh đã trở thành “lực lượng Việt Nam duy nhất thể hiện được khả năng tập hợp sức mạnh quân sự và sự ủng hộ của người dân trên toàn Đông Dương” [52, tr.139], nhờ vậy đã tạo nên những chiến tích lừng lẫy trong lịch sử dân tộc, những “chiến thắng thuộc về khát vọng dân tộc và lòng dũng cảm của người dân Việt Nam. Chiến thắng đã đạt được

bằng nỗ lực dân tộc: một dân tộc chung; chiến đấu với kẻ thù chung; vì một mục tiêu chung và vì một vận mệnh chung” [52, tr.119].

2.2.2.2. Thực tiễn chủ nghĩa dân tộc trên thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là sản phẩm của dân tộc, của cách mạng Việt Nam, mà còn chịu sự chi phối của những bối cảnh thế giới. Bởi đúng như V.I.Lênin đã nói: “Chỉ có dựa trên những cơ sở hiểu biết những đặc điểm của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ” [137, tr.174]. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, lịch sử thế giới đã có những chuyển biến to lớn ảnh hưởng đến chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh:

Thứ nhất, sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc bành trướng dẫn đến việc đẩy mạnh xâm lược, hình thành nên hệ thống thuộc địa và xác lập được sự thống trị trên phạm vi thế giới của chủ nghĩa đế quốc.

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Cùng với nhu cầu phát triển kinh tế của các tập đoàn tư bản lũng đoạn, sự thúc đẩy bởi tình cảm cực đoan của chủ nghĩa dân tộc bành trướng, mong muốn khẳng định sự vượt trội về văn hóa, kinh tế, quân sự, các cường quốc phương Tây tiến hành các cuộc xâm lược để mở rộng lãnh thổ ngoài biên giới quốc gia - dân tộc mình. Nếu năm 1800, các cường quốc công nghiệp hóa phương Tây chỉ kiểm soát 35% diện tích đất trên thế giới; thì đến năm 1914, có đến 84% lãnh thổ thế giới đã được các nước đế quốc phân chia xong [219]. Hầu hết các dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đều bị biến thành thuộc địa, nửa thuộc địa, đặt dưới ách áp bức, bóc lột của các đế quốc lớn. Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các nước chính quốc chỉ bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa [164, tr.299].

Thứ hai, sự phát triển của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Để chống lại sự xâm lược của các nước đế quốc, các phong trào dân tộc chủ nghĩa đã phát triển ở nhiều nơi trên thế giới, ở Đông Bắc Á, phong trào do giai cấp phong kiến lãnh đạo chỉ còn ở Triều Tiên. Năm 1882, quý tộc phong kiến Triều Tiên đã tham gia vào cuộc đấu tranh chống Nhật và tập đoàn tay sai Mãn Phi. Ở Đông Nam Á, phong trào do giai cấp phong kiến hoặc một bộ phận của giai cấp phong kiến lãnh đạo diễn ra ở nhiều nước. Ở Campuchia, hoàng thân Sivôtha hai lần lãnh đạo nhân dân nổi dậy chống Pháp vào những năm 1876, 1885 - 1887. Nhân dân Miến Điện đã đứng

lên chống thực dân Anh dưới sự lãnh đạo của một số lãnh tụ phong kiến như Sove, Iran, Bôtrô vào những năm 1886 - 1889. Ở Trung Quốc, cuộc khởi nghĩa Nghĩa Hòa đoàn là phong trào nông dân lớn nhất vào những năm cuối cùng của thế kỉ XIX. Khi con đường đấu tranh theo khuynh hướng phong kiến thất bại, các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á có bước chuyển theo đường lối dân chủ tư sản nhưng kết cục cũng không khả quan hơn. Các phong trào dân tộc của giai cấp phong kiến và tư sản Indonesia lần lượt bị phá sản. Cuộc Duy tân Mậu Tuất ở Trung Quốc do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu khởi xướng, được vua Quang Tự ủng hộ (1898) nhanh chóng bị đánh bại; cách mạng Tân Hợi (1911) dù có những thành công nhất định nhưng chưa đưa lại độc lập cho dân tộc Trung Quốc; cuộc vận động Hôxê Rídan gắn liền với tổ chức liên minh Philippin thành lập năm 1892 cũng bị chìm trong biển máu. Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo các khuynh hướng khác nhau đã đưa các dân tộc châu Á đến một tình cảnh chung là khủng hoảng về đường lối cứu nước, đây là sự khủng hoảng mang tính thời đại. Điều đó đã đặt ra yêu cầu về một con đường giải quyết vấn đề dân tộc phù hợp với thời đại mới. Tinh thần đấu tranh yêu nước của nhân dân các nước thuộc địa, nửa thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh chống lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân phương Tây, cũng như sự thất bại của các phong trào đó đã tác động đến việc lựa chọn con đường cứu nước, giải quyết vấn đề dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, cũng như hình thành nên ở Người tư tưởng về sự đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa để cùng chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc xâm lược.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới diễn tiến theo chiều hướng mới, phong trào cộng sản, công nhân phát triển mạnh, các lực lượng tiến bộ trên thế giới được tập hợp lại ngày càng đông đảo, hoạt động chống chiến tranh, vì hòa bình của loài người tiến bộ ngày càng sôi động. Nhân dân các dân tộc thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh trong quá trình đấu tranh giải phóng đã nhận được sự ủng hộ cả về vật chất và tinh thần từ các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình, sâu sắc của đảng, chính phủ, các tổ chức xã hội, quần chúng và toàn thể các tầng lớp nhân dân ở các nước xã hội chủ nghĩa. Nhân dân Á, Phi và Mỹ Latinh nhận được khối lượng lớn thuốc men, đồ dùng, lương thực, vũ khí từ các nước xã hội chủ nghĩa. Nhờ vậy, phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ và phát triển. Trải qua thực tiễn đấu tranh, nhân dân Á, Phi và Mỹ Latinh ngày càng nhận thức rằng, đoàn kết đấu tranh, thống nhất là một yêu cầu có tính tất yếu khách quan, hợp với quy luật của quá trình phát triển xã hội. Điều

này không có trong thời kỳ trước chiến tranh thế giới thứ hai. Trên cơ sở tình hình thực tiễn thế giới, xác định đúng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, đồng thời, nhận thức rõ tầm quan trọng của đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Liên Xô thắng lợi trong cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, nhiều nước ở châu Âu và châu Á xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc thắng lợi, hệ thống xã hội chủ nghĩa lớn mạnh trên thế giới - những việc đó đang đẩy mạnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Muốn thắng lợi, các dân tộc thuộc địa cần phải đoàn kết mọi lực lượng chống đế quốc thành một mặt trận thống nhất rộng rãi...”[175, tr.730]. Vì vậy, cùng với việc củng cố mặt trận dân tộc thống nhất, Hồ Chí Minh đã tích cực thực hiện các hoạt động ngoại giao nhằm mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước bạn trên thế giới, trước hết là đoàn kết với Liên Xô và Trung Quốc cùng các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc. Nhờ vậy, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam nhận được sự ủng hộ của thế giới và Việt Nam cũng thực hiện những nghĩa vụ quốc tế khi góp phần bảo vệ hòa bình, dân chủ thế giới và phát triển chế độ dân chủ nhân dân ở Đông Nam Á.

Thứ ba, Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) thành công đã đánh thức toàn nhân loại, thôi thúc mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc trên thế giới.

Bước ngoặt lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị của Người nói riêng diễn ra khi Người biết đến và nghiên cứu sâu về Cách mạng tháng Mười Nga. Cuộc cách mạng nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức, “mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc” [174, tr.164]. Từ rất sớm, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy đây là một biến cố to lớn và có “một sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng”.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga là chiến thắng của tư tưởng V.I.Lênin về cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức, xây dựng quan hệ bình đẳng giữa các dân tộc thông qua chính sách về quyền dân tộc tự quyết. Cách mạng tháng Mười Nga đưa ra một mô hình mới của một xã hội do nhân dân lao động và các dân tộc làm chủ vận mệnh của mình. Hình ảnh của một nước Nga Xô viết vững vàng trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bên trong; mô hình của một xã hội mới, trong đó quyền tự do, bình đẳng, quyền làm chủ đất nước thuộc về toàn thể nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, càng củng

cổ niềm tin của Nguyễn Ái Quốc trên con đường tìm chân lý cho dân tộc. Người viết: “tại những nơi xa xăm hẻo lánh ở Đông Dương, người ta cũng đã nghe nói có một dân tộc ở miền Bắc xa xôi đã đánh đuổi được bọn áp bức và tự quản lý lấy mình. Ở các nơi xa xăm hẻo lánh nhất, người ta cũng biết rằng nước đó là nước Nga, và Lênin là người ưu tú nhất của nước đó” [165, tr.222].

Nghiên cứu về Cách mạng Tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh đánh giá rất cao ý nghĩa vĩ đại của cuộc cách mạng này: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi” [165, tr.304], Người coi đó là “ngọn đèn pha soi sáng cuộc đấu tranh cho tự do và hạnh phúc”, là “mặt trời rạng Đông xua tan bóng tối” của chủ nghĩa đế quốc: “Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã đem lại một đà thúc đẩy mới cho cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Việc chính quyền Xôviết trẻ tuổi giải quyết mau chóng vấn đề các thuộc địa cũ của Nga hoàng, trả lại tự do cho các dân tộc, đã có một tiếng vang mạnh mẽ trong tất cả các nước thuộc địa hoặc nửa thuộc địa ở châu Á. Chủ nghĩa Mác - Lênin chiến thắng đã chỉ cho tất cả các dân tộc đó con đường tự giải phóng” [173, tr.107].

Thứ tư, sự ra đời của Quốc tế Cộng sản gắn kết phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Ngày 2/3/1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập, trở thành Bộ tổng tham mưu của phong trào cách mạng thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Lênin, Quốc tế Cộng sản đẩy mạnh việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười Nga ra thế giới, thúc đẩy sự ra đời và hoạt động ngày càng mạnh mẽ của các đảng cộng sản. Hoạt động tích cực của Quốc tế cộng sản cũng đã tạo nên khối đoàn kết rộng lớn giữa nhân dân lao động các nước với phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa. Khối đoàn kết này đã thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng phát triển mạnh mẽ.

Quốc tế Cộng sản đã có những quan điểm bênh vực các dân tộc thuộc địa. Ngay tại Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản năm 1919, vấn đề ủng hộ và giúp đỡ các dân tộc thuộc địa đã chiếm phần quan trọng nhất trong chương trình nghị sự. Quốc tế Cộng sản khẳng định: “Quốc tế của giai cấp vô sản sẽ ủng hộ nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa trong cuộc đấu tranh của họ chống chủ nghĩa đế quốc, để làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống đế quốc chủ nghĩa thế giới” [229, tr.106].

Bản *Tuyên ngôn* của Quốc tế cộng sản năm 1919 khẳng định: “Chỉ có cách mạng vô sản mới có thể bảo đảm cho các dân tộc nhỏ yếu được sống tự do,... và đem

lại cho các dân tộc nhỏ yếu nhất và ít người nhất khả năng quản lý các công việc của nền văn hóa dân tộc mình một cách tự do và độc lập” [229, tr.106].

Cùng với những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga, những chủ trương của Quốc tế Cộng sản đã giúp Nguyễn Ái Quốc càng thêm chắc chắn về con đường cách mạng Việt Nam, đặt ngọn cờ giải phóng dân tộc Việt Nam vào quỹ đạo của cách mạng vô sản. Ngay từ sớm, Người đã nhấn mạnh: “An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế” [165, tr.312]. Chính quốc tế cộng sản và những tuyên ngôn cao cả của tổ chức này thời kỳ đầu là cơ sở để Hồ Chí Minh đưa chủ nghĩa dân tộc Việt Nam gắn kết chặt chẽ với chủ nghĩa quốc tế.

Tình hình quốc tế nói trên đã tác động, chi phối rất lớn đến bước đường hoạt động thực tiễn cũng như sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, Người đã quyết định đi theo V.I.Lênin, đi theo Quốc tế cộng sản, theo con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga, đặt tương lai của dân tộc trong tương lai chung của giai cấp vô sản và nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới.

2.2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

2.2.3.1. Phẩm chất và trí tuệ của Hồ Chí Minh

Sự hình thành chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh không thể thiếu vai trò của những phẩm chất nổi trội cả về đạo đức và trí tuệ của Người với các nhân tố nổi bật sau:

Trước hết, đó là tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc của Hồ Chí Minh.

Lòng yêu nước sớm được hình thành ở Hồ Chí Minh yêu nước bắt đầu từ tình yêu quê hương, tình cảm gắn bó cộng đồng làng xóm, từ sự thương cảm đối với những người dân nghèo khổ trên chính quê hương của mình, sự cảm phục đối với các bậc tiền bối đã hy sinh đời riêng cho nghĩa cả; sự trân trọng, tự hào đối với truyền thống lịch sử của dân tộc. Từ đó hình thành nên ý thức trách nhiệm trước vận mệnh dân tộc, hình thành hoài bão cứu nước, cứu dân. Tình yêu nước, thương dân là hành trang và động lực mạnh mẽ thôi thúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước. Cũng nhờ có tinh thần yêu nước, thương dân làm điểm tựa vững chắc, Hồ Chí Minh đã vượt qua bao khó khăn, nguy hiểm trên hành trình đi tìm hình của nước, làm hồi sinh dân tộc, giải phóng đồng bào khỏi gông cùm nô lệ. Ở Hồ Chí Minh, yêu nước gắn liền với thương dân, Người đã lắng nghe và thấu hiểu cả niềm vui, nỗi đau, nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân, luôn đặt nguyện vọng, lợi ích của nhân dân là mục tiêu hàng đầu. Yêu nước,

thương dân đã trở thành mục đích của cuộc đời cách mạng Hồ Chí Minh, như chính Người bộc bạch:

“Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, uỷ thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhần nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó. Ngày nay, vâng lệnh Chính phủ, theo ý quốc dân, tôi phải xa xôi ngàn dặm, tạm biệt đồng bào, cùng với đoàn đại biểu qua Pháp - cũng vì mục đích đó. Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân” [167, tr.272].

Điều đáng chú ý ở Hồ Chí Minh là từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống, trong quá trình tìm đường cứu nước, Người đã mở rộng thành sự thông cảm, tình yêu thương đối với tất cả những người cùng khổ trên khắp thế gian dù không cùng màu da, tiếng nói. Người hòa đồng với những người lao khổ, với phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Đây chính là cơ sở quan trọng để Hồ Chí Minh có thể kết hợp được chủ nghĩa dân tộc chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Yêu nước, thương dân cũng là tiêu chí căn bản giúp Hồ Chí Minh phân biệt chân giá trị của các trào lưu tư tưởng, các học thuyết chính trị - xã hội trên hành trình tìm đường cứu nước, để đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất. Tìm thấy con đường cách mạng đúng đắn để giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội để đảm bảo vững chắc nhất cho độc lập dân tộc, đưa nhân dân lên vị thế người chủ của đất nước.

Có thể khẳng định rằng, lòng yêu nước, thương dân, ý chí giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào là cơ sở quyết định suy nghĩ và hành động của Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời cách mạng, là nền tảng vững chắc để hình thành những nội dung chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị của Người.

Thứ hai, đó là trí tuệ mẫn tiệp, tư duy độc lập, sáng tạo, ham học hỏi, giàu tính phê phán của Hồ Chí Minh.

Suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã tỏa sáng trí tuệ uyên bác, Người là hiện thân của tri thức, sự hiểu biết thông thái những kiến thức văn hóa đông tây, kim cổ; cùng với năng lực quan sát, khái quát thực tế đời sống chính trị, xã hội. Đặc biệt, Hồ

Chí Minh còn là người có bản lĩnh tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, giàu tính phê phán, đổi mới và cách mạng.

Chính với trí tuệ mẫn tiệp mà ngay ở độ tuổi 13, khi tiếp xúc với khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, Người đã muốn tìm hiểu điều gì ẩn sau những chữ ấy. Dù rất khâm phục hành động xả thân vì nước của các bậc tiền bối những không tán thành cách làm của họ. Người từ chối Đông Du - phong trào có sức hút rất lớn đối với thanh niên yêu nước Việt Nam lúc bấy giờ, để chọn một con đường mới - sang phương Tây, đến đất nước của kẻ thù để tìm cách đánh bại kẻ thù của dân tộc. Điều khác biệt với các bậc tiền bối đương thời là: Người đi tìm một phương pháp, một con đường cứu nước chứ không phải đơn thuần đi cầu ngoại viện hay tìm chỗ dựa cho cuộc vận động cứu nước. Đó là biểu hiện tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Người. Mặt khác, trong quá trình sống và hoạt động ở nhiều nơi trên thế giới, cuộc sống cơ cực của các tầng lớp nhân dân lao động dưới chế độ tư bản chủ nghĩa là một thực tế khách quan đã tác động đến nhận thức của Hồ Chí Minh. Với khả năng quan sát, phân tích của mình, Hồ Chí Minh đã hình thành những nhận thức ban đầu về sự bất bình đẳng dân tộc, về sự phân chia giai cấp trên phạm vi thế giới, đáng nói là lúc đó Người chưa tiếp xúc với học thuyết về giai cấp. Chính sự quan sát, so sánh, phân tích, phát hiện mặt trái của nền văn minh tư bản chủ nghĩa đã khiến Người hiểu rõ hơn về sự bất công trên thế giới dưới sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Đồng thời, Người cũng tìm thấy ở nước Pháp và các nước khác những người bạn, những người cùng chí hướng, là cơ sở để Người phân biệt rõ bạn, thù. Những điều đó khiến Người nhanh chóng vượt lên, luôn đứng trong hàng ngũ những chiến sĩ cộng sản quốc tế xuất sắc và nổi bật lên như một ngôi sao sáng nhất trên bầu trời cách mạng Việt Nam.

Với tầm nhìn bao quát, tư duy sắc sảo và tinh thần ham học hỏi, Hồ Chí Minh đã tiếp thu, kế thừa xuất sắc chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc; biết chắt lọc những yếu tố tích cực, gạt bỏ những hạn chế trong tư tưởng dân tộc chủ nghĩa của các dân tộc phương Đông và phương Tây; xác định rõ những tiêu chí của con đường cứu nước, cứu dân, giúp Người tránh được những cạm bẫy của các trào lưu tư tưởng cơ hội chủ nghĩa khi đó vẫn đang tồn tại khá phổ biến ở phương Tây và tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn.

Thứ ba, Hồ Chí Minh là người có ý chí và nghị lực phi thường

Chịu ảnh hưởng từ truyền thống kiên cường, bất khuất của quê hương, dân tộc và những người thân trong gia đình, Hồ Chí Minh đã sớm hình thành nên ý chí và nghị

lực to lớn, cùng với tình yêu quê hương, đất nước thiết tha, Người đã tự nguyện dấn thân vào cuộc đời đầy gian khổ, hiểm nguy để mưu cầu việc lớn. Đó là ý chí dời non lấp biển vì một lý tưởng cao đẹp: giành lấy độc lập cho dân tộc, giải phóng đồng bào mình khỏi gông cùm nô lệ. Cái chí lớn đó đã hình thành nên tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, trong đó có những quan điểm về chủ nghĩa dân tộc.

Ra đi tìm đường cứu nước với hành trang là đôi bàn tay trắng, hoàn toàn không được một sự hỗ trợ vật chất nào, không có bạn đồng hành nơi đất khách quê người, Hồ Chí Minh vẫn quyết chí ra đi, dù biết rằng con đường phía trước đầy những chông gai. Ý chí và nghị lực phi thường đã trở thành nguồn sức mạnh to lớn, trở thành ngọn lửa hồng thấp sáng tinh thần Nguyễn Ái Quốc trên những chặng đường bốn ba khắp các đại dương, châu lục để đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước cứu dân. Người không bị khuất phục trước các thế lực cường quyền hay những khó khăn gian khổ của đời hoạt động cách mạng; không thoái chí, nản lòng trước những hiểu lầm từ tổ chức, từ những người đồng chí, vì một lòng hướng về quyền lợi của dân tộc, nhờ đó Người đã vượt qua những giáo điều không phù hợp với điều kiện cụ thể của dân tộc. Đúng như những câu thơ mà Người dạy học trò ở trường Dục Thanh:

“Việc chi lợi nước thì làm

Dẫu gian hiểm vẫn bền gan chẳng chùn” [244, tr.121]

Người luôn giữ được tinh thần lạc quan cách mạng, sự kiên định trong mọi tình huống để lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân tộc làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lịch sử, làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, viết lên những trang sử vẻ vang của dân tộc trong thế kỷ XX.

2.2.3.2. Trải nghiệm thực tiễn chính trị của Hồ Chí Minh

Từ lúc còn là cậu bé Nguyễn Sinh Cung đến lúc là người thanh niên Nguyễn Tất Thành, Người đã được tận mắt chứng kiến những sự đối lập giữa cảnh sống của bọn thực dân cướp nước với thân phận của những người dân mất nước, một bên là những cảnh ăn chơi xa hoa dành riêng cho người Pháp, một bên là người dân Việt Nam đa số vẫn rách rưới, lam lũ, làm đủ các nghề nặng nhọc..., sống trong những túp nhà lụp xụp, tối tăm ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam. Do đó, Hồ Chí Minh sớm hình thành tình cảm yêu nước, thương dân, lòng căm thù giặc và hình thành nên quyết tâm chính trị đánh đuổi thực dân, giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào. Từ việc chứng kiến những mảnh đời cơ cực đó, cùng với sự thất bại của các phong trào yêu nước cuối

thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Người thấy được rằng ở đâu nhân dân ta, dù là nông dân, công nhân hay những người có địa vị trong xã hội cũng đều oán hận, căm thù sự cai trị của thực dân Pháp, ở đâu cũng âm ỉ những đốm lửa đốt cháy quân thù. Câu hỏi “làm thế nào để cứu nước” đã sớm đặt ra trong trí óc người thanh niên yêu nước.

Lựa chọn sang phương Tây, Nguyễn Tất Thành đã thật sự sống cuộc sống của một người lao động, Người không chỉ nhìn thấy mặt hào nhoáng của những kinh đô hoa lệ, những ngôi nhà cao chọc trời, mà Người còn đến với những khu ổ chuột của người lao động nghèo. Càng tìm hiểu cụ thể hơn thì Nguyễn Tất Thành lại càng nhận thấy trong thực tế sự bất bình đẳng, nạn phân biệt chủng tộc và đời sống đói nghèo, đau khổ của hàng triệu người lao động không chỉ ở các nước thuộc địa mà còn phổ biến ngay ở chính quốc. Sự đồng cảm với đồng bào mình đã được nâng lên thành sự đồng cảm với nhân dân lao động, với các dân tộc bị áp bức. Cũng qua đó, sự nhận biết diện mạo của kẻ thù, giai cấp bóc lột cũng trở nên khái quát hơn, sâu sắc hơn, không chỉ đối với thực dân Pháp, mà với chủ nghĩa thực dân, đế quốc nói chung. Người đã đưa ra kết luận quan trọng: ở đâu, dù ở các nước thuộc địa, phụ thuộc hay chính quốc, những người lao động đều bị bóc lột, áp bức nặng nề, ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo độc ác: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột” [164, tr.287]. Hồ Chí Minh nhận thức rằng, trong xã hội, giai cấp nào nắm được nền kinh tế thì cũng nắm quyền thống trị xã hội về mặt chính trị, vì vậy, “cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không phải là việc dân tộc này chống lại dân tộc khác, mà là dân tộc bị áp bức bóc lột chống lại bọn thực dân, đế quốc” [182, tr.65]. Người thấy được chủ nghĩa đế quốc không những là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa mà còn là kẻ thù của nhân dân lao động chính quốc; để từ đó xác định khả năng và sự cần thiết thực hiện đoàn kết quốc tế giữa nhân dân các nước thuộc địa với nhau, thấy được mối quan hệ gắn bó khăng khít, tác động qua lại giữa cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc.

Hồ Chí Minh cũng tích cực tham gia nhiều tổ chức và hoạt động chính trị như “Hội người yêu nước Việt Nam”; gửi “Yêu sách của nhân dân An Nam”; gia nhập Đảng xã hội Pháp (năm 1919) và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (tháng 12/1920) qua đó Người được tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng, các xu thế cách mạng mới. Chính trải nghiệm thực tiễn chính trị - xã hội nói trên là hành trang cần thiết để Hồ Chí Minh đi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh xác định con đường giải phóng dân tộc của Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Tuy nhiên, đó là con đường chung cho tất cả các dân tộc bị áp bức, còn con đường cụ thể của mỗi dân tộc tự giải phóng mình đòi hỏi sự vận dụng và phát triển sáng tạo rất lớn trên cơ sở chiến lược chung. Nhận thức rõ điều đó, trong những năm 1920 - 1930, Hồ Chí Minh lại bước vào giai đoạn trải nghiệm thực tiễn mới: Hoạt động học tập, nghiên cứu nâng cao tri thức cách mạng và chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho cách mạng Việt Nam. Người sống và hoạt động ngay tại trung tâm của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, tham dự nhiều khóa học, tham gia nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản; tận mắt chứng kiến và nghiên cứu những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Tất cả những trải nghiệm cách mạng đó đã giúp Hồ Chí Minh nâng cao trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tích lũy thêm rất nhiều kinh nghiệm hoạt động cộng sản và giải phóng dân tộc, sau đó chuyển tải vào thực tiễn cách mạng Việt Nam [225, tr.170], gắn kết chủ nghĩa yêu nước Việt Nam với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Những năm tháng hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã từng bước vượt qua những hoàn cảnh khó khăn, khắc nghiệt tưởng chừng không thể vượt qua được bởi cả điều kiện công việc, cả sự nghi ngờ, hiểu lầm của chính những người đồng chí. Chính những trải nghiệm đó đã giúp Hồ Chí Minh rút ra được những kinh nghiệm cho hoạt động cách mạng trong những giai đoạn sau này, hun đúc nên bản lĩnh của một nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Nhờ vậy, Hồ Chí Minh đã trở thành một trong số ít những chiến sĩ cách mạng giàu kinh nghiệm thực tiễn nhất của phong trào đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX.

Tiểu kết chương 2

Chủ nghĩa dân tộc là thuật ngữ có ảnh hưởng to lớn đến lịch sử nhân loại theo những chiều hướng tích cực, hoặc tiêu cực khác nhau tùy theo hoàn cảnh và phải đặt trong tọa độ không gian, thời gian và chủ thể nhất định. Cho đến nay, chủ nghĩa dân tộc vẫn là một khái niệm với nhiều cách tiếp cận, cách hiểu khác nhau, khi áp dụng vào mỗi quốc gia - dân tộc với những bối cảnh và quan điểm chính trị khác nhau, nó mang những màu sắc khác nhau.

Chủ nghĩa dân tộc được thống nhất từ trong tư duy đến hành động chính trị của Hồ Chí Minh, tuy nhiên, có thể nhận diện chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh thể hiện rõ ở: (i) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng về mục tiêu của cách mạng

Việt Nam - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - điều kiện đảm bảo cho quyền, lợi ích và sự phát triển của dân tộc; (ii) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm, danh dự của dân tộc; (iii) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân, mang tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc; (iv) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc - yếu tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam; (v) chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế.

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là sự tổng hòa những giá trị của chủ nghĩa dân tộc truyền thống Việt Nam biểu hiện ở chủ nghĩa yêu nước, ý thức về chủ quyền quốc gia - dân tộc, tinh thần đoàn kết cố kết cộng đồng, biết “khoan thư sức dân” để xây dựng một đất nước thái bình, thịnh trị, “nơi thôn cùng, xóm vắng không còn tiếng hòen giận, oán sầu” [243, tr.63]. Người kế thừa và vận dụng những quan niệm về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng tam dân của Tôn Trung Sơn; tiếp thu có chọn lọc tinh thần đấu tranh giải phóng cho dân tộc bị áp bức bằng con đường hòa bình và đạo đức của Găngđi. Đối với tinh hoa văn hóa phương Tây, Hồ Chí Minh tiếp thu những tư tưởng về chủ quyền quốc gia, chủ quyền nhân dân trong tư tưởng của các nhà khai sáng. Người kế thừa những giá trị của bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* và tinh thần “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” của Đại cách mạng Pháp; các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ. Đặc biệt, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh tìm thấy những chỉ dẫn về con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa khỏi sự áp bức, bất công, thực hiện quyền dân tộc độc lập; hướng đến giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người một cách triệt để. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển trong bối cảnh đầy biến động thực tiễn đất nước và tình hình thế giới đòi hỏi phải có những phẩm chất cá nhân ưu việt để có thể nhận thức và giải quyết những vấn đề mà thực tiễn đặt ra. Hồ Chí Minh còn mang trong mình tâm hồn của một nhà yêu nước, một chiến sỹ cộng sản nhiệt thành, một trái tim thương dân, thương những người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng những khó khăn, thử thách vì độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

Chương 3

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

3.1. NỘI DUNG CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1.1. Biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

3.1.1.1. *Độc lập dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết*

Dân tộc, giai cấp, con người là ba mối quan tâm lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, song đối với các dân tộc thuộc địa, Người xác định ưu tiên giải quyết vấn đề dân tộc lên trên hết, trước hết.

- Vấn đề giải phóng dân tộc là yêu cầu cấp bách so với vấn đề giai cấp

Ở xã hội tư bản phương Tây, khi vấn đề dân tộc đã cơ bản được giải quyết sau các cuộc cách mạng tư sản, vấn đề giai cấp trở thành trung tâm trong các mối quan hệ xã hội. Trong khi đó, đối với các dân tộc thuộc địa phương Đông, Hồ Chí Minh nhận thấy, vấn đề giai cấp trong nội bộ dân tộc chưa phải là vấn đề nghiêm trọng cần phải giải quyết trước tiên, điều này thể hiện rõ nét trong xã hội Việt Nam:

Về mặt lịch sử - xã hội, chế độ phong kiến Việt Nam không tồn tại chế độ lãnh địa và quan hệ lãnh chúa - nông nô, không trải qua quá trình cát cứ lâu dài, không hình thành một tầng lớp tăng lữ như các nước phương Tây. Trái lại, nó chứa đựng một số yếu tố dân chủ nhất định: quan lại được tuyển chọn qua con đường thi cử, sự thừa nhận tính tự trị của xã, thôn.

Về thực tiễn, Hồ Chí Minh nhận thấy: “Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây” [164, tr.508]. Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, ở Đông Dương, tuy đã có sự phân hóa giai cấp nhưng chưa sâu sắc và triệt để. Sự đối lập về tài sản và mức sống, phương tiện sinh hoạt giữa địa chủ và nông dân, tư sản và công nhân chưa thật lớn:

“- Về phía người lao động, đó là sự không giác ngộ, sự nhẫn nhục và kết quả là thiếu tổ chức. Về phía bọn chủ,... Những tên thật giàu có ở đó thì ở đây chỉ là những kẻ thu tô khá giả thôi.

- Cho nên, nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có tài sản gì lớn;... Người thì cam chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình” [164, tr.509].

Vì thế, “Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được” [164, tr.509].

Trong khi đó, xung đột giai cấp thực sự diễn ra và trở nên gay gắt là giữa công nhân và nông dân Việt Nam với tư sản và địa chủ người Pháp

Đối với nông dân, giai cấp đã tồn tại lâu đời trong xã hội truyền thống Việt Nam, dưới sự áp bức của thực dân Pháp, “nông dân An Nam đã biến thành nông nô và buộc phải cày cấy ruộng đất của chính mình cho bọn chủ nước ngoài” [164, tr.306]. Hồ Chí Minh đã có nhiều bài phát biểu, bài viết nêu rõ về tình cảnh của người nông dân An Nam dưới sự cai trị của thực dân Pháp. Cụ thể, trong bài *Phát biểu tại Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân* (10/1923), Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nông dân trong các thuộc địa của Pháp bị hai tầng bóc lột: vừa như những người vô sản, vừa như những người bị mất nước” [164, tr.225]. Ở Đông Dương, “người nông dân, không chỉ bán nông mà cả trung nông đều bị bắt buộc phải rời bỏ quê hương của mình hoặc làm đầy tớ cho ông chủ người nước ngoài” [164, tr.225]. Trong *Bài phát biểu tại phiên họp thứ 7* (7/10/1923) của Hội nghị này, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: “người nông dân An Nam không phải chỉ bị trói vào một chiếc cột..., mà họ bị đóng đinh câu rút bởi bốn thế lực liên hợp là: Nhà nước, tên thực dân, nhà thờ và tên lái buôn” [164, tr.231].

Đối với công nhân, họ là những người nông dân bị tước đoạt hết ruộng đất, những người thợ thủ công bị phá sản buộc phải vào làm việc trong các doanh nghiệp tư bản Pháp. Công nhân Việt Nam phải làm việc trong những điều kiện tồi tệ, dưới áp lực cả về thời gian, đồng lương và sự bóc lột tàn ác của bọn chủ tư bản: “Như người thợ An Nam, làm ở mỏ than Hòn Gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm” [165, tr.286]. Thậm chí, “Những ngày lễ - và nhiều khi cả những ngày chủ nhật - đều không được đếm xỉa tới. Không có bảo hiểm xã hội cho tuổi già, không có trợ cấp cho lúc bị thương tật hoặc đau ốm” [164, tr.313]. Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Sự bóc lột vô nhân đạo của chủ nghĩa tư bản ở thuộc địa làm cho những người công nhân sống trong những điều kiện không chịu nổi” [166, tr.64].

Như vậy, hành động tước đoạt tư liệu sản xuất của những tên thực dân đã biến những người lao động bản xứ thành những người vô sản, “Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thực dân ở Đông Dương đã tạo ra ở xứ đó hai giai cấp vô sản, giai cấp vô sản công nghiệp và giai cấp vô sản nông nghiệp” [165, tr.389].

Nguyên nhân sâu xa dẫn đến mâu thuẫn trên là do giai cấp tư sản chính quốc, vì lợi ích của mình mà đi áp bức, nô dịch các dân tộc nhỏ yếu hơn và “Sự bóc lột ích kỷ đó chỉ có thể thực hiện bằng cách tước đi mọi quyền độc lập của các thuộc địa” [164, tr.169]. Giai cấp tư sản chính quốc sau khi giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh xâm lược, nắm giữ toàn bộ quyền lực chính trị, thiết lập nên bộ máy cai trị để thao túng toàn bộ xã hội thuộc địa nhằm phục vụ cho lợi ích của chúng: “Những thuộc địa bị các giai cấp thống trị coi là kho chứa nguyên liệu cơ bản mà để làm ra chúng, dân bản xứ bị người ta coi là những con vật kéo xe, như là nơi tiêu thụ dành riêng cho thương nghiệp chính quốc; và cũng là nguồn cung cấp cho chủ nghĩa quân phiệt binh lính cho những cuộc chiến tranh” [164, tr.477-478].

Như vậy, để áp bức các giai cấp trong xã hội Việt Nam, thực dân Pháp không dựa trên tính tất yếu về kinh tế mà dựa trên sự thống trị, áp bức về mặt dân tộc, từ sự thống trị dân tộc đã dẫn đến thống trị, bóc lột giai cấp. Do đó, muốn xóa bỏ tình trạng áp bức về mặt giai cấp, trước hết phải xóa bỏ tình trạng thống trị dân tộc [119, tr.148]. Cho nên, cuộc cách mạng của nhân dân Việt Nam trước hết phải là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, động lực đấu tranh vì lợi ích tối cao của dân tộc là động lực hàng đầu. Xóa bỏ sự tồn tại của chế độ thực dân mang lại quyền lợi chung cho toàn thể dân tộc, quá trình đó cũng đã đồng thời xóa bỏ ách áp bức giữa giai cấp tư sản chính quốc với nhân dân thuộc địa, giành quyền lợi riêng của các giai cấp. Theo Hồ Chí Minh, quyền lợi của giai cấp phải phục tùng quyền lợi của dân tộc, tức là bộ phận phục tùng tổng thể. Năm 1941, Người khẳng định rõ: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng” [166, tr.230].

- Quyền của con người không thể đảm bảo khi quyền dân tộc bị mất

Trong mối quan hệ giữa các dân tộc trên thế giới, sự ngang hàng của một dân tộc này với các dân tộc khác về mọi phương diện từ chính trị, kinh tế, đến văn hóa, ngoại giao v.v.. là lẽ tự nhiên, không một dân tộc nào được phép có những đặc quyền, đặc lợi riêng. Tuy nhiên, khi xuất hiện chủ nghĩa đế quốc với chính sách xâm lược và cai trị các thuộc địa thì sự bất bình đẳng dân tộc đã diễn ra với phạm vi rộng nhất và mức độ sâu sắc nhất trong lịch sử loài người.

Để thực hiện âm mưu xâm lược thuộc địa của mình, các nước đế quốc đã đưa ra những luận điệu về chủng tộc “thượng đẳng”, họ tự cho rằng người da trắng ở Châu Âu và Bắc Mỹ có trí tuệ vượt trội và văn minh hơn các dân tộc khác. Do đó, việc bành

trưởng không chỉ được đặt ra như một cách để nhân danh vinh quang, khẳng định vị thế của các quốc gia lớn mạnh hơn mà còn là một nghĩa vụ đạo đức nhằm mang lại sự “giải phóng” cho các dân tộc khác khỏi “sự man rợ”, chia sẻ nền văn minh đến các chủng tộc khác. Trong quá trình xâm lược, các nước đế quốc tự nhận mình là “dân tộc thượng đẳng”, là “mẫu quốc”, là dân tộc đi “khai hóa văn minh” và luôn dùng những mỹ từ để nói về động cơ của những cuộc xâm lăng: “chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn điễm trang cho cái huy chương mực nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng” [164, tr.11]. Trong khi đó, họ xếp các thuộc địa là dân tộc “hạ đẳng”, là “thuộc quốc”, là dân tộc “được khai hóa văn minh”. Sự bất bình đẳng được người ta lý giải do số trời đã định ra các giống người khác nhau: “Chúng tôi thấy rõ rằng phải bảo đảm quyền tối cao của giống người da trắng, phải tước những quyền tự trị đã ban bố cho bọn da đen. Ý trời muốn rằng giống người da trắng phải cao hơn; và lệnh trời đã định rằng người da đen sinh ra là để làm nô lệ” [164, tr.363-364]. Từ sự bất bình đẳng về dân tộc, chủng tộc, dẫn đến sự bất bình đẳng giữa người với người: “Cả một vực thẳm cách biệt người Âu với người bản xứ. Người Âu hưởng mọi tự do và ngự trị như người chủ tuyệt đối; còn người bản xứ thì bị bịt mõm và bị buộc dây dắt đi, chỉ có quyền phải phục tùng, không được kêu ca” [164, tr.11]. Dưới sự cai trị của chủ nghĩa thực dân, sự bất bình đẳng giữa người với người được đẩy cao lên đến đỉnh điểm: “Trong khi tính mệnh của một người An Nam bị xem như thân con chó, không đáng giá một đồng trinh, thì ngài Tổng thanh tra Rêna, bị suột có một chút da ở cánh tay mà được lĩnh 120.000 phrăng tiền bồi thường” [164, tr.113]. Để rồi Người phải thốt lên đầy cay đắng: “Ôi, bình đẳng! Bình đẳng quý hoá thay!” [164, tr.113].

Thực dân Pháp đã cho thấy bản chất của “khai hóa văn minh”. Gọi là “khai hóa văn minh”, nhưng “Để truyền bá văn minh Pháp, bảo vệ danh dự lá quốc kỳ Pháp ở các thuộc địa xa xôi, người ta dùng những đội quân gồm toàn những tên lưu manh, những bọn lười biếng, những tên lột lột pháp luật, những tên giết người, nói tóm lại, gồm các tinh hoa của những căn bã, lượm lặt ở tất cả các nước châu Âu” [164, tr.373]. Về chính trị, thực dân Pháp dung túng, duy trì chế độ phong kiến làm tay sai, phục vụ cho bộ máy cai trị của thực dân để “giữ họ vĩnh viễn trong cảnh nô lệ” [164, tr.9]; thi hành chính sách “chia để trị”, chia nước ta ra thành ba kỳ với ba chế độ khác nhau, lợi dụng sự khác biệt trong văn hóa vùng miền để khoét sâu mâu thuẫn, ngăn cách. Về mặt kinh tế, mỗi năm toàn quyền Đông Dương bán cho người dân Đông Dương 150 tấn thuốc phiện, ép dân phải mua, “bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một

dân tộc để vơ vét cho đầy túi” [165, tr.33], chúng duy trì phương thức bóc lột “phát canh, thu tô” kiểu phong kiến, và đưa ra hàng loạt thứ thuế vô lý. Về văn hóa, “Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta kìm họ trong ngu dốt (cứ 10 trường học thì có 1.000 đại lý thuốc phiện chính thức)” [164, tr.46], “theo thống kê năm 1914, bình quân cả ba xứ, chỉ có 20% số trẻ em đến tuổi đi học được đến trường, 80% trẻ em Việt Nam bị thất học” [210]. Việc dạy học được thực hiện bằng tiếng Pháp và chương trình mang tính nhồi sọ, làm sai lệch lịch sử dân tộc Việt Nam, chủ yếu tuyên truyền cho nền văn hóa Pháp, phủ nhận sự tồn tại độc lập của văn hóa bản địa, nhằm làm lạc hướng, tạo ra lớp người có tư tưởng lệ thuộc vào Pháp, khiếp sợ trước sức mạnh vật chất, hàm ơn đối với công lao “khai hóa” của thực dân. Từ đó sẵn lòng phục tùng thực dân Pháp, biến họ thành những kẻ mất gốc, quên đi cội nguồn, văn hóa và lịch sử dân tộc mình. Hồ Chí Minh viết: “người ta đã gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng “trung thực” giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình và đang áp bức mình. Nền giáo dục ấy dạy cho thanh thiếu niên khinh rẻ nguồn gốc dòng giống mình” [164, tr.424].

Công lý không được thực thi, việc giết hại người bản xứ vô cớ diễn ra một cách công khai: “ông người Pháp nọ bắn vỡ sọ một người Trung Kỳ bằng súng lục;...; ông thầu khoán Pháp này trói tay một người Nam Kỳ cho chó cắn, rồi đem giết đi; ông thợ máy Pháp kia “hạ sát” một người An Nam bằng súng săn; ông nhân viên hàng hải Pháp khác xô người gác cầu bản xứ vào đồng than hồng cho chết chỉ với lí do không vừa mắt, v.v.. và v.v.. lại không bị trừng trị?” [165, tr.97-98].

Các phiên tòa xét xử cũng có thể được lập ra, nhưng chắc chắn một điều rằng: “lẽ phải” luôn thuộc về người da trắng, vì vậy mà những kẻ giết người ấy lại được tha bổng: “Đó là việc áp dụng nguyên tắc nhằm bảo tồn bằng mọi cách uy tín của người da trắng trước bọn da vàng” [164, tr.12].

Không chỉ bị đánh đập, giết hại một cách vô cớ, người dân còn bị đưa đi chiến tranh, nộp cái gọi là “thuế máu” cho mẫu quốc một cách vô nghĩa, “họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rồi bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu” [165, tr.25]. Trong chiến tranh thế giới I, “Tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!” [165, tr.26].

Đó là những chuyến đi mà người ta chỉ nghe nói đến ngày đi nhưng không bao giờ nghe nhắc tới ngày về. Nếu không phải đổ máu, phơi thây ngoài chiến trường thì những người còn lại ở “hậu phương” cũng phải làm việc kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, “lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp” [165, tr.26], họ cũng hứng chịu bệnh tật và cái chết đau đớn. Không chỉ bằng những hình ảnh được miêu tả một cách sinh động, Hồ Chí Minh đưa ra con số chứng minh hậu quả mà các dân tộc thuộc địa phải chịu khi mất độc lập, bình đẳng dân tộc: Dưới sự cai trị của chủ nghĩa thực dân, một loạt thuộc địa Pháp dân số sụt giảm vì rượu mạnh và lao dịch. Tân calêđôni có dân số vào khoảng 62000 người vào năm 1875 chỉ còn 27000 người vào năm 1927 [165, tr.254].

Nếu có bất kỳ sự phản kháng nào, thì thực dân cũng chẳng ngại thẳng tay chém giết, tắm các phong trào yêu nước trong biển máu. Các nhà tù khổ sai “lúc nào cũng mở cửa và chật ních người” [164, tr.34], súng ống và máy chém đều được vận hành để buộc những ai dám phản kháng phải im hơi lặng tiếng. Phương châm của chúng là: “Đối với cái giống nòi Annamít ấy, chỉ có một cách tốt để cai trị nó, - đó là ách thống trị bằng sức mạnh...” [164, tr.11].

Như vậy, đối lập với sự lộng hành, ngang ngược của thực dân là tình trạng vô quyền của người dân bản xứ. Những quyền cơ bản nhất của con người mà các nhà khai sáng vĩ đại của nước Pháp, Anh, Mỹ nêu ra là “quyền sống, quyền tự do, quyền sở hữu” hoàn toàn không có ở người dân thuộc địa.

Thực tế của các dân tộc thuộc địa nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng đã cho thấy, mất quyền dân tộc thì sẽ mất tất cả, đất nước không thể phồn vinh, dân tộc không thể phát triển, nhân dân không thể có cơm no, áo ấm và cuộc đời hạnh phúc. Do đó, muốn giải phóng một cách triệt để giai cấp, xã hội và con người, thì trước hết phải giành cho được độc lập dân tộc. Điều này được khẳng định trong Hội nghị Trung ương tháng 5 năm 1941 dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh: “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được” [40, tr.113].

3.1.1.2. Xác định vấn đề quyền dân tộc - nội dung cốt lõi của chủ nghĩa dân tộc ở một nước thuộc địa

Hồ Chí Minh hiểu rõ nguyên nhân của những đau khổ đang diễn ra trên chính dân tộc mình cũng như các dân tộc thuộc địa khác là bởi mất đi quyền dân tộc. Chính vì vậy, quyền dân tộc là vấn đề luôn được đặt lên hàng đầu trong tâm trí, trong mục tiêu chính trị của Hồ Chí Minh. Điều đó bước đầu toát lên trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (1919). Bằng những nhận thức, hiểu biết về quan điểm của Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson trong chương trình 14 điểm công bố ngày 8/1/1918, tại điểm thứ 5: “giải quyết rộng rãi, tự do và hoàn toàn vô tư tất cả các yêu sách về (vấn đề) thuộc địa” [270]. Đồng thời, Tổng thống Pháp Raymond Poincaré tuyên bố trong buổi khai mạc Hội nghị Vecxay: “Cái mà công lý gạt ra ngoài, ấy là cái mộng xâm lược và mộng đế quốc, ấy là cái thói quen khinh thường các dân tộc,... Nay ví như chúng ta phải vẽ lại bản đồ thế giới, thì chúng ta phải làm việc ấy nhân danh các dân tộc, phải làm việc với điều kiện là phải diễn đạt một cách trung thành ý chí của các dân tộc” [199, tr.23-24]. Nguyễn Ái Quốc đã gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* lên Hội nghị Vecxay với tám nội dung. Trong bản *Yêu sách* này, Người đã đề cập đến nội dung về quyền bình đẳng cơ bản cho người dân thuộc địa, đó là quyền bình đẳng về mặt pháp lý, và những quyền tự do, dân chủ cơ bản của người dân An Nam. Tám điểm yêu sách chỉ là những yêu cầu khiêm tốn để từ đó hướng tới hiện thực hóa quyền tự quyết dân tộc: “Trong khi chờ cho nguyên tắc dân tộc sẽ từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thật sự, nhân dân nước An Nam trước kia, nay là xứ Đông - Pháp xin trình bày với các quý Chính phủ trong Đồng minh nói chung và với Chính phủ Pháp đáng kính nói riêng, những yêu sách khiêm tốn” [164, tr.440-441].

Như vậy, ý tưởng trong bản *Yêu sách* đã gắn mục tiêu đấu tranh đòi quyền dân tộc tự quyết với những yêu sách cụ thể đòi quyền tự do, dân chủ. Dù không được chính quyền thực dân chấp nhận, nhưng bản *Yêu sách* được công bố ở Pháp và chuyển về Việt Nam đã đánh thức dư luận và khích lệ nhân dân ta đấu tranh chống chế độ thực dân tàn bạo, như tờ *Le Courrier de Saigon* đã coi bản *Yêu sách* đó như “quả bom” làm chấn động dư luận nước Pháp. Còn người Việt Nam thì coi đó là “tiếng sấm mùa xuân... Bây giờ ngay tại Thủ đô nước Pháp, trên diễn đàn quốc tế có một người Việt Nam ngang nhiên đứng ra đòi quyền lợi chính đáng cho cả dân tộc mình... Ai mà không kính, không phục. Độ ấy, người mình ở Pháp gặp nhau đều nói độc lập, tự

quyết, đều nói đến Nguyễn Ái Quốc” [51, tr.68]. Đây có thể nói là tuyên ngôn chính trị đầu tiên, mở đầu cho quá trình công khai đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.

Quyền dân tộc được phát triển trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1945) mà Hồ Chí Minh là người chấp bút. Bản Tuyên ngôn mở đầu bằng việc dẫn lại những lời bất hủ được nhân loại tiến bộ công nhận trong *Tuyên ngôn độc lập* của cách mạng Mỹ (1776) và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của đại cách mạng Pháp (1791): “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” [167, tr.1]. Từ quyền của mỗi con người, Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền của các dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [167, tr.1]. Đối với dân tộc Việt Nam: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập” [167, tr.3]. Đó là nền độc lập mà nhân dân ta giành lấy theo tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Nền độc lập của nhân dân Việt Nam còn chứa đựng tinh thần quốc tế là chúng ta đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít, đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để giữ gìn hòa bình, chống chính sách xâm lược và chiến tranh của đế quốc. Không ai, không một dân tộc ngoại bang nào có thể tự cho mình cái quyền can thiệp, xâm phạm độc lập, tự do của các quốc gia dân tộc khác nói chung, dân tộc Việt Nam nói riêng, càng không thể có quyền thực hiện sự can thiệp đó bằng bom đạn. Nếu có bất kể một hành động phá hoại nào của kẻ thù, cả dân tộc sẽ vùng lên đấu tranh để giữ quyền độc lập ấy: “... độc lập là quyền trời cho của mỗi dân tộc. Bọn thực dân phản động dùng vũ lực phá hoại quyền thống nhất và độc lập của dân ta, cho nên dân ta phải kháng chiến để giữ gìn đất nước” [168, tr.9].

Đối với Hồ Chí Minh, bình đẳng và độc lập dân tộc không phải là một khái niệm chung chung, mà ngược lại, nó chứa đựng những nội dung cụ thể:

- *Độc lập hoàn toàn, triệt để trên tất cả các lĩnh vực*

Trong quá trình đi xâm lược các nước, để che đậy bản chất “ăn cướp” và “giết người”, thực dân đế quốc thường dùng chiêu bài mị dân, thành lập các chính phủ bù nhìn bản xứ, tuyên truyền cái gọi là “độc lập tự do” giả hiệu cho nhân dân các nước thuộc địa. Hồ Chí Minh không chấp nhận thứ độc lập, tự do giả hiệu đó, Người tuyên bố trong *Tuyên ngôn độc lập*: “chúng tôi - Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam

mới - đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam” [167, tr.3]. Người cũng khẳng định lập trường của dân tộc Việt Nam trong *Công hàm gửi chính phủ các nước Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và Vương quốc Anh* ngày 18/2/1946: “chúng tôi chỉ đòi hỏi nền độc lập hoàn toàn nền độc lập mà cho tới nay đã là một thực tế, và nó sẽ cho phép chúng tôi hợp tác với các quốc gia khác trong việc xây dựng nên một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hòa bình bền vững” [167, tr.210].

Với Người, độc lập phải là nền độc lập thực sự, trên tất cả các lĩnh vực về chính trị, về kinh tế, an ninh quốc gia. Trong *Lời kêu gọi nhân ngày 20/7*, Người khẳng định: “Chúng ta quyết kháng chiến đến cùng, tranh cho kỳ được thống nhất và độc lập, thống nhất và độc lập thật sự, chứ không phải cái thứ thống nhất và độc lập bánh vẽ mà thực dân vừa thí cho bọn bù nhìn... Độc lập mà không có quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế riêng. Nhân dân Việt Nam quyết không thêm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy” [168, tr.601-602]. Trong nền độc lập thực sự của một dân tộc bao gồm độc lập về nhiều mặt, trong đó độc lập về chính trị được xác định là điều kiện tiên quyết và quan trọng bậc nhất cho độc lập thực sự. Bởi Người hiểu rõ một điều, chừng nào mà mọi quyền lực chính trị trong các xã hội nhược tiểu bị chiếm đoạt bởi các thế lực ngoại xâm thì chừng đó quyền của họ trên các lĩnh vực khác cũng không được thực hiện. Các dân tộc sẽ chẳng có quyền gì hết nếu trước đó chưa có quyền về chính trị: “An ninh và tự do chỉ có thể được bảo đảm bằng sự độc lập của chúng ta đối với bất kỳ một cường quốc thực dân nào” [167, tr.204].

- *Độc lập và bình đẳng dân tộc gắn với quyền tự quyết dân tộc*

Trả lời thông tin viên Hãng Reuter của nước Anh, Hồ Chí Minh đã nêu lên quan niệm của mình về độc lập dân tộc: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào” [168, tr.162]. Trước sau, Hồ Chí Minh đều nêu cao nguyên tắc bất di bất dịch: “Nước Việt Nam của người Việt Nam” [178, tr.475], mọi vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia đều do nhân dân Việt Nam tự giải quyết, người Việt Nam có toàn quyền quyết định việc lựa chọn con đường, mô hình phát triển đất nước của mình, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh dân tộc và tiến bộ xã hội mà không có sự can thiệp từ bên ngoài, người Việt Nam cũng quyết không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào. Tháng 2/1946, trả lời tướng Raun Xalăng và cũng trả lời Chính phủ Pháp, Người khẳng định: “Chữ “độc lập” với tôi

không quan trọng. Cái quan trọng là nội dung của nó. Chúng tôi muốn sống tự do. Dĩ nhiên chúng tôi muốn có nhiều cuộc trao đổi kinh tế, những quan hệ văn hóa rộng hơn, những cán bộ, kỹ thuật viên Pháp trong mọi lĩnh vực, nhưng chúng tôi muốn làm chủ nhà mình” [203, tr.157-158].

Trong kháng chiến chống Mỹ, Hồ Chí Minh đã viết thư gửi tổng thống Mỹ Johnson ngày 15/2/1967, nêu rõ lập trường của dân tộc Việt Nam: “Chính phủ Mỹ đã gây ra chiến tranh xâm lược Việt Nam thì con đường đưa đến hoà bình ở Việt Nam là Mỹ phải chấm dứt xâm lược... phải để nhân dân Việt Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình” [178, tr.301-302]. Như vậy, mấu chốt của vấn đề dân tộc là dân tộc đó phải được quyết định mọi công việc nội bộ của mình mà không có sự can thiệp của bất kì thế lực bên ngoài nào.

- Thực hiện quyền dân tộc gắn liền với đấu tranh vì chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

Trong quá trình xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã thực hiện nhiều biện pháp cai trị độc ác nhằm duy trì sự thống trị của mình, trong đó, chính sách chia để trị chính là một trong những âm mưu thâm độc nhất: “nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguội được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người An Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau” [165, tr.125]. Sau Cách mạng Tháng Tám, thực dân Pháp quay lại xâm lược và lại bày ra cái gọi là “Nam Kỳ tự trị” hòng chia cắt nước ta một lần nữa.

Hồ Chí Minh không chấp nhận bất kỳ một chia cắt nào của dân tộc mình, trong tư tưởng của Người, “độc lập mà chia thành “nước Nam Kỳ”, “nước Tây Kỳ”, “Liên bang Thái”, v.v... Nhân dân Việt Nam quyết không thềm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy” [168, tr.601-602]. Người tuyên bố: “nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: Toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước” [167, tr.522]. Trong bức *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* (1946), Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!” [167, tr.280].

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục đấu tranh cho

sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Tháng 2 năm 1958, Người khẳng định: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai chia cắt được” [174, tr.311].

Trong *Di chúc*, Người căn dặn Đảng và nhân dân ta: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà” [178, tr.623].

- *Quyền dân tộc chỉ có thể có được bằng đấu tranh - đem sức ta để giải phóng cho ta*

Ngay trong *Chánh cương vắn tắt* của Đảng tại Hội nghị hợp nhất, Nguyễn Ái Quốc đã xác định mục tiêu của cách mạng Việt Nam là: “a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập” [166, tr.1]. Sau này, trong Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh cũng đã nêu: “Quyết làm cho nước non này/ Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền” [166, tr.242]

Tuy nhiên, muốn có độc lập thì các dân tộc bị áp bức không thể ngồi yên chờ đợi vào sự giúp đỡ ở bên ngoài, càng không thể trông chờ vào sự “ban ơn” của các thế lực đế quốc xâm lược. Bài học được Nguyễn Ái Quốc rút ra từ quá trình đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc trong những ngày đầu hoạt động cách mạng là: “Những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Và muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình” [239, tr.35-36]. Hơn nữa, nếu một dân tộc cứ trông chờ, ỷ lại vào một thế lực khác đem lại độc lập, tự do cho mình thì dân tộc đó cũng không xứng đáng được hưởng tự do và độc lập. Vì vậy, muốn có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thực sự thì vấn đề tiên quyết là phải tự đứng lên xoá bỏ mọi gông xiềng, mọi sự áp bức, nô dịch, giành cho được độc lập, tự do, thoát khỏi kiếp “ngựa trâu”.

Một dân tộc muốn tự quyết định lấy vận mệnh của chính bản thân mình thì phải biết “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” [166, tr.596]. Thậm chí, sẵn sàng hi sinh cả tính mạng, của cải của mình để giành cho được độc lập, đó là chân lý của chủ nghĩa dân tộc, luôn đề cao dân tộc và lợi ích dân tộc lên trên hết trước hết, vì lợi ích của dân tộc có được đảm bảo thì quyền sống, quyền tự do của mỗi cá nhân mới được tôn trọng. Năm 1945, khi thời cơ cách mạng chín muồi, Người khẳng định quyết tâm: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập” [80, tr.256]. Ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập,

tự do đó tiếp tục được khẳng định trong lời kêu gọi: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [167, tr.534].

Như vậy, trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, quyền và lợi ích dân tộc luôn là vấn đề được đặt lên vị trí hàng đầu. Một dân tộc độc lập thực sự là dân tộc đó không bị nô dịch, áp đặt bởi các dân tộc khác, có lãnh thổ độc lập, toàn vẹn, có quyền tự quyết định mọi vấn đề về vận mệnh và tương lai phát triển của dân tộc; nhận được sự thừa nhận, tôn trọng và bảo đảm một cách đầy đủ về chủ quyền quốc gia, về quyền và lợi ích chính đáng từ các quốc gia - dân tộc khác và từ cộng đồng quốc tế.

Thực tế đã chứng minh rằng, để bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc, nhân dân Việt Nam đã chiến đấu kiên cường, nêu cao chủ nghĩa yêu nước gắn với chủ nghĩa anh hùng, nêu cao tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”; với ý chí quyết chiến, quyết thắng, nhân dân Việt Nam “quyết không sợ”, hễ còn một tên xâm lược trên đất nước, thì phải chiến đấu “quét sạch nó đi”. Và chính Hồ Chí Minh là minh chứng rõ nét nhất cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam, Người đã thể hiện một cách trọn vẹn lời nói của mình: “Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi” [178, tr.674]. Ở những khúc quanh liên quan trực tiếp đến vận mệnh của cả dân tộc, Người đã biểu thị lòng trung thành của mình với dân tộc: “Tôi, Hồ Chí Minh, suốt đời đã cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước” [220, tr.396-397]. Những thời điểm cam go của nền độc lập, Người đã nêu lên quyết tâm của cả dân tộc Việt Nam: “Dù phải kháng chiến 5 năm, 10 năm, hay là lâu hơn nữa, để giữ gìn thống nhất và độc lập cho Tổ quốc, để tranh lấy tự do và hạnh phúc cho giống nòi, chúng ta cũng quyết kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng. Thà 5, 10 năm hy sinh cực khổ, còn hơn làm nô lệ muôn đời” [168, tr.601-602]. Lý tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã thực sự trở thành động lực tinh thần to lớn, thôi thúc lớp lớp các thế hệ người Việt Nam đứng lên chiến đấu chống kẻ thù của dân tộc; là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam.

3.1.2. Biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Ra đi tìm đường cứu nước, với mong muốn giành độc lập, tự do trọn vẹn cho dân tộc, Hồ Chí Minh đã đến nhiều quốc gia, tìm hiểu về nhiều cuộc cách mạng nổi tiếng trên thế giới, những xu thế cách mạng mới của thời đại. Tuy nhiên, lựa chọn con đường cách mạng nào phù hợp với điều kiện của dân tộc, với mong muốn của nhân dân, đó chính là nỗi trăn trở lớn của Hồ Chí Minh. Tiêu chí lựa chọn con đường cứu

nước của Người là độc lập dân tộc gắn liền với tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Với tiêu chí đó, Người đã nhanh chóng tìm thấy điểm hạn chế trong các cuộc cách mạng tư sản: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa” [165, tr.296]. Con đường cách mạng tư sản dẫn đến thiết lập xã hội tư bản chủ nghĩa không thể là con đường đưa tới giải phóng dân tộc và giải phóng nhân dân lao động một cách triệt để cho Việt Nam. Gắn bó máu thịt với Tổ quốc và nhân dân mình, Hồ Chí Minh không bao giờ chấp nhận độc lập dân tộc dưới chế độ quân chủ chuyên chế, càng không chấp nhận chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, hay cái thứ độc lập giả hiệu, vì vậy, Người không lựa chọn con đường cách mạng tư sản.

Sau khi biết đến thắng lợi của cách mạng Tháng Mười Nga (1917), nghiên cứu cuộc cách mạng này, Hồ Chí Minh cho rằng: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam... Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin” [165, tr.304]. Đặc biệt, với việc đọc được bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy được con đường cách mạng giải phóng dân tộc đáp ứng mong muốn, nguyện vọng của Người là con đường cách mạng vô sản.

Lựa chọn con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã mở ra con đường phát triển tốt đẹp nhất cho dân tộc Việt Nam: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể đảm bảo cho độc lập dân tộc một cách vững chắc, trọn vẹn, độc lập dân tộc đúng nghĩa, mới có thể làm cho cuộc sống của nhân dân ngày một tốt đẹp hơn. Chủ nghĩa xã hội là một mô hình xã hội tốt đẹp, ở đó nhân dân lao động được làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ dân tộc mình, không bị cai trị bởi bất cứ thế lực ngoại bang hay giai cấp thống trị nào. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, con người được tự do, bình đẳng, ấm no, hạnh phúc, có đủ điều kiện để phát triển toàn diện: “Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản từ chỗ chỉ là một ước mơ cao đẹp của loài người, sau Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã trở thành một hiện thực trong xã hội, có sức mạnh vô cùng to lớn lôi cuốn hàng nghìn triệu người vào hành động cách mạng, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội” [178, tr.390]. Trực tiếp chứng kiến mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, thấy được giá trị ưu việt của chế độ này, ngay từ năm 1923, Hồ

Chí Minh đã nhận định: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hoà thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau” [164, tr.496].

Trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là điều kiện căn bản và tiên quyết để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, còn chủ nghĩa xã hội được xây dựng thành công sẽ giúp củng cố những thành quả đã giành được trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, là điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc bền vững. Người phân tích: “*Tính chất* thuộc địa và phong kiến của xã hội cũ Việt Nam khiến cách mạng Việt Nam phải chia làm hai bước. Bước thứ nhất là đánh đổ đế quốc, đánh đổ phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”, xây dựng chính trị và kinh tế dân chủ mới... Bước thứ hai là tiến lên chủ nghĩa xã hội, tức là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản” [171, tr.254]. Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam không dừng lại ở việc đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành lại độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ mà còn là khát vọng về một xã hội mà ở đó “ai cũng no ấm, sung sướng, tự do; ai cũng thông thái và có đạo đức. Đó là một xã hội tốt đẹp vẻ vang” [171, tr.294].

Lựa chọn con đường cách mạng vô sản và tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi giành độc lập dân tộc là một lựa chọn phù hợp với xu thế của thời đại, phù hợp với mong muốn nguyện vọng của dân tộc Việt Nam, là con đường đưa tới một xã hội hạnh phúc, phồn vinh. Vấn đề đặt ra là con đường đó có phù hợp với điều kiện Việt Nam hay không?

Hồ Chí Minh cũng đã đặt ra câu hỏi đó: “Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không?” [164, tr.45]. Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa của Đông Dương nói riêng và châu Á nói chung, Người đã đi đến kết luận: “xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu” [164, tr.47]. Những “lý do lịch sử” mà Người đề cập đến ở đây là:

Thứ nhất, người châu Á nói chung và người Việt Nam nói riêng, từ lâu đã luôn có nhu cầu về một xã hội tốt đẹp hơn, và để có được một xã hội tốt đẹp, họ sẵn tiếp thu những tư tưởng về cải tạo trạng thái xã hội hiện tại để xây dựng một chế độ xã hội mới ngày càng tốt đẹp hơn. Hồ Chí Minh viết: “Người châu Á - tuy bị người phương Tây

coi là lạc hậu - vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại” [164, tr.47]. Khát vọng về một xã hội tốt đẹp có độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, khi chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản được truyền bá vào Việt Nam nhất định sẽ được quần chúng nhân dân chấp nhận.

Thứ hai, xét về lịch sử văn hóa, Việt Nam là một quốc gia phương Đông, từ rất sớm đã hình thành những quan điểm về xã hội đại đồng, về công bằng tài sản, đề cao nhân dân và các giá trị nhân văn, yêu chuộng hòa bình, đoàn kết. Những tư tưởng này rất gần gũi với quan điểm về chủ nghĩa xã hội mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề ra, điều này trở thành cơ sở thuận lợi để quần chúng nhân dân Việt Nam tiếp nhận tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản.

Thứ ba, về chế độ kinh tế, chủ nghĩa xã hội với đặc trưng về chế độ kinh tế là chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Người Việt Nam cũng không quá xa lạ với chế độ này bởi từ lâu, nước ta đã tồn tại hình thức ruộng đất công làng xã: “Về của cải tư hữu, luật pháp An Nam cấm mua bán toàn bộ đất đai. Hơn nữa, một phần tư đất trồng trọt bắt buộc phải để làm của chung. Cứ ba năm người ta chia lại ruộng đất đó. Mỗi người dân trong xã thôn được nhận một phần. Điều đó không hề ngăn cản một số người trở nên giàu có, vì còn ba phần tư đất đai khác có thể mua bán, nhưng nó có thể cứu nhiều người khác thoát khỏi cảnh bần cùng” [164, tr.48]. Chế độ “tinh điền” với tinh thần: “cùng làm và sản phẩm được sử dụng vào việc công ích” [164, tr.47] cũng gần gũi với những đặc trưng về kinh tế mang tính nhân văn của chủ nghĩa xã hội. Nhờ vậy, những đặc trưng kinh tế của chủ nghĩa xã hội khi truyền bá vào Việt Nam cũng dễ dàng được chấp nhận.

Thứ tư, sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đã khiến cho người dân Việt Nam hiểu ra rằng: “cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết” [166, tr.21]. Chính sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của thực dân Pháp đã thôi rên ý chí cách mạng cho nhân dân Việt Nam, và rất tự nhiên hướng họ đến một chế độ xã hội đối lập với chế độ thực dân tàn bạo đó, chế độ đó chính là chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh khẳng định: “Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất ròi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi” [164, tr.40].

Như vậy, chủ nghĩa xã hội trong quan niệm của Hồ Chí Minh không phải là câu trả lời cho mong muốn chủ quan của con người theo quan niệm duy tâm, không tưởng, mà là câu trả lời cho một sự vận động lịch sử. Chủ nghĩa xã hội là một vấn đề hiện

thực, xuất phát từ thực tiễn khách quan, từ đặc điểm lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội của dân tộc Việt Nam, phù hợp với nhu cầu, khát vọng của nhân dân Việt Nam.

Chủ nghĩa xã hội là phương hướng phát triển tất yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Phương hướng phát triển này không những làm cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được tiến hành triệt để, thể hiện ở mục tiêu giành lại độc lập hoàn toàn, thực sự cho dân tộc, mà còn đảm bảo cho nền độc lập dân tộc đó được giữ vững và ngày càng củng cố thêm; ý nghĩa thực sự của độc lập dân tộc không chỉ ở cuộc chiến đấu chống xâm lược mà còn ở quá trình xây dựng cuộc sống ấm no, đem lại cơm ăn, áo mặc, việc làm, học hành, quyền làm chủ, quyền con người, hạnh phúc cho mọi người dân.

Nhờ có lý luận và phương pháp cách mạng đúng đắn, Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng, lãnh đạo nhân dân và dân tộc ta xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nước ta. Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, có cả một hệ thống quan điểm về chủ nghĩa xã hội từ đặc trưng, phương thức, mô hình và bước đi xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó, Người đặc biệt chú trọng đến hoàn cảnh, đặc điểm dân tộc khi đưa ra lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, “muốn đỡ bớt mò mẫm, muốn đỡ phạm sai lầm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo” [174, tr.92]. Hồ Chí Minh nhấn mạnh tính sáng tạo trong học tập và vận dụng những kinh nghiệm nước ngoài, bởi nước ta có “những đặc điểm riêng của nước ta” [174, tr.92]. Vì vậy, theo Người, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi vừa phải học tập những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập kinh nghiệm của các nước anh em, đề từ đó “hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta” [174, tr.92]. Bởi lẽ, “Không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều. Nhưng nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến của những kinh nghiệm lớn, cơ bản của các nước anh em, thì sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng của chủ nghĩa xét lại. Vì vậy, song song với việc nhấn mạnh sự quan trọng của học tập lý luận, chúng ta phải luôn luôn nhấn mạnh nguyên tắc lý luận liên hệ với thực tế. Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại” [174, tr.97-98]. Vì vậy, khi áp dụng kinh nghiệm của các nước anh em vào xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cần phải học tập trên tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, dựa trên nhu cầu thực tế và khả năng của nhân dân Việt Nam. Ngay cả việc học tập các nước xã hội chủ nghĩa lớn như Liên Xô, Trung Quốc, Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi phải xuất phát từ điều kiện thực tế của nước ta. Người phát biểu: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội” [173, tr.391]. Trong bối cảnh của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế lúc bấy giờ và mối quan hệ trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, việc Hồ Chí Minh nêu lên quan điểm về sự độc lập, tự chủ, sáng tạo trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đã cho thấy bản lĩnh chính trị của Người. Đặt độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của cách mạng thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc và tinh thần dân tộc, đó là điểm đặc sắc trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh, mang đậm tinh thần dân tộc.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thể hiện một quan hệ biện chứng giữa thực tiễn - phát triển và đổi mới. Những luận giải của Hồ Chí Minh cho thấy, độc lập dân tộc là tiền đề, là điều kiện của chủ nghĩa xã hội, là nền tảng chính trị, cơ sở dân tộc của chủ nghĩa xã hội. Và trong mối quan hệ đó, chủ nghĩa xã hội hình thành, phát triển và hoàn thiện là đảm bảo thực chất, đầy đủ và bền vững nhất của độc lập dân tộc. Đó cũng là thước đo dân chủ và tự do của phát triển xã hội, một xã hội văn minh, tiên tiến mà lịch sử tìm thấy sự biểu hiện ở chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội, đó cũng chính là cách thức tổ chức xã hội tối ưu để làm cho quốc gia - dân tộc vững mạnh, con người cá nhân và cộng đồng xã hội được phát triển tự do, toàn diện mọi khả năng, được thụ hưởng hạnh phúc vật chất, tinh thần trong một môi trường lành mạnh, tốt đẹp.

3.2. NỘI DUNG CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

3.2.1. Yếu tố dân tộc trong sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Chủ nghĩa Mác - Lênin đưa ra lý luận cách mạng của mình xuất phát từ hoàn cảnh thực tế ở các nước phương Tây với nhiệm vụ chủ yếu là giải quyết mâu thuẫn giai cấp giữa giai cấp tư sản bóc lột và giai cấp vô sản bị bóc lột. Đối với Mác, Ăngghen, Lênin sự ra đời của đảng cộng sản trước hết là đáp ứng đòi hỏi sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân. Các ông khẳng định: “Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng là mục đích trước mắt của tất cả các đảng vô sản khác: tổ chức những người cộng sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản” [151, tr.615].

Có áp bức bóc lột thì có đấu tranh. Khi sự áp bức, bóc lột càng nặng nề, tàn bạo thì tinh thần đấu tranh của quần chúng lao khổ càng mạnh mẽ, quyết liệt. Sự bóc lột của chủ nghĩa thực dân đã đẩy các dân tộc thuộc địa trong đó có Việt Nam đến tình trạng hấp hối trong vòng tử địa. Vì bị áp bức mà sinh ra cách mạng, trước sự diệt vong của giống nòi, người dân Việt Nam ngày càng ý thức được rằng có cách mệnh thì sống, không có cách mạng thì chết, do vậy, muốn sống thì phải làm cách mệnh. Rên xiết dưới ách nô lệ, lầm than, nhân dân ta đã nhiều phen đứng dậy đấu tranh nhưng không thành. Lịch sử dân tộc chỉ tiếp nối những trang oanh liệt nhưng đầy thất bại đắng cay bởi lẽ nhân dân ta bị “Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hoá làm cho dân ngu, lấy phép luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến 2 chữ cách mệnh thì sợ rùng mình”; dân thiếu tri thức cách mạng, “không có chủ nghĩa, không có kế hoạch” [165, tr.288], “không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu lược” nên tuy hành động dũng cảm mà vẫn thất bại; “dân thường chia rẽ phái này, bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nổi yếu sức đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi” [165, tr.289].

Như vậy, muốn thoát khỏi khổ ải nô lệ thì phải đấu tranh, phải làm cách mạng, nhưng để hoàn thành sự nghiệp cách mạng cần phải có nhiều nhân tố chủ quan và khách quan, bên trong và bên ngoài, dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại. Tuy nhiên, yếu tố trước tiên, quan trọng nhất là phải có một Đảng cách mạng chân chính. Năm 1927, Hồ Chí Minh đã nêu lên câu hỏi: cách mệnh trước hết... mọi nơi”.

Thấu hiểu nỗi khổ cực của người Việt Nam – cũng như nhân dân các nước thuộc địa – Hồ Chí Minh đã chỉ ra tình cảnh của nhân dân Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX bị hai lần bóc lột: là lao động và là người dân bản xứ. Đối với Người, sự ra đời của Đảng Cộng sản trước hết đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách áp bức thực dân. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam không phải chỉ vì lợi ích của giai cấp công nhân hay những người cộng sản mà trước hết để cứu lấy nòi giống con Lạc, cháu Hồng. Đây là một quan điểm mới mẻ, sáng tạo của Hồ Chí Minh về tính tất yếu phải có Đảng ở một nước thuộc địa. Như vậy, xét về tổng thể, Hồ Chí Minh khởi xướng con đường cách mạng dân tộc dân chủ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo con đường cách mạng này là vì lẽ sinh tồn của dân tộc ta.

Về sự ra đời của đảng cộng sản ở một nước tư bản, trong tác phẩm *Những nhiệm vụ bức thiết của phong trào chúng ta* năm 1905, Lênin viết: “Đảng dân chủ - xã hội là sự kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội” [134, tr.470]. Đồng thời, Lênin cũng đưa ra chỉ dẫn: “trong tất cả các nước, chỉ có sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được một cơ sở vững chắc cho cả hai” [134, tr.471]. Luận điểm này phân tích một cách đúng đắn phong trào công nhân ở các nước tư bản phát triển, công nhân đại công nghiệp đóng vai trò nòng cốt trong xã hội, “phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc” [151, tr.623-624].

Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng cần phải tiếp thu được những tư tưởng tiên tiến của thời đại và nhận thức được xu thế phát triển khách quan của lịch sử mới đưa phong trào dân tộc ở Việt Nam đi đúng dòng chảy của thời đại, mới mong giành được thắng lợi. Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh khẳng định chủ nghĩa ấy vẫn đúng ở phương Đông, tuy vậy, cần phải bổ sung vào trong chủ nghĩa ấy vấn đề của các dân tộc phương Đông. Hồ Chí Minh nhận thấy, luận điểm về quy luật ra đời đảng cộng sản của chủ nghĩa Mác - Lênin chưa tính đến các “quốc gia nông dân”, các nước tiền tư bản bị chủ nghĩa đế quốc xâm lược và thống trị.

Kế thừa những gợi mở của Lênin về sự kết hợp các yếu tố dẫn đến sự ra đời của đảng cộng sản: “trong mỗi nước, sự kết hợp ấy lại là một sản phẩm của lịch sử, lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian” [134, tr.471]. Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như vai trò của giai cấp công nhân và phong trào công nhân Việt Nam, xếp giai cấp công nhân Việt Nam vào vị trí lãnh đạo và là lực lượng nòng cốt của cách mạng. Nhưng nắm chắc tình hình xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, nơi có số lượng công nhân rất ít, trong khi phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ. Hồ Chí Minh cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm kết hợp của ba thành tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, và phong trào yêu nước. Như vậy, so với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa thêm yếu tố phong trào yêu nước vào quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tầm nhìn vượt trội của Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ Người đã nhìn thấy được phong trào yêu nước Việt Nam có một vị trí cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc. Đặc biệt là phong trào này xuất phát từ chủ nghĩa dân tộc chân chính được chất

lộc nên từ truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Qua những cuộc đấu tranh phải hy sinh biết bao xương máu để bảo vệ chủ quyền, đã hình thành, tồn lưu và nâng cao giá trị văn hoá của chủ nghĩa yêu nước như là một phần quan trọng nhất của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước trở thành viên ngọc sáng chói lên giữa khói lửa của những cuộc chiến tranh tàn khốc, trở thành yếu tố trường tồn trong lịch sử dân tộc, có trước phong trào công nhân. Và khi phong trào công nhân bắt đầu phát triển thì phong trào yêu nước vẫn đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Thêm phong trào yêu nước trong quy luật ra đời của Đảng Cộng sản ngoài việc bù đắp sự thiếu hụt về mặt lực lượng và sức mạnh của phong trào công nhân, thì yếu tố này có khả năng kết hợp được với phong trào công nhân, vì cả hai phong trào có mục tiêu chung là độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh đã khai thác triệt để mâu thuẫn cốt yếu nhất ở Việt Nam là mâu thuẫn dân tộc. Người đem chủ nghĩa yêu nước từ truyền thống kết hợp với chủ nghĩa cộng sản trở thành chủ nghĩa yêu nước hiện đại rồi tác động đến thực tiễn của dân tộc Việt Nam: yêu nước gắn liền với con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Đây chính là sự kết hợp giữa chủ nghĩa dân tộc chân chính với tinh thần cách mạng vô sản của thời đại mới.

Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác - Lênin, cùng với thực tiễn cách mạng Việt Nam được khúc xạ qua trí tuệ sáng tạo của Hồ Chí Minh là đặc điểm xuyên suốt trong quá trình Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin trước đây là nền tảng lý luận, vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân đã trở thành vũ khí vô địch của cả dân tộc Việt Nam. Về phía chủ nghĩa Mác - Lênin, ở Việt Nam, học thuyết mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa cộng sản khoa học sáng lập ra đã tìm thấy sức mạnh vật chất của mình không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở toàn thể dân tộc. Việc đưa yếu tố phong trào yêu nước vào quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là đưa yếu tố dân tộc vào kết hợp với yếu tố giai cấp và yếu tố thời đại mà Hồ Chí Minh tiếp thu từ chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã có nhận định rất xác đáng về sự kết hợp này: Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước tạo nên sự bùng nổ cách mạng mãnh liệt trong lịch sử Việt Nam - đó là sự bùng nổ của những gì tốt đẹp nhất trong con người và cả dân tộc Việt Nam. Đó là sự bùng nổ về lòng yêu nước, lòng dũng cảm, trí thông minh, sáng tạo, sự bùng nổ của tinh thần dân tộc [14, tr.168].

3.2.2. Yếu tố dân tộc trong bản chất, mục tiêu, nhiệm vụ và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

Kế thừa quan điểm của các bậc tiền bối, Hồ Chí Minh cho rằng cách mạng muốn thành công thì phải tập hợp lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và từ thực tiễn phong trào cộng sản công nhân quốc tế, Người nhận thức được rằng sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân chỉ có thể được khơi dậy, phát huy khi được tập hợp, đoàn kết, dẫn dắt bởi một chính đảng: “Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đồng thời, Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng, thì cách mạng mới thành công” [174, tr.609]. Để cách mạng thắng lợi, cần “phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để đánh đổ kẻ địch, tranh lấy chính quyền. Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo” [171, tr.274].

Mục tiêu của Đảng là tranh đấu cho độc lập dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân, đem lại lợi ích chính đáng cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Điều này quy định bản chất giai cấp của Đảng. Bàn về bản chất của đảng cộng sản, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, đảng cộng sản là đảng chính trị của giai cấp công nhân, là công cụ quan trọng bậc nhất trong cuộc đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản nước mình và giai cấp vô sản thế giới. Mác cho rằng: “Về mặt thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận luôn luôn thúc đẩy phong trào tiến lên. Về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ là họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của phong trào vô sản” [151, tr.615].

Việc khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là đảng cộng sản ở các nước công nghiệp phát triển có nhiều thuận lợi, bởi lẽ ở các quốc gia này, giai cấp công nhân giữ vị trí trung tâm của đời sống đất nước. Còn ở Việt Nam, Đảng Cộng sản ra đời khi giai cấp công nhân mới ra đời trước đó không lâu, lại chỉ chiếm khoảng 1% dân số, để khẳng định sứ mệnh lãnh đạo giai cấp và dân tộc làm cách mạng là điều không đơn giản. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã luận giải về sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam của giai cấp công nhân một cách thấu lý, đạt tình và rất sáng tạo. Người viết: “Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Với lý luận cách mạng tiên phong và kinh nghiệm của phong trào vô sản quốc tế, giai cấp

công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam” [165, tr.407]. Người khẳng định giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng, đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp mình và quyền lợi của toàn dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân. Tại Đại hội II của Đảng (2/1951), Hồ Chí Minh cũng đã nêu rất cụ thể toàn bộ các nguyên tắc mà Đảng Lao động Việt Nam phải theo về thành phần, về nền tảng tư tưởng - lý luận, về tổ chức, về kỷ luật, về quy luật phát triển, về mục tiêu, lý tưởng... Những quy định đó hoàn toàn tuân thủ một cách rất chặt chẽ những nguyên lý về đảng vô sản kiểu mới mà Lênin đã đề ra.

Điểm đặc sắc, sáng tạo của Hồ Chí Minh là Người không dừng lại ở việc khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam mà Người còn cho rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam là “đội tiên phong dũng cảm và bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc” [177, tr.608]. Tư duy của Hồ Chí Minh về tính dân tộc trong Đảng là nhất quán từ lúc Đảng ra đời, cũng như trong quá trình tồn tại và phát triển của Đảng. Tại Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951), Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam” [170, tr.41]. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (1953), một lần nữa Người nhấn mạnh: “Đảng Lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc... Vì vậy, Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân” [171, tr.275-276]. Năm 1961, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định: “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc” [176, tr.275]. Người phân tích rõ hơn: “Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân” [170, tr.50]. Đảng viên của Đảng có ở các cấp chính quyền, trong bộ đội, trong các xí nghiệp, các trường học, ở thành thị và cả ở vùng nông thôn, Đảng đều liên hệ chặt chẽ với quần chúng như chân tay ruột thịt. Vì vậy, “Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân” [171, tr.276]. Như vậy, Hồ Chí Minh không tách rời Đảng, giai cấp công nhân với các tầng lớp nhân dân lao động khác và dân tộc Việt Nam.

Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bản chất giai cấp công nhân với tính dân tộc của Đảng tạo thành bản sắc độc đáo trong quan niệm về Đảng Cộng sản của Hồ Chí Minh. Thực tiễn phong trào cách mạng Việt Nam cũng như thế giới đã kiểm chứng luận điểm gắn bó vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với điều kiện của một nước thuộc địa, chịu sự đô hộ của chủ nghĩa đế quốc.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất của Đảng đã mở rộng cơ sở xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong điều kiện xã hội thuộc địa, sản xuất nhỏ là chủ yếu, giai cấp công nhân Việt Nam còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, thành phần xã hội trong đảng tất yếu không thể giống các đảng cộng sản ở các nước tư bản phát triển. Vì vậy, ngoài vai trò của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh cũng thấy được lực lượng và khả năng giác ngộ lý luận cách mạng của của giai cấp nông dân và các tầng lớp khác. Trong Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phần đấu trong một bộ phận Đảng thời được vào Đảng” [166, tr.5]. Do đó, không chỉ có công nhân ưu tú, mà còn nông dân, lao động trí óc và những người thuộc các thành phần khác thật ưu tú, hăng hái, giác ngộ, được rèn luyện thử thách, tự nguyện chiến đấu đứng trong hàng ngũ của Đảng. Như vậy, đảng viên Đảng Cộng sản là những người ưu tú, tiên tiến trong giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Đó là sự vận dụng sáng tạo và phát triển quan niệm về xây dựng và chỉnh đốn đảng ở một nước thuộc địa và phong kiến, một quốc gia nông nghiệp như Việt Nam. Điều này đã được Hồ Chí Minh phát biểu rõ: “Nay tôi chỉ có một tin tưởng vào Dân tộc độc lập. Nếu cần có đảng phái thì sẽ là Đảng dân tộc Việt Nam. Đảng đó sẽ chỉ có một mục đích làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập. Đảng viên của đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô ra ngoài” [167, tr.187-188].

Vấn đề Đảng của dân tộc, của nhân dân không chỉ là vấn đề cơ sở xã hội của Đảng mà còn là tính tiên phong của Đảng. Đảng không chỉ là đội tiên phong của giai cấp công nhân, mà còn là đội tiên phong của dân tộc. Hồ Chí Minh ý thức được rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất thiết phải là hiện thân của văn hóa, ý chí và quyết tâm của cả một dân tộc. Chỉ có đại biểu xứng đáng cho trí tuệ, lương tâm và danh dự của dân tộc - ở bất cứ một giai đoạn lịch sử nào, trong một thời đại nào - Đảng mới đủ điều kiện để giữ vai trò là đội tiên phong lãnh đạo xã hội. Trong mọi suy nghĩ, quyết định và hành động, người cộng sản phải biết soi sáng bằng chính khối óc, phải rung động bằng

chính con tim và phải biết tự đứng vững bằng chính đôi chân của mình, trên chính mảnh đất của Tổ quốc mình.

Theo Người, mục đích, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Người còn nhấn mạnh: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới” [177, tr.467]. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và hoạt động của Đảng không phải chỉ vì lợi ích của giai cấp công nhân mà vì lợi ích của cả dân tộc, của toàn thể nhân dân lao động. Người cho rằng, sự tồn tại và hoạt động của Đảng không vì lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Tổ quốc của nhân dân. Người cũng tuyên bố tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I, rằng: “Tôi chỉ có một đảng, đảng Việt Nam” [167, tr.478]. Và Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tồn tại là để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, cho nhân dân Việt Nam, “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng” [168, tr.289], “Đảng không lo riêng cho một đồng chí nào hết. Đảng lo việc cho cả nước” [176, tr.275]. Song, “Tự cho mình là “tiền phong”, là đội tiền phong thì không đủ, mà còn phải hành động sao cho tất cả các đội khác nhận thấy rõ và bắt buộc phải thừa nhận chúng ta đi tiền phong mới được” [135, tr.107]. Đảng là đội tiền phong không phải thể hiện trên lời nói, mà phải tiên phong cả về lý luận và trong thực tiễn, phải là tấm gương cho toàn bộ phong trào. Từ ngày đầu thành lập cho đến khi trở thành Đảng cầm quyền, mục đích, lý tưởng đó không hề thay đổi, mà còn có thêm những điều kiện và sức mạnh nhằm hiện thực hóa mục đích, lý tưởng ấy. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960) chỉ rõ: “Đảng ta không những là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân Việt Nam, mà đồng thời còn là đại biểu trung thành cho lợi ích chân chính của nhân dân lao động và của dân tộc. Điều đó cũng giải thích vì sao công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác ở nước ta thừa nhận Đảng là Đảng của họ, một lòng một dạ tin tưởng và ủng hộ Đảng ta” [43, tr.636-637]. Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản tất yếu phải đại diện cho lợi ích dân tộc mình. Các học giả phương Tây từng đánh giá rất xác đáng về vấn đề này: “Hồ Chí Minh là người cộng sản, rất mácxít nhưng đồng thời rất thấm đượm tinh thần dân tộc chân chính. Hồ Chí Minh là một hình mẫu trong việc giải quyết vấn đề lợi ích dân tộc và giai cấp một cách nhuần nhuyễn, kỳ tài” [3, tr.63].

Hướng vào việc phục vụ dân là yêu cầu tiên quyết mà Hồ Chí Minh đặt ra đối với Đảng, đây cũng là cơ sở để khẳng định tính chính đáng lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Người cho rằng, nhiệm vụ của Đảng là phải cải biến vận mệnh quốc gia dân tộc, vận mệnh con người từ địa vị vong quốc nô, từ thân phận nô lệ trở thành địa vị làm chủ vận mệnh dân tộc mình, làm chủ vận mệnh của bản thân, đưa tới kỷ nguyên độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc thực sự, “Hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ” [175, tr.402]. Về trách nhiệm của Đảng đối với dân, Người nói: “Đảng không phải làm quan, sai khiến quần chúng, mà phải làm đầy tớ cho quần chúng và phải làm cho ra trò, nếu không, quần chúng sẽ đá đít” [169, tr.367]. Người cũng nhiều lần phê bình những cán bộ, đảng viên “vác mặt quan cách mạng”, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Từ đó, Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải “tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc”. Bởi lẽ, không phải cứ dán lên trán mình hai chữ “cộng sản” là hiển nhiên được dân tin, dân yêu, dân kính, dân phục, mà trong công tác hằng ngày phải cố gắng học dân, làm cho dân tin, đặc biệt, Người nói: “Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta” [167, tr.65]. Hồ Chí Minh khẳng định một chân lý cho sự tồn tại, mỗi bước phát triển và thắng lợi của đảng là phải dựa vào dân, xa cách dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như lơ lửng giữa trời, nhất định sẽ thất bại, Đảng trở nên vĩ đại khi “nó bao trùm cả nước, đồng thời vì nó gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta” [175, tr.402].

Để Đảng thực sự là của nhân dân, của dân tộc, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải thực sự trong sạch vững mạnh, tổ chức đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới, cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Người cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân” [178, tr.672], khi đó Đảng cũng sẽ mất đi vị thế lãnh đạo, vị trí cầm quyền của mình. Do đó, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến công tác xây dựng đảng, trên tất cả các phương diện về tư tưởng, chính trị, tổ chức, đạo đức, văn hóa, Người cũng dụng tâm để ý đến công tác cán bộ của Đảng, tất cả đều hướng tới mục tiêu là làm cho Đảng ta trong sạch, vững mạnh, luôn giữ vững quyền lãnh đạo cách mạng và trở thành đội tiền phong, bộ tham mưu sáng suốt của dân tộc, đủ sức đưa sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.

Như vậy, việc khẳng định đảng là của nhân dân, của dân tộc Việt Nam, không hề mơ hồ giai cấp mà trái lại, chứng tỏ Hồ Chí Minh một mặt vừa quán triệt sâu sắc những quan điểm Mác - Lênin về giai cấp, đặc biệt về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam; mặt khác còn chứng tỏ Người am hiểu rất sâu sắc thực tiễn và truyền thống dân tộc Việt Nam. Bằng việc tập hợp, thu thập trí tuệ, sức mạnh của toàn dân tộc, với tư cách đại diện cho lương tâm, danh dự của dân tộc, thêm vào đó là trách nhiệm đối với sự phát triển văn minh, tiến bộ của nhân loại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, đưa dân tộc Việt Nam tiến vào kỷ nguyên phát triển cùng nhân loại tiến bộ. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã cho thấy, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng đã luôn không ngừng cố gắng, nỗ lực, khẳng định mình xứng đáng với vai trò lãnh đạo, cầm quyền. Trong suốt chặng đường 95 năm đồng hành cùng dân tộc, mặc dù gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối trung thành với quyền lợi của dân tộc, của nhân dân, hoàn thành những nhiệm vụ mà dân tộc ta, nhân dân ta giao phó. Vì vậy, Đảng được toàn thể nhân dân, dân tộc Việt Nam thừa nhận và đi theo, gọi Đảng là “Đảng ta”. Đúng như lời nhận xét của chính Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc” [177, tr.467]

3.3. NỘI DUNG CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC

3.3.1. Nhà nước mới phải là sự phủ định mô hình nhà nước thực dân - phong kiến, mang tính dân tộc sâu sắc

Ngày 17/10/1887, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh thành lập “Liên bang Đông Dương” thuộc Pháp. Sắc lệnh này cùng với một số sắc lệnh được ban hành sau đó là những văn bản tạo ra cơ sở pháp lý cơ bản để hoàn thiện và củng cố chính quyền thuộc địa ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Liên bang Đông Dương do Bộ thuộc địa Pháp trực tiếp quản lý. Về quy chế chính trị, toàn liên bang Đông Dương là đất thuộc địa của Pháp, là lãnh thổ hải ngoại của nước Pháp. Với việc thiết lập Liên bang Đông Dương và chia nước ta ra làm ba kỳ, những kẻ xâm lược đến từ nước Pháp đã bắn một mũi tên nhằm tới hai đích, một là thống nhất bộ máy thuộc địa trên toàn Đông Dương để thuận lợi cho sự cai trị, đô hộ nước ta; hai là chia để trị, mục đích là xóa bỏ sức mạnh thống nhất và đoàn kết đấu tranh của dân tộc Việt Nam. Toàn quyền Đông Dương (người Pháp) nắm quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ở Đông Dương,

chi phối mọi hoạt động của bộ máy cai trị. Viện dân biểu do Pháp lập ra ở các thuộc địa chỉ là tổ chức không có thực quyền bởi “không phải do cuộc đầu phiếu phổ thông mà chỉ do các kỳ mục, địa chủ và thương nhân bầu ra” [165, tr.271], “Tất cả những “vị dân biểu” này chỉ có tiếng nói tư vấn thôi... mỗi năm hội họp một lần và lúc nào họp là do khâm sứ quyết định” [165, tr.272]. Trong số hàng trăm yêu sách của họ đưa ra, “không một yêu sách nào được thực hiện cả...” [165, tr.272]. Thực dân Pháp vẫn duy trì sự tồn tại của chính quyền phong kiến, tuy nhiên quyền hạn của vua quan Nam triều bị hạn chế đến mức tối đa, chỉ đủ để làm người thừa hành cho chính quyền Pháp.

Một dân tộc, theo lẽ thông thường, sinh sống trên một lãnh thổ nhất định và hiển nhiên họ phải có thứ quyền cơ bản mà không ai có thể tước bỏ hoặc hạn chế là quyền được tự quyết về sự tồn tại của mình, quyền được ấn định và tổ chức ra các thiết chế xã hội để phục vụ cho sự tồn tại đó. Nhưng, với việc xâm lược và áp đặt một mô hình chính quyền mà người Pháp hoàn toàn giữ địa vị thống trị, người Việt Nam chỉ là bù nhìn, tay sai hoặc là những kẻ bị trị, chính quyền mới được thiết lập đều không phục vụ cho lợi ích của dân tộc hay nhân dân Việt Nam. Quyền lực nhà nước ở Việt Nam từ tay giai cấp địa chủ phong kiến Việt Nam đã dần chuyển sang tay giai cấp tư sản Pháp, đó cũng là quá trình chuyển biến từ kiểu nhà nước thuần phong kiến sang kiểu nhà nước mang những nét đặc thù trong điều kiện một nước thuộc địa và phong kiến. Nhà nước từ chỗ là công cụ để giai cấp địa chủ phong kiến bóc lột nhân dân và bảo vệ quyền lợi của mình trở thành công cụ để thực dân, phong kiến nô dịch, áp bức dân tộc Việt Nam, làm giàu cho chúng, Người chỉ rõ: “Nhà nước cũ nằm trong tay đế quốc và phong kiến, tính chất nó là đế quốc và phong kiến, là phản động” [171, tr.262]. Do đó, vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng ở một nước thuộc địa và phong kiến như Việt Nam là đánh đổ chính quyền thực dân - phong kiến, thiết lập nên một nhà nước mới của người Việt Nam, đảm bảo độc lập dân tộc, lợi ích cho Tổ quốc và nhân dân Việt Nam.

Trên hành trình đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã sớm quan tâm đến mô hình chính quyền sau khi cách mạng thắng lợi. Với phương châm: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc” [165, tr.292]. Trong *Chánh cương vắn tắt*, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu mô hình chính quyền nước Nga xô viết, Nguyễn Ái Quốc đã đề ra mô hình nhà nước trong tương lai ở Việt Nam là: “...Dựng ra Chính phủ công nông binh” [166, tr.1]. Tuy nhiên, từ thực tế quá trình

lãnh đạo cách mạng Việt Nam sau này, Người phát hiện ra sự khác nhau về tính chất giữa cuộc cách mạng Việt Nam và cách mạng Nga. Cách mạng Tháng Mười Nga mang tính chất của một cuộc đấu tranh giai cấp, là một cuộc nội chiến xảy ra giữa hai lực lượng cách mạng và phản cách mạng ở chính nước Nga. Trong khi đó, cách mạng Việt Nam mang tính chất của một cuộc đấu tranh để giải phóng dân tộc, tính dân tộc là đặc điểm nổi trội. Do đó, chính quyền ở Việt Nam không thể mang nặng tính giai cấp như chính quyền công - nông - binh ở nước Nga Xô viết. Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Người chủ trì Hội nghị Trung ương tháng 5/1941, đưa ra chủ trương chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân chủ trong giai đoạn trước sang đề cao quyền lợi dân tộc hơn hết thảy, chủ trương tập hợp mọi người Việt Nam yêu nước đánh đuổi thực dân Pháp và phát xít Nhật giành lại độc lập cho dân tộc. Sự chuyển hướng đó tất yếu đưa đến sự điều chỉnh, thay thế hình thức tổ chức chính quyền sau này:

“Sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần Tân dân chủ, chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thảy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy” [40, tr.114].

Như vậy, quan điểm Hồ Chí Minh về mô hình và chủ thể quyền lực nhà nước đã có sự thay đổi so với *Chánh cương vắn tắt*. Nếu như trong các văn kiện do chính Người soạn thảo đầu năm 1930, chủ thể quyền lực cách mạng chỉ là bộ phận công nhân, nông dân và binh lính. Thì đến năm 1941, Người đã xác định rằng lực lượng cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sẽ chính là chủ thể quyền lực nhà nước sau ngày độc lập: “Việt Nam độc lập đồng minh chủ trương liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc phát xít Nhật, giành quyền độc lập cho nước Việt Nam. Sau khi đánh đuổi phát xít Nhật, sẽ lập lên Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” [166, tr.629]. Tháng 8/1945 dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản, nhân dân Việt Nam đã đứng lên đấu tranh giành độc lập, lật đổ chế độ phong kiến hàng ngàn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nói về tính

chất của nhà nước kiểu mới, Hồ Chí Minh cho rằng: “Nhà nước mới của ta và Nhà nước cũ, tính chất khác nhau. Tính chất của một nhà nước là: trong nhà nước ấy, giai cấp nào thống trị, giai cấp nào bị thống trị. Nhà nước ấy bảo vệ lợi ích của giai cấp nào, đàn áp giai cấp nào” [171, tr.262], và Người khẳng định: “Nhà nước ta ngày nay là nằm trong tay nhân dân chống đế quốc và phong kiến. Tính chất nó là nhân dân dân chủ chuyên chính” [171, tr.262]. Khi lãnh đạo công cuộc xây dựng chế độ mới, nhiều lần Người nhắc lại quan điểm: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ” [172, tr.258].

Quyền làm chủ của nhân dân không phải là những quan niệm đạo đức trừu tượng, không chỉ thể hiện ở những lời tuyên bố, mà nó phải được hiện thực hóa bằng Hiến pháp và pháp luật. Điều 1 *Hiến pháp năm 1946* - do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu Ủy ban dự thảo - ghi nhận: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” [192, tr.8]. Thuật ngữ “quyền bính” sử dụng trong *Hiến pháp* được hiểu theo hai nghĩa: quyền bính là quyền lực, quyền bính cũng là quyền tự quyết của nhân dân về vận mệnh, số phận của mình, trong khi đó nhân dân được hiểu một cách đầy đủ nhất, bao gồm tất cả mọi công dân, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, giới tính. Sự ghi nhận này của *Hiến pháp năm 1946* về quyền lực nhân dân là mốc lịch sử quan trọng về cách tổ chức quyền lực ở Việt Nam, chấm dứt thời kỳ dài trong lịch sử dân tộc gắn với chế độ phong kiến - nước là của vua, quyền lực tập trung trong tay nhà vua, vua đứng trên tất cả chuyển sang thời kỳ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước.

Khi quyền lực thuộc về nhân dân, đồng nghĩa với việc quyền lực của nhà nước là quyền lực được ủy quyền, nhân dân đã trao một phần quyền lực cho nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước, các cơ quan đó sẽ thay mặt thực hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Chỉ trao một phần quyền lực cho nhà nước, do đó, nhân dân vẫn giữ lại những phần quyền lực quan trọng của mình, như quyền quyết định những vấn đề trọng đại của quốc gia - dân tộc. Vấn đề này được quy định tại Điều 21 *Hiến pháp năm 1946*: “Nhân dân phúc quyết về Hiến pháp” [192, tr.12] và điều 70 cũng quy định: “Những điều thay đổi khi đã được Nghị viện ưng chuẩn thì phải được đưa ra toàn dân phúc quyết” [192, tr.70]; điều 32 quy định “Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết” [192, tr.15] như vấn đề chiến tranh và hòa bình, các vấn đề liên quan đến lãnh thổ quốc gia - dân tộc v.v.. Như vậy, quyền lực tối cao của xã hội

nói chung, nhà nước nói riêng thuộc về nhân dân với tư cách là cộng đồng quốc gia - dân tộc bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp, cộng đồng người cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Đây chính là đặc điểm quan trọng của chủ nghĩa dân tộc công dân mà Hồ Chí Minh áp dụng vào quá trình thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam.

Quan điểm về quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện rõ nét và cô đọng trong luận điểm:

“NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [169, tr.232].

Đây là quan điểm cơ bản, là nguyên tắc, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình xây dựng nhà nước mới ở Việt Nam, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc, có thể nói rằng, chưa bao giờ quyền làm chủ của nhân dân được phát huy mạnh mẽ như ở thời đại Hồ Chí Minh. Đó chính là sự khác nhau giữa chủ nghĩa dân tộc trên lập trường vô sản và chủ nghĩa dân tộc đứng trên lập trường của giai cấp tư sản, cũng khẳng định giá trị nhân văn của chủ nghĩa dân tộc gắn liền với khuynh hướng cách mạng vô sản.

3.3.2. Yếu tố của dân, do dân, vì dân; yếu tố dân tộc phải được thể hiện đậm nét trong tổ chức và hoạt động của nhà nước kiểu mới

Hồ Chí Minh nhận thấy rằng, khi quyền lực nhà nước nằm trong tay ngoại bang thì mọi quyền tự do, dân chủ của người dân sẽ không được đếm xỉa đến. Vì vậy, sau khi giành được độc lập, Người đã trực tiếp chỉ đạo, xây dựng một tổ chức bộ máy nhà nước mang tính dân tộc, tính nhân dân sâu sắc, được biểu hiện cụ thể trong cơ cấu thành phần của các cơ quan quyền lực nhà nước.

Nhà nước do nhân dân lập ra để đại diện nhân dân thực thi quyền lực; phương thức để nhân dân ủy thác quyền lực của mình cho Nhà nước thông qua Quốc hội. Vì vậy, phương thức thành lập, thành phần và hoạt động của Quốc hội quyết định bản chất của quốc hội đó.

Từ trước khi Cách mạng tháng Tám nổ ra và giành thắng lợi, Hồ Chí Minh đã có những bước chuẩn bị quan trọng cho việc thành lập một Quốc hội của nhân dân trong tương lai. Nhận thấy thời cơ của cách mạng sắp đến, tháng 10/1944, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho quốc dân đồng bào, thông báo chủ trương triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân để thành lập một cơ cấu đại biểu của toàn thể quốc dân:

“... trước phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang” [166, tr.537].

Sau ngày 2/9/1945, mặc dù, Hồ Chí Minh đã đọc *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam, về sự tồn tại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tuy nhiên, chưa được một quốc gia nào trên thế giới công nhận. Hơn nữa, các thế lực đế quốc và tay sai đang ráo riết chống lại Đảng Cộng sản và Việt Minh, hòng lật đổ chính quyền cách mạng và lập nên một chính quyền tay sai cho đế quốc. Trước tình hình đó, Hồ Chí Minh đã gấp rút xúc tiến việc bầu Quốc hội khẳng định tính hợp pháp của Nhà nước cách mạng Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho nền độc lập dân tộc. Bên cạnh đó, chủ trương thành lập Quốc hội của Hồ Chí Minh còn nhằm mục đích phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân để bảo vệ nền độc lập vừa giành được. Như vậy, đối với Hồ Chí Minh, sự thành lập Quốc hội trong chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân ở Việt Nam nhằm mục đích thống nhất ý chí dân tộc, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân để khẳng định, giữ vững nền độc lập dân tộc.

Năm ngày sau khi tuyên bố độc lập, ngày 8/9/1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã thừa lệnh Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký và công bố ban hành Sắc lệnh 14 với hai nội dung quan trọng là tổ chức Tổng tuyển cử để bầu Quốc dân đại hội và thành lập Ủy ban khởi thảo Hiến pháp. Trong phần mở đầu Sắc lệnh viết: “Xét rằng nhân dân Việt Nam do Quốc dân đại hội thay mặt, là quyền lực tối cao để ấn định cho nước Việt Nam một hiến pháp dân chủ cộng hòa;

Xét rằng trong tình thế hiện giờ sự triệu tập quốc dân đại hội không những có thể thực hiện được mà lại rất cần thiết để cho toàn dân tham gia vào công cuộc củng cố nền độc lập và chống nạn ngoại xâm” [280].

Tư tưởng về việc bầu nên Quốc hội thông qua tổng tuyển cử hình thành ở Hồ Chí Minh không chỉ đơn thuần bắt nguồn từ tư tưởng quyền lực thuộc về nhân dân mà còn xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong điều kiện vừa kháng chiến, vừa kiến quốc ở nước ta, Tổng tuyển cử là một hình thức chính trị huy động sức mạnh toàn dân đấu tranh chống lại kẻ thù xâm lược, khẳng định và giữ vững nền độc lập dân tộc. Trong *Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ vai trò to lớn của Tổng tuyển cử: “Về mặt chính trị, thì nhân dân dùng lá phiếu mà chống với quân địch. Một lá phiếu cũng có sức lực như một viên đạn” [167, tr.166]. Cho nên bất cứ ai là nhân dân Việt Nam, quan tâm đến vận mệnh dân tộc đều có quyền bầu cử để lựa chọn những người xứng đáng hoặc tự mình ứng cử để tham gia gánh vác việc nước. Mặc dù tình hình vô cùng phức tạp, với nhiều âm mưu chống phá cách mạng, gây chia rẽ nội bộ dân tộc, Hồ Chí Minh vẫn rất tin tưởng vào lòng yêu nước và sự sáng suốt của đồng bào, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc bầu cử theo hình thức phổ thông đầu phiếu. Không phụ niềm tin đó của Người, hơn 90% tổng số cử tri cả nước đã tham gia bỏ phiếu để bầu nên những đại biểu xứng đáng.

Ở thời điểm đầu năm 1946, Việt Nam là một trong số ít quốc gia thực hiện được cuộc tổng tuyển cử dân chủ như vậy. Do điều kiện lịch sử, cuộc Tổng tuyển cử ở Việt Nam diễn ra muộn hơn một số nước phát triển ở châu Âu, châu Mỹ, nhưng xét về mức độ dân chủ đã có những bước tiến phù hợp với thời đại: “Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó. Vì lẽ đó, cho nên Tổng tuyển cử là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết” [167, tr.153]. Trong khi đó, thời kỳ này, ở một số nước Âu - Mỹ, phụ nữ chưa có được những quyền chính trị cơ bản này một cách hoàn toàn.

Cuộc Tổng tuyển cử đã diễn ra thành công, với 333 đại biểu được bầu vào Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 70 đại biểu được bổ sung sau Tổng tuyển cử. Trong đó, thành phần của Quốc hội gồm “Tà: 14 mácxít, 24 xã hội, 45 dân chủ, cộng 83 người. Đứng giữa: 80 Việt Minh, 90 vô đảng phái, cộng 170 người. Hữu: 17 Cách mạng đồng minh hội, 20 Quốc dân Đảng, cộng 37 người” [93, tr.5]. Như vậy, Quốc hội khóa I được bầu ra có đến hơn 40% là người không đảng phái, số còn lại đến từ nhiều đảng phái khác nhau. So với Xô viết tối cao Liên Xô được bầu vào tháng 2 năm 1946, với thành phần: “Hơn bốn phần năm số Đại biểu là Cộng sản, số còn lại là

người ngoài Đảng” [115, tr.109-110]. Rõ ràng, thành phần của Quốc hội Việt Nam được mở rộng hơn rất nhiều nhằm tập hợp lực lượng, lôi kéo các đảng phái, các tầng lớp xã hội tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước. Đây là minh chứng cho quan điểm của Hồ Chí Minh: nhà nước không phải của riêng một giai cấp, đảng phái nào, “các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam. Đó là một sự đoàn kết tỏ ra rằng, lực lượng của toàn dân Việt Nam đã kết lại thành một khối” [167, tr.217]. Quốc hội cũng không có sự phân biệt thành phần sắc tộc, nam nữ: “Trong cuộc toàn quốc đại biểu đại hội này, các đảng phái đều có đại biểu mà đại biểu không đảng phái cũng nhiều, đồng thời phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số cũng đều có đại biểu” [167, tr.217]. Đây chính là một điểm tiến bộ so với nhiều nước lúc bấy giờ, kể cả Liên Xô. Về nguyên tắc, Xô viết tối cao Liên Xô là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, “Tuy nhiên, cơ cấu đại biểu của các Xô viết tuy phản ánh tương đối đầy đủ thành phần các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, nhưng trong các cơ quan thường trực (Đoàn chủ tịch) lại thiếu cơ cấu đại biểu các dân tộc, không phản ánh đầy đủ lợi ích của các dân tộc thiểu số” [274].

Như vậy, đối với Hồ Chí Minh, sự ra đời và hoạt động của Quốc hội trong nhà nước kiểu mới ở Việt Nam là nhằm thống nhất ý chí dân tộc, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân để giành và giữ vững nền độc lập dân tộc, đảm bảo lợi ích tối cao của dân tộc. Trong lời chào mừng kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa I, Người cũng phát biểu: “Quốc hội là tiêu biểu cho ý chí thống nhất của dân tộc ta, một ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi” [172, tr.376]. Đúng như đồng chí Tôn Đức Thắng phát biểu: “Nếu ai có thành kiến của giai cấp, của đảng phái, của tôn giáo, thì vào đến trong phòng này, chúng ta cũng đã để lòng nghe theo một tiếng gọi cao cả và thiêng liêng hơn cả bấy nhiêu tiếng gọi lúc thường: tiếng gọi của Tổ quốc. Cái không khí ấy đã hoàn toàn phản chiếu được tình trạng chung của đất nước từ trước đến nay, tình trạng thống nhất ý chí và hành động” [279].

Một biểu hiện của tư tưởng Hồ Chí Minh về tính đại diện toàn dân của Quốc hội là sự kiện Quốc hội khóa I, tại kỳ họp thứ 11, đã ra Nghị quyết kéo dài nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội đã được nhân dân miền Nam bầu ra ngày 6/1/1946 cho đến khi có nghị quyết mới [259, tr.213-214]. Quốc hội là cơ quan đại diện cho ý chí thống nhất của toàn thể nhân dân khắp ba miền Bắc, Trung, Nam, ý chí của toàn dân tộc. Như vậy, tính dân tộc là nét đặc thù trong tư tưởng Hồ Chí Minh về thành lập và hoạt động của Quốc hội; Quốc hội là thể hiện sinh động ý chí đại đoàn kết dân tộc.

Một nhà nước dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh không thể thiếu một Chính phủ để phục vụ cho quyền lợi của Tổ quốc và nhân dân. Hồ Chí Minh cho rằng Chính phủ lâm thời không thể là Chính phủ chỉ của đại biểu Việt Minh, của Đảng Cộng sản. Vì vậy, Người luôn chú trọng việc mở rộng thành phần lãnh đạo Chính phủ tới những người ngoài đảng, đặc biệt là các nhân sĩ, trí thức. Điều này thể hiện ngay trong quá trình Người lãnh đạo thành lập Chính phủ mới, Đại hội Quốc dân ở Tân Trào đã bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Trung ương có chức năng như là Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Số thành viên là đảng viên Đảng Cộng sản chiếm đa số trong Ủy ban. Sau đó, Hồ Chí Minh đã mở rộng thành phần chính phủ bằng cách mời các nhân sĩ, trí thức ngoài đảng tham gia vào Chính phủ lâm thời như cụ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Anh.v.v. Giáo sư Furuta Motoo đã thấy được rằng: “Hồ Chí Minh cảm thấy không thỏa mãn đối với điểm này. Do đó, ngay sau khi trở về Hà Nội, Người đã mời thêm nhiều nhân sĩ là những người ngoài đảng tham gia Chính phủ lâm thời” [61, tr.143]. Hồ Chí Minh tuyên bố: “Chính sách rộng rãi, mềm dẻo của Chính phủ Hồ Chí Minh đã cải chính hùng hồn những dư luận sai lầm đó, đã vạch rõ cho thế giới biết Chính phủ này là hoàn toàn nhân dân chứ không phải thuộc riêng gì một đảng phái hay một đoàn thể nào” [167, tr.49], đây chính là tuyên bố về tính nhân dân, tinh thần đoàn kết dân tộc trong chính phủ mới.

Để Chính phủ thực sự là chính phủ của nhân dân, của dân tộc, Hồ Chí Minh sau đó đã đề nghị thành lập Chính phủ thống nhất quốc gia, bao gồm đại biểu của các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ không đảng phái. Người chủ trương thành lập chính phủ theo phương thức: “Do tổng tuyển cử toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra chính phủ. Chính phủ đó thật là chính phủ của toàn dân” [167, tr.153]. Hiến pháp 1946 quy định: “Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chọn trong Nghị viện nhân dân” [192, tr.18] và “Chủ tịch nước chọn Thủ tướng trong Nghị viện và đưa ra Nghị viện biểu quyết. Nếu được Nghị viện tín nhiệm, Thủ tướng chọn các Bộ trưởng trong Nghị viện và đưa ra Nghị viện biểu quyết toàn thể chính sách” [192, tr.19]. Cụ thể hơn, tại phiên họp của Hội đồng Chính phủ ngày 21/2/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã báo cáo sẽ thành lập chính phủ kháng chiến gồm 10 bộ - có bốn đảng phái tham gia, mỗi đảng phái giữ hai bộ. Bộ Nội vụ và Quốc phòng sẽ do hai người trung lập giữ; lập Ủy ban kháng chiến và Đoàn cố vấn [259, tr.66]. Lúc đó, hai đảng là Việt Quốc, Việt Cách đang tìm mọi âm mưu để lật đổ chính quyền cách mạng. Nhưng Hồ Chí Minh vẫn đề họ tham gia vào chính phủ, một mặt để có thể kiểm soát, hạn chế sự phá hoại của các

thể lực phản cách mạng này, mặt khác có thể huy động sức mạnh của lực lượng đoàn kết toàn dân tộc đối phó với kẻ thù chính của dân tộc lúc bấy giờ là thực dân Pháp.

Đúng theo phương thức và tinh thần đó, sau khi Tổng tuyển cử thắng lợi, Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên và Chính phủ chính thức cũng như các cơ quan, bộ máy chính thức của Nhà nước Việt Nam mới ra đời. Trong *Lời tuyên bố sau khi thành lập Chính phủ mới*, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính phủ mới phải tỏ rõ cái tinh thần đại đoàn kết, không phân đảng phái”, Người tuyên bố: “Tôi có thể tuyên bố trước Quốc hội rằng, Chính phủ này tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới. Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia” [167, tr.481]. Điều đó được thể hiện: “có những vị có tài năng nhận lời tham gia Chính phủ như: Cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu Cụ, Cụ cũng gắng ở lại. Lại có nhiều vị đứng ngoài sẵn sàng ra sức giúp đỡ như: Cụ Bùi Bằng Đoàn, linh mục Phạm Bá Trực... Dầu ở trong hay ngoài Chính phủ ai nấy đều hứa sẽ cố gắng làm việc, một lòng vì nước, vì dân” [167, tr.481].

Đặc biệt, trong số những nhân sĩ ngoài đảng tham gia vào các vị trí lãnh đạo trong Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thời kỳ này còn có cả những người trước đây đã từng tham gia Chính phủ Trần Trọng Kim thân Nhật như Vũ Đình Hòe, Phan Anh. Ngoài ra, tinh thần đoàn kết cũng thể hiện ở việc Hồ Chí Minh mời một số nhân sĩ trí thức, quan lại cao cấp của chế độ cũ tham gia Chính phủ, trong đó có vua Bảo Đại - Vĩnh Thụy, Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn... tham gia đoàn Cố vấn tối cao.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, việc xây dựng bộ máy nhà nước ở Việt Nam luôn xuất phát từ thực tế của dân tộc, chủ quyền nhân dân và hướng tới thực hiện đại đoàn kết vì lợi ích của nhân dân và dân tộc. Đúng như đồng chí Phạm Văn Đồng kết luận: “Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam là khối đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp yêu nước và dân chủ, được tổ chức thành bộ máy Nhà nước chống chủ nghĩa đế quốc và tay sai của chúng” [49, tr.20].

Nhà nước dân chủ mới ở Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và sứ mệnh của nhà nước là bảo vệ thành quả của cuộc cách mạng đó. Do vậy, ngay từ lúc mới ra đời, mọi hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước đã quán triệt quan điểm này. Trong phần *Lời nói đầu Hiến pháp Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (1946) do Hồ Chí Minh chủ trì soạn thảo nêu rõ: “Cuộc Cách mạng Tháng

Tám đã giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hòa. Sau tám mươi năm tranh đấu, dân tộc Việt Nam đã thoát khỏi vòng áp bức của chính sách thực dân, đồng thời đã gạt bỏ chế độ vua quan. Nước nhà đã bước sang một quãng đường mới. Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ” [192, tr.7].

Sau sự kiện ra đời Hiến pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1787 - bản hiến pháp thành văn đầu tiên trong lịch sử lập hiến hiện đại - người ta thường gắn hiến pháp với lập quốc và coi hiến pháp là biểu tượng của nền độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh nhận thức rõ điều đó, hiến pháp, pháp luật trong tư tưởng của Người trước hết phải gắn với chủ quyền, dùng để bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ.

Sau thành công của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, dân tộc ta bắt tay vào xây dựng bộ máy chính quyền mới. Tuy nhiên, vào thời điểm này các nước đế quốc vẫn tìm mọi cách phủ nhận chính quyền thành lập sau thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc hòng giữ địa vị của mình tại các thuộc địa trước đây. Pháp - nước đế quốc trước đây đã xâm lược Việt Nam cũng nằm trong số đó, Đế tứ cộng hòa Pháp ban hành *Hiến pháp* (27/10/1946), trong đó toàn bộ chương VIII về Liên hiệp Pháp bao gồm các điều khoản về việc duy trì các nước thuộc địa trước đây trở thành các tỉnh và vùng lãnh thổ ở hải ngoại của Pháp, điều 60 của bản Hiến pháp này ghi rõ: “Liên minh Pháp được thành lập, một bên là Cộng hòa Pháp, bao gồm nước Pháp chính quốc, các tỉnh và lãnh thổ hải ngoại, một bên là các lãnh thổ và bang liên quan” [276]. Những điều khoản về nguyên tắc, tổ chức và vị trí của các “tỉnh, vùng lãnh thổ hải ngoại của Pháp” được quy định từ điều 60 đến điều 82 thể hiện vai trò của chính quốc Pháp đối với thuộc địa nhằm “khẳng định và bảo đảm sự thống nhất không thể phá vỡ của thế giới chính trị Pháp” [263, tr.55-56].

Trước nguy cơ nền độc lập vừa mới giành lại bị đe dọa, để bảo vệ thành quả cách mạng, đồng thời củng cố tính chính đáng của chính quyền mới thành lập, ngoài việc đề nghị thực hiện Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội, Chính phủ chính thức, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc xây dựng bản Hiến pháp của nhà nước mới. Ngày 9/11/1946, Quốc hội thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hiến pháp 1946. Bản *Hiến pháp* là sự khẳng định mạnh mẽ chủ quyền quốc gia dân tộc và chủ quyền của nhân dân về mặt pháp lý: “Đó là bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước ta, nó xác nhận những thắng lợi to lớn của nhân dân ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, đã thoát khỏi gót sắt của thực dân, đã lật đổ ngai

vàng của vua chúa” [177, tr.548], “bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ” [192, tr.7].

Đến *Hiến pháp 1959*, bản Hiến pháp ra đời trong bối cảnh kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trong quá trình soạn thảo, Hồ Chí Minh đã đặc biệt chú trọng việc phát huy những sáng kiến và nguyện vọng của nhân dân nhằm đảm bảo Hiến pháp thực sự là của dân, do dân, vì dân. Bản *Hiến pháp* đã thể hiện ý nguyện của nhân dân hai miền Nam - Bắc: “Các tầng lớp nhân dân ta ở miền Nam cũng như ở miền Bắc nhiệt liệt hoan nghênh dự thảo Hiến pháp sửa đổi. Toàn thể nhân dân ta tin chắc rằng nhất định Nam Bắc sẽ sum họp trong đại gia đình Tổ quốc Việt Nam thống nhất” [175, tr.381]. Như vậy, pháp luật mà đạo luật cao nhất là Hiến pháp đã khẳng định nền độc lập dân tộc, cũng như quyết tâm giữ vững nền độc lập, thống nhất của dân tộc Việt Nam.

Trong nhà nước, pháp luật bao giờ cũng là ý chí của giai cấp thống trị thể hiện ra ở tất cả các điều luật, dùng để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Nhưng theo Hồ Chí Minh thì Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nhà nước dân chủ kiểu mới, đại diện cho ý chí của nhân dân, của cả dân tộc Việt Nam. Trong cuộc họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Người phát biểu quan điểm: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ” [167, tr.7]. Từ đó Người yêu cầu: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ” [167, tr.7]. Pháp luật này khác biệt về bản chất so với luật pháp cũ của thực dân Pháp là ý chí của thực dân, phong kiến nhằm mục đích trừng trị nhân dân. Trong khi đó, luật pháp của Nhà nước Việt Nam mới là ý chí của toàn thể dân tộc, bảo đảm thực thi quyền tự do, dân chủ, bình đẳng và sự công bằng đối với công dân và trách nhiệm của công dân đối với nhà nước, với xã hội. Theo đó, mọi quyền dân chủ của nhân dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp, pháp luật và mọi công dân từ Chủ tịch nước, những cán bộ, đảng viên cho đến những người dân lao động bình thường tất cả đều bình đẳng trước Hiến pháp, pháp luật và đều phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ vừa mới ra đời đã đảm nhận trách nhiệm lịch sử vĩ đại là tổ chức cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện để bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc và kiến thiết đất nước, mọi hoạt động đối ngoại, đối nội của nhà nước là phục vụ cho nhiệm đó. Nhà nước đó đã “tỏ rõ một ý muốn duy nhất làm sao đem lại cho dân chúng được tự do độc

lập hoàn toàn và để cho tất cả mọi phần tử quốc dân được hưởng tự do độc lập ấy như muôn vật được hưởng ánh sáng mặt trời” [167, tr.49].

Trong một nhà nước dân tộc độc lập, dân chủ, mối quan hệ giữa những người cầm quyền với dân đã hoàn toàn thay đổi so với các chế độ xã hội đã từng tồn tại trước đó. Từ địa vị “thảo dân”, phải thực hiện bốn phận “trung quân”, người dân đã đứng lên vị trí là chủ, làm chủ trong nhà nước mới, còn chính quyền lại trở thành “đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to, việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân lại có nhiệm vụ giúp đỡ Chính phủ, theo đúng kỷ luật của Chính phủ và làm đúng chính sách của Chính phủ để Chính phủ làm tròn phận sự mà nhân dân đã giao phó cho” [172, tr.90]. Mọi thiết chế nhà nước được lập nên đều là để phục vụ cho quyền lợi của nhân dân: “ta lập ra Chính phủ mới, quân đội, công an, tòa án, pháp luật mới của nhân dân để chống kẻ địch trong và ngoài, và để giữ gìn quyền lợi của nhân dân” [171, tr.262].

Khi nói chính quyền là đầy tớ, công bộc của dân, Hồ Chí Minh khẳng định mục đích hoạt động của nhà nước là vì lợi ích của dân: “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật” [167, tr.64-65]. Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng một nhà nước vì nhân dân phục vụ, Người chỉ rõ: “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Vì vậy cán bộ Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới đều phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân” [172, tr.518]. Một nhà nước phục vụ nhân dân, nhà nước thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân theo Hồ Chí Minh phải là nhà nước sống trong lòng nhân dân. Nhà nước không chỉ chịu trách nhiệm với dân bằng pháp luật mà còn phải bằng lương tâm, bằng đạo đức, bằng tinh thần nhân văn của mỗi cán bộ, viên chức, bằng cả giá trị nhân bản cao nhất của con người.

Vì nhà nước là thừa ủy quyền của nhân dân, nên nhân dân có quyền kiểm soát các hoạt động của nhà nước, “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân” [175, tr.375]. Thậm chí, Người còn nhấn mạnh: “Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ. Nhưng dân dùng đầy tớ làm việc cho mình thì phải giúp đỡ Chính phủ. Nếu Chính phủ sai thì phải phê bình, phê bình nhưng không phải là chửi” [168, tr.75].

Đồng thời, coi nhà nước là công cụ phục vụ cho nhân dân chứ không phải là gánh nặng của dân, ngay trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và xây dựng nền dân chủ mới, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề thu gọn bộ máy, chấn chỉnh biên chế. Bởi lẽ, Người hiểu rằng, chính quyền hoạt động là vì dân, nhưng để có thể hoạt động được chính quyền cần sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân cả về tinh thần và vật chất, để chính quyền không phải là gánh nặng vật chất cho dân, thì bộ máy chính quyền phải thật gọn nhẹ. Người nói rõ: “Các cơ quan chính quyền và đoàn thể, các cơ quan kinh tế và các Ủy ban, cần phải nâng cao năng suất, giảm bớt số người (tinh giản)... Vô luận thế nào cũng phải tìm đủ cách để biên chế các cơ quan lại” [170, tr.367].

Một nhà nước phục vụ nhân dân phải là một nhà nước trong sạch, không được phép có những đặc quyền, đặc lợi. Tiên liệu trước những vấn đề này, sau khi giành được độc lập (10/1945), Hồ Chí Minh đã chỉ ra 6 căn bệnh của cán bộ công chức trong bộ máy Nhà nước mới là: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Hồ Chí Minh coi những tiêu cực trong bộ máy nhà nước được “đề” ra từ chủ nghĩa cá nhân như tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm”, thứ giặc còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm.

Quan điểm Nhà nước phục vụ nhân dân thể hiện tính chất dân chủ cao của Nhà nước ta. Với cương vị nguyên thủ quốc gia, Hồ Chí Minh không coi mình đứng ở đỉnh tháp của quyền lực mà quan niệm chức vụ đó là do nhân dân trao cho để phục vụ nhân dân. Năm 1946, trả lời các nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh nói: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui” [167, tr.187].

Như vậy, vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền, nhưng vấn đề cơ bản của chính quyền là ở chỗ nó thuộc về ai, đại diện cho lợi ích của ai? Hồ Chí Minh đã trả lời cho câu hỏi đó bằng chính thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, chính quyền nhà nước ở Việt Nam là của nhân dân Việt Nam, đại diện cho lợi ích cho Tổ quốc và phục vụ cho quyền lợi của nhân dân Việt Nam. Lợi ích của dân tộc, của nhân dân phải luôn được đặt lên vị trí tối thượng, là chân lý, đúng như Người phát biểu: “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý” [173, tr.378]. Nhà nước kiểu mới mà Hồ Chí Minh xây dựng

thực sự là một nhà nước mà từ trong bản chất đến mọi hoạt động của nó đều hướng về nhân dân, về dân tộc, là nhà nước của dân tộc Việt Nam. Đúng như nhận định của Hồ Chí Minh: “Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đánh đổ nền thống trị tối tăm của đế quốc và phong kiến, đã đưa nhân dân ta lên con đường sáng sủa, vẻ vang. Nhà nước ta đã thành nhà nước của nhân dân” [171, tr.261]. Ông Vũ Đình Hòe đã có nhận xét hoàn toàn xác đáng: “Đây! Lần đầu tiên, không những ở Đông Nam Á, mà có lẽ trên khắp toàn cầu đã xuất hiện một Chính quyền nhân dân thật sự của toàn dân, tiêu biểu cho một nền Dân chủ tập quyền độc đáo” [90, tr.355].

3.4. NỘI DUNG CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

3.4.1. Yếu tố dân tộc, tính dân tộc thể hiện trong tư tưởng về vai trò và chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc

Nghiên cứu lịch sử Việt Nam, Hồ Chí Minh hiểu rõ đoàn kết là lẽ sinh tồn của dân tộc: “Dân tộc ta suy hay thịnh, mất hay còn, chính ở trong lúc này. Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà” [167, tr.55]. Các thế lực ngoại bang khi xâm chiếm, thống trị dân tộc khác bao giờ cũng dùng mưu ly gián, thi hành chính sách chia để trị. Nếu trong nội bộ diễn ra sự phân tán thì sẽ dẫn đến suy yếu cộng đồng, chia cắt, tan rã một quốc gia thống nhất, làm miếng mồi béo bở cho kẻ xâm lăng. Cho nên, để dựng nước, giữ nước, thống nhất dân tộc thì phải kiên quyết chống chia rẽ, thực hiện đại đoàn kết mới thành công, như Người đã đúc kết: “Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” [166, tr.256]. Đoàn kết được Người tổng kết, khái quát thành một luận điểm hết sức thuyết phục, có tính chân lý: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công” [176, tr.119].

Một logic độc đáo là Hồ Chí Minh luôn gắn nhân dân với dân tộc, cuộc sống và vận mệnh của mỗi người dân gắn liền với vận mệnh của cả dân tộc; vận mệnh của dân tộc lại quyết định vận mệnh của mỗi người dân. Do đó, tất cả những ai còn thừa nhận mình là con dân nước Việt, mang trong mình dòng máu Lạc Hồng, “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ” [172, tr.244].

Cái gốc của vấn đề là Hồ Chí Minh đã nhận thức đúng và triệt để khai thác những điểm chung của con người Việt Nam, đó là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc,

khát vọng độc lập, tự do, đất nước cường thịnh có thể sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Tinh thần dân tộc và lòng yêu nước nổi bật lên bao trùm hết thảy, trở thành lẽ sống của mỗi người. Đó chính là mẫu số chung của dân tộc, cũng là triết lý nền tảng để xây dựng khối đoàn kết dân tộc, đã là con dân nước Việt thì đều được trọng dụng để xây dựng và bảo vệ quốc gia - dân tộc. Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ, Người khuyên: “Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hoá họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang” [167, tr.280]. Đúng như nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng đã khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh có tìm mẫu số chung của toàn dân tộc thay vì khoét sâu sự cách biệt, đặt tiến trình xoáy tròn ốc đi lên của lịch sử trên căn bản quy tụ thay vì loại trừ” [48, tr.59]. Hồ Chí Minh đã vượt lên sự hẹp hòi, phân biệt, đổ kỵ thường xảy ra khi có sự phân hóa và đấu tranh giai cấp, phân tầng xã hội vô cùng quyết liệt để xây dựng một khối đại đoàn kết dân tộc rộng rãi, chặt chẽ, chân thành, lâu dài theo phương châm: Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết và tất cả do con người, vì con người.

Trên cương vị là người tổ chức và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã thể hiện trách nhiệm của người lãnh đạo, đã thấy được vai trò chủ thể của nhân dân nói chung và thái độ chính trị cũng như vai trò của từng giai cấp nói riêng, từ đó vận động, tập hợp, tổ chức khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam, cũng như quá trình tổ chức, xây dựng một chế độ xã hội mới.

Ngay từ nửa cuối những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã xác định “dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là “sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền” [165, tr.270]. Bởi lẽ, cho dù họ là địa chủ, tư sản, nông dân, công nhân, trí thức thì cũng đều là những người dân mất nước. Cho nên, Người chủ trương vận động tối đa các thành phần trong cộng đồng dân tộc “không phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giàu, nghèo” “ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy, gộc...” [167, tr.534], ai cũng phải đứng lên chống giặc cứu nước. Ở các nước thuộc địa nói chung, Việt Nam nói riêng, chủ nghĩa thực dân không chỉ đối phó với công nhân, nông dân mà phải đối phó với cả tư sản dân tộc, trung, tiểu địa chủ, đối phó với một dân tộc. Nhưng cả dân tộc chỉ trở thành lực

lượng mang sức mạnh to lớn khi được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức lại thành một khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Do đó, cần phải thức tỉnh đồng bào, trong thư *Gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp* (1923), Hồ Chí Minh đã viết: “Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập” [164, tr.209].

Khi xét một cách cặn kẽ, cụ thể, theo Hồ Chí Minh cần phải nhận thức đúng vai trò và thái độ chính trị của mỗi thành phần lực lượng: “Nói đến chính trị, chúng ta phải xét thái độ của các giai cấp và tầng lớp xã hội Việt Nam” [170, tr.391]. Ý thức sâu sắc về sự tỉ lệ thuận giữa mức độ bị áp bức với tinh thần chống áp bức, bóc lột ở các giai tầng trong xã hội, Hồ Chí Minh chú trọng hơn tới các giai cấp bị áp bức, bóc lột nhiều nhất, những “người cùng khổ”. Theo Người, bộ phận trung tâm của cách mạng giải phóng dân tộc là liên minh công - nông do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Người nói: “Công nông là người chủ của cách mệnh” [165, tr.274] đồng thời chỉ rõ lý do:

“Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh.

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,
2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết,
3. Là vì công nông là tay không chân rỗi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những có ấy, nên công nông là gốc cách mệnh” [165, tr.288].

Xuất phát từ sự đánh giá ấy, Hồ Chí Minh xác định cả hai giai cấp công nhân và nông dân làm thành động lực của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

Với tầng lớp trí thức, Hồ Chí Minh nhìn thấy ở họ một bầu nhiệt huyết tràn đầy tinh thần yêu nước, sục sôi nổi căm giận bọn cướp nước và bán nước cùng với sự nhạy bén với thời cuộc và vốn hiểu biết sâu rộng. Họ chủ động và có cơ hội đón nhận những luồng tư tưởng mới của các trào lưu cách mạng trên thế giới dội vào Việt Nam. Phong trào của trí thức đầu thế kỷ XX là những “ngòi nổ” cho các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp và bọn tay sai, cũng như thúc đẩy sự canh tân và chấn hưng đất nước. Trong các tổ chức yêu nước đầu tiên ở Việt Nam, thành viên và những người lãnh đạo

đa số là trí thức, ngay cả những chiến sĩ cách mạng đầu tiên đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản phần lớn xuất thân từ trí thức, họ cũng chính là cầu nối đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, thúc đẩy sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh xác định tầng lớp này là “bầu bạn cách mệnh của công nông” [165, tr.288]. Khi thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, Người xếp trí thức vào hàng ngũ cách mạng, đồng minh gần gũi của công nhân và nông dân. Người viết: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp” [166, tr.3] và khẳng định trí thức là một trong những động lực quan trọng của cách mạng.

Đối với tư sản dân tộc, Hồ Chí Minh cho rằng, xét về mặt lý thuyết, giai cấp tư sản là đối tượng của cách mạng vô sản. Song, trong cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp vô sản lãnh đạo ở các thuộc địa thì tư sản bản xứ lại chưa phải là đối tượng của cách mạng. Ở Việt Nam, tư sản dân tộc “là giai cấp tư sản không dính líu với đế quốc, hoặc dính líu rất ít. Một mặt thì họ bị đế quốc và phong kiến ngăn trở, nên họ cũng muốn chống đế quốc và phong kiến. Nhưng mặt khác, họ là giai cấp bóc lột, nên họ cũng sợ giai cấp bị bóc lột nổi lên đấu tranh” [171, tr.259]. Do đó mà tư sản dân tộc vừa muốn cách mạng vừa còn e ngại, họ có tinh thần chống đế quốc, phong kiến nhưng cũng dễ thỏa hiệp, hoặc chỉ cần đấu tranh trong giới hạn cải lương. Người rất chú trọng tranh thủ mặt tích cực của họ, và yêu cầu Đảng cần “tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung” [166, tr.4], hoặc khả năng thấp hơn là trung lập họ, không để họ chạy sang hàng ngũ phản cách mạng.

Với Hồ Chí Minh, một bộ phận của giai cấp địa chủ phong kiến cũng cần được động viên tham gia vào cách mạng giải phóng dân tộc. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, giai cấp địa chủ phong kiến là đối tượng của cách mạng dân chủ và không còn vai trò tích cực đối với cách mạng. Tuy nhiên, hoàn cảnh xã hội Việt Nam không giống các nước phương Tây, địa chủ phong kiến Việt Nam tuy là giai cấp bóc lột, nhưng họ cũng có tấm lòng yêu nước, lịch sử giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam đã gắn với vai trò của giai cấp phong kiến, đồng thời, dưới sự cai trị của thực dân Pháp, địa chủ Việt Nam cũng bị chèn ép. Mặt khác, họ nắm trong tay ruộng đất và tiền bạc, điều mà giai cấp công nhân và nông dân còn thiếu để làm cách mạng. Vì vậy, những bộ phận trung, tiểu địa chủ, kể cả một bộ phận đại địa chủ, dù thái độ chỉ là “lùng chừng” vẫn được Hồ Chí Minh chủ trương lôi kéo về với cách mạng, hoặc ít ra cũng làm cho họ trung lập. Chỉ một số ít đại địa chủ phong kiến mà quyền lợi hoàn

toàn gắn bó với đế quốc, đứng hẳn về phía thực dân trở thành đối tượng của cách mạng. Như vậy, “dù đặc điểm khác nhau, tác dụng khác nhau, song trong kháng chiến, trong cách mạng dân chủ mới, các giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, đều có lợi ích chung, mục đích chung, cần phải đoàn kết lại thành mặt trận dân tộc thống nhất mạnh mẽ, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính đảng của giai cấp ấy... Như thế, thì kháng chiến nhất định thắng lợi, kiến quốc nhất định thành công” [171, tr.259].

Sau khi cách mạng giải phóng dân tộc thành công, nhân dân được đưa lên vị thế là chủ, họ là chủ thể của quá trình xây dựng chế độ xã hội mới hoàn toàn tốt đẹp hơn so với chế độ thực dân, phong kiến. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người” [174, tr.93].

Khi xem xét về vai trò của mỗi giai cấp trong quá trình xây dựng chế độ xã hội mới. Hồ Chí Minh thấy rằng, giai cấp công nhân là những người làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ trong quá trình tổ chức quản lý sản xuất và cả quá trình lưu thông, phân phối của cải, do đó, họ là những người có quyền lực thực sự trong các nhà máy, xí nghiệp. Người lý giải: “Từ làm chủ tư liệu sản xuất, họ phải làm chủ việc quản lý kinh tế, làm chủ việc phân phối sản phẩm lao động” [178, tr.682]. Từ đó, “làm cho năng suất lao động không ngừng nâng cao, của cải xã hội ngày càng nhiều với phẩm chất tốt, giá thành hạ” [178, tr.678]. Đối với nông dân, theo Người, “Bao giờ ở nông thôn nông dân thực sự nắm chính quyền, nông dân được giải phóng thì mới là dân chủ thực sự” [171, tr.44]. Hồ Chí Minh cũng đánh giá cao vai trò của trí thức trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới ở nước ta: “lao động trí óc có nhiệm vụ rất quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong công cuộc hoàn thành dân chủ mới để tiến đến chủ nghĩa xã hội” [170, tr.72]. Đối với giai cấp tư sản dân tộc và các nhân sĩ tiên bộ khác, Hồ Chí Minh cũng hết sức quan tâm đến vai trò của họ trong quá trình xây dựng chế độ dân chủ mới. Người chỉ rõ: “Đối với những nhà tư sản công thương, Nhà nước không xoá bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ; mà ra sức hướng dẫn họ hoạt động nhằm làm lợi cho quốc kế dân sinh” [175, tr.373]. Với các thành phần khác, họ vẫn giữ địa vị như một thành viên trong Mặt trận Tổ quốc, cùng đóng góp vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bên cạnh việc xét về thái độ chính trị của các giai cấp, Hồ Chí Minh còn xem xét thái độ chính trị của các tộc người, các tôn giáo, các đảng phái, các đoàn thể, lứa tuổi, v.v. Người chú trọng tập hợp, huy động tất cả các lực lượng xã hội, không bỏ sót một lực lượng nào nếu như có tinh thần dân tộc và khả năng tham gia cách mạng, bất kỳ ở mức độ nào.

Hồ Chí Minh luôn chống khuynh hướng hẹp hòi khi chỉ thấy vai trò của một vài giai cấp trong xã hội mà không thấy được sự cần thiết phải mở rộng đoàn kết với các giai tầng xã hội khác. Người khẳng định: “Bất kỳ ai, dù quá khứ của họ thế nào, miễn là ngày nay họ thật lòng ủng hộ công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, thì chúng ta đoàn kết với họ” [176, tr.453].

Tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh là kết quả của quá trình Người đi từ chủ nghĩa dân tộc truyền thống đến chủ nghĩa dân tộc đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, là kết quả của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lực lượng giai cấp và lực lượng dân tộc, đặt lợi ích giai cấp trong lợi ích chung của dân tộc.

3.4.2. Yếu tố dân tộc, tính dân tộc thể hiện trong tư tưởng về phương thức thực hiện đại đoàn kết dân tộc

Để khối đoàn kết lâu dài, bền vững, đối với mỗi đối tượng khác nhau, cần có các phương thức vận động phù hợp. Với giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm lãnh đạo cách mạng và người làm chủ xã hội, làm chủ chế độ mới, làm chủ nhà máy, xí nghiệp; sự cần thiết phải tự cải tạo để vươn lên đảm đương vai trò tiên phong. Với giai cấp nông dân, Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề ruộng đất, vấn đề sưu thuế, đến khát vọng dân chủ và truyền thống tình làng, nghĩa nước. Với tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ, Hồ Chí Minh luôn trân trọng và đề cao tài năng của họ, khuyến khích quyền tự do sáng tạo, đồng thời căn dặn, nhắc nhở ý thức trách nhiệm với dân, với nước và tình cảm đối với nhân dân. Với thanh niên, Hồ Chí Minh thường khơi gợi lòng nhiệt huyết, sự năng động, tính gương mẫu “đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”, giáo dục ý thức trách nhiệm đối với tiền đồ của dân tộc: “nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên” [168, tr.216]. Với thiếu niên, nhi đồng, Người nâng niu, chăm sóc, nhấn mạnh ý nghĩa sống còn của việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Với phụ nữ, Người đề cao “nam nữ bình quyền”, khơi dậy và nêu lên những phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam: Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. Đối với đồng bào các tộc người thiểu số thì thực

hiện đoàn kết trên cơ sở bình đẳng, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi. Với các tôn giáo, phải tôn trọng tự do tín ngưỡng, đoàn kết giữa những người không theo tôn giáo nào với người có đạo. Với các quan lại, hoàng tộc, nhân sĩ yêu nước, Hồ Chí Minh biểu thị sự trân trọng ý thức dân tộc và tinh thần yêu nước của họ; hướng họ tới nhân dân, tới cách mạng. Đối với những người bị ép buộc hoặc lầm đường lạc lối, Hồ Chí Minh dùng chính sách khoan hồng đại độ, giáo dục, cảm hóa, khơi dậy trong tâm hồn họ tinh thần của những người mang dòng máu Lạc Hồng và mở đường đưa họ về với chính nghĩa dân tộc. Trong đánh giá con người, Hồ Chí Minh không bao giờ để định kiến giai cấp làm phai mờ tính dân tộc. Người luôn tìm thấy yếu tố dân tộc trong con người Việt Nam, dù là nhỏ nhất, trong những hoàn cảnh éo le nhất, chỉ trừ bọn cố tình phản bội lại Tổ quốc.

Với Hồ Chí Minh, đoàn kết để phát huy cao độ tinh thần dân tộc không dừng lại ở chủ trương, chính sách, ở những lời tuyên truyền mà còn phải được thể hiện bằng những hành động cụ thể, việc làm thiết thực, được thúc đẩy bởi những động cơ về bổn phận và trách nhiệm bản thân đối với dân tộc, nhằm mang lại ích lợi cho dân tộc, cho nhân dân. Những hành động đó mới chính là sự biểu đạt trung thực, thuyết phục nhất cho chủ nghĩa dân tộc chân chính. Để biến tư tưởng, truyền thống thành hành động “ích quốc, lợi dân”, Hồ Chí Minh đã phát động các phong trào thi đua, đặc biệt phải kể đến phong trào thi đua yêu nước mà Người đã ra Lời kêu gọi vào ngày 11/6/1948. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Thi đua là một cách yêu nước thiết thực và tích cực... Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất” [170, tr.406-407]. Thi đua ái quốc là gì? “Là ai nấy đều gắng làm nhanh, làm tốt, làm đẹp, không kể công việc của mình thuộc về đời sống vật chất hay tinh thần, không kể mình hoạt động ở hậu phương hay tiền tuyến, cốt sao lợi cho nước nhà mà mình tiến bộ. Nước nhà đang kháng chiến và kiến quốc, mục đích thi đua ái quốc là làm sao cho kháng chiến mau thắng lợi, kiến thiết chóng thành công” [42, tr.71]. Mục đích của thi đua là nhằm: “diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm” [168, tr.556], đó là chất keo liên kết mọi giai tầng, mọi hạng người. Điều đặc biệt là Hồ Chí Minh gắn phong trào thi đua với những công việc hàng ngày, rất đời thường của mỗi người, nhưng được làm với tinh thần yêu nước, trách nhiệm, tận tâm, tận lực, tạo nên năng suất, chất lượng và hiệu quả của công việc:

“Các cụ phụ lão thi đua đốc thúc con cháu hăng hái tham gia mọi công việc,
 Các cháu nhi đồng thi đua học hành và giúp việc người lớn,
 Đồng bào phú hào thi đua mở mang doanh nghiệp,
 Đồng bào công nông thi đua sản xuất,
 Đồng bào trí thức và chuyên môn thi đua sáng tác và phát minh,
 Nhân viên Chính phủ thi đua tận tụy làm việc, phụng sự nhân dân,
 Bộ đội và dân quân thi đua giết cho nhiều giặc, đoạt cho nhiều súng”
 [168, tr.557].

Với quan điểm sâu sắc đó, tất cả mọi người, ở các địa vị, hoàn cảnh khác nhau vẫn có thể tham gia vào phong trào thi đua và đều xứng đáng được tôn vinh là những người yêu nước.

Tư duy biện chứng của Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ, Người lấy yêu nước, lấy lợi ích, sự phồn vinh của dân tộc làm động lực để phát động, thúc đẩy phong trào thi đua, đồng thời, qua phong trào thi đua, để bồi dưỡng, nâng cao lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Bởi vì chỉ có qua thi đua, với kết quả cụ thể thì mới bộc lộ tinh thần yêu nước, làm cho tinh thần “yêu nước phải tỏ ra trong công việc thực tế”, bằng những hành động thiết thực, cụ thể trong lao động, sản xuất và chiến đấu. Yêu nước - thứ của quý - không thể cất giấu trong rương, trong hòm mãi mà phải được đưa ra trưng bày, phải được thực hành vào công việc kháng chiến, kiến quốc làm cho lợi nước, lợi dân. Nhờ có thi đua mà trước kia, ai lo việc nấy, nên giữa các giai cấp, các đối tượng dân chúng khác nhau tình cảm chưa được gắn bó. Nhưng qua thi đua, mọi người cảm thấy cần nhau, gần gũi nhau hơn trong tiến trình cách mạng. Một tấm gương sáng trong thi đua cũng sẽ lôi cuốn nhiều người trong dòng chảy của cả dân tộc, tạo nên một cộng đồng thống nhất ý chí, mục tiêu, lợi ích. Qua đó, có thể thấy thi đua yêu nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang tính triết lý sâu sắc, mang đậm dấu ấn chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh. Bởi vì, xuất phát từ yêu nước, Hồ Chí Minh khởi xướng phong trào thi đua yêu nước và chính phong trào thi đua yêu nước đã khơi dậy và huy động sinh khí của toàn dân tộc, tạo ra một động lực mạnh mẽ thúc đẩy phong trào cách mạng, giúp công cuộc cách mạng giành được nhiều thắng lợi.

Để phát huy được tối đa sức mạnh dân tộc, thì đại đoàn kết phải trở thành một chiến lược cách mạng, trở thành khẩu hiệu hành động của toàn dân tộc. Quan trọng hơn, nó phải biến thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất có tổ chức. Để làm được điều đó, Hồ Chí Minh đã chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất. Mặt

trận dân tộc thống nhất thực hiện sự liên minh chặt chẽ giữa các thành phần khác nhau trong toàn dân tộc dựa trên cơ sở gắn kết chặt chẽ lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của từng thành viên tạo thành khối sức mạnh cộng đồng vững chắc. Phát biểu tại Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh - Liên Việt (3/1951), Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong Đại hội này, chúng ta có đại biểu đủ các tầng lớp, các tôn giáo, các dân tộc, già có, trẻ có, nam có, nữ có, thật là một gia đình tương thân tương ái. Chắc rằng sau cuộc Đại hội, mối đoàn kết thân ái sẽ phát triển và củng cố khắp toàn dân” [170, tr.48]. Như vậy, Mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức để tập hợp quần chúng một cách rộng rãi nhất. Mặt trận không chỉ là điểm thu hút, tập hợp, đoàn kết các giai tầng, cá nhân yêu nước thành một khối thống nhất để đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn là nơi hội tụ, tập trung sức mạnh toàn dân tộc để xây dựng chế độ xã hội mới. Tại lớp bồi dưỡng cán bộ về công tác Mặt trận, Người nói: “Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân, động viên lực lượng của nhân dân, để phấn đấu hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà” [176, tr.453].

Để cho Mặt trận xứng đáng là ngọn cờ phát huy sức mạnh của lực lượng quần chúng trong phong trào cách mạng, Hồ Chí Minh luôn chỉ đạo thực hiện đúng đắn những vấn đề cốt yếu trong tổ chức và hoạt động như: Nguyên tắc hoạt động; cơ cấu tổ chức; cương lĩnh, chương trình hành động, v.v... Các tổ chức thành viên của Mặt trận cũng được Người quan tâm xây dựng, rèn luyện, bồi dưỡng để góp phần vào công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Để Mặt trận phát huy hiệu quả trong công tác vận động, tập hợp quần chúng, Hồ Chí Minh chỉ ra nhiệm vụ phải xây dựng cơ chế hoạt động phù hợp giữa Mặt trận với Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Hồ Chí Minh yêu cầu Mặt trận phải có cương lĩnh thật rõ ràng, vững chắc, rộng rãi và thiết thực, đồng thời Mặt trận phải xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - lao động trí óc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ. Mặt trận Dân tộc thống nhất và các thành viên của nó phải đoàn kết thực sự, phải trên lập trường thân ái để giúp nhau cùng tiến bộ, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thông qua hoạt động của các tổ chức thành viên của Mặt trận, và lực lượng nòng cốt trong Mặt trận sẽ tạo ra “liều thuốc” để ngăn chặn biểu hiện gây mất đoàn kết, tạo ra cơ sở để quy tụ trí tuệ, tập hợp sức mạnh nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng.

Nhờ đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất một cách rộng rãi, lòng yêu nước, nghĩa đồng bào, tình nhân ái, tinh thần đoàn kết dân tộc được đánh thức, hun đúc và trở thành sức mạnh vật chất vô cùng to lớn. Hồ Chí Minh đã tập hợp toàn thể dân tộc Việt Nam không phân biệt một ai, không trừ một ai, hễ là người yêu nước, “có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân” [172, tr.244] vào một khối thống nhất, kể cả trước đây những con người đó có phạm sai lầm: “tôi thiết tha kêu gọi những đồng bào vì một cơ gì mà lầm đường lạc lối hãy kịp trở về với Tổ quốc” [168, tr.249]. Người luôn mở lòng “khoan hồng đại độ”, “dùng tình thân ái để cảm hóa họ”, đưa họ về với chính nghĩa của dân tộc. Điều này xuất phát từ niềm tin vào nhân dân, tin rằng đã là người Việt Nam “Ai cũng có lòng yêu nước, chẳng qua có lúc vì lợi nhỏ mà quên nghĩa lớn” [167, tr.471], đó chính là chiều sâu nhân văn của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Như vậy, trên hành trình tìm đường cứu nước, cứu dân ra khỏi nỗi đau nô lệ, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam, đó là sức mạnh đại đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Trong đó, đại đoàn kết toàn dân tộc là nội lực quan trọng bậc nhất, quyết định đến mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Do đó, Người đặc biệt chú trọng tuyên truyền, vận động, tập hợp, đưa quần chúng nhân dân vào các tổ chức yêu nước, từ đó hình thành nên Mặt trận Dân tộc thống nhất - tổ chức liên minh chính trị tự nguyện, bao gồm các đảng phái, giai cấp, tầng lớp, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, tôn giáo, trí thức yêu nước, đoàn kết thống nhất, phấn đấu vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, có thể sánh vai với các cường quốc năm châu.

3.5. NỘI DUNG CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỀ QUAN HỆ QUỐC TẾ

3.5.1. Yếu tố dân tộc, tính dân tộc thể hiện trong xác lập mục tiêu của quan hệ quốc tế

Đối với một dân tộc nhỏ lại phải đối đầu với các kẻ thù mạnh và thâm độc thì việc làm cho nước mình ít kẻ thù hơn hết và nhiều bạn đồng minh hơn hết càng trở nên cấp thiết. Vì vậy, ngay từ những ngày đầu gây dựng phong trào cách mạng, Hồ Chí Minh đã gắn cách mạng Việt Nam với xu thế của cách mạng thế giới: “Cách mệnh An Nam là bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của nhân dân An Nam cả” [165, tr.329]. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Sức mạnh,

sự vĩ đại và sự bền bỉ của nhân dân Việt Nam cơ bản là ở sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam và sự ủng hộ của nhân dân thế giới” [178, tr.675].

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Người tham gia vào các phong trào chính trị, nhưng theo một nguyên tắc bất di bất dịch: Ủng hộ và tham gia vào các tổ chức chính trị nào bên vực Tổ quốc mình. Theo nguyên tắc ấy, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, vì theo Người, đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bên vực nước ta, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại Cách mạng Pháp là “Tự do, bình đẳng, bác ái”. Khi cần nhắc vấn đề có ủng hộ Quốc tế Cộng sản hay không, Người cũng xuất phát từ quyền lợi của Tổ quốc: Người đặt ra câu hỏi: “Ai khẳng định rõ ràng là mình đoàn kết với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức? thì người ta trả lời: Quốc tế thứ ba. Rồi một đồng chí đưa cho tôi đọc Luận cương về các vấn đề thuộc địa và dân tộc của Lênin vừa đăng trên báo Nhân đạo... Từ đó, tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lênin” [178, tr.584]. Sau này Người nhắc lại: “Cộng sản có hại cho đế quốc tức là có lợi cho ta; Liên Xô là kẻ thù của thực dân tức là anh em của các dân tộc bị áp bức” [164, tr.570].

Trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, một mặt, Người nhấn mạnh phải đem sức ta mà giải phóng cho ta, mặt khác Người kêu gọi phải tăng cường sự đoàn kết, giúp đỡ, phối hợp nhịp nhàng cuộc đấu tranh của vô sản ở chính quốc với vô sản ở thuộc địa, như hai cái cánh của một con chim. Trong lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn, Người luôn luôn nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở chính quốc. Người giải thích: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt bỏ cả hai vòi” [164, tr.320]. Nguyễn Ái Quốc kêu gọi giai cấp công nhân các nước phương Tây phải đẩy mạnh việc ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa. Trong bài phát biểu tại Đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản, Người nói: “Tất cả các đồng chí đều biết rằng, hiện nay nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các nước thuộc địa hơn là ở chính quốc... Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng” [164, tr.296]. Trong thời gian ở nước ngoài, Người đã tham gia tích cực phong trào cách mạng của công nhân Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc..., từng bước xây dựng nhiều tổ chức quốc tế như: Hội liên hiệp thuộc địa (1921), Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông (1925). Người hoạt động tích cực trong Đảng cộng sản Pháp, Quốc tế III, các quốc tế Nông dân, tiếp

xúc với nhiều chính khách, các nhà hoạt động xã hội..., tất cả đều hướng vào mục tiêu tăng cường thêm bạn bè cho cách mạng Việt Nam. Người kêu gọi nhân dân các nước: “Chúng tôi yêu cầu các bạn giúp đỡ chúng tôi trong nhiệm vụ đó, vì các bạn và chúng tôi, chúng ta cùng chung một lợi ích... Mỗi quan hệ giữa chúng tôi với các bạn sẽ là những mối quan hệ đoàn kết và liên minh” [164, tr.484]. Trong *Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa*, Người nêu: “Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay vẫn dùng cái chính sách quỷ quyệt ấy, giai cấp tư sản ở nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn... các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại” [165, tr.139]. Từ đây, Người đã đặt nền móng cho tình đoàn kết, tạo sự gắn bó chặt chẽ hơn giữa phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới. Hồ Chí Minh quan tâm hơn hết đến sự đoàn kết với các dân tộc thuộc địa, các nước đang đấu tranh giành độc lập dân tộc. Người thẳng thắn chỉ ra rằng: “Nếu các đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu các đồng chí không đoàn kết với các dân tộc thuộc địa, thì các đồng chí làm cái thứ cách mạng gì?” [175, tr.471]. Hồ Chí Minh cũng hết sức coi trọng và mở rộng hợp tác toàn diện với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Người chủ trương gắn sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam với xu thế thời đại và vạch ra một định hướng mới trong quan hệ quốc tế: Ai làm cách mạng đều là đồng chí của ta... Hồ Chí Minh dùng tình cảm chân thành theo tình thần vừa là đồng chí vừa là anh em, thủy chung son sắt trong giao tiếp, đối xử với nhau.

Trên tinh thần đó, Người đã từng bước mở rộng đoàn kết quốc tế trên cơ sở Việt Nam muốn “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ” [168, tr.256] và gắn cuộc đấu tranh của nhân dân ta với xu hướng thời đại, tạo dựng một lực lượng rộng rãi, bao gồm nhiều tầng lớp nhân dân, xu hướng chính trị, xã hội và tôn giáo khác nhau ủng hộ sự nghiệp chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Người cũng đề cao việc đoàn kết với các nước láng giềng, các nước bạn; các nước lớn, có tiềm lực kinh tế và khoa học - kỹ thuật, có vị trí và vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế; những nước đã có quan hệ trong lịch sử, thuận lợi cho việc hiểu biết về điều kiện tự nhiên, xã hội của đất nước và tâm lý, tính cách, khả năng của con người Việt Nam; và các đối tác khác trên thế giới.

Để hướng tới một mặt trận thống nhất hành động phục vụ cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam, trong bối cảnh có sự chuyển hóa lực lượng phức tạp, Chủ tịch

Hồ Chí Minh cho rằng ta cần “có chính sách đúng đắn, phải làm sao vui lòng được mọi người, làm vui lòng được từ người bình nhất, bình nhì. Tuy không được lòng họ 100% nhưng không được làm mất lòng ai 100%, vì cách mạng của ta phải dựa vào họ giúp đỡ. Ta phải luôn giúp đỡ họ và mong cho tất cả đều đoàn kết” [178, tr.63].

Mục đích là cốt tranh thủ nhiều người ủng hộ cuộc đấu tranh cứu nước của ta, nhưng không phải là sự giúp đỡ một chiều. Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế; vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà và sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế; thực hiện các mục tiêu cách mạng của thời đại.

Theo Hồ Chí Minh, muốn tăng cường đoàn kết hướng đến mục tiêu chung, các Đảng Cộng sản phải kiên trì chống lại mọi khuynh hướng sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, những biểu hiện sô vanh, những khuynh hướng làm suy yếu sức mạnh đoàn kết, thống nhất các lực lượng cách mạng thế giới. Để làm được điều đó, cần tiến hành một cách có hiệu quả việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản cho nhân dân mỗi nước.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh không chỉ phát huy triệt để sức mạnh chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc trong đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc mình mà còn hoạt động không mệt mỏi để củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới đấu tranh cho những mục tiêu chung của thời đại: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người cho rằng, Đảng Cộng sản phải lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh: chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội II (1951), Người chỉ rõ: “Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế” [170, tr.39]. Sau này, Người nói rõ hơn: “Tinh thần yêu nước là kiên quyết giữ gìn quyền độc lập, tự do và đất đai toàn vẹn của nước mình. Tinh thần quốc tế là đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để giữ gìn hòa bình thế giới, chống chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của đế quốc” [171, tr.272]. Đồng thời, Người cũng nêu cao tinh thần quốc tế trong hoạt động ngoại giao, trong *Báo cáo tại Hội nghị chính trị đặc biệt* (3/1964), Hồ Chí Minh khẳng định: “kiên quyết ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc; ủng hộ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới vì

hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội” [177, tr.283]. Trong đó, Người coi trọng, mở rộng hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Người đặc biệt quan tâm đến việc đoàn kết, giúp đỡ cách mạng Lào và Campuchia: “Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cũng kháng chiến. Bọn thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là kẻ thù của ta và của dân tộc Miên, Lào. Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào; và tiến đến thành lập Mặt trận thống nhất các dân tộc Việt - Miên - Lào” [170, tr.40], bởi “giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình” [171, tr.105]. Trên thực tế, dưới sự góp phần khởi xướng và cổ vũ của Hồ Chí Minh, ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia đã đoàn kết, hình thành liên minh chiến đấu vì nền độc lập, tự do của mỗi nước trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng, hợp tác trên tinh thần anh em, tôn trọng ý nguyện tự do, độc lập và phong tục tập quán của nhau. Thái độ sô vanh nước lớn, dân tộc hẹp hòi, vị kỷ là hoàn toàn xa lạ với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Như vậy, tư tưởng về quan hệ, hợp tác quốc tế của Hồ Chí Minh luôn kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản để cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại. Bởi lẽ, chúng ta không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các dân tộc khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

3.5.2. Yếu tố dân tộc, tính dân tộc thể hiện trong xác lập nguyên tắc của quan hệ quốc tế

Để đạt được mục đích của mỗi dân tộc cũng như đi đến hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc mà không bị chệch hướng, trong quan hệ quốc tế cần phải xác định và thực hiện các nguyên tắc. Với tư cách là người đứng đầu nhà nước, Hồ Chí Minh đã đưa ra các nguyên tắc trong quan hệ quốc tế của Việt Nam vừa đảm bảo lợi ích dân tộc, vừa mở rộng được khối đoàn kết quốc tế:

- Hợp tác trên cơ sở tự nguyện, tôn trọng lẫn nhau

Trong quan hệ quốc tế, Hồ Chí Minh đề cao nguyên tắc tự nguyện, đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Người đề nghị, việc thực hiện đoàn kết phải dựa “trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, ra sức ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau, tự nguyện cùng nhau phấn đấu” [175, tr.721]. Người hoàn toàn tán đồng và nhắc lại lời dạy của Lênin: “Không có sự cố gắng tự nguyện của giai cấp vô

sản và sau đó là của toàn thể quần chúng lao động tất cả các nước và các dân tộc trên thế giới, hướng tới sự liên minh và thống nhất với nhau, thì việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản không thể nào hoàn thành có kết quả được” [174, tr.175]. Ngay cả đối với thực dân Pháp, trong *Thư gửi nhân dân Pháp* (9/1946), Người nêu rõ lập trường của Việt Nam: “Chúng tôi muốn sự hợp tác giữa hai dân tộc phải là tự nguyện, trung thực và hữu nghị” [167, tr.361]. Theo Người, hợp tác quốc tế chỉ có thể xây dựng trên cơ sở tự nguyện và tôn trọng lẫn nhau, trong đó tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ là yếu tố then chốt, là nguyên tắc bất di bất dịch.

Ngày 31/5/1946, trước khi lên đường sang nước Pháp, Người nhấn nhủ lại với cụ Huỳnh Thúc Kháng một phương châm, cũng là nguyên tắc ngoại giao của Hồ Chí Minh và Nhà nước ta: “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Điều “bất biến” ở đây là lợi ích dân tộc, mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình đấu tranh: “muốn làm gì cũng cần vì lợi ích của dân tộc mà làm” [200, tr.112]. Độc lập, đó là cơ sở, là căn cứ, là nguyên tắc, là vấn đề không nhượng bộ khi đặt quan hệ ngoại giao với bất kỳ nước nào. Khi đàm phán với kẻ thù, Hồ Chí Minh luôn giữ nguyên tắc bất biến là: độc lập thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của nhân dân, quyền cơ bản của dân tộc, đó là những thứ không thể nhượng. Hồ Chí Minh khẳng định: “Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt” [171, tr.555].

Ngay từ khi đất nước giành được độc lập Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ lâm thời tuyên bố: “chúng tôi - Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới - đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam” [167, tr.3].

Tháng 10/1945, Hồ Chí Minh nêu rõ quan điểm của Chính phủ nước ta: “Chính phủ ta buộc Pháp phải công nhận nền độc lập của nước ta. Được thế, về vấn đề khác cũng có thể giải quyết dễ dàng” [167, tr.47].

Ngay trong kỳ họp đầu tiên, Quốc hội khóa I đã đưa ra Tuyên ngôn:

“Chủ quyền của nước Việt Nam độc lập thuộc về toàn thể nhân dân Việt Nam. Vận mệnh quốc gia Việt Nam là ở trong tay Quốc hội Việt Nam,

chính thể của nước Việt Nam là chính thể dân chủ cộng hòa, có nhiệm vụ bảo vệ tự do và mưu đồ hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân...

Quốc hội Việt Nam kiên quyết bảo vệ đến cùng nền độc lập và lãnh thổ của quốc gia và quyền tự do của nhân dân Việt Nam.

Quốc hội Việt Nam ra lệnh cho toàn thể quốc dân tận lực chống giữ giang sơn và xây dựng lại Tổ quốc để dân tộc Việt Nam tiến nhanh tới vinh quang, cường thịnh” [259, tr.76].

Trong quan hệ ngoại giao với các nước khác, Hồ Chí Minh nêu cao tinh thần sẵn sàng hợp tác trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau: “Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây đắp dân chủ thế giới” [169, tr.311]. Như vậy, nhằm thêm bạn, bớt thù và tập hợp lực lượng bên ngoài, nhân nhượng nhau là cần thiết nhưng trên nguyên tắc là không nhượng bộ vấn đề độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Nhân dân Việt Nam luôn giữ thái độ hòa bình, thân thiện với tất cả các nước tôn trọng quyền độc lập, đồng thời hoan nghênh, yêu mến và ghi ơn mọi sự ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam đấu tranh cho độc lập, tự do; mọi sự áp đặt, xâm phạm chủ quyền dân tộc đều bị chối từ, gạt bỏ. Điều này đã trở thành nguyên tắc trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam, như Hồ Chí Minh đã nói với André Blăngsê, phóng viên báo Le Monde, tháng 1/1946: “Chúng tôi đã sẵn sàng có nhiều điều nhân nhượng, nhất là về mặt kinh tế. Điều chúng tôi muốn có: các nhà giáo thì được, thầy tu thì không; là cộng tác viên, học trò thì được, là nô lệ thì không; giáo sư, nhà báo, bác sĩ, kỹ sư chúng tôi cần có nhiều nhưng không cần các viên quan cai trị nữa” [166, tr.114-115].

“Dĩ bất biến ứng vạn biến” còn là sự linh hoạt mềm dẻo trong sách lược nhưng cũng phải thể hiện thái độ kiên quyết và biết tận dụng mọi cơ hội để tấn công ngoại giao. Tháng 1/1947, trong thư gửi tướng Leclerc, Hồ Chí Minh thể hiện thái độ quyết tâm và kiên quyết trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam với Pháp “Chúng tôi đã nhất quyết ở trong khối Liên hiệp Pháp, cộng tác thành thực với nước Pháp và tôn trọng quyền lợi kinh tế, văn hóa Pháp trong nước chúng tôi. Nhưng chúng tôi cũng nhất quyết chiến đấu đến cùng cho độc lập và thống nhất quốc gia” [168, tr.65].

Như vậy, quan điểm về mở rộng quan hệ quốc tế trên cơ sở tự nguyện đồng thời tôn trọng lẫn nhau thể hiện sự cởi mở, linh hoạt, nhưng có nguyên tắc trong tư tưởng

ngoại giao Hồ Chí Minh. Điều này vừa phù hợp với truyền thống hòa hiếu của dân tộc, vừa đúng với luật pháp quốc tế. Nhờ vậy mà Người đã xử lý thành công nhiều tình huống ngoại giao, góp phần đưa Việt Nam từng bước tạo thế và lực làm thay đổi cục diện và nâng tầm vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Đoàn kết hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi

Trong quan hệ đối ngoại, Hồ Chí Minh luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, hữu nghị, hợp tác bình đẳng đôi bên cùng có lợi vì những mục tiêu chung, kết hợp đúng đắn giữa lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế.

Ngay từ năm 1919, với tinh thần của một người yêu nước nhiệt thành, trong bài viết “*Vấn đề dân bản xứ*”, Nguyễn Ái Quốc đã nêu luận điểm độc đáo: “Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường” [164, tr.14]. Hồ Chí Minh quan niệm, sự hiểu biết lẫn nhau và sự hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc là một trong những điều kiện và động lực thúc đẩy sự tiến bộ, văn minh của nhân loại nói chung và mỗi quốc gia, dân tộc nói riêng. Đó chính là sự hợp tác cùng có lợi.

Đối với dân tộc Việt Nam - một dân tộc nhỏ bé, trong bối cảnh đang bị chủ nghĩa thực dân thống trị, sự phối hợp đấu tranh cùng các dân tộc khác để giành độc lập dân tộc, tiến lên xây dựng xã hội mới văn minh, tiến bộ càng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Ngay từ những năm 20 thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, nằm trong quỹ đạo của phong trào cách mạng vô sản thế giới và nỗ lực hoạt động không ngừng để hiện thực hóa điều này.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Với vị thế mới của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện toàn thể nhân dân Việt Nam chính thức khẳng định một trong những quan điểm mang tính nguyên tắc trong quan hệ quốc tế là sẵn sàng hợp tác cùng có lợi: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt mọi quan hệ thân thiện hợp tác với bất cứ một nước nào trên nguyên tắc: tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng cùng có lợi, và chung sống hòa bình. Chúng tôi tin chắc rằng sự hợp tác đó sẽ có lợi cho cả đôi bên và có lợi chung cho công cuộc hòa bình toàn thế giới” [173, tr.12].

Đối với các nước có âm mưu thôn tính, Hồ Chí Minh thể hiện rõ thái độ thiện chí của Việt Nam. Tháng 12/1946, Hồ Chí Minh nói với người Pháp: “Người Việt và

người Pháp cùng tin tưởng vào đạo đức: Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Độc lập. Người Việt và người Pháp có thể và cần phải bắt tay nhau trong một sự nghiệp cộng tác bình đẳng, thật thà, để gây dựng hạnh phúc chung cho cả hai dân tộc” [167, tr.511]. Ngày 10/6/1947, trong thư gửi chủ tịch Léon Blum, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Tôi cho rằng chỉ có một chính sách phù hợp là chính sách mà chính Ngài đã đề ra trên báo Dân chúng (12/12/1946), một chính sách hữu nghị và tin tưởng lẫn nhau, dựa trên sự thống nhất và độc lập của Việt Nam trong liên hiệp Pháp. Vì lợi ích chung và tương lai của hai dân tộc chúng ta, tôi hi vọng các ngài sẽ cố gắng làm cho chính sách khôn ngoan và hào hiệp trước đó được thực hiện” [168, tr.174].

Đối với các nước có cùng hoàn cảnh bị xâm lược như Việt Nam, hợp tác cùng có lợi giữa các quốc gia, dân tộc trước hết là việc trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành quyền độc lập, tự do; là sự ủng hộ, giúp đỡ giữa các dân tộc thuộc địa với nhau và của các quốc gia, các dân tộc tiên bộ đối với các dân tộc thuộc địa, cả về tinh thần và vật chất. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), Hồ Chí Minh đã chỉ ra sức mạnh tiềm ẩn to lớn của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, nhưng một trong những nguyên nhân căn bản khiến các dân tộc ở các vùng này chưa phát huy được sức mạnh của họ chính là bởi họ chưa đoàn kết, hợp tác với nhau: “mặc dầu dân số của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa bao giờ ra sức tìm tòi thật đến nơi đến chốn con đường tự giải phóng, cho nên họ chưa hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Họ chưa có những mối liên hệ giữa các lục địa như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ” [165, tr.133]. Do vậy, muốn thành công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, các dân tộc thuộc địa không chỉ cần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc mà còn xây dựng tình đoàn kết với các dân tộc thuộc địa khác.

Hồ Chí Minh còn chỉ ra rằng, sự hợp tác cùng có lợi không chỉ được thực hiện giữa các quốc gia, dân tộc có cùng chế độ chính trị, mà còn có thể và cần phải được thực hiện giữa các quốc gia, các dân tộc khác biệt cả về kinh tế, văn hóa, đến chính trị, quân sự, nhằm mang lại lợi ích cho các bên và toàn thể nhân loại. Điều này xuất phát từ tính tất yếu của mối liên hệ, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, các dân tộc trên thế giới, nhất là trong những vấn đề mà một quốc gia hay dân tộc riêng lẻ không thể giải quyết được, như gìn giữ hoà bình, chống đói nghèo, chống nạn thất học, chống dịch bệnh v.v.. Do đó, dù các quốc gia, dân tộc có thể khác biệt nhau về chế độ chính trị, nhưng vẫn sẽ có điểm chung khi hợp tác cùng nhau, đó là cùng đạt được lợi ích, cùng phát triển. Sâu

xa hơn, điều này còn xuất phát từ tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh, luôn luôn mong muốn các quốc gia, các dân tộc trên thế giới hợp tác với nhau, không phân biệt màu da, ý thức hệ, để gìn giữ hòa bình và thúc đẩy sự tiến bộ, văn minh của toàn thể nhân loại.

Một trong những minh chứng sinh động cho quan điểm trên của Hồ Chí Minh là sự ủng hộ của Người với Phong trào Không liên kết và những nguyên tắc cơ bản của Phong trào, thường được gọi là Năm nguyên tắc chung sống hòa bình: Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; không xâm lược lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; bình đẳng và hai bên cùng có lợi; cùng tồn tại hoà bình. Rõ ràng, nội dung của những nguyên tắc này tương đồng với tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng về hợp tác cùng có lợi giữa các quốc gia. Tại dịp lễ quốc khánh Việt Nam năm 1955, Hồ Chí Minh tuyên bố: “trong quan hệ đối ngoại với các nước khác, chính sách của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rất trong sáng: Đó là một chính sách hòa bình và quan hệ tốt... Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của nhau, không xâm phạm, không can thiệp vào công việc nội bộ, bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chung sống hòa bình” [173, tr.113-114]. Trong ngoại giao, việc nêu cao nguyên tắc đoàn kết hữu nghị, hợp tác cùng có lợi là sự kết hợp đúng đắn giữa lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế, hợp lẽ phải, hợp đạo đức và luật pháp quốc tế.

- Tự lực cánh sinh, phát huy nội lực là chính

Trong khi định ra đường lối quốc tế và chiến lược ngoại giao cho cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh nhân tố bên trong, coi nhân tố bên trong là nhân tố quyết định. Chỉ trên cơ sở tự lực tự cường, phát huy hết sức mạnh dân tộc, không ngừng củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc bên trong, mới có thể tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, sự hợp tác rộng rãi của các lực lượng khác nhau bên ngoài, mở rộng đội ngũ bạn bè có lợi nhất cho việc thực hiện mục tiêu chiến lược cách mạng từng thời kỳ. Người đã chỉ ra rằng: “Độc lập của Việt Nam luôn luôn nhờ nơi lực lượng của Việt Nam” [169, tr.39]. Trong khó khăn cũng như lúc thuận lợi, Người thường nhắc: “muốn người ta giúp cho thì trước mình phải tự giúp mình đã”, “ta được các nước bạn giúp tức là có thêm điều kiện để tự lực cánh sinh, chứ vì bạn giúp ta nhiều mà đâm ra ỷ lại” [173, tr.144] và “Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng cho ta, để phát triển khả năng của ta” [173, tr.56-57].

Tăng cường sức mạnh dân tộc trở thành cơ sở hàng đầu để tranh thủ đồng minh, tránh sự áp đặt, chèn ép và tình trạng phụ thuộc vào đồng minh, nhất là các nước lớn: “Ta có mạnh thì họ mới chịu “đếm xia” đến. Ta yếu thì ta chỉ là một khúc củ trong tay

của kẻ khác, dầu kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy” [40, tr.244]. Vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh nêu cao khẩu hiệu: “Tự lực cánh sinh - dựa vào sức mình là chính” và Người chỉ rõ: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập” [170, tr.445].

Chủ trương “không lệ thuộc” được thể hiện rất rõ ràng trong đường lối đối ngoại của Người. Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh đã giúp Người giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Liên Xô - Trung Quốc về vấn đề cách mạng Việt Nam trong thập niên 60 thế kỷ XX, đảm bảo mối quan hệ cân bằng giữa Việt Nam - Liên Xô, Việt Nam - Trung Quốc trên cơ sở độc lập, tự chủ và ngăn chặn mọi âm mưu lợi dụng của đế quốc Mỹ.

Về thực chất, Hồ Chí Minh đã xác định đúng vị trí và giải quyết chính xác phép biện chứng về mối quan hệ giữa nhân tố bên trong và bên ngoài, giữa nội lực và ngoại lực trong giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cũng như xây dựng và phát triển đất nước; nhân tố bên trong, nội lực là chính, là quyết định; còn nhân tố bên ngoài, ngoại lực là rất cần thiết và quan trọng. Tư tưởng tự lực cánh sinh, “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” của Hồ Chí Minh đã thể hiện trên các phương diện về đường lối chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao của Việt Nam. Ý thức độc lập, tự cường, tự lực cánh sinh trong tư tưởng của Người đã dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Như vậy, nền tảng chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo tư tưởng Hồ Chí Minh là tinh thần độc lập, tự chủ của dân tộc thống nhất với tinh thần quốc tế chân chính. Nhờ chính sách ngoại giao vừa cứng rắn về nguyên tắc vừa mềm dẻo về sách lược, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đưa cách mạng giải phóng dân tộc tới thắng lợi hoàn toàn.

Tiểu kết chương 3

Hồ Chí Minh đã vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích xã hội Việt Nam, nhận thức được những mâu thuẫn trong lòng xã hội Việt Nam, đề ra đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam từ cách mạng giải phóng dân tộc đi lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, xác định đúng chủ thể, động lực của cách mạng Việt Nam, xây dựng hệ thống chính trị phù hợp với điều kiện của dân tộc, nguyện vọng của nhân dân.

Độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh được nâng lên một trình độ mới, một chất mới, với Người, độc lập dân tộc luôn gắn với giải quyết triệt để vấn đề giai cấp. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh hướng tới thực hiện một cuộc cách mạng giải phóng không ngừng ở Việt Nam, đi từ cách mạng giải phóng dân tộc nhằm đưa dân tộc ra khỏi xiềng xích nô lệ, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân nhằm đưa nhân dân lên vị thế là chủ, làm chủ và tiến tới xây dựng một chế độ xã hội mới tốt đẹp hơn - xã hội xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội trong quan niệm Hồ Chí Minh là chủ nghĩa xã hội hiện thực, được xây dựng trên mảnh đất của một quốc gia - dân tộc, gắn liền với đặc điểm lịch sử, truyền thống văn hóa và bản sắc dân tộc.

Vũ khí để giải phóng dân tộc, từ đó đi đến giải phóng con người chính là nội lực của dân tộc, lấy sức dân để giải phóng cho nhân dân, “đem tài dân, sức dân” để “làm lợi cho dân”. Người nhận thức rõ, cần phải đoàn kết nhân dân Việt Nam bằng nhiều hình thức khác nhau để bồi dưỡng và nâng cao sức dân, tập hợp, tổ chức và đưa nhân dân lên trường tranh đấu giành quyền độc lập cho cả dân tộc cũng đồng thời giành lại quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc là con đường đúng đắn, hiệu quả và nhân văn nhất.

Nhiệm vụ đưa dân tộc phát triển là nhiệm vụ chung của mọi người Việt Nam yêu nước và của mọi tổ chức chính trị hiện hữu trên đất nước Việt Nam. Tuy nhiên, yếu tố trước tiên là cần phải có một Đảng cách mạng chân chính có thể tập hợp, thu thập trí tuệ, sức mạnh của toàn dân tộc, với tư cách đại diện cho nguyện vọng, lương tâm, danh dự của cả dân tộc để lãnh đạo sự nghiệp giành độc lập dân tộc, mở đường cho đất nước phát triển. Cùng với đó là một nhà nước luôn lấy lợi ích của dân tộc làm nền tảng và thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để bảo vệ, chăm sóc cho lợi ích chính đáng của nhân dân. Các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh đều thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa tính dân tộc, tính giai cấp và tính nhân dân.

Hồ Chí Minh xuất phát từ chủ nghĩa dân tộc, nhưng không cô lập, vị kỷ chỉ quan tâm đến dân tộc mình. Hồ Chí Minh đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của cách mạng thời đại, gắn cuộc đấu tranh đòi độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam với cuộc đấu tranh vì hòa bình, công lý và chính nghĩa của tất cả các dân tộc và các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh mang bản chất của giai cấp công nhân, đồng thời, cũng mang tính quốc tế.

Chương 4

GIÁ TRỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được xem như là một hệ tư tưởng, triết lý về vấn đề dân tộc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam và được biểu hiện sinh động từ trong tư duy đến hoạt động chính trị thực tiễn của Người. Có thể nói rằng, hệ thống các luận điểm đúng đắn của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh cùng với những biểu hiện cụ thể trong hành động chính trị thực tiễn của Người có giá trị vô cùng to lớn, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận về chủ nghĩa dân tộc cũng như định hướng cho quá trình giải quyết vấn đề dân tộc trên thực tế. Theo đó, giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh có thể thấy được trên các phương diện cụ thể như sau:

4.1. GIÁ TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

4.1.1 Góp phần bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa dân tộc

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là sự kết hợp những yếu tố chủ quan của một con người thông minh, kiệt xuất với những điều kiện khách quan của gia đình, quê hương, đất nước, của các trào lưu tư tưởng tiến bộ trên thế giới. Sự kết hợp đó tạo nên bản lĩnh, cốt cách riêng của Hồ Chí Minh, giúp Người vượt qua sự hạn chế của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử; đưa dân tộc Việt Nam đi theo con đường giải phóng triệt để, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung, dân chủ, bản sắc dân tộc, khát vọng phát triển đất nước là những giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong dòng chảy lịch sử chính trị truyền thống Việt Nam, được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển, đã trở thành động lực vĩ đại của cách mạng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nên lực lượng vật chất để đưa cách mạng đến thành công, làm cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta trở thành sự nghiệp “văn minh chiến thắng bạo tàn” [178, tr.672]. Những giá trị đó đã kết tinh vào chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, Người xuất phát từ truyền thống văn hóa chính trị Việt Nam để nhận thức và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính nhờ chủ nghĩa dân tộc Việt Nam truyền thống mà

Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người cộng sản đầu tiên nhận thức đúng và đánh giá cao tiềm lực, sức mạnh của cách mạng thuộc địa ở phương Đông.

Tiếp xúc, nghiên cứu tư tưởng chủ nghĩa dân tộc phương Tây, Hồ Chí Minh đã tiếp thu những quan điểm về quyền tự nhiên của con người, quyền tự do, bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc; về chủ quyền nhân dân, và sự tồn tại của nhà nước - dân tộc chính là để phục vụ nguyện vọng của nhân dân mà không phải để áp đặt sự thống trị lên họ. Những chân lý lớn được nêu trong hai bản Tuyên ngôn bất hủ của cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ đã được Người tiếp thu và vận dụng sáng tạo vào cách mạng Việt Nam. Đồng thời, Người cũng kiên quyết chống lại những hành động đi ngược lại chính tuyên ngôn của họ.

Hồ Chí Minh am hiểu sâu sắc và đã có nhiều bài viết về phong trào cách mạng ở Ấn Độ dưới sự dẫn dắt của Găngđi, đặc biệt là tư tưởng bất bạo động của ông. Người đã rút ra nhiều bài học cho cách mạng Việt Nam từ con đường cách mạng của Găngđi và phong trào cách mạng ở Ấn Độ về tổ chức, về công tác tuyên truyền để mở mang dân tâm, về xây dựng khối đoàn kết để định ra đường lối cách mạng phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước mình. Tuy rất khâm phục Găngđi, nhưng Hồ Chí Minh nhận thấy phương pháp đấu tranh bất bạo động của Găngđi không phù hợp với điều kiện của Việt Nam - là thuộc địa của thực dân Pháp. Kẻ thù dùng bạo lực phi nghĩa để xâm chiếm, cai trị và đàn áp chúng ta, vì vậy quan điểm của Hồ Chí Minh là phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Người dành cho Tôn Trung Sơn sự kính trọng, cũng như thấy được sự phù hợp của những tư tưởng của ông với điều kiện và mục tiêu của cách mạng Việt Nam: “chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước chúng tôi” [238, tr.42]. Chủ trương “liên Nga, liên cộng, phù trợ công - nông”, giúp đỡ các dân tộc nhược tiểu, các tiêu chí của chủ nghĩa Tam dân là dân tộc độc lập; dân quyền tự do; dân sinh hạnh phúc cũng là khát vọng, là mục tiêu của dân tộc Việt Nam cũng như các dân tộc đang bị nô dịch trên toàn thế giới.

Lựa chọn đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã đặt lập trường tư tưởng và quan điểm chính trị của bản thân mình, và cả dân tộc mình hướng vào V.I.Lênin và Quốc tế thứ ba. Tiếp thu Luận cương, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã giải đáp được câu hỏi về con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam khi Người lựa chọn, xác lập con đường cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là con đường cách mạng vô sản, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa

xã hội với sự lãnh đạo của một đảng cộng sản chân chính. Việc chủ nghĩa Mác - Lênin đề cao quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc, bên vực cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa chính là cơ sở để Hồ Chí Minh đấu tranh cho đòi lại quyền dân tộc của một dân tộc thuộc địa cụ thể như Việt Nam.

Tìm hiểu, nghiên cứu cặn kẽ và tiếp thu những giá trị tư tưởng, lý luận về chủ nghĩa dân tộc của dân tộc Việt Nam và nhân loại. Hồ Chí Minh đã soi chiếu vào thực tiễn cách mạng Việt Nam để phát triển, làm phong phú, sâu sắc thêm những giá trị đó:

Bổ sung, phát triển lý luận về quyền dân tộc

Tiếp thu tư tưởng về nhân quyền của các quốc gia phương Tây, Hồ Chí Minh coi đó là quyền tự nhiên, thiêng liêng, là lẽ phải không ai chối cãi được. Tuy nhiên, chân lý này đúng nhưng chưa đủ đối với các dân tộc thuộc địa nơi mà quyền dân tộc bị tước đoạt. Vì vậy, trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã xuất phát từ giá trị nhân văn cao cả, mang tính phổ quát nhân loại về những quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong hai bản Tuyên ngôn bất hủ của cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ. Từ quyền con người, Hồ Chí Minh nâng lên thành quyền dân tộc, từ việc lấy quyền con người làm nền tảng, Hồ Chí Minh khẳng định đó là quyền tự nhiên, thiêng liêng, bất khả xâm phạm, là “lẽ phải không thể chối cãi được” của tất cả các dân tộc. Hồ Chí Minh đã đấu tranh đòi nhân quyền cho cả dân tộc, quyền độc lập, quyền bình đẳng, quyền tự quyết, quyền được sống trong độc lập, tự do của tất cả con người thuộc về dân tộc đó. Không chỉ đấu tranh cho dân tộc mình, dựa trên nền tảng pháp lý về quyền tự nhiên, Hồ Chí Minh đã đấu tranh đòi quyền độc lập cho tất cả các dân tộc đang bị áp bức trên thế giới: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [167, tr.1]. Giáo sư Singô Sibata (Nhật Bản) đã viết:

“Cống hiến nổi tiếng của Cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát hiện quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình và tất cả mọi dân tộc đều có thể và cần phải thực hiện nền độc lập tự chủ. Sự khẳng định này gắn liền với những cống hiến lý luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa, và có được điều đó là do Cụ Hồ Chí Minh đã nhận thức đầy đủ những đặc thù dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc” [196, tr.240].

Với *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh đã đặt nền tảng cho một trật tự và pháp lý quốc tế mới về quyền dân tộc và sự bình đẳng giữa các quốc gia - dân tộc. 15 năm

sau khi *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được công bố, Liên hợp quốc đã có Tuyên ngôn trao trả độc lập cho các dân tộc thuộc địa (1960), và phải 10 năm sau đó nữa (1970) Liên hợp quốc mới có Nghị quyết đề thi hành Tuyên ngôn năm 1960. Năm 1966, quyền độc lập và quyền tự quyết dân tộc cũng đã được ghi nhận tại Điều 1 của Hiệp ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội. Như vậy, việc ghi nhận các quyền dân tộc, gắn liền quyền dân tộc với quyền dân chủ là đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh với sự phát triển của tư tưởng chính trị Việt Nam và thế giới.

Bổ sung, phát triển quan điểm về chủ nghĩa dân tộc chống thực dân, giải phóng dân tộc thuộc địa

Chủ nghĩa dân tộc chống thực dân đã xuất hiện ngay từ khi chủ nghĩa đế quốc tiến hành những cuộc xâm lược đối với các dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ latin. Tuy nhiên, những năm đầu thế kỷ XX, cuộc đấu tranh của hầu hết các quốc gia - dân tộc thuộc địa với nhiều hình thức khác nhau đều thất bại. Thực tế đó đòi hỏi phải có một con đường để giải quyết vấn đề dân tộc thuộc địa khi con đường của Mahatma Găngđi không thể phù hợp với các dân tộc thuộc địa của Pháp. Trong lúc đó, Hồ Chí Minh đã đưa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa theo con đường cách mạng vô sản, chủ nghĩa dân tộc theo khuynh hướng mácxít. Đó là sự kết hợp của chủ nghĩa chống thực dân với chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa dân tộc hướng tới chủ nghĩa xã hội đã tạo ra động lực và sức lan tỏa rộng rãi với các phong trào đấu tranh mạnh mẽ. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam và đấu tranh cho độc lập, tự do, dân chủ, hòa bình thế giới, Hồ Chí Minh đã có nhiều luận điểm sáng tạo, bổ sung vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, cũng như đóng góp những giải pháp để giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc ở các dân tộc thuộc địa:

Thứ nhất, nhận thức đúng về nhiệm vụ và vai trò của cách mạng thuộc địa. Trong quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, vấn đề dân tộc phải đặt sau vấn đề giai cấp và cách mạng giải phóng dân tộc không thể giành thắng lợi nếu không có sự giúp đỡ, hỗ trợ, đặc biệt là thắng lợi của giai cấp vô sản chính quốc (Mác có dự báo về khả năng thắng lợi trước của cách mạng thuộc địa nhưng chưa được kiểm chứng). Lúc bấy giờ, đảng cộng sản ở các nước tư bản phát triển chủ trương làm cách mạng vô sản nên thường nhấn mạnh đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Trong khi đó, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng xem xét tình hình thực tiễn ở các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đã cho rằng, nhiệm vụ đặt ra cho cách mạng thuộc địa không phải là làm

ngay một cuộc cách mạng vô sản như các nước tư bản, Người phê phán quan điểm giáo điều về đấu tranh giai cấp: “nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng” [168, tr.312]. Hồ Chí Minh cho rằng, đối với các nước thuộc địa, trước hết phải tiến hành đấu tranh giành độc lập dân tộc; có độc lập dân tộc rồi, mới có điều kiện để giải phóng giai cấp.

Đặc biệt, Hồ Chí Minh thấy được tính chủ động sáng tạo và khả năng giành thắng lợi trước của cách mạng giải phóng dân tộc so với cách mạng vô sản chính quốc. Người phát hiện: “nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc” [164, tr.296], Hồ Chí Minh nhận thức rõ sự bóc lột, áp bức ở các thuộc địa nặng nề hơn, mâu thuẫn giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột ở các thuộc địa gay gắt hơn mâu thuẫn đó ở chính quốc. Người nhận định: “Lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi - cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào - thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu những người bản xứ” [164, tr.352]. Chính sự áp bức và bóc lột tàn khốc, vô nhân đạo của chủ nghĩa đế quốc đã làm cho nhân dân các nước thuộc địa hiểu rằng muốn sống thì phải làm cách mạng. Người viết: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn” [164, tr.48]. Hơn nữa, Người còn phát hiện sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc gồm chủ nghĩa yêu nước chân chính và tinh thần dân tộc, trở thành động lực thúc đẩy các phong trào đấu tranh của nhân dân thuộc địa. Vì vậy, Người kêu gọi nhân dân thuộc địa: “Hỡi anh em ở các thuộc địa... Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em” [165, tr.137-138]. Với thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam cũng như phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã thành công, trong khi cách mạng vô sản ở chính quốc chưa nổ ra và thắng lợi đã chứng minh luận điểm trên của Hồ Chí Minh là sáng tạo và đúng đắn. Điều đó cho thấy, không có một con đường cứu nước định sẵn, mà phải tiếp thu và phát triển sáng tạo những giá trị lý luận cách mạng của thời đại để xây dựng một đường lối cách mạng phù hợp với thực tế dân tộc.

Thứ hai, bổ sung quan điểm về tập hợp lực lượng, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc. Vấn đề đoàn kết không phải là vấn đề mới đối với cả lịch sử dân tộc Việt Nam và lý luận cách mạng thế giới. Các bậc cha ông ta đã dựng xây và vun đắp truyền thống ấy để làm nên những thắng lợi to lớn trong lịch sử của dân tộc. Và các bậc tiền bối như Mác, Ăngghen, V.I.Lênin cũng đã bàn về đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Tuy vậy, truyền thống đoàn kết của dân tộc thiếu một lý luận soi đường trong thời đại mới khi mà cả dân tộc phải đương đầu với những cường quốc đế quốc hơn chúng ta một bậc về phương thức sản xuất, lớn mạnh hơn nhiều về kinh tế, phương tiện chiến tranh. Trong khi đó, chủ nghĩa Mác - Lênin lại chưa có đầy đủ cơ sở thực tiễn từ một dân tộc thuộc địa phương Đông đang khát khao đấu tranh giành lại độc lập, tự do. Hồ Chí Minh đã bổ sung những điều còn thiếu trong truyền thống dân tộc và cả lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về đại đoàn kết dân tộc.

Chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh khác biệt so với chủ trương đoàn kết trong truyền thống đó là Người chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, lấy liên minh công - nông - trí làm nền tảng. Trong khi đó, điểm khác biệt giữa quan điểm của Hồ Chí Minh với các nhà mácxít khác là Người nhìn thấy sức mạnh của toàn dân tộc, chứ không phải từ hai lực lượng chủ yếu là công nhân - nông dân. Đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đại đoàn kết toàn dân, không phân biệt giai cấp, giới tính, sắc tộc, tôn giáo, tuổi tác, đảng phái. Trong lực lượng toàn dân tộc đó, Người đã đánh giá đúng vị trí, vai trò, thái độ cách mạng của mỗi giai cấp, tầng lớp, thành phần trong xã hội để tiến hành “phân tầng” và có những biện pháp tập hợp lực lượng phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ.

Hồ Chí Minh cũng đã có cống hiến to lớn vào lý luận về phương thức tập hợp khối đại đoàn kết dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin là xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất. Đây là vấn đề mà trong thời đại của mình, Mác, Ăngghen, Lênin chưa có điều kiện để quan tâm đầy đủ và hình thành một tổ chức mặt trận trên thực tế. Quốc tế Cộng sản đã từng có chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít, tuy nhiên, Mặt trận nhân dân mới chỉ dừng lại ở việc thống nhất hành động của một số đảng phái, chưa đạt tới quy mô và phạm vi toàn dân tộc như Hồ Chí Minh đã đề ra và thực hiện ở Việt Nam. Đây chính là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp giữa lý luận cách mạng của thời đại với truyền thống của dân tộc nhưng luôn được bổ sung, sáng tạo bởi tư duy chính trị sắc sảo của một nhà tư tưởng lỗi lạc.

Thứ ba, sáng tạo trong xác định con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một dân tộc hậu thuộc địa. Học hỏi mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội từ các nước khác, nhưng với tinh thần vận dụng, sáng tạo phù hợp với điều kiện của dân tộc mình, Hồ Chí Minh khẳng định: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội” [173, tr.391]. Nước Nga đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội từ xã hội tư bản phát triển trung bình, trong khi đó, Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một dân tộc vốn là thuộc địa, có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lại bị chiến tranh tàn phá, đất nước còn tạm thời chia làm hai miền. Lần đầu tiên, Hồ Chí Minh cùng với Đảng đã chủ trương tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược “Vừa chống Mỹ cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội” ở hai miền Nam, Bắc. Chủ trương đúng đắn và sáng tạo này của Hồ Chí Minh đã được Giáo sư Singô Sibata (Nhật Bản) đánh giá: “Một trong những cống hiến rất quan trọng của cụ Hồ Chí Minh và của Đảng Lao động Việt Nam là đã đề ra lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khi vẫn tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân. Theo tôi được biết, Đảng Lao động Việt Nam là đảng đầu tiên trong các đảng mácxít trên thế giới áp dụng lý luận này... Lý luận về chủ nghĩa xã hội là một trong những viên ngọc quý nhất được khám trong các tác phẩm của Người” [191, tr.62].

Bổ sung, sáng tạo những luận điểm đề cao tính dân tộc, yếu tố dân tộc trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị

Có thể nói, chính yếu tố dân tộc, tinh thần dân tộc ngấm sâu vào tâm lý, tư tưởng của Hồ Chí Minh đã giúp Người nhìn nhận một cách thấu đáo sự khác biệt giữa bối cảnh của các nước phương Tây, cơ sở xã hội của học thuyết Mác - V.I.Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam nói riêng và các dân tộc bị áp bức ở Á Đông nói chung.

Đối với nhà nước, Hồ Chí Minh không bê “nguyên xi” một mô hình nhà nước cụ thể nào áp dụng vào nước ta, Người lựa chọn những nét đặc sắc, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Người không xây dựng mô hình nhà nước công - nông - binh như Liên Xô, nhưng áp dụng nguyên tắc tập trung quyền lực vào quốc hội. Đặc biệt hơn nữa, việc xây dựng thể chế nhà nước dân chủ cộng hòa, không phải là nhà nước đại diện cho lợi ích của một giai cấp, hay nhà nước của đa số mà là nhà nước của nhân dân, của toàn thể dân tộc là biểu hiện rõ nét nhất của tinh thần dân tộc trong quá trình xây dựng nhà nước ở Việt Nam của Hồ Chí Minh. Điều này hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ là phải phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để giải

phóng dân tộc. Khác với nhà nước tư sản phương Tây thuộc về một số ít giai cấp tư sản, có của cải, cũng không giống với Xô viết công, nông, binh sau Cách mạng tháng Mười Nga.

Trong tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam, nếu như chủ nghĩa Mác - Lênin đề cao tính giai cấp, thì Hồ Chí Minh bên cạnh tính giai cấp, Người đề cao tính dân tộc, tính nhân dân của Đảng. Điểm sáng tạo đầu tiên chính là ở chỗ Người thêm yếu tố phong trào yêu nước vào quy luật ra đời của Đảng Cộng sản. Yếu tố dân tộc còn được Người chú ý đến khi quyết định đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam. Người giải thích lý do:

“Cái từ Đông Dương rất rộng, và theo nguyên lý chủ nghĩa Lênin, vấn đề dân tộc là một vấn đề rất nghiêm túc người ta không thể bắt các dân tộc khác gia nhập Đảng, làm như thế là trái với nguyên lý chủ nghĩa Lênin. Còn cái từ An Nam thì hẹp, vì An Nam chỉ là miền Trung của nước Việt Nam mà thôi, và nước ta có ba miền: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ. Do đó từ Việt Nam hợp với cả ba miền và không trái nguyên lý chủ nghĩa Lênin về vấn đề dân tộc” [197, tr.82].

Yếu tố dân tộc còn thấm sâu vào quan điểm về bản chất của Đảng, khi Người khẳng định Đảng không chỉ là của giai cấp công nhân mà còn là “Đảng của dân tộc Việt Nam” [170, tr.41]. Đảng không là của riêng một giai cấp nào, Đảng gần gũi với mỗi đồng bào, Đảng là của dân ta, của dân tộc ta.

Bổ sung, sáng tạo những luận điểm giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc – giai cấp – nhân loại trong quan hệ quốc tế

Hồ Chí Minh đã phát triển một cách biện chứng mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, khẳng định độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để giải phóng giai cấp, còn giải phóng giai cấp là nền tảng để bảo đảm và củng cố nền độc lập dân tộc. Trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh, mối quan hệ giai cấp - dân tộc là mối quan hệ biện chứng, là một cấu trúc hữu cơ, thống nhất, không thể cắt rời. Nhân mạnh, đề cao, chỉ quan tâm đến một mặt dân tộc hay giai cấp đều là siêu hình; nói cái này là chiến lược, cái kia là sách lược là không đúng. Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn, thỏa đáng mối quan hệ giữa đoàn kết giai cấp và đoàn kết dân tộc, đã tìm thấy sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc trong điều kiện lịch sử mới. Quan niệm này vượt lên các lập trường giáo điều trong phong trào cộng sản quốc tế, vốn có thời kỳ xem nhẹ vấn đề

dân tộc, nhấn mạnh một chiều đến lợi ích giai cấp. Tư tưởng Hồ Chí Minh vì vậy vừa giữ được bản chất cách mạng, vừa phù hợp với thực tiễn các nước thuộc địa.

Ra đi tìm đường cứu nước, trở thành nhà cách mạng, Hồ Chí Minh xuất phát từ chủ nghĩa dân tộc, nhưng không phải là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Người đề cao lợi ích của dân tộc Việt Nam nhưng không cô lập, vị kỷ chỉ quan tâm đến dân tộc mình. Hồ Chí Minh đặt cách mạng Việt Nam trong dòng chảy của cách mạng thời đại, gắn cuộc đấu tranh đòi độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam với cuộc đấu tranh vì hòa bình, công lý và chính nghĩa của tất cả các dân tộc và các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Người cho rằng phong trào cách mạng ở mỗi dân tộc chỉ có thể thành công khi gắn bó với phong trào cách mạng thế giới. Sự kết hợp giữa chủ nghĩa dân tộc chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng trở thành nguyên tắc căn bản, tạo ra nguồn sức mạnh tổng hợp để giải quyết đồng thời cả ba vấn đề: dân tộc, giai cấp và nhân loại. Như vậy, với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa dân tộc chân chính trở thành bộ phận không tách rời của chủ nghĩa quốc tế trong sáng, điều đó “khác hẳn tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh mang bản chất của giai cấp công nhân, đồng thời, cũng mang tính quốc tế.

Hồ Chí Minh luôn đặt độc lập dân tộc trong mối liên hệ với xu thế hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội của nhân loại. Độc lập dân tộc, theo Hồ Chí Minh, không phải để khép kín hay đối lập với thế giới, mà là để các dân tộc có điều kiện tham gia bình đẳng, tự do vào đời sống chung của cộng đồng quốc tế.

Tóm lại, trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa dân tộc truyền thống Việt Nam và lý luận về chủ nghĩa dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh có nhiều sáng tạo, đưa ra những luận điểm mới mẻ, độc đáo, tạo nên sắc thái, bản sắc chính trị của riêng mình. Trong thời đại mới với rất nhiều vấn đề đặt ra, đòi hỏi phải có trí tuệ, bản lĩnh, cái tâm trong sáng và thái độ nhân văn cao cả, đặt bốn phạm phục vụ Tổ quốc và dân tộc lên hàng đầu thì mới có được sáng tạo. Một bài học lớn Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta là: “Phải biết rằng tình hình khách quan thay đổi hàng giờ, hàng phút, một chủ trương của ta hôm nay đúng, hôm sau đã không hợp thời, nếu ta không tỉnh táo kiểm điểm những tư tưởng hành vi của ta để bỏ đi những cái quá thời, sai hỏng, nhất định ra sẽ không theo kịp tình thế, ta sẽ bị bỏ rơi, bị các bạn tỉnh táo nhanh nhẹn hơn vượt đi trước” [167, tr.28].

4.1.2. Góp phần khơi dậy và phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính trong thực tiễn đấu tranh vì quyền và lợi ích dân tộc

4.1.2.1. Đối với thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam

Từ thang giá trị truyền thống của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam và đòi hỏi của thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách sáng tạo vấn đề giải phóng dân tộc, bảo vệ quyền, lợi ích dân tộc trên cả phương diện lý luận và hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện Việt Nam và theo đúng xu thế thời đại. Chính vì vậy, Người đã khơi dậy được nguồn động lực mạnh mẽ nhất của dân tộc, huy động được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đã giành được sự ủng hộ vô cùng to lớn của nhân dân thế giới, tạo nên thế và lực tổng hợp để cách mạng Việt Nam đạt được mục tiêu. “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân” [173, tr.378] - đó chính là giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh với thời đại ngày nay.

Lịch sử hàng ngàn năm tồn tại và phát triển, dân tộc Việt Nam đã phải đương đầu với biết bao kẻ thù lớn mạnh, nhưng cuối cùng bằng chủ nghĩa dân tộc, sức mạnh dân tộc, chúng ta đã giữ yên được bờ cõi, bảo vệ chu toàn lợi ích quốc gia - dân tộc. Cuối thế kỷ XIX, một lần nữa, vận mệnh của dân tộc Việt Nam lại đối mặt với “một phen” hiểm nguy, quyền lực chính trị nằm trong tay ngoại bang; đất nước bị chia cắt, khối đại đoàn kết bị chia rẽ, cả dân tộc sống trong một bối cảnh ngột ngạt chưa từng có dưới gót giày xâm lược của thực dân, phát xít và cả chế độ phong kiến lỗi thời. Khôi phục lại chủ quyền dân tộc, đưa giống nòi ra khỏi khổ ải nô lệ là vấn đề cấp bách đặt ra. Lịch sử đặt trên vai người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành trọng trách to lớn phải tìm được con đường đúng đắn để cứu dân tộc, cứu giống nòi ra khỏi “nước sôi lửa nóng” [166, tr.230]. Và Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, đáp ứng nhu cầu của dân tộc, nguyện vọng của nhân dân - giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản do Người sáng lập, trải qua 15 năm đấu tranh vận động giải phóng dân tộc, đã chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện cho cuộc đấu tranh giành chính quyền. Khi thời cơ cách mạng đã đến, Hồ Chí Minh nêu quyết tâm: “Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước. Xin thề!” [80, tr.231]. Toàn thể dân tộc Việt Nam đã đứng lên với tinh thần “Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kẻ vai gánh vác một phần trách nhiệm” [166,

tr.230], nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam là cuộc khởi nghĩa dân tộc, do toàn thể dân tộc đứng lên dưới sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, chính quyền mới đã được thiết lập, nhân dân ta từ người nô lệ thành những người chủ của một dân tộc độc lập, tự do, làm chủ vận mệnh của mình: “Lần đầu tiên trong lịch sử nhân dân ta được hoàn toàn giải phóng: Đã phá tan cái xiềng xích nô lệ thực dân, đã đập đổ cái chế độ thối nát của vua quan phong kiến, đã lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Từ đó dân ta làm chủ nước ta” [173, tr.85].

Cách mạng Tháng Tám thành công không bao lâu, thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm nước ta một lần nữa. Với tinh thần “chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [167, tr.534], ngày 19/12/1946, Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, kêu gọi nhân dân nhất tề đứng lên cầm vũ khí đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc. Nhân dân ta đặt “dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”, toàn dân tộc Việt Nam đã đoàn kết thành một khối, mỗi làng xóm là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ, đánh giặc trên mọi mặt trận, bằng mọi loại vũ khí có được, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa xây dựng chế độ dân chủ mới. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam đã thực sự trở thành cuộc chiến tranh nhân dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, từng bước đánh bại kẻ thù và kết thúc với thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Nam phải tiếp tục đối mặt với một kẻ thù hùng mạnh hơn, với những âm mưu thâm độc hơn từ đế quốc Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Đảng ta một lần nữa lại đề cao tinh thần dân tộc lên trên hết, hướng tới mục tiêu: non sông thu về một mối, Bắc - Nam sum họp một nhà. Đường lối của giai đoạn này là cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam - Bắc, miền Nam tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, cùng hướng tới một mục tiêu giải phóng hoàn toàn đất nước, tiến lên xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn. Khẩu hiệu trong giai đoạn này là “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” [178, tr.131], Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta từng bước vượt qua những khó khăn, thử thách. Nhiều phong trào thi đua yêu nước đã diễn ra suốt hơn hai mươi năm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thống nhất đất nước. Tất cả vì tiền tuyến, tất cả vì sự nghiệp thống nhất nước nhà mà “xe chưa qua, nhà không

tiếc”; lớp lớp thanh niên Việt Nam đã tình nguyện lên đường, trở thành những anh bộ đội Cụ Hồ với tinh thần “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy tương lai” [102, tr.32].

Có thể nói rằng chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa yêu nước đã được nâng lên thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng thôi thúc hàng triệu con tim, khối óc, huy động sức mạnh cả dân tộc lên trận tuyến, quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai, xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc. Dù không được chứng kiến giờ phút thắng lợi huy hoàng mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh. Nhưng tư tưởng, đường lối, phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh vẫn soi sáng con đường đấu tranh của Đảng và dân tộc ta trên chặng đường “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” [178, tr.532]. Cuộc kháng chiến thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ và tay sai, đồng thời kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc kể từ Cách mạng Tháng Tám (1945). Chiến công đó đã chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta, rửa sạch cái nhục và nỗi đau mất nước hơn một thế kỷ.

Một câu hỏi lớn đặt ra, Pháp và Mỹ là những đế quốc mạnh lúc bấy giờ. Đặc biệt là đế quốc Mỹ, các nhà cầm quyền Mỹ đã huy động một số lượng lớn nhân tài, vật lực của nước Mỹ, nếu tính cả chi phí gián tiếp lên tới 920 tỷ USD [242, tr.77]. Với phương tiện chiến tranh hiện đại, nguồn lực tài chính khổng lồ, và những đội lính đánh thuê thiện chiến. Có thể nói, họ vượt chúng ta cả một thời đại. Sự chênh lệch đó cũng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh hình dung bằng hình ảnh “Châu chấu đá voi”. Chính quyền Pháp, Mỹ đã đưa ra thí nghiệm tất cả mọi khả năng của mình, sẵn sàng sử dụng những biện pháp mạnh mẽ nhất nhưng âm mưu hủy diệt và nô dịch dân tộc Việt Nam của các thế lực đế quốc đã hoàn toàn phá sản. Với Điện Biên Phủ, Điện Biên Phủ trên không, với chiến dịch Hồ Chí Minh, một dân tộc nhỏ bé đã đã làm “voi” thực dân Pháp, đế quốc Mỹ bị “lòi ruột ra”. Vậy điều gì đã làm nên sức mạnh cho dân tộc Việt Nam đánh đuổi kẻ thù hùng mạnh?

Ngoài sự giúp đỡ về nhân lực, vật lực, phương tiện chiến tranh, sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, chiến thắng của nhân dân Việt Nam phần lớn đến từ đường lối đúng đắn, từ quyết tâm của cả một dân tộc không bao giờ chịu cúi đầu trước những kẻ xâm phạm giang sơn của mình. Cuộc chiến đấu chính nghĩa của dân tộc đã huy động được sức mạnh của quá khứ hàng ngàn năm giữ nước kiêu hùng kết hợp được sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong hiện tại và sự phấn khích vì một tương lai tươi

sáng của dân tộc, là một mốc son của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam được khơi dậy, phát huy mạnh mẽ bởi người anh hùng dân tộc vĩ đại Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã truyền cho dân tộc ta niềm tin, sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa yêu nước chân chính, tinh thần đoàn kết toàn dân tộc. Đó là tinh thần luôn đặt dân tộc lên trên hết, Tổ quốc lên trước hết! Chủ nghĩa dân tộc chân chính đã động viên toàn dân cùng nhau vừa kháng chiến, vừa kiến quốc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam vừa quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong thời kỳ đấu tranh chống đế quốc Mỹ. Để hướng đến mục tiêu “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi... Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc” [178, tr.623] và tiến lên “xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” [178, tr.624].

Hiện nay, vẫn còn một số người băn khoăn khi đề cao tính dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ngại ngần khi nhắc đến vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị của Người. Nhưng rõ ràng, lịch sử dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX đã khiến chúng ta phải nhìn lại để đánh giá đúng những gì mà Hồ Chí Minh đã đề cập đến cách đây 100 năm: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” [164, tr.511]. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc chân chính, như Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản” [164, tr.513] một khi được phát động và sử dụng đúng vào mục đích cứu nước, giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân nô lệ thì sẽ là một “chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời” [164, tr.513]. Điều này đã được chính cuộc đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam và tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

4.1.2.2. Đối với thực tiễn phong trào đấu tranh vì quyền và lợi ích của các dân tộc trên phạm vi thế giới

Hồ Chí Minh yêu đất nước của mình nhưng tôn trọng độc lập của tất cả các dân tộc khác, yêu dân tộc mình đồng thời cũng yêu cả nhân loại. Người đấu tranh không chỉ vì quyền lợi của dân tộc mình mà còn cho tất cả các dân tộc bị áp bức, đấu tranh

chống lại những bất công trên thế giới. Có thể nói rằng, Hồ Chí Minh là người có đóng góp rất lớn vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, công lý và nhân đạo.

Đến cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Gắn liền với thời kỳ này là việc hầu hết các dân tộc thuộc địa trên thế giới bị cuốn vào vòng xoáy của chiến tranh và áp bức, trở thành nạn nhân của sự vi phạm nhân quyền và chủ quyền do sự xâm lược của các nước đế quốc.

Khi chủ nghĩa đế quốc phương Tây xâm nhập đến những vùng đất xa xôi, hẻo lánh của trái đất thì tại những nơi vốn tồn tại biết lập này cũng đã có nhiều đổi khác. Sự xuất hiện của kinh tế hàng hóa, của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phá vỡ tính cô lập của nền kinh tế tự túc, tự cấp, khiến người nông dân bước ra khỏi ngôi làng của mình tham gia vào quá trình hiện đại hóa. Bộ mặt của các thuộc địa từ đó cũng có nhiều thay đổi, các nhà tư bản phương Tây coi sự thay đổi này là nhờ công lao khai hóa văn minh của họ, chính họ đã đưa những nhà máy, xe lửa, đem lại việc làm trong các hầm mỏ cho hàng triệu người dân bản xứ. Rằng những gì họ đưa đến cho các xứ thuộc địa là những điều tốt đẹp, là sự ban ơn của dân tộc thượng đẳng đối với các dân tộc hạ đẳng, đó là sự mở rộng của những khẩu hiệu tự do - bình đẳng - bác ái trên phạm vi toàn thế giới. Rõ ràng, những sự biến đổi của các dân tộc thuộc địa là không thể phủ nhận, nhưng, nó là hệ quả của quá trình thực dân hóa. Tùy vào tính chất của mỗi nước đế quốc mà phương thức cai trị có thể khác nhau, nhưng về bản chất, đối với các dân tộc thuộc địa và người dân thuộc địa, lịch sử hình thành thuộc địa của các quốc gia phương Tây chỉ là chinh phục, giết chóc, lừa gạt. Bằng quyền lực và roi vọt, các nhà thực dân biến người dân thuộc địa thành những nô lệ biết nói trong các guồng máy công nghiệp, thành những người tiêu thụ bắt buộc cho những thứ hàng hóa vô lý như rượu cồn và thuốc phiện, thành những kẻ trốn thuế nếu không vượt qua được hàng rào thuế quan khắc nghiệt của chính quyền. Thậm chí, họ phải hy sinh tính mạng của mình khi có chiến tranh mà nước chính quốc tham gia.

Đứng trước tình cảnh đó, không một dân tộc thuộc địa nào lại chấp nhận sự “hiện diện” của cái gọi là “mẫu quốc” bảo hộ trên mảnh đất của dân tộc mình, những cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã bùng lên ở nhiều nơi trên thế giới. Tuy nhiên, cho đến nửa đầu thế kỷ XX, các phong trào đấu tranh không mang lại hiệu quả. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân vẫn chiếm phần lớn diện tích thế giới. Trong lúc đó, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945), thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 -

1954) mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ dưới sự soi sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh là cột mốc quan trọng trong lịch sử của chủ nghĩa dân tộc chống thực dân.

Năm 1922, viên mật thám Pháp Louis Arnous đã dự đoán về sức mạnh của Nguyễn Ái Quốc: “Người thanh niên mãnh khỏe và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt cây thập tự cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương” [190, tr.25]. Với Điện Biên Phủ, Hồ Chí Minh không chỉ khiến lời tiên đoán đó thành hiện thực ở Đông Dương mà còn mở rộng trên phạm vi thế giới: Ba tiếng Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ từ nay gắn với nhau như một niềm hy vọng to lớn và tươi sáng [193, tr.114-116].

Chiến thắng của Việt Nam trước thực dân Pháp đã góp phần khơi dậy và tạo thành làn sóng phát triển của chủ nghĩa dân tộc chống thực dân: “thắng lợi của nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ có tính chất quyết định làm thức tỉnh ý thức dân tộc và lòng yêu nước của nhân dân các nước thuộc địa của Pháp ở châu Phi” [194, tr.253]. Ben Youssef Ben Khedda, lãnh đạo Mặt trận giải phóng dân tộc Algeria đã viết: “Đội quân của Hồ Chí Minh đã giáng cho quân viễn chinh Pháp một thất bại nhục nhã tại Điện Biên Phủ” [186]. Và chính người Pháp thừa nhận đó “là sự bại trận của toàn bộ thế giới phương Tây. Bởi vì đây là chiến thắng của cộng sản đối với tư bản, của người dân thuộc địa đối với thực dân” [262, tr.56]. Kể từ chiến thắng của Việt Nam đến những năm 60 của thế kỷ XX, chúng kiến sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc với thắng lợi của hàng loạt dân tộc ở Đông Nam Á: Malaysia (1957), Singapore (1966). Đây cũng là cơ sở để ngày 1/4/1960, Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc đã ra *Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa* (Được thông qua theo Nghị quyết số 1514). Sau tuyên bố này, chỉ trong năm 1960 đã có 17 nước tuyên bố độc lập, và tính đến cuối những năm 60 của thế kỷ XX có khoảng 40 nước giành được độc lập, trong đó có 32 nước là thuộc địa của Pháp.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ là thắng lợi của chủ nghĩa dân tộc chống thực dân theo con đường cách mạng vô sản, đã chứng minh cho chân lý: “Trong thời đại ngày nay, một dân tộc đất không rộng, người không đông, kinh tế kém phát triển, song đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một Đảng Mác - Lênin có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực xâm lược, dù đó

là nước đế quốc đầu sỏ” [11, tr.307]. Thất bại của Mỹ trên chiến trường Việt Nam đã được chính người dân nước này coi đó là sự thất bại của một thể lực phi nghĩa muốn khuất phục cả một giống nòi “máu đỏ, da vàng” mà huyết quản luôn cuộn cuộn tinh thần dân tộc, sẵn sàng hy sinh cho độc lập: “Chúng ta đang chiến đấu trong một cuộc chiến mà chúng ta đã thua trước khi chiến tranh bắt đầu, chúng ta là những đôi mắt trắng hành quân trên một vùng đất màu vàng” [30, tr.242].

Trong bối cảnh các cuộc cách mạng thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam đã để lại những bài học kinh nghiệm sâu sắc cho các dân tộc thuộc “thế giới thứ ba” trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân, chính các nhà nghiên cứu nước ngoài đã tổng kết: “Việt Nam đi theo một quỹ đạo điển hình: chủ nghĩa dân tộc chống thực dân;... một hệ tư tưởng pha trộn giữa tính quốc tế (Marxist) và bản địa; một nhà lãnh đạo lôi cuốn (Hồ); quân đội cách mạng có nguồn gốc chủ yếu là nông dân;... vận động quần chúng;... tập trung hóa, tăng cường quyền lực nhà nước và cải cách kinh tế xã hội sau khi giành được chính quyền” [30, tr.264]. Chiến thắng đó góp phần đẩy lùi và làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, xuyên thủng huyền thoại về sự bất khả chiến bại của nước Mỹ, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng do Mỹ đứng đầu. Dân tộc Việt Nam là dân tộc đi tiên phong trong thế kỷ phi thực dân hóa. Và người dẫn dắt, đồng hành cùng dân tộc tiên phong đó là lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Nói về những cống hiến của Hồ Chí Minh đối với cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân, hướng đến một thế giới hòa bình, hữu nghị, bình đẳng, nhiều học giả, phóng viên, chính khách nước ngoài đã dành cho Người sự kính trọng và lòng biết ơn. Amin (nhà báo người Yemen) đã viết: “Chính Người, Bác Hồ, đã đóng hàng ngàn mũi đinh vào cái quan tài của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở trên đất nước Việt Nam. Chính Người đã giúp chúng tôi mở đường đi tới ánh sáng... giúp chúng tôi tìm thấy con đường giải phóng khỏi ách gông cùm cho những người trên bán đảo Ả-rập, để chúng tôi trở lại làm người và không bị coi khinh bởi những tên man rợ” [189, tr.31]. Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới Rômet Chandra nhận định: “Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Ở bất cứ đâu, nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống đói nghèo, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao” [208, tr.92]. Nhà nghiên cứu Milton Osborne, trong bài đăng trên *History Today* Tập 30 Số ra ngày 11 tháng 11 năm 1980 đã gọi Hồ Chí Minh là một trong những người kiến tạo nên thế kỷ XX [163]. Tại Hội

thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1990, Tiến sĩ Modagat Ahmet - Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) phụ trách khu vực văn hóa châu Á - Thái Bình Dương đã phát biểu về những đóng góp của Người, không chỉ đối với quá khứ, hiện tại mà còn cả tương lai: “Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này” [249, tr.22].

4.2. ĐỊNH HƯỚNG VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

4.2.1. Những nhân tố tác động đến việc phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính của Việt Nam hiện nay

4.2.1.1. Nhân tố quốc tế

Sau hơn 30 năm kể từ khi chiến tranh lạnh kết thúc, với sự sụp đổ của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, thế giới đã và đang trải qua thời kỳ có nhiều biến động nhanh chóng và phức tạp. Đến nay, về tổng thể, có thể nói hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là nguyện vọng, mục tiêu và động lực phấn đấu lâu dài, xuyên suốt của đa số các quốc gia và cộng đồng quốc tế, tuy nhiên, nhiều rủi ro đang thách thức, thậm chí đe dọa các xu thế “hòa bình”, “hợp tác” và “phát triển” cả ở khu vực và trên thế giới, cụ thể:

- Tác động của toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa có thể được coi là kết quả của việc mở cửa, liên kết, hợp tác, trao đổi những hoạt động kinh tế, khoa học kỹ thuật, chính trị và văn hóa trên phạm vi khu vực và thế giới. Nhờ quá trình toàn cầu hóa, những hạn chế về khoảng cách địa lý được thu hẹp lại, hoạt động xã hội và tương tác vượt ra ngoài biên giới quốc gia, vì vậy thế giới trở nên thống nhất hơn. Cùng với quá trình đó là sự thâm nhập ngày càng tăng vào “không gian quốc gia” của các chủ thể xuyên quốc gia, đặc biệt là ở các quốc gia kém phát triển, ảnh hưởng rất lớn đến chủ nghĩa dân tộc của hầu hết quốc gia trên thế giới. Sự tác động của toàn cầu hóa đối với chủ nghĩa dân tộc có thể phát triển theo ba hướng chủ yếu:

Hướng thứ nhất, toàn cầu hóa làm suy yếu chủ nghĩa dân tộc. Toàn cầu hóa đã tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu, hội nhập, tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới,

nhưng điều đó cũng có thể dẫn đến hiện tượng lai căng, xa rời bản sắc dân tộc, mai một truyền thống dân tộc. Như Ulrich Beck đã chỉ ra, toàn cầu hóa như một quá trình “qua đó các quốc gia có chủ quyền bị đan xen và phá hoại bởi các tác nhân xuyên quốc gia với những triển vọng khác nhau về quyền lực, định hướng, bản sắc và mạng lưới” [255, tr.11]. Sự gắn kết giữa các thành viên bên trong cộng đồng dân tộc vốn là cơ sở của chủ nghĩa dân tộc cũng bị thách thức nếu chính quyền trở nên yếu kém trong việc giáo dục và phát huy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc bởi làn sóng di cư, du lịch và sự du nhập của các loại ngôn ngữ, các loại hình văn hóa mới.

Hướng thứ hai, chủ nghĩa dân tộc trở nên mạnh mẽ hơn để đối phó và chống lại những tác động của toàn cầu hóa. Theo Anthony Giddens, “sự hồi sinh của chủ nghĩa dân tộc, và sự nhấn mạnh bản sắc dân tộc, trực tiếp gắn liền với những ảnh hưởng toàn cầu hóa, mà chúng đối lập nhau” [10, tr.5]. Với những người theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chỉ quan tâm đến lợi ích của quốc gia - dân tộc mình, toàn cầu hóa là một cơn ác mộng đang diễn ra trong hiện tại và sẽ còn tiếp diễn trong nhiều thế hệ. Vì vậy, họ thường có những phản ứng tiêu cực với động cơ “che chắn” cho dân tộc mình tránh khỏi sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa. Xu hướng này đã dẫn đến sự xuất hiện và phát triển mạnh mẽ trở lại của chủ nghĩa dân tộc cực đoan trong thời gian gần đây.

Hướng thứ ba, toàn cầu hóa và chủ nghĩa dân tộc có mối quan hệ tương hỗ, cùng nhau phát triển hài hòa. Tham gia vào quá trình toàn cầu hóa không có nghĩa là một nước phải từ bỏ hệ tư tưởng hay các giá trị văn hoá của mình để theo một xu hướng chung. Các lực lượng dân tộc và toàn cầu hóa có thể bổ sung thay vì mâu thuẫn với việc các chủ thể dân tộc chủ nghĩa chấp nhận, và thậm chí thúc đẩy toàn cầu hóa vì lợi ích của mỗi dân tộc và giải quyết các vấn đề toàn cầu mới xuất hiện như: tội phạm, dịch bệnh, biến đổi khí hậu v.v.. Sự “chung sống” đó cũng có lợi cho cả hai khuynh hướng chứ không phải là cuộc đấu tranh một mất, một còn. Bởi lẽ, như nhà nghiên cứu Friedman đã viết: “một đất nước không có rặng Oliu khỏe khoắn (biểu tượng gốc rễ dân tộc) sẽ không bao giờ có cảm giác được nguồn gốc được duy trì hay an tâm để hội nhập với thế giới. Nhưng một đất nước có rặng Oliu không thôi, chỉ lo cội rễ mà không có Lexus (biểu tượng của tinh thần hiện đại) thì sẽ không bao giờ tiến xa được” [234, tr.58].

Đối với Việt Nam, toàn cầu hóa giúp chúng ta tranh thủ được sự hỗ trợ nhiều mặt của các tổ chức quốc tế để phát triển nhanh năng lực khoa học công nghệ, từ đó

phát huy những lợi thế của các nước đi sau trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, rút ngắn khoảng cách với các nước đi trước. Tuy nhiên, nhìn nhận sâu xa hơn, thông qua toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, các nước lớn, các thế lực thù địch đang tìm cách khống chế, áp đặt những ý đồ chính trị, kinh tế, văn hóa lên các nước kém phát triển bằng nhiều hình thức khác nhau, đây được xem là một kiểu chủ nghĩa thực dân mới. Bối cảnh đó vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức đối với mọi quốc gia - dân tộc nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng. Trước những tác động của toàn cầu hóa, không đánh mất bản sắc dân tộc cũng là một thách thức không nhỏ.

- Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, cực đoan

Những năm gần đây, chủ nghĩa dân tộc đã hồi sinh mạnh mẽ, biểu hiện là các chính sách bài ngoại, bảo hộ thương mại, chống nhập cư xuất hiện, cùng với nó là sự gia tăng về số lượng và cường độ của các cuộc xung đột khu vực, dân tộc, tôn giáo, khủng bố, chiến tranh thương mại, tranh chấp chủ quyền, tài nguyên, lãnh thổ... gay gắt hơn. Tâm lý “chúng ta chống lại họ”, thường bắt nguồn từ những ý tưởng về ưu thế chủng tộc và quốc gia, có thể dẫn đến những kết cục nguy hiểm và bạo lực. Hậu quả là, hàng loạt các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo xảy ra như người Hutu và người Tutsi ở Rwanda; người Tamil ở Sri Lanka; người Sikh ở Ấn Độ; người Kurd ở Iraq; Iran và Thổ Nhĩ Kỳ. Những người theo đạo Hồi - Rohingya bị phân biệt đối xử là một trong những nguyên nhân gây nên bất ổn chính trị ở Myanmar. Những yếu tố đó tạo ra một cục diện bất ổn chính trị ở nhiều quốc gia và đe dọa nghiêm trọng an ninh quốc tế.

Ở một số khu vực, bản sắc và chủ nghĩa dân tộc đã dẫn đến một chính sách đối ngoại hiếu chiến đe dọa trật tự thế giới. Chiến dịch quân sự kéo dài mà Chính phủ Nga đang theo đuổi với quốc gia láng giềng Ukraine vì cho rằng lợi ích quốc gia bị đe dọa do chính sách đối ngoại của chính quyền Ukraine đã gây chia rẽ thế giới nghiêm trọng. Xung đột liên tục ở khu vực Trung Đông không chỉ gây bất ổn ở khu vực mà còn ảnh hưởng đến an ninh năng lượng toàn cầu. Việc Trung Quốc thường xuyên gây hấn ở biển Đông, trong đó có lãnh thổ Việt Nam đã vi phạm luật quốc tế, đe dọa đến an ninh khu vực. Ngay trong nội bộ của các nước ở khu vực Đông Nam Á cũng đã có những xung đột, những cuộc đảo chính như ở Thái Lan (2014), đảo chính ở Myanmar (2021). Là một quốc gia đang trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam không tránh khỏi những tác động của chủ nghĩa dân tộc trên thế giới.

- Biến động trong quan hệ quốc tế

Có thể nói rằng, hòa bình là xu thế chủ đạo, nhưng trong hơn 30 năm qua, ở những mức độ khác nhau, thế giới vẫn chưa im tiếng súng. Những thập kỷ đầu tiên sau chiến tranh lạnh, việc không triển khai vũ khí hạng nặng, vũ khí hạt nhân và không có xung đột trực tiếp giữa các cường quốc toàn cầu đã nâng chỉ số hòa bình của thế giới. Từ những năm 2010 chứng kiến chi tiêu quân sự của các chính phủ giảm trên toàn cầu giảm (giảm từ 12% vào đầu những năm 1990 còn 5% chi tiêu theo GDP và ngân sách chính phủ) [271]. Tuy nhiên, chỉ trong vài năm gần đây chứng kiến chi tiêu quân sự toàn cầu theo tỷ lệ GDP đang tăng lên, chủ yếu là do chi tiêu cao hơn của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Hồi giáo Iran, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Ả Rập Saudi. Nhật Bản đã công bố đề xuất tăng gấp đôi ngân sách quốc phòng lên 105 tỷ USD (2% GDP) vào tháng 5 năm 2022, trong khi Qatar đã tăng chi tiêu lên 434% kể từ năm 2010 để đối phó với các lệnh phong tỏa [271]. Cuộc chiến ở Ukraine đã khiến các thành viên NATO gần đây cam kết đáp ứng hoặc vượt mục tiêu 2% GDP, mà nếu được tất cả các thành viên đáp ứng, sẽ thể hiện sự gia tăng tổng ngân sách tăng 7% [103]. Chi tiêu quốc phòng rộng rãi hơn, đặc biệt là cho nghiên cứu và phát triển vũ khí, có thể làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh và thúc đẩy chạy đua vũ trang giữa các cường quốc [201] đe dọa đến an ninh của các quốc gia khác, dẫn tới những điểm nóng chính trị nghiêm trọng trong khu vực và quốc tế.

Thế giới vẫn đang trong quá trình chuyển đổi sang một trật tự kinh tế và chính trị “hậu lưỡng cực”, mà bản chất của trật tự này đang trong quá trình được xác định với sự chạy đua các siêu cường. Thay vì thành lập các liên minh theo kiểu “chia phe” thì các cường quốc trên thế giới đang thực thi chính sách vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, vừa thỏa hiệp lại vừa kiềm chế nhau rất quyết liệt để tranh giành lợi ích, vị thế. Xu hướng tập hợp lực lượng, liên kết - đấu tranh, trừng phạt kinh tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc vẫn đang diễn ra gay gắt, đặt các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ, trước nhiều sức ép.

Ngoài ra, những vấn đề như tội phạm công nghệ cao, an ninh biển, an ninh năng lượng, an ninh tài chính, an ninh lương thực, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thảm họa môi trường; tội phạm xuyên quốc gia, chủ nghĩa khủng bố, nhập cư và di cư trái phép v.v. tác động mạnh mẽ đến an ninh quốc gia, bản sắc dân tộc và quyết sách chính trị của các nhà cầm quyền.

Những đặc điểm trên đã, đang và sẽ tác động sâu sắc đến trật tự kinh tế, an ninh, chính trị, pháp luật thế giới, gia tăng nguy cơ đe dọa hòa bình, ổn định và phát triển ở

các khu vực và trên thế giới. Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ từ bối cảnh chung đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhận định: “cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế... sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan” [44, tr.105-106], tư tưởng cường quyền nước lớn. Vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn ở nhiều khu vực, trong đó có khu vực Đông Nam Á đang làm ảnh hưởng đến lợi ích dân tộc và trực tiếp đe dọa an ninh và chủ quyền quốc gia dân tộc.

4.2.1.2. Nhân tố trong nước

- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong giai đoạn hiện nay

Kế thừa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện, tình hình mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nêu cao tinh thần của chủ nghĩa dân tộc chân chính, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xử lý hài hòa mối quan hệ giai cấp, lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, lợi ích dân tộc trong quan hệ quốc tế, đồng thời kiên quyết chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng nêu rõ: “ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM kết hợp một cách đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản” [44, tr.216]. Trước những xáo trộn của tình hình quốc tế, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Đảng ta vẫn luôn thể hiện sự kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, coi đây là bài học lớn của cách mạng Việt Nam: “Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc” [44, tr.424].

Đại hội VIII của Đảng một lần nữa khẳng định sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc: “Trong toàn bộ tiến trình cách mạng, lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc. Đảng đại biểu cho lợi ích giai cấp công nhân đồng thời đại biểu cho lợi ích toàn dân tộc. Sức mạnh của Đảng là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và điều này tập trung thể hiện sáng ngời ở tư tưởng Hồ Chí Minh” [44, tr.733].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX tiếp tục bổ sung quan điểm về quan hệ giai cấp, lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc: “Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” [44, tr.909-910].

Đại hội lần thứ XI nhấn mạnh hơn nữa mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: “trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” [45, tr.396].

Văn kiện Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới” [45, tr.596].

Trong quan hệ quốc tế, chủ trương xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới là mở rộng quan hệ đối ngoại, Việt Nam mong muốn trở thành một thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, hướng đến những giá trị chung của nhân loại tiến bộ trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam coi việc đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu cao nhất trong đường lối đối ngoại.

Đại hội Đảng lần thứ X khẳng định mục tiêu cao nhất của hoạt động kinh tế đối ngoại là phục vụ lợi ích đất nước: “Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất” [45, tr.34].

Lợi ích quốc gia - dân tộc được thể hiện rõ nét hơn trong đường lối đối ngoại mà Đại hội XI nêu lên: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh” [45, tr.511].

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII đã phát triển thành: “phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với

sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [45, tr.633].

Gần đây nhất, văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định quan điểm về mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cũng như vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc trong tình hình mới: “ Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁴⁴, tr.13].

Như vậy, có thể nói rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh để giải quyết vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh tình hình mới. Đảng luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giải quyết hài hòa mối quan hệ dân tộc - giai cấp, dân tộc - quốc tế. Trong mọi mối quan hệ quốc tế, Đảng chủ trương đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, đồng thời cũng luôn tôn trọng lợi ích của các dân tộc khác và cộng đồng quốc tế.

- Những thành tựu của quá trình xây dựng và phát triển đất nước

Sự nghiệp đổi mới đạt nhiều thành tựu to lớn sau gần 40 năm. Từ một nước có nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Việt Nam đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những cải cách kinh tế và chính trị trong thời kỳ đổi mới đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam tuy chịu nhiều tác động nặng nề từ đại dịch COVID-19, nhưng đã thể hiện được khả năng phục hồi mạnh mẽ. Khuôn khổ kinh tế vĩ mô và tài khóa vẫn được duy trì ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 đạt 2,91%, trong khi rất nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới tăng trưởng âm thì Việt Nam vẫn giữ mức tăng trưởng dương với tất cả các cán cân lớn đều được đảm bảo. GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước đó, thuộc diện cao nhất thế giới. Năm 2023, GDP của Việt Nam tăng 5,05%, năm 2024, mức tăng trưởng của kinh tế Việt Nam là 7.09%, quy mô GDP năm 2024 đạt khoảng 476,3 tỷ USD, xếp thứ 33

theo bảng xếp hạng của CEBR. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố.

Tình hình chính trị ổn định, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được giữ vững. Sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, các thế lực chống phá cách mạng cho rằng các nước xã hội chủ nghĩa còn lại sẽ nhanh chóng sụp đổ và thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa sẽ không còn tồn tại. Tuy nhiên, với bản lĩnh kiên định, sáng tạo, phát huy được sức mạnh của dân tộc và thời đại, Đảng ta đã giữ vững được vị trí, vai trò lãnh đạo của mình, đưa đất nước từng bước vượt qua cuộc khủng hoảng của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Đến nay, Việt Nam không những giữ vững thể chế chính trị mà còn được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những điểm đến an toàn, điểm đầu tư hấp dẫn.

Quá trình hội nhập quốc tế đạt được nhiều thành tựu to lớn, công tác ngoại giao đã giúp Việt Nam đưa Việt Nam đến gần với thế giới. Hiện nay, Việt Nam đã trở thành mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết khu vực và toàn cầu, từng bước trở thành thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, hoàn thành tốt các nghĩa vụ quốc tế, tham gia tích cực vào các hoạt động quốc tế vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và phát triển bền vững trên phạm vi quốc tế. Điều đó đã giúp vị thế của Việt Nam được nâng lên đáng kể trên trường quốc tế. Đất nước hòa bình, thống nhất, độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [44, tr.44]. Với những thành tựu đã đạt được, cùng với ý thức tự tôn, tự cường và tự hào dân tộc, tạo tiền đề để Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới từ Đại hội XIV của Đảng, “kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu” [132].

- Những khó khăn, thử thách

Những nhận thức chưa đúng về vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc, hay những tư tưởng chủ nghĩa dân tộc cực đoan cũng đã xuất hiện, đó là việc tách rời độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, bảo vệ lợi ích quốc gia tách rời với chế độ chính trị; “tách rời Đảng với dân tộc”, “tuyệt đối hóa lợi ích quốc gia - dân tộc” [97, tr.192].

Các thế lực phản động trong và ngoài nước không ngừng chống phá cách mạng, âm mưu “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ vẫn được thực hiện ráo riết. Các thế lực này lợi dụng nhiều chiêu bài như: “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” và cả sự tha hóa của một số cán bộ, đảng viên để ra sức xuyên tạc, bôi nhọ bản chất chế độ. Họ lôi kéo những người bất mãn, những người nhẹ dạ, cả tin, hám lợi chống lại Đảng, chính quyền, đồng thời mưu toan cô lập, làm mất uy tín của nước ta trên trường quốc tế, ảnh hưởng lớn đến lợi ích quốc gia và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan cũng đã xuất hiện ở Việt Nam dưới hình thức chủ nghĩa dân tộc ly khai sắc tộc và tôn giáo như: phong trào “Tin lành Đê ga” ở Tây Nguyên để hình thành “Nhà nước Đê ga độc lập” (2004); “Tin lành của người Mông” để thành lập “Nhà nước Mông” ở Tây Bắc (2011); “Phật giáo Nam Tông Khmer” để thành lập “Vương quốc Champa” ở vùng dân tộc thiểu số Nam Trung Bộ (2002- 2004), “Nhà nước Khmer Kampuchea Krom” ở Tây Nam Bộ (2014), có sự tham gia của một số tổ chức bắt nguồn từ nước ngoài. Ngoài ra, còn có sự xuất hiện của các tổ chức khủng bố như “Triều đại Việt” (1/2018) và gần đây nhất, các phần tử khủng bố gây nên những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, tấn công vào trụ sở Ủy ban nhân dân hai xã Ea Tiêu và Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (6/2023) đã ảnh hưởng đến tâm lý người dân, an ninh trật tự ở vùng biên giới.

Vấn đề chủ quyền ở Biển Đông cũng trở thành điểm nóng chính trị quốc tế trong những năm gần đây. Việt Nam là quốc gia có lãnh thổ, lãnh hải liên quan đến vấn đề tranh chấp này, cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của nhân dân ta gặp nhiều khó khăn, nhất là trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Những khó khăn, thách thức đó đã và đang đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn thể nhân dân, tiếp tục có những định hướng đúng đắn để giúp dân tộc ta vượt qua khó khăn, nắm bắt thời cơ, đưa đất nước vươn mình phát triển hơn nữa.

4.2.2. Định hướng quá trình phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Việt Nam sau gần 40 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn với những bước tiến dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Những kết quả đạt được là kết tinh lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần đổi mới và khát vọng phát triển đất nước. Tuy nhiên, đất nước cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải tiếp tục kế thừa, vận dụng và phát triển chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh để tiếp tục phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính, “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại” [44, tr.105-111], điều này đòi hỏi phải quán triệt những vấn đề lớn sau:

- Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính gắn với chủ nghĩa quốc tế nhằm giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách nô lệ và đưa nước ta phát triển theo con đường độc lập gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lựa chọn độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn của lịch sử, thời đại; là kết quả của sự suy tính, trăn trở của một nhà chính trị thiên tài luôn gắn lợi ích của dân tộc với lợi ích của nhân dân. Lịch sử Việt Nam trong 100 năm qua đã chứng minh sự lựa chọn đó của Hồ Chí Minh là đúng đắn, đã được vận dụng trong các chặng đường lịch sử và làm nên những chiến công lẫy lừng cho dân tộc. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã nâng tầm vị thế của dân tộc trên trường quốc tế, đưa đất nước vững bước đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc cho độc lập dân tộc.

Trước những biến động của tình hình quốc tế và trong nước hiện nay, thẩm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết cần phải kiên định con đường mà Người đã lựa chọn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “...kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội;... bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động” [44, tr.12].

Cho đến nay, độc lập vẫn là mục tiêu hàng đầu của dân tộc. Yêu cầu về độc lập dân tộc trong giai đoạn hiện nay là phải bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải của quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị của đất nước. Đây là lợi ích sống còn của quốc gia - dân tộc. Vì vậy, vấn đề quốc phòng, an ninh cần được đặc biệt coi trọng, tinh thần chung là Việt Nam không chấp nhận sự can thiệp của bất kỳ một lực lượng nào về vấn

đề quốc phòng, an ninh của đất nước, cũng không tham gia bất kỳ liên minh quân sự nào. Để tăng cường quốc phòng, an ninh nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, lợi ích chính đáng của quốc gia - dân tộc, Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng đã xác định phương châm: “Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người” [44, tr.66]. Muốn vậy, chúng ta cần phải thực hiện: thứ nhất, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân chính quy, tinh nhuệ, hiện đại làm nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Thứ hai, nâng cao sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc, phải có thực lực mạnh thì lợi ích chiến lược, chủ quyền của dân tộc mới được giữ vững. Thực lực của Việt Nam là sức mạnh tổng hợp mọi mặt cả về đường lối, chính trị, kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; vì vậy, cần kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; nâng cao cả “thực lực vật chất” và “phi vật chất”, “sức mạnh cứng” và “sức mạnh mềm”. Khi thực lực mạnh thì vị thế của chúng ta trên trường quốc tế sẽ được củng cố và nâng cao, nhờ đó có khả năng chủ động để đấu tranh bảo vệ vững chắc cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Thứ ba, phải phát huy sức mạnh của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho toàn dân về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Thứ tư, “chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc” [44, tr.163]; thực hiện đối ngoại quốc phòng, an ninh góp phần bảo vệ chế độ, duy trì môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đây là một hình thức bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ từ sớm, từ xa bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế.

Sinh thời Hồ Chí Minh luôn tự hào về đất nước Việt Nam tươi đẹp với “rừng là vàng, biển là bạc”. Người căn dặn nhân dân ta: “Ngày trước ta chỉ có đêm và rừng, ngày nay ta có ngày, có trời, có biển. Bờ biển ta dài, tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó” [195, tr.80]. Người coi trọng mỗi phần lãnh thổ, lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc, đặc biệt là vùng biển: “Đồng bằng là nhà, mà biển là cửa. Giữ nhà mà không giữ cửa

có được không? Kẻ gian tế vào chỗ nào trước? Nó vào ở cửa trước. Vì vậy ta phải giáo dục cho đồng bào biết bảo vệ bờ biển, vì bọn địch thường thả bọn mật thám, gián điệp vào tìm chỗ ẩn núp ở miền biển để phá phách” [173, tr.311].

Trước tình hình phức tạp của vấn đề chủ quyền biên giới, vùng biển hiện nay, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định:

“Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị đất nước. Tiếp tục thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Củng cố đường biên giới hoà bình, an ninh, hợp tác và phát triển; giải quyết các vấn đề còn tồn tại liên quan đến đường biên giới trên bộ với các nước láng giềng” [44, tr.70].

Để tiếp tục bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ cả ở đất liền, vùng trời, vùng biển trong giai đoạn hiện nay chúng ta cần: Một là, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về mặt pháp lý như hồ sơ, bằng chứng về chủ quyền biển, đảo quốc gia ở Biển Đông để chuẩn bị cho các kịch bản theo diễn biến tình hình trên phương châm không thỏa hiệp, nhượng bộ một cách “vô nguyên tắc”, đặt lợi ích quốc gia, chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của dân tộc lên hàng đầu. Trong đó xây dựng các kế hoạch và khả năng giải quyết vấn đề Biển Đông bằng con đường hòa bình theo các cơ chế đa phương, phù hợp với quy định của cơ quan có thẩm quyền và luật pháp quốc tế như Liên hợp quốc và Tòa án quốc tế đối với những tranh chấp chủ quyền, biên giới, lãnh thổ tại Biển Đông, đặc biệt tại hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam. Hai là, quan tâm cải thiện năng lực quân sự, đặc biệt cần hiện đại hóa hải quân, củng cố lực lượng cảnh sát biển và kiểm ngư, tăng cường sức mạnh cứng nhằm mục đích răn đe đối với hành động quân sự quá khích tại Biển Đông, cũng như phục vụ việc bảo vệ các lợi ích quốc gia - dân tộc về chủ quyền quốc gia trên biển, kinh tế biển, khai thác nguồn tài nguyên biển; tăng cường các lực lượng hiện diện trên biển, ngoài lực lượng vũ trang chính quy như hải quân, cảnh sát biển, biên phòng, kiểm ngư, thì dân quân tự vệ biển cũng là một lực lượng hết sức quan trọng; cần phải đầu tư, hiện đại hóa, nâng cao năng lực của những lực lượng này, và cần được huấn luyện để có khả năng tự vệ chính đáng trong các trường hợp cần thiết. Ba là, đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư, xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới, biển

và hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng biển để họ an tâm bám đất, bám biển, góp phần vào công cuộc giữ gìn biển, đảo của Tổ quốc. Bốn là, nghiên cứu sâu vấn đề pháp lý về chủ quyền biển, đảo; ủng hộ và tham gia tích cực các hoạt động nghiên cứu quốc tế về Biển Đông; đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, thông tin một cách chính xác thực tiễn và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta tại các diễn đàn đa phương chính thức để tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế đối với vấn đề Biển Đông.

Vấn đề dân tộc, độc lập dân tộc trong giai đoạn hiện nay không đơn giản chỉ là bảo vệ độc lập, chủ quyền về mặt lãnh thổ, mà còn là bảo vệ độc lập tự chủ trong chủ trương, đường lối phát triển đất nước. Điều này đòi hỏi Đảng vừa phải vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để bổ sung, hoàn thiện đường lối chỉ đạo sự nghiệp đổi mới. Đồng thời với việc bảo vệ độc lập dân tộc, để dân tộc phát triển, cần phải kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội để đảm bảo độc lập dân tộc vững chắc, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Như sinh thời, Hồ Chí Minh luôn động viên các thế hệ cách mạng đời sau cố gắng phấn đấu, khổ công học tập và rèn luyện để xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh để có thể bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu.

- Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Thứ nhất, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đây chính là yếu tố then chốt để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đảng vạch ra đường lối chính trị đúng đắn để kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện lợi dụng vấn đề dân tộc hòng xâm phạm chủ quyền, độc lập dân tộc, hoặc làm phương hại đến lợi ích quốc gia dân tộc của các thế lực bên ngoài, đồng thời lãnh đạo đấu tranh chống những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan trong nội bộ đất nước. Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng cần quan tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc. Trước hết, nâng cao trình độ, tư duy lý luận, kiên định lý tưởng cách mạng, vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn. Hai là, thường xuyên quán triệt và thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng. Ba là, tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, không

ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bốn là, không ngừng củng cố và tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, luôn đặt lợi ích của dân tộc, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Đồng thời, Đảng phải làm cho dân hiểu về tầm quan trọng cũng như lợi ích, trách nhiệm của dân trong việc duy trì mối quan hệ mật thiết giữa dân và Đảng. Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh là một một tất yếu khách quan trước yêu cầu của lịch sử dân tộc, là nhiệm vụ then chốt, có nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Có như vậy, Đảng mới thực sự xứng đáng “là đạo đức, là văn minh”, nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đưa dân tộc đi đến dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ hai, sự tồn tại và phát triển của dân tộc thường gắn liền với một nhà nước dân tộc thống nhất, có chủ quyền. Do vậy, để bảo vệ quyền, lợi ích của dân tộc, cần hết sức quan tâm đến việc xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả; đồng thời xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền tự do, dân chủ và hạnh phúc của nhân dân. Bên cạnh đó, cần củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền tự do, dân chủ của nhân dân trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để làm được điều đó, trước hết, đòi hỏi phải xây dựng được hệ thống pháp lý rõ ràng, minh bạch, hợp lý, nghiêm minh. Trên cơ sở đó, tạo cho người dân ý thức sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật, coi đó như một biện pháp quan trọng để quy tụ lòng dân. Hai là, từ mọi tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước đến cán bộ, công chức nhà nước phải luôn luôn hướng đến mục tiêu phục vụ nhân dân, tất cả vì quyền lợi và hạnh phúc của người dân. Có như vậy, Nhà nước ta mới thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, một nhà nước kiến tạo, phục vụ thực sự được nhân dân yêu mến, tin tưởng, quý trọng và bảo vệ. Ba là, cần làm tốt công tác kiểm soát quyền lực nhà nước theo cả hai cơ chế kiểm soát từ bên trong nội bộ bộ máy nhà nước và từ bên ngoài bộ máy nhà nước bao gồm công tác kiểm tra của Đảng; vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; giám sát của nhân dân, của các phương tiện thông tin đại chúng v.v.. Bốn là, phải làm tốt công tác cán bộ để xây dựng được đội ngũ cán bộ đủ đức và tài. Cần giáo dục cán bộ, công chức thấm nhuần lời dạy của Hồ Chí Minh, làm cán bộ là để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Để tránh những hiện tượng tiêu cực trong cán bộ và công tác cán bộ, cần làm tốt công

tác giáo dục, huấn luyện, bố trí, sử dụng, cất nhắc cán bộ, đồng thời, phải có cơ chế xử lý trách nhiệm khi xảy ra những vụ, việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của từng cán bộ, công chức; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác. Năm là, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân góp phần đảm bảo vấn đề quyền con người, quyền công dân, đây là yếu tố quan trọng để tạo nên sự đồng thuận xã hội một cách thực chất. Do đó, mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Bên cạnh đó, cần nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ và tham gia vào công việc quản lý xã hội của nhân dân. Xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật để nhân dân được hưởng thụ và thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, đặc biệt là các quyền dân chủ trực tiếp để tạo động lực phát triển đất nước. Xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, dù là nhỏ nhất, cũng không khéo giải quyết những trường hợp lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, để xây dựng Nhà nước thực sự do nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân.

Thứ ba, xây dựng và phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là những bộ phận quan trọng cấu thành hệ thống chính trị nước ta, nhằm đáp ứng những lợi ích đa dạng của các thành viên, vận động, thu hút nhân dân tham gia vào hoạt động quản lý các công việc nhà nước, công việc xã hội, nâng cao tính tích cực của mỗi công dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình không chỉ thông qua Nhà nước mà còn thông qua các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Do vậy, củng cố, tăng cường mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc trong Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội bằng các hình thức đa dạng, phong phú, thích hợp với từng đối tượng, thành phần xã hội, từng địa phương, cơ sở... nhằm khơi nguồn trí tuệ, sự sáng tạo, phát huy năng lực sẵn có của các tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân ta có rất nhiều người có đức, có tài, nếu không tập hợp và phát huy được tài năng và phẩm chất của họ là sự thiệt thòi lớn cho dân tộc. Vì vậy, cần phải thu hút được thật nhiều các tầng lớp nhân dân, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, hữu sản hay vô sản, giới tính, nghề nghiệp v.v.. thì mới hình thành được Mặt trận rộng lớn với những phong trào hành động thiết thực được lan tỏa trong xã hội để hướng đến mục tiêu chung là ích quốc, lợi dân. Về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “Đổi mới tổ chức, bộ máy, nội dung và

phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội..., thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân, làm cầu nối quan trọng giữa Đảng và nhân dân” [44, tr.74]. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần đóng góp ý kiến thực chất hơn nữa vào việc hoạch định và giám sát thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật. Mặt trận phát huy vai trò đại diện cho nguyện vọng, tiếng nói của dân, tham gia hoàn thiện chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phát huy hết sức vai trò của mình là cách thiết thực nhất để Mặt trận thực sự trở thành cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Tóm lại, việc xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, hoạt động hiệu quả đáp ứng được yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng là một yêu cầu khách quan trong quá trình đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong đời sống kinh tế - xã hội, góp phần phát triển đất nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo đảm độc lập chủ quyền, lãnh thổ và lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc. Đó là điểm mấu chốt góp phần vào việc giải quyết thấu đáo vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

- Phát huy chủ nghĩa yêu nước, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Việt Nam đang vững bước đi lên theo con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, hướng đến xây dựng một xã hội phồn vinh, hạnh phúc. Không có khuôn mẫu chủ nghĩa xã hội chung cho tất cả các dân tộc, chủ nghĩa xã hội ở mỗi một dân tộc lại có những đặc trưng riêng, màu sắc riêng, đó chính là biểu hiện của sự kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa dân tộc chân chính. Chủ nghĩa xã hội phải được xây dựng trên mảnh đất của từng quốc gia - dân tộc, gắn liền với đặc điểm lịch sử - xã hội, truyền thống văn hóa và bản sắc của từng dân tộc.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể thành công khi đạo đức xã hội bị suy thoái, văn hóa dân tộc bị coi rẻ hoặc bị biến dạng. Vì vậy, chủ nghĩa dân tộc chân chính trong thời đại mới đòi hỏi phải xây dựng những lớp người biết kế tục truyền thống bất khuất, kiên cường của dân tộc trong hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của ông cha; chủ nghĩa dân tộc chân chính cũng có nghĩa là giữ vững và phát huy bản sắc dân tộc, hệ giá trị và các chuẩn giá trị định hướng phát triển bền vững.

Hiện nay, khi mà cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia, các nền kinh tế ngày càng trở nên gay gắt, đặc biệt, khi Việt Nam lựa chọn đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, các thế lực thù địch sẽ không chịu từ bỏ dã tâm chống phá con đường cách mạng của dân tộc ta. Vì vậy, muốn hội nhập nhưng không bị hòa tan, muốn phát triển toàn diện và bền vững, đồng thời giữ vững được chế độ chính trị, đảm bảo lợi ích, chủ quyền của quốc gia - dân tộc, thì cần có một sức mạnh tổng hợp trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, giáo dục, khoa học công nghệ, quân sự... Tuy nhiên, hạt nhân để tạo nên sức mạnh nội tại thật sự đó là lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhận thức rõ điều đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nhấn mạnh: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước” [47, tr.46]. Để làm được điều đó, không chỉ có sức mạnh của tình cảm, lòng yêu nước đơn lẻ từng cá nhân, mà phải xây đắp, vun bồi chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại mới trên nền tảng chủ nghĩa dân tộc chân chính mà Hồ Chí Minh đã phát hiện và phát huy trong thế kỷ trước. Chủ nghĩa yêu nước trong bối cảnh mới hiện nay, không thể bằng lòng, thỏa mãn với truyền thống, với lịch sử đã qua của dân tộc, tuy truyền thống và lịch sử luôn đáng tự hào, trân trọng, vì nó là bệ đỡ cho hiện tại và tương lai. Chủ nghĩa yêu nước mà Hồ Chí Minh nâng niu, trân trọng và phát huy là chủ nghĩa yêu nước tập trung cho hiện tại và luôn hướng tới tương lai. Người mong muốn Việt Nam có thể bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu, một đất nước “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, dân chủ, giàu mạnh, tự do, hạnh phúc. Vì vậy, phát huy chủ nghĩa yêu nước trong giai đoạn hiện nay chính là chuyển từ động lực tinh thần trong chống ngoại xâm và xây dựng đất nước trong thời chiến sang động lực tinh thần trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đất nước hòa bình, hội nhập quốc tế. Hiện nay, mức độ cạnh tranh là hết sức khốc liệt, vì vậy nhận thức cũng phải thay đổi, không thể chỉ dừng lại ở chỗ tranh thủ khai thác được cơ hội thì trở nên giàu có, mà phải thấy được rằng không tranh thủ được cơ hội, không khắc phục được thách thức, khó khăn thì “chết”, cũng không thể chờ cơ hội mà phải tạo ra và chớp lấy cơ hội. Tinh thần yêu nước trong thời kỳ trước là “độc lập hay là

chết” cần phải được chuyển hóa thành “vượt qua được khó khăn, tranh thủ được cơ hội hay là tụt hậu, nghèo đói”.

Do vậy, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc cũng phải mang những màu sắc mới của thời đại, phải mở rộng biên độ yêu nước cả bề rộng lẫn chiều sâu. Phát huy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc trong thời kỳ hội nhập phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngày nay, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, trong thời đại văn minh công nghiệp, hậu công nghiệp, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam cũng cần phải tiếp nhận những tư tưởng tiên tiến của thời đại. Những tư tưởng đó sản phẩm của trí tuệ loài người, được đúc rút qua hàng trăm năm và đã đóng vai trò thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại tiến bộ. Đó là những vấn đề về dân chủ, vai trò luật pháp và quản lý của nhà nước, tri thức, tư duy về kinh tế thị trường, về vai trò của “sức mạnh mềm”, về tiến bộ, công bằng, an sinh xã hội, về phát triển bền vững v.v..

Để phát huy được chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính trong giai đoạn hiện nay, chúng ta phải: thứ nhất, nghiên cứu, xác định hệ giá trị tinh thần Việt Nam đặc biệt là định vị vai trò, đánh giá ý nghĩa, bổ sung, phát triển nội hàm của chủ nghĩa yêu nước trong bối cảnh mới. Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước, lôi cuốn sự vào cuộc của toàn xã hội. Chủ nghĩa yêu nước là nhân tố cơ bản để khẳng định bản lĩnh dân tộc, bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong giao lưu và hội nhập kinh tế quốc tế. Do đó, cần đẩy mạnh công tác giáo dục các giá trị yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí, khát vọng cống hiến cho dân tộc, cho nhân dân. Thứ ba, ra sức thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển con người Việt Nam một cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đồng thời, phải tạo niềm tin cho nhân dân bằng các chính sách cụ thể đưa lại hiệu quả trong phát triển kinh tế, văn hóa bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng và lợi ích của các thành phần trong cộng đồng; không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của quần chúng nhân dân. Thứ tư, chăm lo cho xây dựng và phát triển một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chính là giải pháp để những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc có thể tiếp tục được trao truyền qua các thế hệ người Việt Nam, được khơi dậy trong tất cả các giai đoạn

phát triển của cách mạng Việt Nam. Điều này cũng đã được Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc” [47, tr.139].

Cùng với yêu nước, đoàn kết là một truyền thống quý báu, được hình thành từ rất sớm của dân tộc ta, đây là cội nguồn sức mạnh vô địch để cả dân tộc chiến đấu và chiến thắng thiên tai địch họa, bản sắc dân tộc được giữ vững, đất nước được phát triển. Trước đây, trong chống ngoại xâm, giành lại độc lập, thống nhất Tổ quốc, khi lợi ích tối cao của cả cộng đồng dân tộc bị uy hiếp, đe dọa chúng ta đã xây dựng thành công khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó chính là chất keo kết dính cộng đồng để cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Muốn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh trong thời đại mới, thứ nhất, phải tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng; lấy mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xã hội phồn vinh, hạnh phúc làm mục tiêu cơ bản của mọi đường lối, chính sách. Thứ hai, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đây chính là lực lượng vật chất có tổ chức nhằm tập hợp, gắn kết đông đảo quần chúng nhân dân trong một khối thống nhất. Thứ ba, chăm lo bồi dưỡng sức dân, trân trọng và phát huy nguồn lực từ nhân dân trên tinh thần “cầu đồng tồn dị”, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác dân vận, nâng cao nhận thức của các thành viên trong cộng đồng quốc gia - dân tộc để họ nhận thức được quyền và trách nhiệm của mình đối với xã hội. Khi đã có nhận thức đúng đắn, ngoài lợi ích của bản thân mình, mỗi người dân sẽ có trách nhiệm đối với sự phát triển của xã hội, sẽ hướng đến những mục tiêu, lý tưởng chung của dân tộc. Thứ tư, bảo đảm sự bình đẳng giữa các dân tộc, các thành phần trong xã hội, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Thực hiện tốt đoàn kết tôn giáo, có chính sách giải quyết khó khăn cho đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện các chính sách xã hội và an sinh xã hội, giải quyết hài hòa về lợi ích giữa các thành phần xã hội. Thứ năm, giải quyết tốt các xung đột xã hội, tạo ra sự thống nhất, đồng thuận xã hội và ngược lại, trên cơ sở đó phát huy dân chủ, công bằng xã hội, đảm bảo quyền và tự do cơ bản của các cá nhân. Thứ sáu, kiên quyết đấu

tranh và xử lý nghiêm những phần tử lợi dụng vấn đề dân tộc, nhân quyền và các vấn đề khác để chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ chính trị hoặc cố tình chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Như vậy, phát huy chủ nghĩa yêu nước, khơi dậy tinh thần dân tộc, ý chí tự cường và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực sự đã trở thành một chiến lược mang lại sức mạnh to lớn cả về tinh thần và vật chất của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập, tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc

Chủ nghĩa dân tộc trong tư duy chính trị Hồ Chí Minh không phải là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, khép kín, biệt lập với đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của cộng đồng quốc tế. Người đã chủ trương “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” [168, tr.256], đó là quan điểm rất sớm về mở cửa, hội nhập với thế giới.

Trong giai đoạn hiện nay, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã trở thành nền tảng vững chắc cho đường lối đối ngoại của Việt Nam, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu giữ vững độc lập, chủ quyền và yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng. Cốt lõi của tư tưởng ấy là nguyên tắc độc lập, tự chủ, kiên định bảo vệ lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc, đồng thời vận dụng một cách mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược đối ngoại để thích ứng với bối cảnh thế giới đầy biến động. Đây là sự kế thừa trực tiếp từ quan điểm Hồ Chí Minh, khi Người luôn coi lợi ích dân tộc là tối thượng, song không khép kín hay vị kỷ, mà gắn liền với tinh thần hòa bình, nhân văn và đoàn kết quốc tế. Từ nền tảng đó, ngoại giao Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu quan trọng: giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; mở rộng quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia; xây dựng quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với nhiều trung tâm chính trị – kinh tế lớn trên thế giới. Đồng thời, Việt Nam đã khẳng định vị thế và vai trò quốc tế nổi bật khi đảm nhận những trọng trách quan trọng như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (2008–2009, 2020–2021), Chủ tịch ASEAN (2010, 2020). Bản sắc ngoại giao hòa hiếu, nhân văn, “thêm bạn, bớt thù”, xuất phát từ quan điểm “lấy dân làm gốc” của Hồ Chí Minh, cũng được thể hiện rõ nét qua các hoạt động ngoại giao nhân dân, góp phần củng cố sức mạnh mềm, tăng cường hữu nghị, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế. Có thể nói, những thành quả đó chính là sự

hiện thực hóa giá trị của chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh: kết hợp nhuần nhuyễn giữa bản lĩnh kiên định và sự linh hoạt ứng xử, qua đó đưa Việt Nam từ một dân tộc từng bị áp bức trở thành một quốc gia độc lập, có trách nhiệm, uy tín và ngày càng khẳng định vị thế là đối tác tin cậy, thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế cũng đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc, giai cấp và nhân loại, đề cao hòa bình, bình đẳng, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc. Để có thể hội nhập, hợp tác, phát triển, đồng thời giữ được độc lập, chủ quyền, bảo toàn được lợi ích quốc gia hiện nay, đòi hỏi:

Thứ nhất, trong quá trình hội nhập với thế giới, trong các mối quan hệ quốc tế phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường dân tộc. Bởi lẽ, sức mạnh của thời đại chỉ được phát huy khi sức mạnh dân tộc vững chắc. Đúng như phương châm mà Hồ Chí Minh đề ra: “có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do” [168, tr.553]. Nếu không tự lực, không phát huy đầy đủ nội lực thì không thể đứng vững và đi lên một cách vững chắc, lâu bền và cũng không thể hội nhập quốc tế một cách bình đẳng, đó chính là cơ sở tạo nên mọi thắng lợi của cách mạng. Tuy nhiên, cũng cần hiểu rõ, độc lập tự chủ không phải là cô lập, khép kín, không hợp tác với thế giới bên ngoài mà đòi hỏi phải khéo kết hợp yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế để đem lại lợi ích cho dân tộc. Trong đoàn kết quốc tế, không thể trông chờ, ỷ lại vào sự viện trợ, cho không từ bên ngoài mà phải dựa trên nguyên tắc “bình đẳng, cùng có lợi”.

Thứ hai, đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Mọi phương hướng, chính sách đối ngoại phải đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc nhưng không tuyệt đối hóa lợi ích quốc gia - dân tộc mà phải bảo đảm hài hòa với lợi ích của các đối tác, lợi ích chung của cộng đồng quốc tế và khu vực. Chúng ta phải làm tròn nghĩa vụ quốc tế, là đối tác tin cậy, thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, đóng góp tích cực vào hòa bình, hợp tác, phát triển của khu vực và thế giới. Tăng cường giao lưu, đối thoại giữa văn hóa Việt Nam với các nền văn hóa khác trong khu vực và thế giới trên cơ sở giữ vững bản sắc dân tộc, định hướng phát triển văn hóa tiên tiến theo lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, trong quan hệ đối ngoại cần kiên định về chiến lược, mềm dẻo về sách lược. Phương châm này có ý nghĩa rất lớn đối với việc phát triển quan hệ ngoại giao

trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện điều này, đòi hỏi phải vận dụng sáng tạo phương châm của Hồ Chí Minh: “Muốn làm cách mạng thắng lợi thì phải phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, phải thực hiện thêm bầu bạn, bớt kẻ thù” [176, tr.453], thực hiện “dĩ bất biến, ứng vạn biến” để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Tư duy ngoại giao linh hoạt này đã và đang được Đảng, Nhà nước ta vận dụng sáng tạo trong điều kiện mới, với việc đổi mới tư duy từ “bạn và thù” sang “đối tác và đối tượng”, chúng ta đã và đang thực hiện có hiệu quả chính sách ngoại giao “cây tre”. Đó cũng là nét mới, bước đột phá, khẳng định trí tuệ, bản lĩnh của Đảng ta trong quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế.

Thứ tư, cần phải chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi, vị kỷ, chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa bá quyền, chính trị cường quyền và những hành động đi ngược lại hòa bình, hợp tác và tiến bộ xã hội. Phê phán một số quan điểm sai trái về lợi ích quốc gia - dân tộc như quan điểm cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ là của giai cấp công nhân, không đại diện cho lợi ích của quốc gia - dân tộc hay Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam không bảo vệ được lợi ích của quốc gia - dân tộc trong các vấn đề liên quan đến chủ quyền biển đảo hiện nay. Đồng thời, phải đập tan âm mưu chia rẽ, kích động dân tộc, tổ chức các cuộc bạo loạn sắc tộc, tôn giáo, khủng bố. Phải “chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của Việt Nam” [45, tr.435], không để bị lôi cuốn trước bất cứ sức ép nào, cũng không được do dự, bỏ lỡ cơ hội để hợp tác, phát triển. Đó còn là đấu tranh chống những âm mưu sử dụng sức mạnh tài chính, kinh tế, thực hiện diễn biến hòa bình trên lĩnh vực văn hóa và tư tưởng, biến các nước chậm phát triển trở thành nước bị lệ thuộc vào nước ngoài, không giữ độc lập tự chủ, dần đánh mất bản sắc dân tộc. Trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là giải quyết vấn đề tranh chấp, xung đột, chúng ta phải quán triệt và thực hiện tốt phương châm, tư tưởng chỉ đạo: “2B (bình tĩnh, bình thường), bốn tránh (tránh xung đột về quân sự, tránh đối đầu về kinh tế, tránh bị cô lập về ngoại giao, tránh bị lệ thuộc về chính trị); ba không (không liên minh quân sự với nước ngoài; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự để chống lại các nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với các nước khác); ba điều không để mất (không để mất chủ quyền lãnh thổ, không để mất hòa bình và ổn định, không để mất tình hữu nghị với các nước); 9K (kiên quyết, kiên

trì, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, kiềm chế, không nổi sừng trước, không để nước ngoài lấn chiếm, không để xảy ra xung đột)” [275]. Có thể nói, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự lực tự cường của Hồ Chí Minh thể hiện vị thế và khát vọng của mỗi dân tộc muốn vươn lên cùng tồn tại, phát triển với thế giới. Đường lối đó đã và đang trở thành nền tảng vững chắc trong quá trình xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

Tóm lại, chủ nghĩa dân tộc chân chính đóng vai trò quan trọng nhằm khơi dậy và phát huy nội lực của dân tộc, xây dựng nền dân chủ, hướng tới sự phát triển thịnh vượng của dân tộc, tạo điều kiện cho mỗi thành viên của cộng đồng dân tộc có điều kiện thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trong các mối quan hệ quốc tế, chủ nghĩa dân tộc chân chính là cơ sở cho hòa bình, hữu nghị và đa dạng văn hóa trên thế giới.

Tiểu kết chương 4

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh không chỉ là sự vận dụng, kế thừa các học thuyết, lý luận có sẵn, mà chính Người, với tư duy chính trị sắc bén và tầm nhìn của một nhà tư tưởng lỗi lạc đã bổ sung, phát triển các học thuyết ấy trong điều kiện một nước thuộc địa và phong kiến, đấu tranh thoát khỏi ách nô lệ và tiến lên xây dựng chế độ xã hội mới. Hệ thống quan điểm của Người về quyền dân tộc, về chủ quyền nhân dân, đại đoàn kết toàn dân tộc, và về xây dựng hệ thống chính trị vừa là sự bổ sung vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phát triển tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc của nhân loại, đồng thời là sự hiện đại hóa chủ nghĩa dân tộc truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Trên thực tế, các quan điểm về chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã được hiện thực hóa, trở thành động lực to lớn trong các cuộc đấu tranh giành, giữ, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ của dân tộc Việt Nam, đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho mỗi người dân Việt Nam. Đồng thời, khơi dậy, cổ vũ cho sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc chân chính ở các dân tộc thuộc địa, thúc đẩy cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ “phi thực dân hóa”.

Bối cảnh mới hiện nay chứa đựng những nhân tố thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ chủ nghĩa dân tộc theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực, trong đó, những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan với tính chất hẹp hòi, vị kỷ đang thực sự là thách thức to lớn đối với lợi ích của nhiều quốc gia, cũng như đối với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nhìn vào bối cảnh đó, có thể thấy, những quan điểm, kết luận của Hồ Chí Minh

liên quan đến vấn đề chủ nghĩa dân tộc vẫn còn giá trị thời đại. Cho đến nay, chủ nghĩa dân tộc chân chính vẫn là động lực quan trọng cần được phát huy để duy trì ổn định xã hội, phát triển đất nước, bảo vệ vững chắc cho độc lập, tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Việc đi tìm lời giải cho việc giải quyết hài hòa lợi ích giữa các quốc gia - dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng thời tìm giải pháp để phát huy chủ nghĩa dân tộc chân chính và hạn chế tác động của chủ nghĩa dân tộc cực đoan là hết sức cần thiết. Điều đó đòi hỏi phải quán triệt những quán triệt những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về vấn đề chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh tình hình mới.

KẾT LUẬN

Chủ nghĩa dân tộc có lẽ là một trong những thuật ngữ gây nhiều tranh cãi nhất trong lịch sử chính trị thế giới. Bởi lẽ, đây là thuật ngữ có nhiều cách hiểu và định nghĩa khác nhau. Nó có thể được hiểu là toàn bộ quá trình hình thành và duy trì các dân tộc; là tình cảm dân tộc, ý thức thuộc về dân tộc; ngôn ngữ và biểu tượng của dân tộc; một hệ tư tưởng của các quốc gia; hay một phong trào xã hội và chính trị để đạt được mục tiêu của các dân tộc và thực hiện ý chí của dân tộc. Vấn đề dân tộc, chủ nghĩa dân tộc không phải là vấn đề mới nhưng đóng một vai trò quan trọng đối với xã hội hiện đại, nó có thể là một động lực cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, cho quá trình thành lập nên một quốc gia - dân tộc, hình thành và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở cho sự hưng thịnh của một dân tộc. Ngược lại, nó có thể là căn nguyên của sự chia rẽ, kéo một dân tộc thụt lùi sự phát triển, là lý do cho các cuộc xâm lược của dân tộc này đối với dân tộc khác; là nguyên cơ của các cuộc chiến tranh tàn khốc giữa các dân tộc; là lá bài chính trị trong các chiến dịch tranh cử, tác động đến nhiều nền chính trị của thế giới đương đại.

Nền chính trị Việt Nam hiện đại gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của người anh hùng dân tộc vĩ đại Hồ Chí Minh. Sinh ra và lớn lên trong lòng dân tộc, hòa mình với cuộc sống của nhân dân, chính hoàn cảnh mất độc lập của dân tộc, nỗi lầm than của nhân dân đã thôi thúc Hồ Chí Minh quyết chí ra đi tìm đường đi cho dân tộc đi theo. Trên hành trình cứu nước, Hồ Chí Minh sớm có ý thức rõ ràng về vị trí, vai trò, sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc, Người đánh giá cao vai trò của chủ nghĩa dân tộc, coi đó là động lực lớn của các dân tộc bị áp bức mà những người cộng sản cần nắm lấy và phát huy. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành bộ phận trọng tâm trong toàn bộ hệ thống tư tưởng chính trị của Người. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là sự kết hợp những yếu tố chủ quan của một con người thông minh, kiệt xuất với những điều kiện thực tiễn khách quan, đồng thời kế thừa, phát triển những giá trị của văn minh nhân loại, cả dân tộc và thế giới, cả phương Đông và phương Tây.

Chủ nghĩa dân tộc Hồ Chí Minh được biểu hiện rõ nét trong tư tưởng chính trị của Người trên các các phương diện: đặt nhiệm vụ dân tộc trở thành nhiệm vụ hàng đầu đối với một dân tộc thuộc địa; đề cao các quyền cơ bản mà mỗi dân tộc cần phải có và không một dân tộc nào có quyền xâm phạm; về mục tiêu của cách mạng Việt Nam sau khi giành được độc lập là đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội - con đường đi đến độc

lập, tự do, phồn vinh và hạnh phúc cho dân tộc; về xây dựng một hệ thống chính trị thực sự là của dân tộc, mang đặc thù của dân tộc, và thể hiện quyền làm chủ của nhân dân; về thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc để phát huy sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc; về quan hệ quốc tế để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh có giá trị lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn. Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh chính là sự kế thừa, phát huy chủ nghĩa dân tộc truyền thống Việt Nam trong bối cảnh mới cùng với sự thâm nhập những tinh hoa của văn hóa nhân loại, mà đặc biệt là tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin. Không những vậy, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh góp phần bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa dân tộc trong kho tàng lý luận cách mạng của thời đại. Đặc biệt, tư tưởng của Người không dừng lại ở lý thuyết mà đã làm thay đổi vận mệnh của dân tộc Việt Nam từ thân phận thuộc địa trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng khi đánh thắng những kẻ thù xâm lược hùng mạnh bậc nhất thế giới lúc bấy giờ là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bước vào kỷ nguyên của độc lập, tự do. “Chủ nghĩa dân tộc theo Hồ Chí Minh, hoàn toàn không phải là thứ chủ nghĩa dân tộc phong kiến, tư sản hay của Quốc tế II (càng không phải là chủ nghĩa dân tộc cải lương), mà là chủ nghĩa dân tộc chân chính, theo lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn dân tộc với quốc tế, dân tộc với giai cấp, hướng tới triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người” [62, tr.91]. Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh thần dân tộc chân chính, đồng thời cũng là con người của quốc tế, của tình hữu ái bao la, chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã đóng góp to lớn cho phong trào đấu tranh vì quyền và lợi ích của các dân tộc thuộc địa.

Ngày nay, mặc dù bối cảnh đã khác nhiều so với thời đại mà Hồ Chí Minh sống và hoạt động, nhưng có thể thấy, chủ nghĩa dân tộc biểu hiện trong hệ thống tư tưởng chính trị của Người vẫn còn nguyên giá trị. Để giải quyết bài toán kết hợp hài hòa giữa lợi ích giữa các quốc gia - dân tộc trong tiến trình toàn cầu hóa và phát triển đất nước hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thì việc kế thừa, tiếp tục nghiên cứu, phát huy, vận dụng chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Ngô Thị Huyền Trang (2022), “Quan điểm Hồ Chí Minh về tập hợp lực lượng cách mạng và sự vận dụng của Đảng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số chuyên đề quý 1, tr.83-88.
2. Ngô Thị Huyền Trang (2023), “Giáo dục chủ nghĩa yêu nước truyền thống cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 3, tr.52-56.
3. Ngô Thị Huyền Trang (2023), “Hồ Chí Minh tiếp thu và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc và chủ nghĩa dân tộc”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, số chuyên đề 1, tr.1-5.
4. Lại Quốc Khánh, Ngô Thị Huyền Trang (2023), “The Concept of Nationalism and its Development in Vietnam”, *Journal of Law and Sustainable Development*, Volume 11, No.5.
5. Lại Quốc Khánh, Ngô Thị Huyền Trang (2023), “Discussion on the Manifestations and Propensity of Excessive Nationalism in Vietnam”, *Kurdish Studies*, Volume 11, No.2.
6. Ngô Thị Huyền Trang (2024), “Hồ Chí Minh với chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 12/08.
 Ngô Thị Huyền Trang (2024), “Mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và chủ nghĩa dân tộc trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 346 (11/2024), tr.34-38.

CHÚ THÍCH

(1) Bài đăng trên *Cahier du Bolchévisme* (Tập chí Bôn-sê-vích), số 8, tháng 12/1934. Dẫn lại theo Daniel Hémery (1990), *Ho Chi Minh: de l'Indochine au Vietnam*, Gallimard, Paris, p.73.

(2) Do không tìm được văn bản gốc nên Nghiên cứu sinh dẫn lại theo Song Thành (2018), *Hồ Chí Minh - Nhà yêu nước vĩ đại*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.346.

(3) Tuy chưa hoàn toàn xác thực, nhưng *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ* được giới nghiên cứu coi là một tác phẩm của Hồ Chí Minh và hiện được in trong *Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ 3*.

(4) Sau khi Lênin mất cho đến Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII (1935), Quốc tế Cộng sản đã có những biểu hiện tả khuynh nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, đánh giá sai về nhiệm vụ của cách mạng ở thuộc địa, nhận định chủ quan về lực lượng cách mạng ở các nước thuộc địa, đánh giá chưa đúng vai trò và tính cách mạng của các giai cấp. Họ không chú trọng việc lập Mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp các giai cấp, tầng lớp trong xã hội để chống chủ nghĩa đế quốc. Quốc tế Cộng sản tập hợp, hướng lực lượng cách mạng vào cuộc đấu tranh “giai cấp chống giai cấp”, chống giai cấp tư sản, chống lực lượng và trào lưu xã hội dân chủ, chống cả các thế lực tôn giáo; gom chung các nhiệm vụ chống chủ nghĩa đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ.

Ngày 1-9-1928, Báo cáo tại Đại hội VI Quốc tế Cộng sản *Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa* đã đưa ra quan điểm đánh giá về thái độ chính trị của các giai cấp một cách không đúng. Báo cáo này cho rằng:

(i) Giai cấp tư sản dân tộc một mặt có liên hệ với bọn đại địa chủ, mặt khác lại liên hệ với tư bản nước ngoài nên giai cấp tư sản dân tộc thuộc về phe phản cách mạng;

(ii) Giai cấp địa chủ, dù bất kỳ loại nào, nghĩa là từ đại địa chủ cho đến tiểu địa chủ, đều phải đánh đổ vì điều này phục tùng quan điểm xoá bỏ các quan hệ tiền tư bản;

(iii) Lực lượng trí thức và tiểu tư sản không phải là lực lượng liên minh với giai cấp vô sản vì họ là đại biểu kiên quyết nhất không những cho lợi ích riêng của giai cấp tiểu tư sản mà cả cho lợi ích của giai cấp tư sản, chỉ có một số ít thoát ly

khỏi giai cấp họ, nhận thức được nhiệm vụ đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và trở thành những người bảo vệ tích cực lợi ích giai cấp vô sản.

Từ đó, Đại hội đưa ra khẳng định rằng: “Không giải phóng quần chúng lao động khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản và chủ nghĩa dân tộc cải lương, thì không thể đạt được mục tiêu chiến lược cơ bản của phong trào cộng sản trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản: Vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản”.

Đầu năm 1930, Hồ Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Với chủ trương thành lập đảng cách mạng trong từng quốc gia dân tộc ở Đông Dương, Hội nghị hợp nhất đã thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc làm này bị Hồng Thái Công phê phán: “Nội cái tên ấy cũng đủ chứng minh rằng: ở các đại biểu còn rơi rớt những tàn dư của chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi” do không đúng với đường hướng của Quốc tế Cộng sản là chỉ thành lập ở Đông Dương một Đảng Cộng sản duy nhất. Đồng chí Hà Huy Tập nhận xét: “đồng chí Nguyễn Ái Quốc và các đại biểu Hội nghị hợp nhất còn mang nặng những tàn tích của chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa sô vanh. Những danh từ mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc dùng trong lá truyền đơn của mình: “đồng bào..., cách mạng Việt Nam..., nếu chúng ta cứ bỏ mặc cho tất cả giống nòi Việt Nam bị quét sạch, v.v.” chứng tỏ rằng khuynh hướng sai lầm đó đã tồn tại và không thể biện bạch nổi”.

Hội nghị lần thứ nhất của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Trần Phú chủ trì (10/1930) đánh giá *Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt* do Hội nghị hợp nhất thông qua đã phạm sai lầm chính trị rất “nguy hiểm”, vì “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu”. Ban chấp hành Trung ương quyết định “Thủ tiêu chánh cương sách lược và Điều lệ cũ của Đảng, lấy kinh nghiệm trong thời kỳ vừa qua mà thực hành công việc cho đúng như án nghị quyết và Thư chỉ thị của Q.T.C.S”. Chiến lược đấu tranh dân tộc bị bác bỏ, và thay vào đó là một chiến lược đấu tranh giai cấp, thể hiện trong *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* do Trần Phú khởi thảo.

Như vậy, việc đề cao nhiệm vụ dân tộc cũng như đường lối giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh vẫn chưa được sự đồng thuận của hàng ngũ những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như Quốc tế Cộng sản suốt những năm 1930 - 1935, biểu hiện rõ trong *Thư của Ban Chỉ huy ở ngoài* (của Đảng Cộng sản Đông Dương) gửi Quốc tế Cộng sản có đoạn viết: “Ở Xiêm và Đông Dương, các tổ chức cộng sản đã tiến hành một cuộc tranh đấu công khai chống lại những tàn dư của tư

tướng dân tộc cách mạng pha trộn với chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa duy tâm của đảng của các đồng chí Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, những tàn dư ấy rất mạnh và tạo thành một chướng ngại nghiêm trọng cho sự phát triển chủ nghĩa cộng sản. Cuộc tranh đấu không nhân nhượng chống những học thuyết cơ hội này của đồng chí Quốc và của Đảng Thanh niên là rất cần thiết. Hai Đảng Cộng sản Xiêm và Đông Dương đã viết một quyền sách chống những khuynh hướng này”.

Cùng với sự trái ngược về mặt quan điểm, sự ngờ vực về lý do “dễ dàng ra khỏi nhà tù và thoát khỏi tay cảnh sát Pháp”, Người lâm vào tình cảnh “đau khổ” vì không hiểu tại sao “không được tham gia vào việc này hay việc khác của công tác bí mật”, thay vào đó Người được cử đi học, thậm chí còn bị yêu cầu: “Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin viết một cuốn sách để tự phê bình những khuyết điểm đã qua”.

Người cũng đã viết về tình trạng không hoạt động của mình trong bức thư gửi một đồng chí trong Quốc tế Cộng sản: “Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ bảy việc tôi bị bắt giữ ở Hồng Công. Đó cũng là ngày mở đầu năm thứ tám tình trạng không hoạt động của tôi. Nhân dịp này, tôi viết thư gửi đồng chí để xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này.

Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó. Hoặc giữ tôi ở lại đây. Hãy giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị với đồng chí là đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng”.

(5) Nghiên cứu sinh đã làm rõ nội dung này trong phần tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.M. Ru-mi-an-txép (1986), *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học*, Nxb Tiên Bộ, Matxcova.
2. Hoàng Anh (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về triết lý phát triển*, đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
3. Phạm Ngọc Anh, Bùi Đình Phong (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
4. Anatol Lieven (2017), “The new nationalism”, *National Interest*, no. 150 (July/August 2017), 21-29.
5. Anthony D. Smith (1979), *Nationalism in 20 century*, New York University Press, New York
6. Anthony D. Smith (1983), *Theories of Nationalism*, Duckworth, London.
7. Anthony D. Smith (1986): *The Ethnic Origins of Nations*, Basil Blackwell, Oxford
8. Anthony D. Smith (1991), *National Identity*, University of Nevada Press, Nevada
9. Anthony D. Smith (2010), *Nationalism, Theory, Ideology, History*, Polity Press, Cambridge
10. Anthony Giddens (1994), *Beyond Left and Right: The Future of Radical Politics*, Cambridge: Polity Press.
11. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ chính trị (2015), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
12. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1977), *Văn kiện Đảng (1930-1945)*, Hà Nội, tập 3.
13. Lương Gia Ban - Hoàng Trang (2014), *Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh với việc xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Nguyễn Khánh Bật (2010), *Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Benedict Anderson (Nguyễn Thu Giang, Vũ Đức Liêm, Phạm Văn Thủy, Nguyễn Thanh Tùng dịch) (2019), *Những cộng đồng tưởng tượng: Suy nghĩ về nguồn gốc và sự lan truyền của chủ nghĩa dân tộc*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
16. Bernard Crick (1992), *In Defence of Politics*, Weidenfeld & Nicolson, London.
17. Boyd C. Shafer (1955), *Nationalism: Myth and Reality*, Harcourt Brace and Company, New Yorks.
18. Carlton JH Hayes (1926), *Essays on Nationalism*, The Macmillan Company, New York.
19. Campe, Ch. (2008), *Globalization and its effects on Nationalism*.
20. Phan Bội Châu (2001), *Toàn tập*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, tập 1.
21. Phan Bội Châu (2001), *Toàn tập*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, tập 2.
22. Phan Bội Châu (2001), *Toàn tập*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, tập 3.
23. Phan Bội Châu (2001), *Toàn tập*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, tập 4.
24. Phan Bội Châu (2001), *Toàn tập*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, tập 5.
25. Phan Bội Châu (2001), *Toàn tập*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, tập 6.
26. Phạm Huy Châu (2008), Về khái niệm dân tộc và chủ nghĩa dân tộc, *Tạp chí Triết học*, số 8, 49-53.
27. Lê Thị Chiên (2022), Phản bác luận điệu “thực chất Hồ Chí Minh là người dân tộc chủ nghĩa”, *Tạp chí Tuyên giáo*, Số 5, 24-28.
28. Trường Chinh (1976), *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tập 1.
29. Doãn Thị Chín (2019), *Giáo trình lịch sử tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội
30. Craig A. Lockard (1994), Meeting Yesterday Head-on: The Vietnam War in Vietnamese, American, and World History, *Journal of World History*, Vol. 5, No. 2, pp. 227-270
31. Daniel Hémery (1990), *Ho Chi Minh: de l'Indochine au Vietnam*, Gallimard, Paris.
32. David Brown (2006), *Contending Nationalisms in Southeast Asia*, Asia Research Centre, Murdoch University, Working Paper.

33. David Halberstam (2007), *Ho*, Rowman & Publishers Littlefield, Washington.
34. Don H. Doyle and Marco Antonio Pamplona (2006), *Nationalism in the New World*, the University of Georgia Press, London.
35. Lê Duẩn (2008), *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
36. Nguyễn Thị Thanh Dung (2014), *Tư duy chính trị Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sỹ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
37. Dương Quốc Dũng (2011), *Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là chủ nghĩa dân tộc vô sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/12006/chu-nghia-dan-toc-trong-tu-tuong-ho-chi-minh-thuc-chat-la-chu-nghia-dan-toc-vo-san.aspx>
38. Thành Duy (2008). Toàn cầu hóa, chủ nghĩa dân tộc và tiến trình phát triển văn hóa ở Việt Nam, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba - Tiểu ban Giao lưu văn hóa*, Hà Nội.
39. Nguyễn Văn Dương (1995) (biên soạn), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 7.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 8.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 9.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 21.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới Phần II (Đại hội X, XI, XII)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 1.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 2.

48. Trần Bạch Đằng (1993), Tư tưởng Hồ Chí Minh - sinh khí của một học thuyết, in trong quyển *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Phạm Văn Đồng (1980), *Một số vấn đề về Nhà nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
50. Phạm Văn Đồng (2020), *Hồ Chí Minh Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia.
51. E. Cô-bê-lép (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
52. Edward Miller (2024) (Minh Thu, Trọng Minh, Kim Thoa, Nguyễn Long biên dịch và hiệu đính), *Liên minh sai lầm - Ngô Đình Diệm, Mỹ và số phận Nam Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Eric Hobsbawm (1983), *Introduction: 'Inventing Traditions' in Hobsbawm and Ranger: The Invention of Tradition*, Cambridge University Press.
54. Eric Hobsbawm, Terence Ranger (1983), *The Invention of Tradition*, Cambridge University Press.
55. Ernst B. Haas (1997), *Nationalism, Liberalism, and Progress: The Rise and Decline of Nationalism*, Cornell University Press, New York.
56. Ernest Gellner (1964), *Thought and Change*, Weidenfeld and Nicolson, London.
57. Ernest Gellner (1983), *Nations and Nationalism*, Blackwell Publishing Ltd., New Jersey.
58. Eugene John Johnston (1973), *Evolution of Vietnamese nationalism*, Montana University.
59. Fitz Gerald (1972), *Fire in the Lake: The Vietnamese and the Americans in Vietnam*, Vintage Books, New York.
60. Francis Fukuyama (2020), *Bản sắc - Nhu cầu phẩm giá và chính trị phần nộ*, Omega và Nxb. Đà Nẵng.
61. Furuta Motoo (1997), *Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Võ Nguyên Giáp (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
63. Trần Văn Giàu (1973), Chủ nghĩa dân tộc cách mạng ở Việt Nam và sự chuyển biến của nó trong giai cấp lịch sử giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 151 (Tháng 4), 08-27.

64. Trần Văn Giàu (1998) Hệ tư tưởng yêu nước Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*, số 16 (8-1998).
65. Trần Văn Giàu (1999), *Tuyển tập*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
66. Trần Văn Giàu (2020), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng Tháng Tám (Tập II: Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử)*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
67. Trần Văn Giàu (2020), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám (Tập III: Thành công của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
68. Glyn Richards (1991), *The philosophy of Gandhi - A study of his basic ideas*, Curzon Press, UK.
69. Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Thị Hồng Dung (2022), *Hồ Chí Minh hành trình vì độc lập dân tộc (1911-1945)*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
70. Nguyễn Hồng Hải, Hà Sơn Thái (2020), *Hồ Chí Minh: người theo chủ nghĩa dân tộc hay chiến sĩ cộng sản?*, *Tạp chí quân đội nhân dân*,
<https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/ho-chi-minh-nguoi-theo-chu-nghia-dan-toc-hay-chien-si-cong-san-618149>
71. Hans Kohn (1944), *The Idea of Nationalism. A Study in Its Origins and Background*, Macmillan Company, New York.
72. Lê Mậu Hãn (2017), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Harold Dwight Lasswell (1950), *Politics; who gets what, when, how*, New York, London, Whittlesey house, McGraw-Hill book company, inc.
74. Lê Thị Hằng (2019), *Tư tưởng lập hiến Hồ Chí Minh: Nội dung và giá trị*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
75. Lê Thị Hằng (Sưu tầm, tuyển chọn) (2021), *Phát huy sức mạnh tinh thần yêu nước Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Tài chính.
76. Nguyễn Hùng Hậu (2008), *Từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội

78. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Nxb. Chính trị - hành chính.
79. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 1.
80. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 2.
81. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 3.
82. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 4.
83. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 5.
84. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 6.
85. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 7.
86. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 8.
87. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 9.
88. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 10.

89. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Chính trị học (Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
90. Vũ Đình Hòe (2001), *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa thông tin, Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
91. Vũ Đình Hòe (2005), *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
92. *Hồ sơ lưu trữ số 01 - Văn phòng Quốc hội*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội.
93. *Hồ sơ lưu trữ số 04 - Phòng Văn phòng Quốc hội*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III - Hà Nội.
94. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, Tập 1.
95. Huntington, Samuel (2005), *Who are we? - The Challenges to America's National Identity*, Simon & Schuster.
96. Nguyễn Thị Thu Huyền - Trần Chí Trung (2022), “Một số vấn đề về mối quan hệ giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, Ngày 21/06/2022
https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi//2018/825495/view_content
97. Nguyễn Thị Thu Huyền (2023), *Biểu hiện mới của chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh hiện nay và những gợi ý của Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
98. Chu Trọng Huyền (2008), *Kể chuyện về gia thế Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế
99. Trần Đình Huynh (2010), “Nhân Quốc khánh 2 -9 nghĩ về chủ nghĩa dân tộc chân chính của Việt Nam”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, số tháng 9.
100. Nguyễn Tấn Hưng (2008), “Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Triết học*, số tháng 9 - 2008, 79 - 83.
101. Bùi Việt Hương, Tống Đức Thảo (2022), Chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 4 (185) năm 2022, 89-91.
102. Tô Hữu (1990), *Theo chân Bác*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

103. Institute for Economics and Peace (IEP) (2022), Global Peace Index 2022: *Measuring peace in a complex world*, <https://www.visionofhumanity.org/wp-content/uploads/2022/06/GPI-2022-web.pdf>
104. Institute of Asian and African Studies Lomonosov Moscow State University, Faculty of Political Science Vnu-University of Social sciences and Humanities (2020), *Ho Chi Minh's Heritage in Vietnam and Abroad*, Moscow University Press, Moscow.
105. Jawaharlal Nehru (1997), *Phát hiện Ấn Độ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tập 2.
106. Jean Jacques Rousseau (2006), *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
107. Jean Sainteny (1972), *Ho Chi Minh and his Vietnam: a personal memoir*, Cowles Book company, Chicago.
108. Jerry Z. Muller (2008), Us and Them The Enduring Power of Ethnic Nationalism, *Foreign Affairs*, Vol. 87, No. 2 (Mar. - Apr., 2008), pp. 18-35 <https://www.jstor.org/stable/20032578>
109. Joginder Singh Saklani (2009), Marxist perspective on nationalism and the nationality question A Theoretical Debate, *The Indian Journal of Political Science*, Vol. 70, No. 3, pp. 719-725, <https://www.jstor.org/stable/42742754>
110. John Breuilly (1993), *Nationalism and the State*, Manchester University Press, Manchester.
111. John Stuart Mill (Nguyễn Văn Trọng, Bùi Văn Nam Sơn dịch, giới thiệu và chú thích) (2018), *Chính thể đại diện*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
112. John T. Rourke (2008), *International Politics on the World Stage*, McGraw-Hill, New York
113. Joseph Buttinger (1958), *The smaller Dragon: A Political History of Vietnam* Buttinger, New York: Praeger Publishers.
114. Joshua A. Fishman (1972), Language maintenance and language shift as a field of inquiry: Revisited. In A. S. Dil (Ed.), *Language in sociocultural change: Essays by Joshua A. Fishman* (pp. 76-134), Stanford University Press.
115. Karpinsky (1952), *The social and state structure of the USSR*, Foreign languages public house, Moscow.

116. Huynh Kim Khanh (1982), *Vietnamese Communism: 1925 - 1945*, Cornell University.
117. Lại Quốc Khánh (2005), “Hồ Chí Minh với Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin”, *Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội & Nhân văn*, tập XXI, Số 1.
118. Lại Quốc Khánh (2005), “Giá trị biện chứng duy vật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tính tất yếu diệt vong của chế độ thực dân ở Việt Nam”, *Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội & Nhân văn*, tập XXI, Số 4.
119. Lại Quốc Khánh (2009), *Biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. CTQG, Hà Nội.
120. Lại Quốc Khánh, Phan Duy Anh (2016), “Quan điểm triết học chính trị của lãnh tụ Ma-hát-ma Găng-đi và Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/ngghien-cu/-/2018/38597/quan-diem-triet-hoc-chinh-tri-cua-lanh-tu-ma-hat-ma-gang-di-va-chu-tich-ho-chi-minh.aspx>
121. Lại Quốc Khánh, Phan Duy Anh (2016), “Nghiên cứu triết lý chính trị Hồ Chí Minh: cấu trúc, đặc điểm và giá trị”, *Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn*, tập 2, số 1, 1-11.
122. Lại Quốc Khánh (2017), “Góp phần nghiên cứu triết lý chính trị Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 1, 87-91.
123. Lại Quốc Khánh, Ngô Thị Huyền Trang (2023), “The Concept of Nationalism and its Development in Vietnam”, *Journal of Law and Sustainable Development*, volume 11, No.5
124. Lại Quốc Khánh, Ngô Thị Huyền Trang (2023), “Discussion on the Manifestations and Propensity of Excessive Nationalism in Vietnam”, *Kurdish Studies*; Volume: 11, No. 2.
125. Lại Quốc Khánh (2024), *Triết lý chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
126. Lại Quốc Khánh (2024), “Phẩm giá con người và tự do dân tộc nhìn từ tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Triết học*, số 4 (388), 3-12.
127. Vũ Như Khôi (2015), *Hồ Chí Minh - Người dẫn dắt dân tộc Việt Nam từ đêm trường nô lệ đến mùa thu độc lập năm 1945*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

128. Song phil Kyung (2020) (Bùi Đình Thắng dịch), *Tại sao là Hồ Chí Minh?*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
129. Lê Thị Lan (2009), “Nho giáo và chủ nghĩa dân tộc Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa”, *Tạp chí Triết học*, số 12 (223) (tháng 12), 19-26.
130. T. Lan (2015), *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
131. Nguyễn Tùng Lâm (2018), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.
132. Tô Lâm (2024), Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, Ngày 1/11/2024, Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - Media story - Tạp chí Cộng sản
133. Phan Huy Lê (2012), *Vấn đề hình thành dân tộc và chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam* (tọa đàm: Vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20) <https://tunguyenhoc.wordpress.com/2012/12/07/van-de-hinh-thanh-dan-toc-va-chu-nghia-dan-toc-o-viet-nam-phan-huy-le/>
134. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 4.
135. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 6.
136. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 23.
137. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 26.
138. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 30
139. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 41.
140. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 44.
141. Liah Greenfeld (2006), *Nationalism and the Mind: Essays on Modern Culture*, Oneworld, Oxford.
142. Liah GreenFeld (2016), *Advanced Introduction to Nationalism*, Edward Elgar Publishing Limited, Cheltenham, UK.
143. Lieven, Anatol, “The New Nationalism”, *The National Interest*, no. 150, 2017, pp. 21-29. JSTOR, <https://www.jstor.org/stable/26557401>.

144. Phan Ngọc Liên, Nghiêm Văn Thái (1993), *Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Nxb. Viện thông tin khoa học chính trị, Hà Nội.
145. Lương Thùy Liên (2009), *Nguyên tắc thống nhất dân tộc, giai cấp, nhân loại trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sỹ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
146. Nguyễn Văn Long (2012), *Giáo trình Chính trị học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
147. Thái Văn Long (2021), “Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ đối ngoại - Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, Ngày 19/08/2021.
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/823927/quan-diem-cua-chu-tich-ho-chi-minh-ve-loi-ich-quoc-gia---dan-toc-trong-quan-he-doi-ngoai---nhung-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam-hien-nay.aspx>
148. Louis Leo Snyder (1976), *Varieties of Nationalism: A Comparative Study*, Holt, Rinehart and Winston, New York
149. Louis Wirth (1936), Types of nationalism, *American Journal of Sociology*, Vol. 41, No. 6 (May, 1936)
150. C. Mác Và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1.
151. C. Mác Và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 4.
152. C. Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 7.
153. C. Mác Và Ph.Ăng-Ghen (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 22.
154. C. Mác Và Ph.Ăng-Ghen (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 32.
155. Mahatma Gandhi, *Young India*, Volume 13, 12/2/1931, <https://archive.org/details/HindSwaraj.YoungIndia.Portal.vol13/page/n463/mode/2up>
156. Mahatma Gandhi (1927), *Young India 1224- 1926*, Triplicane, Madras.

157. Mahatma Gandhi, *Young India*, Volume 3, 13/10/1921
158. Mahatma Gandhi (1927), *Young India 1224- 1926*, Triplicane, Madras.
159. Mahatma Gandhi, *Young India*, Volume 11, 4/4/1929, <https://archive.org/details/HindSwaraj.YoungIndia.Portal.vol11/page/n31/mode/2up>
160. Mark Suzman (1999), *Ethnic Nationalism and State Power, The Rise of Irish Nationalism, Afrikaner Nationalism and Zionism*, Macmillan Press, Great Britain.
161. Marr, David G. (1981), *Vietnamese Tradition on Trial 1920 - 1945*, University of California Press.
162. Michael Hechter (2001), *Containing Nationalism*, Oxford University Press, Oxford.
163. Milton Osborne (1980), “Makers of the Twentieth Century: Ho Chi Minh”, *History Today*, Volume 30, Issue 11/11/1980, <https://www.historytoday.com/archive/makers-twentieth-century-ho-chi-minh>
164. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 1.
165. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 2.
166. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 3.
167. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 4.
168. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 5.
169. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 6.
170. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 7.
171. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 8.
172. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 9.
173. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 10.
174. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 11.
175. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 12.
176. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 13.
177. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 14.
178. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 15.
179. Phạm Quang Minh (2010), Chính trị, khoa học chính trị và đào tạo khoa học chính trị ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học xã hội và nhân văn*, tập 26, số 1, 24-30.

180. Mitsuhiro Tada (2018) Language, ethnicity, and the nation-state: on Max Weber's conception of "imagined linguistic community". *Theor Soc* 47, 437-466. <https://doi.org/10.1007/s11186-018-9321-y>
181. Mollis L. Snyder (1968), *The Meaning of Nationalism*, Greenwood Press, New York.
182. Nguyễn Thế Nghĩa (2018), *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
183. Dương Xuân Ngọc (2001), *Lịch sử tư tưởng chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
184. Hoàng Trần Như Ngọc (2019), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ quyền quốc gia và quyền con người*, Luận án Tiến sĩ triết học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội.
185. Hữu Ngọc (2006), *Phác thảo chân dung văn hóa Pháp*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
186. Huỳnh H. Ngọc (2016), The Time-Honored Friendship: A History of Vietnamese-Algerian Relations (1946-2015), *CUREJ: College Undergraduate Research Electronic Journal*, University of Pennsylvania, <https://repository.upenn.edu/curej/214>
187. Nguyễn Đức Ngọc (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
188. Nguyễn Văn Nguyên (2017), *Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
189. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2010), *Hồ Chí Minh một người châu Á của mọi thời đại*, Hà Nội.
190. Nhà xuất bản Giáo dục (2001), *Kể chuyện Bác Hồ*, Hà Nội, tập 2.
191. Nhà xuất bản Lao động - Nhà xuất bản. Quân đội nhân dân (1993), *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, Hà Nội.
192. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội (2014), *Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 1946 - 1959 - 1980 - 1992 - 2013)*, Hà Nội.

193. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân (1976), *Sức mạnh Việt Nam*, Hà Nội
194. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân (1971), *Chiến thắng Điện Biên Phủ*, Hà Nội, tập 2.
195. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân (2005), *Truyền thống Hải quân nhân dân Việt Nam (1955 - 2005)*, Hà Nội.
196. Nhà xuất bản Sự thật (1976), *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Hà Nội.
197. Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin (2014), *Những cống hiến vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân tộc, đất nước và cách mạng Việt Nam*, Hà Nội.
198. Trần Nhâm (2011), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
199. Trịnh Nhu (1996), Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước KX-02, Tổng quan kết quả nghiên cứu đề tài KX. 02-12, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc*, Hà Nội.
200. Nguyễn Dy Niên (2008), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
201. Perlo-Freeman, Samuel (2020), *Rethinking Unconstrained Military Spending*, United Nations Office for Disarmament Affairs, UNODA Occasional Papers, No. 35, April.
202. Lê Khả Phiêu (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường Đảng ta và nhân dân ta tiến vào thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
203. Philippe Devillers (2003) (Hoàng Hữu Đản dịch), *Paris - Sai Gon - Ha Noi - Tài liệu lưu trữ về cuộc chiến tranh 1944 - 1947*, Nxb. Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh.
204. Philippe C. Schmitter (2020), *Politics as a science*, Routledge.
205. Bùi Đình Phong (2004), *Giải phóng dân tộc và đổi mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
206. Bùi Đình Phong (2008), *Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2008, Học viện chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
207. Bùi Đình Phong (2014), *Bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội
208. Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh - Sáng tạo và đổi mới*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

209. Nguyễn Thị Lan Phương (2017) *Hồ Chí Minh với việc xây dựng thể chế chính trị Việt Nam Dân chủ cộng hòa*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
210. Lý Việt Quang (2019), “Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam là khai hóa văn minh” - một luận điệu xuyên tạc, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân online* <http://tapchiquptd.vn/Sites/print.aspx?newid=13773>
211. Ravindra Kumar, “Gandhi: The Mahatma”, <https://www.gandhiashramsevagaram.org/gandhi-articles/gandhi-the-mahatma.php>
212. Phan Văn Rân và Ngô Chí Nguyên (2018), “Chủ nghĩa dân tộc và những sắc thái của nó trong thế giới ngày nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 12, 13-18.
213. Rogow (1966), [Review of *A Framework for Political Analysis*.; *A Systems Analysis of Political Life*., by D. Easton]. *Midwest Journal of Political Science*, 10 (1), 142-146.
214. Ronald Duncan (2005), *Gandhi: Selected Writings*, Dover Publications, New York.
215. Zhang Sannan, Xie Liping (2009), Lun minzu zhuyi yu diguo moshi de zhongjie, *Dangdai shijie shehuizhuyi wenti*, vol 3, 102 - 111.
216. Tôn Trung Sơn (1979), Tổ Đông Phương học, Ủy ban Khoa học Xã hội (dịch), *Chủ nghĩa Tam dân 1924*, Thư viện Quân đội sao lưu.
217. Tôn Trung Sơn (Nguyễn Như Diêm, Nguyễn Tu Tri dịch; Nguyễn Văn Hồng hiệu đính) (1995), *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện thông tin khoa học xã hội, Hà Nội.
218. Singô Sibata (1992), *Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng*, trong quyển “*Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*” Trường Đại học sư phạm Hà Nội và Viện Thông tin khoa học xã hội xuất bản, Hà Nội.
219. Springer's World History, *Nationalism & Imperialism* <http://springerhistory.weebly.com/unit-6-nationalism-and-imperialism.html>
220. Stalin (1957), *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
221. Steven Grosby (2005), *Nationalism: A Very Short Introduction*, Oxford University Press, Oxford.

222. Trịnh Minh Thái (2009), Chủ nghĩa dân tộc và vấn đề quan hệ giữa các dân tộc trong thế giới hiện đại, *Tạp chí Triết học*, Số 8, 2009, 68-75.
<http://vpdf.org.vn/tin-tuc-su-kien/chinh-tri-xa-hoi/chu-nghia-dan-toc-va-van-de-quan-he-giua-cac-dan-toc-thoi-hien-dai.html>
223. Nguyễn Văn Thanh (2009), Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc và vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Nghệ thuật quân sự Việt Nam*, số 6 (118), 3-6.
224. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
225. Song Thành (2018), *Hồ Chí Minh - Nhà yêu nước vĩ đại*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
226. Ngô Thị Phương Thảo (2022), *Giải pháp chính trị của Hồ Chí Minh đối với vấn đề độc lập dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 1945 - 1946*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
227. Hùng Thắng, Nguyễn Thành (2005), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận giải phóng dân tộc*, Nxb. Công an nhân dân.
228. Mạch Quang Thắng (1995), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
229. Mạch Quang Thắng (2008), *Hồ Chí Minh - Con người của sự sống*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
230. Mạch Quang Thắng (2017), *Hồ Chí Minh đồng hành cùng dân tộc*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
231. Nguyễn Thế Thắng (1999), *Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
232. Chương Thâu (1963), Một số tài liệu về ảnh hưởng của Phan Bội Châu đối với một số tổ chức cách mạng Trung Quốc đầu thế kỷ XX (1905 - 1925), *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 56 (Tháng 11), 33-43.
233. Thomas H Eriksen (2010), *Ethnicity and Nationalism: Anthropological Perspectives*, Pluto Press.
234. Thomas Friedman (2005), *Chiếc Lexus và cây Oliu- Toàn cầu hóa là gì?*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
235. Nguyễn Đình Thuận (2002), *Sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc (1911-1945)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

236. Lê Văn Thuật (2022), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền độc lập, tự do của dân tộc*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
237. Nghiêm Thị Thanh Thúy (2023), Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trong chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, *Tạp chí cộng sản điện tử* ngày 22-08-2023,
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/828147/loi-ich-toi-cao-cua-quoc-gia---dan-toc-trong-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-qua-tac-pham-%E2%80%9Cmot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam%E2%80%9D-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong.aspx>
238. Trương Niệm Thức (1949), *Hồ Chí Minh truyện*, Nxb Tam Liên, Thượng Hải, bản dịch tiếng Việt của Đặng Nghiêm Vạn.
239. Trần Dân Tiên (2005), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
240. Vương Xuân Tình (2021), “Về sự trỗi dậy, tính hai mặt của chủ nghĩa dân tộc và những vấn đề đặt ra với Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 966, 77-81.
241. Vương Xuân Tình (2019), *Cộng đồng kiến tạo - tộc người với quốc gia - dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
242. Tổng cục Thống kê (1990), *Việt Nam - con số và sự kiện (1945-1989)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
243. Nguyễn Trãi (1969), *Toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
244. Nguyễn Đài Trang (2010), “*Hồ Chí Minh: Tâm và tài của một nhà yêu nước*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
245. Phạm Thu Trang (2017), “Chủ nghĩa dân tộc: Quan điểm và một số yếu tố tác động trong điều kiện hiện nay”, tạp chí *Thông tin khoa học xã hội*, số 10, 12-18.
246. Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập*, Nxb. Đà Nẵng, tập 1.
247. Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập*, Nxb. Đà Nẵng, tập 3.

248. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
249. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Ủy Ban quốc gia UNESCO của Việt Nam (1995), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
250. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện thông tin khoa học xã hội (2000), *Khu vực hóa và toàn cầu hóa - hai mặt của tiến trình hội nhập quốc tế*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội.
251. Trần Trọng Trung (2005), *Nhà trắng với cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
252. Trần Minh Trường (chủ biên) (2012), *Nguồn gốc - cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
253. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa Khoa học chính trị (2019), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy; Nhận dạng lý luận và những tác động chính trị*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
254. Trần Thị Minh Tuyết (2021), *Giá trị và sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
255. Ulrich Beck (2000), *What is globalization?*, Polity Press, Cambridge.
256. Nguyễn Văn Út (2006), *9 bản Tuyên ngôn nổi tiếng thế giới*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
257. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam (1990), *Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
258. Đặng Nghiêm Vạn (1983), “Có một dân tộc Việt Nam có một dân tộc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 215 (Tháng 2), 28-37.
259. Văn phòng Quốc hội (1994), *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946 - 1960)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
260. Viện Dân tộc học (2019), *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Kỷ yếu Hội nghị dân tộc học quốc gia năm 2018, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

261. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 2.
262. Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2004), *50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
263. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
264. Nhuận Vũ (1981), *Những bề tấc của Lầu Năm góc “sau Việt Nam”*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
265. Walker Connor (1994), *Ethnonationalism: The Quest for Understanding*. Princeton, NJ: Princeton University Press.
266. William J. Duiker, (1976) *The Rise of Nationalism in Vietnam, 1900 - 1941*, Ithaca and London: Cornell University Press
267. William J. Duiker (1981), *The Communist road to power in Vietnam*, Westview Press.
268. William J. Duiker (2001), *Ho Chi Minh - A life*, Hyperion Press.
269. Wimmer, Andreas and Yuval Feinstein (2010), “The Rise of the Nation-State across the World, 1816 to 2001”, *American Sociological Review*, Vol. 75
270. Woodrow Wilson (1918), *President Woodrow Wilson's Fourteen Points*
https://avalon.law.yale.edu/20th_century/wilson14.asp
271. World Economic Forum (2023), *Global Risks Report 2023*,
<https://www.weforum.org/reports/global-risks-report-2023/in-full/2-global-risks-2023-tomorrow-s-catastrophes>
272. Phạm Xanh (2002), *Hồ Chí Minh - dân tộc và thời đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
273. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
274. https://ajc.hcma.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=3353&IsTA=False#_ftnref1
275. <https://canhsatbien.vn/portal/chi-dao-huong-dan/mot-so-chu-truong-giai-phap-quan-ly-bao-ve-bien-dao-trong-tinh-hinh-moi#:~:text=Theo%20%C4%91%C3%B3%2C%20%E2%80%9C%20Tr%C>

3%A1nh%E2%80%9D,l%E1%BB%B1c%20%C4%91%E1%BB%91i%20v%E1%BB%9Bi%20n%C6%B0%E1%BB%9Bc%20kh%C3%A1c

276. <https://www.conseil-constitutionnel.fr/les-constitutions-dans-l-histoire/constitution-de-1946-ive-republique>
277. <https://daibieunhandan.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-to-lam-loi-ich-cua-quoc-gia-dan-toc-la-tren-het-va-luon-luon-phai-duoc-bao-ve-ton-trong-post383247.html>
278. <https://thepoliticsteacherorg.thepoliticsteacher.org/different-types-of-nationalism>
279. <https://noidung.quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=316>
280. <https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=51099>
281. https://world.kbs.co.kr/service/contents_view.htm?lang=v&menu_cate=history&id=&board_seq=59862&page=25&board_code=